

PGS.TSKH. Nguyễn Hải Kế (Chủ biên)

1000

CÂU HỎI ĐÁP VỀ

THĂNG LONG HÀ NỘI



Sách kỷ niệm
1000 năm
Thăng Long - Hà Nội

TẬP
2



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

1000

**CÂU HỎI - ĐÁP VỀ
THẶNG LONG - HÀ NỘI
(Tập 2)**

PGS.TSKH. NGUYỄN HẢI KẾ

- | | |
|------------------------|---|
| 1- Từ câu 1 đến 100 | - PGS.TSKH. NGUYỄN HẢI KẾ
PGS.TS. VŨ VĂN QUÂN soạn |
| 2- Từ câu 101 đến 350 | - PGS.TS. VŨ VĂN QUÂN soạn |
| 3- Từ câu 351 đến 480 | - PGS.TS NGUYỄN KHÁNH
PGS.TS. NGÔ ĐĂNG TRI |
| 4- Từ câu 481 đến 600 | - PGS.TS. NGUYỄN ĐÌNH LÊ
TS. TRƯƠNG THỊ TIẾN |
| 5- Từ câu 601 đến 1000 | - PGS.TSKH NGUYỄN HẢI KẾ
TS. LÂM MỸ DUNG |

PGS.TSKH NGUYỄN HẢI KẾ

(chủ biên)

1000

**CÂU HỎI - ĐÁP VỀ
THẮNG LONG - HÀ NỘI**

(Tập 2)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2009

LỜI TÁC GIẢ

Ehỉ còn ít ngày nữa thôi Thăng Long - Hà Nội yêu dấu của chúng ta tròn 1.000 tuổi. Hà Nội là một trong những Thủ đô có chiều sâu lịch sử - văn hóa, có chiều dày chiến công vào bậc nhất trong lịch sử thế giới. Sự kiện này có ý nghĩa trọng đại, không chỉ đối với nhân dân Thủ đô mà còn đối với đồng bào cả nước, bởi vì Thăng Long - Hà Nội là nơi “lăng hồn núi sông ngàn năm”. Kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội đã có nhiều hoạt động thiết thực được triển khai, trong đó việc phổ biến và nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về lịch sử và văn hóa Thủ đô có vị trí quan trọng đặc biệt.

Bộ sách *1.000 câu hỏi - đáp về Thăng Long - Hà Nội* được biên soạn là nhằm mục đích này.

Bộ sách *1.000 câu hỏi - đáp về Thăng Long - Hà Nội* được biên soạn trên tinh thần cơ bản sau:

- Đảm bảo tính toàn diện: đề cập tới tất cả các vấn đề, từ tự nhiên, hành chính, dân cư đến lịch sử, văn hoá, trong đó lịch sử - văn hoá là chủ yếu.

- Đảm bảo tính phổ cập: phục vụ nhu cầu tìm hiểu về ngàn năm Thăng Long - Hà Nội của tất cả các tầng lớp nhân dân Thủ đô và cả nước.

- Đảm bảo tính cơ bản và hệ thống, cố gắng phản ánh một cách khách quan, chính xác những nội dung chính yếu mà không đi sâu vào các nội dung chuyên môn sâu, hay những vấn đề quá nhỏ hẹp, không đáp ứng được yêu cầu của đông đảo bạn đọc.

Trên tinh thần ấy, chúng tôi hết sức chú trọng đến tính hấp dẫn thể hiện qua cách hỏi và cách trả lời giản dị, nhưng sinh động, hứng thú cho người đọc, nhất là các bạn đọc trẻ.

Bộ sách *1.000 câu hỏi - đáp về Thăng Long - Hà Nội* được chia làm 2 tập:

Tập 1: gồm 480 câu, từ câu hỏi 1 đến câu hỏi 600.

Tập 2: gồm 400 câu, từ câu hỏi 601 đến câu hỏi 1.000.

Việc chia ra từng lĩnh vực, trong nhiều trường hợp, chỉ mang ý nghĩa tương đối, để tiện việc trình bày và người đọc dễ theo dõi.

Việc sắp xếp thứ tự các câu hỏi - đáp của từng lĩnh vực được thực hiện trên cơ sở đảm bảo tính lịch sử - hệ thống. Tuy nhiên cũng có những nhân vật, địa danh, sự kiện do tầm ảnh hưởng rộng lớn đã được đặt ra và trả lời trong nhiều câu hỏi khác nhau nên không tránh khỏi sự trùng lặp nhất định.

Bộ sách *1.000 câu hỏi - đáp về Thăng Long - Hà Nội* được hoàn thành là kết quả của trí tuệ, công sức của một tập thể các tác giả thuộc Khoa Lịch sử Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, sự tham gia đóng góp ý kiến, sửa chữa, bổ sung thường xuyên, với tinh thần trách nhiệm cao của nhiều nhà khoa học trong và ngoài trường.

Xin được chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, động viên và sự cộng tác của các cơ quan hữu quan, các nhà quản lý và các nhà khoa học đã đóng góp cho nội dung cuốn sách và tạo điều kiện cho bộ sách được ra mắt bạn đọc.

Bộ sách *1.000 câu hỏi - đáp về Thăng Long - Hà Nội* là tổng hợp các kiến thức cơ bản về địa lý, lịch sử và văn hoá Hà Nội. Biên soạn cuốn sách này chúng tôi đã dựa nhiều vào thành tựu của các nhà nghiên cứu đi trước nhưng do yêu cầu khuôn khổ cuốn sách mà không thể trích dẫn giới thiệu một cách đầy đủ.

Cuối cùng, điều chúng tôi muốn nói là từ ý tưởng, tình cảm, khả năng đến hiện thực của các tác giả vẫn còn là những khoảng cách. Cuốn sách vì thế không tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi xin được lượng thứ và mong nhận được sự chỉ bảo của bạn đọc.

Bộ sách được biên soạn trước thời điểm mở rộng địa giới hành chính thủ đô Hà Nội ngày 1/8/2008 cho nên những vấn đề đặt ra đối với những quận, huyện mới chúng tôi chưa có điều kiện cập nhật. Mong bạn đọc thông cảm. Hạn chế này chúng tôi sẽ bổ sung trong lần tái bản sau.

Thay mặt các tác giả

Chủ biên

TSKH. NGUYỄN HẢI KẾ

TSKH. NGUYỄN HẢI KẾ

VIII. HÀ NỘI TU SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN NAY

Câu hỏi 481: Hà Nội xây dựng “Quỹ độc lập” như thế nào?

Trả lời: Sau Cách mạng tháng Tám thành công, nền kinh tế của đất nước gặp muôn vàn khó khăn. Một trong những khó khăn đó là tình hình tài chính kiệt quệ, ngân khố quốc gia hầu như trống rỗng.

Trước tình hình đó, ngày 4-9-1945, Chính phủ ra sắc lệnh về xây dựng *Quỹ độc lập* nhằm động viên nhân dân đóng góp của cải để xây dựng và bảo vệ chế độ dân chủ mới. Phong trào xây dựng *Quỹ độc lập* chính thức được phát động đầu tiên tại Hà Nội. Đồng đảo nhân dân Thủ đô đã hưởng ứng nhiệt liệt. Chỉ trong mấy tuần đầu tháng 9 năm 1945, nhân dân Thủ đô đã đóng góp được trên 50 vạn đồng.

Câu hỏi 482: Tuần lễ vàng ở Hà Nội bắt đầu từ ngày nào? Chủ tịch Hồ Chí Minh có đến dự không?

Trả lời: *Tuần lễ vàng* được tiến hành trong cả nước từ ngày 17-9-1945 nhằm động viên nhân dân

quyên góp vàng, tiền ủng hộ chính quyền cách mạng. *Tuần lễ vàng* ở Hà Nội khai mạc ngày 16-9-1945. Ban tổ chức *Tuần Lễ vàng* ở Hà Nội có mời Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự lễ khai mạc, song vì bận nên Người không đến được, nhưng Người có bức thư ngỏ cùng đồng bào cả nước. Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh đăng trên báo *Cứu quốc* ngày 17-9-1945, có đoạn: “Tôi tin rằng, toàn quốc đồng bào, nhất là các nhà giàu có, trong sự quyên giúp này, sẽ xứng đáng với sức hy sinh phấn đấu của các chiến sĩ ái quốc trên các mặt trận”.

Câu hỏi 483: Trong Tuần lễ vàng, nhân dân Hà Nội và nhân dân cả nước đã đóng góp được bao nhiêu tiền, vàng?

Trả lời: Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong *Tuần lễ vàng*, nhân dân Hà Nội đã tình nguyện đóng góp được 2.201 lạng vàng, 920 tạ thóc cùng tiền bạc và các hiện vật khác, tổng cộng trị giá trên 7 triệu đồng. Bà Vương Thị Lai ủng hộ hơn 100 lạng vàng, được Bác Hồ gửi thư khen.

Nhân dân cả nước đã góp được 370kg vàng, 40 triệu đồng cho Quỹ quốc phòng và 20 triệu đồng cho Quỹ độc lập.

Câu hỏi 484: Bức thư đầu tiên Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho nhân dân Hà Nội vào thời gian nào, cho đối tượng nào?

Trả lời: Báo *Cứu quốc*, số 48 ngày 21-9-1945 đã đăng *Thư gửi các vị phụ lão*, trong đó có đoạn viết:

“Hiện nay, nước ta mới tranh lại quyền độc lập tự do, nhưng còn phải qua nhiều bước khó khăn, để củng cố quyền tự do độc lập đó. Vậy nên quốc dân ta, bất kỳ già trẻ, đều phải ra sức gánh một vai.

Con cháu ta, thanh niên sức khỏe thì gánh việc nặng, chúng ta già cả, không làm được công việc nặng nề, thì khua gậy đi trước, để khuyến khích bọn thanh niên và san sẻ những kinh nghiệm của chúng ta cho họ. Chúng ta là bậc phụ lão, cần phải tinh thành đoàn kết trước để làm gương cho con cháu ta. Vậy tôi mong các vị phụ lão ở Hà thành ra xung phong tổ chức “Phụ lão cứu quốc hội” để cho các phụ lão cả nước bắt chước và để hùn sức giữ gìn nền độc lập của nước nhà”.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, phụ lão Hà Nội đã tích cực tổ chức *Hội phụ lão cứu quốc*, góp sức cho cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân non trẻ.

Câu hỏi 485: Đội quân Nam tiến xuất hiện ở Hà Nội vào thời điểm nào, nhằm mục đích gì? Đơn vị đầu tiên rời Hà Nội vào Nam chiến đấu vào ngày nào?

Trả lời: Được sự giúp đỡ trực tiếp của quân Anh, quân đội Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp nổ súng xâm lược ở Sài Gòn. Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn, quân dân Nam Bộ đã đứng lên chiến đấu mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Cả nước hướng về Sài Gòn - Chợ Lớn, sôi sục ý chí chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 24-9-1945, thanh niên Hà Nội đã tuần hành trên đường phố xin Chính phủ cho vào Nam diệt giặc. Ở Hà Nội, các tỉnh ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã tổ chức các đội quân Nam tiến, lập thành các chi đội Nam tiến. Đêm 26-9-1945, ba ngày sau khi Pháp gây hấn ở Sài Gòn, đoàn quân Nam tiến đầu tiên đã rời Thủ đô lên đường vào sát cánh cùng nhân dân Nam Bộ chiến đấu. Vi Dân - đơn vị Nam tiến của Hà Nội có mặt ngay trong đợt đầu tiên này. Từ đó trở đi, nhiều đơn vị Nam tiến khác tiếp tục hành quân vào chiến trường cùng quân và dân miền Nam chiến đấu bảo vệ quyền độc lập, tự do.

Câu hỏi 486: Đoàn quân Nam tiến xuất phát từ địa điểm nào ở Hà Nội?

Trả lời: Đoàn quân Nam tiến đầu tiên là Chi đội 1 gồm ba đại đội của Hà Nội, Bắc Cạn, Bắc Sơn, và một số cán bộ quân sự Trường Quân chính đã lên tàu rời ga Hàng Cỏ vào đêm 26-9-1945. Chi đội trưởng là Hoàng Thảo, chi đội phó là Nam Long. Đại đội của Hà Nội mang tên Vi Dân (lấy tên người chỉ huy), bao gồm hầu hết anh em tự vệ công nhân từng tham gia chiếm Phủ Khâm sai trong ngày 19-8-1945. Phong trào Nam tiến được quân và dân cả nước hưởng ứng nhiệt liệt.

Ga Hàng Cỏ là nơi xuất phát của các đoàn quân Nam tiến.

Câu hỏi 487: Đường Nam Bộ (nay là đường Lê Duẩn) - được đặt tên từ bao giờ? Vì sao?

Trả lời: Con đường dài 1.200m, nối từ đường Điện Biên Phủ đến đường Giải Phóng, trước đây có tên gọi là phố Hàng Lọng (nơi từng làm lọng và có nhiều cửa hàng bán lọng). Đến thời Pháp thuộc, đổi tên là đường Quan lộ (Route Mandarine) nhưng người dân Hà Nội vẫn quen gọi theo tên cũ - phố Hàng Lọng.

Sau ngày tiếp quản Thủ đô (1945), đoạn đường này lại được đổi tên thành đường Nam Bộ, nơi có ga Hàng Cỏ, điểm xuất phát của những đoàn tàu chở các đội quân Nam tiến vào Nam cùng đồng bào Nam Bộ tiến hành kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đặt tên đường Nam Bộ là sự thể hiện tấm lòng của nhân dân Thủ đô, nhân dân miền Bắc luôn hướng về miền Nam ruột thịt. Trên đường Nam Bộ có công viên Thống Nhất (nay là công viên Lenin), một địa danh chỉ ước nguyện thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam.

Năm 1990, đường Nam Bộ được đổi tên thành đường Lê Duẩn để ghi nhớ công lao của đồng chí Lê Duẩn đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Câu hỏi 488: Trong 3 tháng cuối năm 1945, những hoạt động ủng hộ đồng bào Nam Bộ kháng chiến của nhân dân Hà Nội đã diễn ra như thế nào?

Trả lời: Đáp lời kêu gọi của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Hà Nội đã có nhiều hoạt động thiết thực ủng hộ đồng bào Nam Bộ kháng chiến.

Ngay khi thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn, thanh niên Hà Nội đã xung phong gia nhập các đội quân Nam tiến, có mặt trong chuyến tàu đầu tiên chở đoàn quân Nam tiến vào Nam Bộ cùng nhân dân kháng chiến.

Ngày 17-10-1945 *Tuần lễ văn hóa cứu quốc ủng hộ đồng bào Nam Bộ* được tổ chức tại Hà Nội. Chỉ 3 ngày sau, phụ nữ Hà Nội đã quyên góp tặng nhân dân Nam Bộ 6.842m vải, 149kg len, 1.211 bộ quần áo, 34.252 đồng. Hàng vạn đồng bào, chiến sĩ tham gia nhiều cuộc mít tinh ở Hà Nội khẳng định “Nam Bộ là đất của Việt Nam”.

Đầu tháng 12-1945, Hà Nội lập *Phòng Nam Bộ*, tháng 1-1946, lập *Ủy ban ủng hộ kháng chiến Nam Bộ*. Phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến diễn ra sôi nổi và có tổ chức hơn. Các tầng lớp nhân dân trong tất cả các cơ quan, xí nghiệp, đường phố, làng xóm đều tích cực tham gia. Công nhân sản xuất và vận chuyển vũ khí, nhân dân quyên góp tiền, quần áo, chăn màn, lương thực, thuốc men..., động viên con em lên đường vào Nam chiến đấu.

Vào dịp Tết Bính Tuất (1946), Hà Nội còn tổ chức phiên chợ 10 ngày để động viên nhân dân tham gia đóng góp ủng hộ Nam Bộ kháng chiến.

Câu hỏi 489: Phiên chợ ủng hộ Nam Bộ kháng chiến của nhân dân Hà Nội đã diễn ra ở đâu, vào thời gian nào?

Trả lời: Một trong những hoạt động cụ thể của nhân dân Thủ đô ủng hộ nhân dân Nam Bộ kháng chiến

là tổ chức họp chợ để quyên góp tiền gửi các chiến sĩ tiền phương đang chiến đấu chống thực dân Pháp.

Vào dịp Tết Bính Tuất (1946), Hà Nội tổ chức *phiên chợ 10 ngày* để ủng hộ Nam Bộ kháng chiến. Chợ họp tại chùa Láng, nay thuộc phường Láng Thượng quận Đống Đa. Hầu hết bà con họp chợ đều đóng góp tiền ủng hộ đồng bào và chiến sĩ đang chiến đấu chống thực dân Pháp ở Nam Bộ.

Ngày 3-2-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm chợ. Người nói chuyện với nhân dân về ý nghĩa của cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ và hoan nghênh nhân dân Thủ đô đã có sáng kiến mở chợ nhằm quyên góp ủng hộ Nam Bộ kháng chiến. Người kêu gọi mọi người ra sức đoàn kết, thực hiện khẩu hiệu “tắc đất tắc vàng”, đẩy mạnh tăng gia sản xuất để chống đói và chi viện cho các chiến sĩ ở tiền phương.

Câu hỏi 490: Hiệp định sơ bộ (6-3-1946) được Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với đại diện Pháp tại đâu?

Trả lời: Cách mạng nước ta trong những năm 1945 - 1946 đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách. Giặc ngoài thù trong cấu kết với nhau hòng lật đổ chính quyền cách mạng trong khi chúng ta rất cần thời gian để xây dựng chế độ xã hội mới.

Thời gian đầu, Đảng ta chủ trương hòa với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ. Khi Pháp và Tưởng ký hiệp ước Trùng Khánh (28-2-1946), thỏa thuận cho Pháp

mang quân ra miền Bắc thay thế quân Tưởng thì Đảng ta chủ trương thực hiện sách lược “Hòa để tiến” - hòa với Pháp để đuổi quân Tưởng về nước.

Thực hiện sách lược “Hòa để tiến”, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Vũ Hồng Khanh thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã cùng Jean Sainteny, đại diện chính phủ Pháp ký bản Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp vào lúc 16 giờ ngày 6-3-1946 tại số nhà 38 phố Lý Thái Tổ (nay là Cung Văn hóa thiếu nhi Hà Nội).

Việc hòa hoãn với Pháp lúc này là một sách lược đúng đắn về sự nhân nhượng có nguyên tắc với kẻ thù để củng cố và chuẩn bị lực lượng chống thực dân Pháp, điều mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh biết là khó tránh khỏi.

Câu hỏi 491: “Tôi thà chết chứ không bao giờ bán nước”. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói câu này ở đâu, trong hoàn cảnh nào?

Trả lời: Theo Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp 6-3-1946, Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp. Nước Việt Nam có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng. Việc thống nhất ba kỳ sẽ được quyết định bằng trưng cầu dân ý. Việt Nam phải đồng ý cho Pháp được đưa 15.000 quân vào

miền Bắc thay thế quân đội Tưởng và Pháp cam kết sẽ rút quân khỏi miền Bắc trong vòng 5 năm.

Việc ký Hiệp định sơ bộ 6-3 với nội dung như trên làm cho quần chúng ít nhiều không tránh khỏi băn khoăn. Vì vậy, tại cuộc mít tinh tổ chức chiều ngày 7-3-1946 ở Quảng trường Nhà hát lớn, trước 20 vạn đồng bào Thủ đô, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích cho nhân dân chính sách mềm dẻo, nhân nhượng có nguyên tắc của Chính phủ. Người nói: tuy vậy, chúng ta phải cảnh giác. Người im lặng, rồi nói tiếp: “Tôi, Hồ Chí Minh, suốt cuộc đời đã cùng đồng bào chiến đấu cho độc lập của Tổ quốc. Tôi thà chết chứ không bao giờ bán nước”.

Nhân dân Thủ đô, nhân dân Nam Bộ và nhân dân cả nước vô cùng xúc động và càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu hỏi 492: Có bao nhiêu % tổng số cử tri Hà Nội đi bỏ phiếu trong ngày Tổng tuyển cử 6-1-1946? Ai là người trúng cử với số phiếu cao nhất?

Trả lời: Sau Cách mạng tháng Tám thành công, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng tốt cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tổng tuyển cử là một cuộc đấu tranh vô cùng

phức tạp vì những thế lực thù địch tập trung lực lượng phá hoại quyết liệt.

Trong bối cảnh lịch sử cực kỳ phức tạp đó, nhân dân Hà Nội cùng đồng bào cả nước vẫn đi bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên (6-1-1946) của nước Việt Nam mới.

91,95% cử tri của 74 khu phố nội thành và 118 làng ở ngoại thành Hà Nội đã đi bỏ phiếu. 6 trong số 74 ứng cử viên ở Hà Nội đã trúng cử đại biểu. Hồ Chí Minh đã đạt số phiếu cao nhất là 98,4% tổng số phiếu bầu. Việc các cử tri nô nức đi bỏ phiếu thể hiện ý thức chính trị của nhân dân Thủ đô trong việc bầu người đại diện cho mình vào cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đồng thời thể hiện sâu sắc lòng tin của cử tri đối với Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Câu hỏi 493: Tại sao lại gọi là vụ án Ôn Như Hầu?

Trả lời: Nhà số 7 phố Ôn Như Hầu (nay là phố Nguyễn Gia Thiều) là một trụ sở của bọn Quốc dân đảng chuyên chống phá cách mạng. Nơi đây chúng từng in truyền đơn, xúi giục bạo loạn, bắt cóc, giam cầm, thủ tiêu cán bộ, chuẩn bị gây bạo loạn chống Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 12-7-1946, lực lượng công an, tự vệ của ta khám xét nhiều trụ sở của chúng ở Hà Nội. Tại trụ sở ở số 7 phố Ôn Như Hầu, ta thu đầy đủ tang chứng về tội ác của bọn phản động. Ngày hôm sau, lực lượng

công an còn tiếp tục khám xét trụ sở của bọn phản động tại các sào huyệt thuộc phố Quán Thánh, phố Đỗ Hữu Vị (nay là Cửa Bắc)... bắt toàn bộ bọn phản động tay sai.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng, Quyền Chủ tịch nước đã đến tận nhà số 7 phố Ôn Như Hầu để xem xét. Ngày 16-7-1946, trong cuộc họp với các nhà báo Cụ Huỳnh tuyên bố: “Đoàn kết là cần... để xây dựng nền dân chủ cộng hòa... nhưng cũng vì quyền lợi của quốc gia, tôi phải đem ra trước pháp luật những kẻ làm điều phi pháp”.

Câu hỏi 494: Pháp gây vụ thảm sát đồng bào Hàng Bún như thế nào?

Trả lời: Chúng ta muốn hòa bình nên đã phải nhân nhượng, ký với Pháp Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946. Nhưng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết cướp nước ta lần nữa.

Sáng ngày 17-12-1946, máy bay Pháp thám thính Hà Nội. Sau đó chúng cho xe ủi phá công sự của ta ở phố Lò Đúc. Ở phố Hàng Bún, chúng cho lính xả súng bắn vào đồng bào ta, tàn sát đàn bà và trẻ em, làm hàng chục người chết và bị thương. Sau đó chúng cho lính đến phố Yên Ninh lùng sục, bắn chết thêm nhiều người.

4 giờ chiều cùng ngày, chúng dùng đại bác từ trong thành bắn ra phố Hàng Bún và phố Yên Ninh.

Ngày hôm sau Pháp gửi tối hậu thư cho ta đòi quyền kiểm soát Hà Nội.

Sự kiện địch gây thảm sát đồng bào ở Hàng Bún là một mắt xích trong kế hoạch xâm lược của Pháp.

Câu hỏi 495: Quân dân Thủ đô chính thức tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp bằng hiệu lệnh gì?

Trả lời: Trước những hành động khiêu khích trắng trợn của thực dân Pháp, quân và dân Thủ đô sẵn sàng trong tư thế chiến đấu. Mọi công tác chuẩn bị chiến đấu được tiến hành khẩn trương. Bộ Tổng chỉ huy quyết định nổ súng vào 20 giờ ngày 19-12-1946. Bộ chỉ huy mặt trận Hà Nội phổ biến mệnh lệnh tiến công cho các đơn vị và quy định hiệu lệnh nổ súng kháng chiến: Đền điện tắt, đại bác ở pháo đài Láng bắt đầu bắn vào doanh trại địch.

20 giờ 03 phút ngày 19-12-1946, công nhân Nhà máy điện Yên Phụ cho nổ tung máy phát điện. Điện trong toàn thành phố vụt tắt. Pháo của ta ở pháo đài Láng nã vào trại lính Pháp trong thành. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Hà Nội đã bắt đầu.

Câu hỏi 496: Những pháo đài nào đội lửa đầu tiên xuống quân xâm lược Pháp ở Hà Nội?

Trả lời: Sau Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sức chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng.

Một bộ phận đặc biệt gồm các chiến sĩ trong lực lượng vũ trang cách mạng Thủ đô được tuyển chọn vào pháo binh. Số pháo ta thu được của Nhật - Pháp nhanh chóng được tu sửa. Ngày 29-6-1946, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập ba trung đội pháo tại Láng, Xuân Canh, Xuân Tảo, 20 giờ 03 phút, điện Hà Nội tắt, Trung đội pháo binh non trẻ ở Láng bắn quả đạn đầu tiên vào quân Pháp ở trong thành và đại bác từ các trận địa còn lại đồng loạt trút lửa vào các vị trí địch trong thành phố.

Câu hỏi 497: Tháng 10-1945, cả nước có 12 chiến khu. Hà Nội là chiến khu số mấy? Tháng 12-1946, Hà Nội nhập với chiến khu nào? Tại sao?

Trả lời: Theo quyết định của chủ tịch nước, tháng 10-1945, cả nước được chia thành 12 chiến khu (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12). Hà Nội là chiến khu 11.

Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, để tăng cường sức chiến đấu cho Mặt trận Hà Nội, ngày 23-12-1946, Bộ Tổng chỉ huy quyết định sáp nhập chiến khu 11 vào chiến khu 2. Mặt trận Hà Nội trở thành tiền phương của chiến khu 2.

Câu hỏi 498: Trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, Hà Nội được chia thành 3 liên khu. Tên và vị trí của các liên khu đó?

Trả lời: Trong những ngày đầu kháng chiến, lực lượng vũ trang Hà Nội thực hiện nhiệm vụ giam chân địch trong thành phố một thời gian, tạo điều kiện cho

các địa phương khác chuẩn bị kháng chiến. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Hà Nội được chia thành 3 liên khu: Liên khu 1, Liên khu 2, Liên khu 3.

Liên khu 1 nằm ở trung tâm thành phố, gồm 7 khu hành chính: Hoàn Kiếm, Đông Kinh nghĩa thực, Đông Thành, Đồng Xuân, Trúc Bạch, Long Biên, Hồng Hà. Phía nam và tây nam, theo đường Tràng Tiền, Hàng Khay, Tràng Thi, Cột Cờ (nay là đường Điện Biên Phủ). Phía tây bắc từ đường Cổ Ngư (nay là đường Thanh Niên) tới Yên Phụ. Phía bắc và đông bắc, dọc sông Hồng từ Yên Phụ đến Nhà hát lớn.

Liên khu 2 là khu vực nam Hà Nội, phía bắc giáp Liên khu 1; phía đông, theo hữu ngạn sông Hồng đến Vĩnh Tuy; phía tây, dọc Hàng Lọng (nay là đường Lê Duẩn), Kẽm Liên; phía nam gồm các xã Hoàng Mai, Thanh Nhân.

Liên khu 3 ở tây nam thành phố, phía bắc giáp Liên khu 1, phía đông giáp Liên khu 2.

Trong ngày đầu kháng chiến, quân và dân ở cả 3 liên khu đã chiến đấu vô cùng dũng cảm, giam chân địch trong thành phố 60 ngày đêm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Câu hỏi 499: Trong 3 liên khu của Hà Nội những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, liên khu nào diễn ra những trận chiến đấu gay go, ác liệt nhất?

Trả lời: Xét về mặt quân sự, Liên khu 1 có địa hình thuận lợi để tiêu hao và tiêu diệt địch đồng thời

giữ gìn được lực lượng của ta. Trong khu vực này, nhà cửa san sát, đường đi lối lại chật hẹp, ngoắt ngoéo tạo thành một loại trận địa rất phức tạp, khiến quân địch không dám liều lĩnh tấn công nếu không có lực lượng lớn, còn ta thì có nhiều điều kiện phát huy yếu tố bí mật, bất ngờ. Bộ chỉ huy mặt trận Hà Nội tổ chức Liên khu 1 thành khu chiến đấu hạt nhân vừa tiêu diệt, tiêu hao địch vừa thu hút lực lượng của chúng tạo thế trong đánh ra, phối hợp với Liên khu 2 và Liên khu 3 hình thành thế trận trong đánh ngoài vây để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, giam chân chúng trong thành phố... Liên khu 1 trở thành địa bàn tập trung đông nhất lực lượng tự vệ của thành phố. Liên khu 1 cũng là địa bàn có nhiều vị trí đóng quân của Pháp. Khi chiến sự xảy ra, Pháp cũng muốn tập trung quân tấn công vào Liên khu 1 để tiêu diệt lực lượng chủ chốt của ta đồng thời chiếm những vị trí quan trọng nhất của Hà Nội như Bắc Bộ phủ. Do đó Liên khu 1 trở thành địa bàn diễn ra những trận chiến đấu gay go, ác liệt nhất. Tiêu biểu là trận chiến đấu ở Bắc Bộ phủ đêm 19-12-1946, trận chiến đấu ở nhà Xôva (trụ sở Công ty vận tải đường biển, đường sông Sauvages ở đường Trần Quang Khải) ngày 6-2-1947, đặc biệt là trận chiến đấu ở chợ Đồng Xuân ngày 14-2-1947, trận đánh lớn nhất ở Liên khu 1.

Trong những trận chiến đấu trên, ta và địch đã quyết chiến, giành giật từng góc phố, từng ngôi nhà. Quân và dân Thủ đô đã làm phá sản kế hoạch đánh

chiếm Hà Nội trong vòng 24 giờ của quân Pháp, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, mở đầu cho cuộc kháng chiến thần thánh của cả dân tộc.

Đây là một điển hình thành công của nghệ thuật đánh địch trên mặt trận đô thị ở nước ta, một tấm gương sáng về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, góp phần làm rạng rỡ truyền thống Thăng Long - Đông Đô.

Câu hỏi 500: Trung đoàn Thủ đô thành lập ngày nào, do ai chỉ huy?

Trả lời: Từ tháng 1-1947, cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra vô cùng quyết liệt. Tại Liên khu 1, lực lượng của ta gồm 2 đại đội Vệ quốc quân của tiểu đoàn 101, một trung đội tự vệ chiến đấu, một trung đội công an xung phong, một trung đội công an giao cảnh cùng hơn 2.000 nam nữ thanh niên tự vệ.

Để tăng cường sức chiến đấu cho Liên khu 1, các đơn vị đang chiến đấu trên địa bàn được tổ chức lại thành một đơn vị thống nhất. Ngày 6-1-1947, Trung đoàn Liên khu 1 ra đời. Biên chế Trung đoàn gồm 2.000 cán bộ chiến sĩ, với 3 tiểu đoàn: 101, 102 và 103. Phần lớn cán bộ chiến sĩ của Trung đoàn là thanh niên Hà Nội.

Ban chỉ huy gồm đồng chí Hoàng Siêu Hải (Trung đoàn trưởng), Lê Trung Toàn (Chính trị viên) và Hoàng Phương (Tham mưu trưởng).

Hội nghị quân sự toàn quốc họp ngày 12-1-1947 đã quyết định đặt tên cho trung đoàn Liên khu 1 là trung đoàn Thủ đô. Cán bộ chiến sĩ trong Trung đoàn đã chiến đấu vô cùng anh dũng, tô thắm thêm truyền thống Thủ đô anh hùng.

Câu hỏi 501: Lễ tuyên thệ “Sống chết với Thủ đô” của đội cảm tử thuộc Trung đoàn Thủ đô diễn ra ở đâu và lời thề như thế nào?

Trả lời: Ngày 6-1-1947, Trung đoàn Liên khu 1 - Trung đoàn Thủ đô chính thức được thành lập. Ngay sau đó, Ban tham mưu Trung đoàn đã nhanh chóng tổ chức huấn luyện bộ đội và mở lớp bồi dưỡng cán bộ. Đảng ủy Trung đoàn làm lễ kết nạp Đảng cho những cán bộ, chiến sĩ ưu tú.

Ngày 13-1-1947, Trung đoàn thành lập đội cảm tử. Ngày 14-1-1947, tại rạp Tố Như (nay là rạp Chuông Vàng, phố Hàng Bạc), đội cảm tử làm lễ tuyên thệ. Một đồng chí trong Ban chỉ huy Trung đoàn đã đọc lời thề: Thay mặt cho Ban chỉ huy Trung đoàn, giữa khói lửa chiến đấu, chúng ta làm lễ khai sinh cho đội quân quyết tử... Chúng ta thề sống chết với Thủ đô. Các chiến sĩ trong đội cảm tử đeo khăn quàng đỏ, tượng trưng cho tinh thần quyết chiến thắng và sẵn sàng hy sinh vì dân tộc, vì Tổ quốc đồng thanh tuyên thệ: “Sống chết với Thủ đô”.

Quyết tâm “Sống chết với Thủ đô”, “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” của các chiến sĩ cảm tử Thủ đô

sống mãi trong tâm khảm người Hà Nội và nhân dân cả nước.

Câu hỏi 502: Thư của chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Trung đoàn Thủ đô (27-1-1947), nhân dịp Tết cổ truyền dân tộc đã nói đến tinh thần cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh của các chiến sĩ Trung đoàn như thế nào?

Trả lời: Cuộc chiến đấu của quân và dân Liên khu 1, nơi Trung đoàn Thủ đô làm lực lượng trụ cột diễn ra ngày một ác liệt nhưng chiến sĩ, cán bộ của Trung đoàn không bao giờ bị lẻ loi. Đồng bào cả nước hướng về họ. Đặc biệt Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến Trung đoàn.

Ngày 27-1-1947, nhân dịp Tết cổ truyền của dân tộc, Người gửi thư cho cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô. Thư có đoạn:

“Cùng các chiến sĩ yêu quý Trung đoàn Thủ đô!

Các em là đội cảm tử. Các em cảm tử để cho Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại...

Các em hăng hái tiến lên, lòng Già Hồ, lòng Chính phủ và lòng toàn thể đồng bào luôn luôn ở bên cạnh các em.

Tôi thay mặt Chính phủ và đồng bào gửi cho các em lời chào thân ái và quyết thắng”.

Sự động viên của Người là nguồn cổ vũ vô cùng to lớn, nâng cao sức chiến đấu đối với cán bộ chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô.

Câu hỏi 503: *“Vệ Út” là ai, tại sao lại có tên như vậy?*

Trả lời: Cùng với các bậc phụ huynh khác, thiếu niên Hà Nội có mặt trong mọi trận địa chống thực dân Pháp ngay từ ngày đầu Hà Nội đứng lên kháng chiến.

Các đội viên trong Đội thiếu niên Mai Hắc Đế đóng góp nhiều công sức cho cuộc kháng chiến của nhân dân toàn thành phố.

Trong các trận huyết chiến của Vệ quốc đoàn luôn luôn có các chiến sĩ nhỏ tuổi. Các em trực tiếp chiến đấu, tiếp tế vũ khí... nhưng quan trọng nhất là làm liên lạc cho các anh chị Vệ quốc đoàn. Các chiến sĩ nhỏ tuổi được gọi là “Vệ Út”.

Có những Vệ Út đã chiến đấu đã hy sinh anh dũng, tiêu biểu là Dương Văn Nội, đã hy sinh trong trận đánh ở làng Giá, được truy tặng Huân chương Chiến công hạng hai.

Câu hỏi 504: *Khẩu pháo to nhất của bộ đội ta dùng ở Hà Nội trong những ngày đầu chống Pháp là khẩu pháo nào, đặt ở đâu?*

Trả lời: Ba trung đội pháo đài Láng, Xuân Canh và Xuân Tảo được thành lập ngày 29-6-1946 (sau này ngày 29-6 trở thành ngày truyền thống của bộ đội pháo binh Việt Nam). Vũ khí của Đoàn pháo binh Thủ đô lúc đó chỉ có mấy khẩu pháo thu được của

địch. Khẩu to nhất là pháo 75 li, vốn là cỗ pháo phòng không của quân đội Nhật được cán bộ chiến sĩ Thủ đô nhanh chóng sửa chữa và sử dụng để tác chiến trên mặt đất. Khẩu pháo được đặt ở Pháo đài Láng.

Đây cũng là khẩu pháo nổ phát đại bác đầu tiên vào vị trí quân Pháp đóng trong thành vào lúc 20 giờ 3 phút ngày 19-12-1946. Tiếng gầm của khẩu pháo 75 li ở Pháo đài Láng đã mở đầu cho cuộc kháng chiến thần thánh của quân dân Thủ đô và cả nước.

Câu hỏi 505: Loại bom nổi tiếng gắn với người lính cảm tử của Hà Nội năm 1946 là gì?

Trả lời: Đó là loại bom ba càng, vũ khí chống tăng cầm bằng tay, phần nổ có dạng hình nón, đáy có ba càng ngắn ở phía trước và cán dài ở phía sau, gắn ngòi châm nổ, hoạt động theo hiệu ứng nổ lõm. Khi chiến đấu, người sử dụng cầm cán bom ba càng đâm thẳng vào mục tiêu, bom nổ, mục tiêu bị tiêu diệt. Các cảm tử quân Hà Nội đã dùng bom này diệt xe tăng Pháp trong những ngày đầu kháng chiến. Hình ảnh chiến sĩ ôm bom ba càng bình thản chờ địch đến trở thành nỗi khiếp đảm đối với quân Pháp.

Câu hỏi 506: Cuộc chiến đấu của quân và dân Hà Nội trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp diễn ra trong bao lâu, đã tiêu diệt được bao nhiêu sinh lực địch?

Trả lời: Cuộc chiến đấu của quân và dân thủ đô Hà Nội trong ngày đầu kháng chiến chống Pháp đến

khi rút khỏi thành phố diễn ra trong vòng 60 ngày đêm, từ ngày 19-12-1946 đến ngày 17-2-1947.

Trong 2 tháng đó, quân và dân Thủ đô đã đánh 200 trận, tiêu diệt gần 2.000 tên địch, phá hủy 100 xe quân sự (có 22 xe tăng và xe bọc thép), bắn rơi và phá hủy 5 máy bay.

Câu hỏi 507: Trung đoàn Thủ đô đã rút ra ngoài vòng vây của địch ở Liên khu 1 ngày nào và rút ra theo con đường nào?

Trả lời: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ giam chân địch trong thành phố, Trung đoàn Thủ đô được lệnh rút ra ngoài để bảo toàn lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài. Đêm 17-2-1947 Trung đoàn Thủ đô được lệnh rút ra ngoài để bảo toàn lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài. Đêm 17-2-1947 Trung đoàn Thủ đô đã chia thành nhiều bộ phận hành quân qua cột Đồng Hồ, vượt đê, qua gầm cầu Long Biên, men dọc theo bờ sông phía bên này, lội qua lạch sông cạn lên đầu bãi giữa, qua đò sang bãi Tam Lạc. Sau đó từ chùa Tâm Xá, Trung đoàn ra đến Dâu sang Đông Anh.

Khi phát hiện việc rút lui của Trung đoàn Thủ đô quân Pháp lập tức truy kích. Đội tự vệ Hồng Hà do Nguyễn Ngọc Nại chỉ huy chốt giữ ở bãi giữa chặn địch.

Chạm súng bất ngờ với đơn vị chặn hậu của ta. Pháp cho máy bay bắn phá dữ dội trận địa. Đơn vị do người đảng viên trẻ tuổi Nguyễn Ngọc Nại chỉ huy đã

chiến đấu kiên cường. Trung đoàn Thủ đô rút quân an toàn nhưng toàn thể Đội tự vệ Hồng Hà đã anh dũng hy sinh.

Cuộc rút lui thần kỳ của Trung đoàn Thủ đô là một thắng lợi lớn trong những ngày đầu kháng chiến ở Hà Nội.

Câu hỏi 508: Thanh niên học sinh, sinh viên và nhân dân Hà Nội đã làm gì để phản đối thực dân Pháp giết hại Trần Văn Ôn?

Trả lời: Ngày 9-1-1950, hơn 2.000 học sinh, sinh viên cùng với nhiều giáo viên và hàng ngàn nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn biểu tình đòi trả tự do cho học sinh, sinh viên bị Pháp và tay sai bắt giữ. Bọn địch đã đàn áp đoàn biểu tình, giết hại Trần Văn Ôn, một học sinh yêu nước. Ngày 12-1-1950, đám tang Trần Văn Ôn đã biến thành cuộc biểu tình thị uy của trên năm vạn người trực tiếp đưa anh về nơi an nghỉ cuối cùng. Thanh niên, học sinh Hải Phòng, Huế và các thành phố khác đều tổ chức bãi khóa phản đối địch khủng bố, đàn áp học sinh, sinh viên.

Ngày 13-1-1950, ở Hà Nội hơn một vạn thanh niên, sinh viên và nhân dân đã tham dự lễ truy điệu anh Trần Văn Ôn để tỏ tình đoàn kết với học sinh, sinh viên Sài Gòn - Chợ Lớn. Đại hội Liên đoàn Thanh niên Việt Nam tháng 2-1950 tại Việt Bắc đã quyết định lấy ngày 9-1 hàng năm là ngày truyền thống của học sinh, sinh viên.

Câu hỏi 509: Ngày 10-10-1947 công an Hà Nội đã lập được chiến công lớn. Chiến công đó diễn ra như thế nào?

Trả lời: Trương Đình Tri là Chủ tịch Hội đồng an dân Bắc Kỳ, hoạt động đắc lực cho Sở mật thám liên bang, tay sai đắc lực của giặc Pháp. Công an Hà Nội được lệnh trừng trị Trương Đình Tri.

Nắm chắc kế hoạch đi lại hàng ngày của địch, ngày 10-10-1947, hai chiến sĩ công an Hà Nội là Trần Bình và Đặng Đình Kỳ đã dùng lựu đạn tiến công vào xe của Trương Đình Tri ngay tại trước cửa nhà y ở Cống Đục. Bị thương nặng, y chết vào ngày hôm sau.

Chiến công của công an Hà Nội được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất.

Câu hỏi 510: Đơn vị nào tập kích đánh phá máy bay của quân Pháp ở Sân bay Bạch Mai ngày 18-1-1950?

Trả lời: Sân bay Bạch Mai được quân Pháp canh phòng nghiêm mật. Bộ đội ta được lệnh đánh sân bay này nhằm phối hợp với quân và dân trên chiến trường Bắc Bộ, đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, phá hậu phương địch, tạo ảnh hưởng ở địa bàn chiến lược là Hà Nội đang bị địch đóng giữ.

Đơn vị chủ lực được giao nhiệm vụ đánh sân bay Bạch Mai là Tiểu đoàn 108, một số du kích Hà Nội và các đơn vị phối thuộc khác. Tiểu đoàn chọn 30 cán bộ chiến sĩ ưu tú nhất thực hiện nhiệm vụ này.

Sau thời gian khổ luyện, đêm 17 rạng ngày 18-1-1950 bộ đội ta chia làm 3 mũi tiến vào sân bay, cài mìn hẹn giờ. Khi bộ đội rút khỏi hàng rào cuối cùng, mìn hẹn giờ nổ. Kết quả 25 máy bay, 60 vạn lít xăng dầu, 32 tấn vũ khí của địch bị thiêu hủy.

Chiến thắng Bạch Mai làm nức lòng đồng bào chiến sĩ Thủ đô. Chính phủ đã tặng Huân chương quân công hạng ba cho cán bộ chiến sĩ đánh sân bay Bạch Mai.

Câu hỏi 511: Tổ điệp báo A13 của công an ở Hà Nội đánh đắm chiến hạm Amyot d'Inville như thế nào?

Trả lời: Tổ điệp báo mang bí số A13 là những điệp viên được cài lại trong lòng Hà Nội mà điệp viên chủ chốt là Hoàng Đạo, nhằm thu thập tin tình báo của địch và khi có điều kiện sẽ tiêu diệt những tên tay sai lợi hại của thực dân Pháp.

Ngày 27-9-1950, nhóm điệp báo A13 phối hợp với công an Thanh Hóa tiêu diệt chiến hạm Amyot d'Inville của hải quân Pháp. Theo kế hoạch, tổ điệp báo đã điều được chiến hạm Amyot d'Inville của hải quân Pháp chở vũ khí và các tên phản động ra vùng tự do Thanh Hóa để tiếp viện cho “lực lượng quốc gia” đóng ở vùng Ba Làng (do ta tạo dựng để lừa địch). Sau khi “đón” toán Việt gian cùng nhiều vũ khí xuống thuyền, tổ điệp báo đã nhờ sĩ quan của chiến hạm đưa điệp viên Nguyễn Thị Lợi là “phụ nhân” của thủ lĩnh “lực lượng quốc gia” ra Hà Nội chữa bệnh.

Nữ điệp viên Nguyễn Thị Lợi lén tàu cùng khối thuốc nổ lớn. Mìn hẹn giờ nổ, nữ điệp báo anh dũng hy sinh, chiến ham cùng bọn phản động bị tiêu diệt. Nguyễn Thị Lợi được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.

Câu hỏi 512: Hà Nội chia lửa với Mặt trận Điện Biên Phủ bằng trận đánh nổi tiếng nào vào đêm 3-3-1954?

Trả lời: Để phối hợp với chiến trường chính, tạo điều kiện chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược tại Điện Biên Phủ, quân và dân Hà Nội được lệnh bí mật tập kích vào sân bay Gia Lâm.

Sân bay Gia Lâm là một sân bay lớn ở bắc Đông Dương. Từ sân bay này, địch sử dụng các loại máy bay khu trục, phóng pháo, vận tải, trinh sát... hàng ngày đánh phá hậu phương ta. Khi địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, sân bay Gia Lâm trở thành một hậu cứ, hàng ngày có hơn 100 lượt chuyến bay tiếp tế, với khoảng 400 tấn vũ khí, đạn dược, thuốc men, lương thực cho quân Pháp ở Điện Biên Phủ.

Đêm ngày 3 rạng ngày 4 tháng 3 năm 1954, một phân đội nhỏ của ta bí mật tiến vào sân bay đặt mìn. Kết quả trong trận này, 18 máy bay địch bị phá hủy, một kho xăng và nhiều vũ khí của địch bị thiêu hủy.

Chiến thắng Gia Lâm gây nhiều khó khăn cho địch trong tiếp tế, ứng cứu cho mặt trận Điện Biên Phủ.

Câu hỏi 513: Trước khi rút khỏi Hà Nội, thực dân Pháp đã phá sập công trình văn hóa nổi tiếng nào của Hà Nội? Ta đã hoàn thành khôi phục lại vào thời gian nào?

Trả lời: Đó là chùa Một Cột.

Chùa Một Cột được xây dựng từ thời Lý (năm 1049) tên chữ là chùa Diên Hựu. Ngày 10-9-1954, trước khi rút khỏi Hà Nội, thực dân Pháp đã nổ mìn phá đổ chùa.

Sau khi tiếp quản Thủ đô, nhân dân Hà Nội được chính quyền giúp đỡ đã xây dựng lại chùa. Công việc hoàn thành ngày 29-5-1955.

Chùa Một Cột là công trình văn hóa được khôi phục đầu tiên ở Hà Nội sau ngày tiếp quản Thủ đô.

Câu hỏi 514: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn bộ đội, công an và cán bộ trước khi vào tiếp quản Thủ đô những điều gì?

Trả lời: Ngày 5-9-1954, tại Đại Từ (Thái Nguyên), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói chuyện với cán bộ, nhân viên các cơ quan và các chiến sĩ bộ đội, công an, thanh niên xung phong đang chuẩn bị về tiếp quản Thủ đô.

Người căn dặn: “Bom đạn của địch không nguy hiểm bằng “đạn bọc đường” vì nó làm hại mình mà không trông thấy. Muốn giữ vững nhân cách, tránh khỏi hủ hóa thì phải luôn thực hiện bốn chữ mà Bác thường nói đó là: Cần, Kiệm, Liêm, Chính”.

Câu hỏi 515: Đơn vị bộ đội chủ lực nào có vinh dự được giao nhiệm vụ tiến vào tiếp quản Thủ đô ngày 10-10-1954?

Trả lời: Đó là các cán bộ và chiến sĩ của các đơn vị thuộc Đại đoàn 308 và Trung đoàn 57 thuộc Đại đoàn 304. Trong các đơn vị trên, Trung đoàn Thủ đô được giao nhiệm vụ tiếp quản các địa bàn trọng yếu của Hà Nội.

Từ cuối tháng 9, cán bộ chiến sĩ thuộc Đại đoàn quân Tiên phong (Đại đoàn 308), cách trung tâm 15km. Ngày 8-10-1954 Tiểu đoàn Bình Ca thuộc Trung đoàn Thủ đô đã nhận nhiệm vụ tiền trạm vào nội thành để tiếp nhận các công sở, doanh trại.

Nhiệm vụ tiếp quản bắt đầu được thực hiện từ sáng ngày 10-10-1954 và đến 15 giờ chiều, tiếng còi từ Nhà hát lớn kéo dài, báo hiệu nhiệm vụ đã hoàn thành.

Câu hỏi 516: “Năm của ô don chào” bộ đội Cụ Hồ vào tiếp quản Thủ đô diễn ra như thế nào?

Trả lời: Ngày 10-10-1954, Đại đoàn 308 và Trung đoàn 57 thuộc Đại đoàn 308 được lệnh vào tiếp quản Hà Nội. Các đồng chí trong Ủy ban quân chính thành phố đã cùng các đơn vị quân đội tiến vào thành phố.

Từ rạng sáng ngày 10-10-1954, nhân dân Hà Nội mang ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, khẩu hiệu, cờ hoa ra các đường phố, để đón chào bộ đội.

Cánh quân phía tây tiến vào thành phố gồm các cán bộ chiến sĩ thuộc Trung đoàn Thủ đô, bắt đầu hành

quân vào Hà Nội lúc 8 giờ sáng. Trung đoàn Thủ đô tiếp quản các địa bàn Kim Mã, Hàng Đào, Cửa Nam, Hàng Bông, Hàng Đào, Hàng Ngang và Cửa Đông.

Cánh quân phía nam xuất phát từ Việt Nam học xá, tiến lên Bạch Mai, Huế, Hồ Gươm rồi vòng xuống khu vực Đồn Thủy và Đấu Xảo.

Cánh quân cơ giới và pháo binh xuất phát từ Bạch Mai, Huế rồi lên Bồ Hồ, Hàng Đào, Hàng Ngang, chợ Đồng Xuân sau đó vòng lên Cửa Bắc và tiến vào thành.

Theo đúng kế hoạch, đến 15 giờ chiều, còi Nhà hát lớn nổi hồi dài, anh hùng Nguyễn Quốc Trị kéo lá cờ Tổ quốc lên đỉnh cột cờ Thăng Long báo hiệu công tác tiếp quản đã hoàn tất. Hàng chục vạn nhân dân thành phố đổ xuống đường và đến sân vận động Cột Cờ dự lễ mít tinh chào mừng ngày giải phóng Thủ đô.

Câu hỏi 517: Bí thư Thành ủy Hà Nội trong thời gian kháng chiến chống Pháp là những ai?

Trả lời: Từ sau Cách mạng tháng Tám đến ngày kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Bí thư Thành ủy Hà Nội gồm các đồng chí sau đây:

TT	Họ và tên	Thời gian
1	Nguyễn Văn Trân	11-1946 - 9-1947
2	Nguyễn Văn Đào	9-1947 - 11-1947
3	Lê Quang Đạo	11-1947 - 2-1949
4	Ngô Ngọc Du	2-1949 - 5-1949
5	Trần Quốc Hoàn	5-1949 - 8-1952
6	Lê Thanh Nghị	8-1952 - 8-1954
7	Trần Quốc Hoàn	9-1954 - 10-1954

Câu hỏi 518: Bầu cử Hội đồng nhân dân thành phố (khóa I) diễn ra vào thời gian nào?

Trả lời: Ngày 24-11-1957, các tầng lớp nhân dân Thủ đô phấn khởi tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân thành phố khóa I. Đây là cuộc bầu cử đầu tiên sau ngày Thủ đô giải phóng. Trên 97% số cử tri đã đi bỏ phiếu. Hội đồng nhân dân được bầu ra gồm 100 đại biểu, đại diện cho các ngành, các giới, các tầng lớp nhân dân của Thủ đô Hà Nội. Hội đồng nhân dân đã bầu Ủy ban hành chính thành phố gồm 11 vị do bác sĩ Trần Duy Hưng làm Chủ tịch. Thắng lợi của cuộc bầu cử tạo cơ sở pháp lý để tiếp tục củng cố bộ máy nhà nước, các đoàn thể tổ chức quần chúng, tiến tới hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ở thủ đô Hà Nội.

Câu hỏi 519: Đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài đầu tiên đến Hà Nội sau ngày giải phóng là của nước nào?

Trả lời: Sau Hiệp định Gienève, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Thủ tướng Ấn Độ G. Nêru đã sang thăm nước ta trong hai ngày 17 và 18 tháng 10 năm 1954. Đây là đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài đầu tiên đến Hà Nội sau ngày giải phóng. Sự kiện này đánh dấu một mốc lịch sử trong quan hệ giữa Chính phủ và nhân dân hai nước Việt Nam và Ấn Độ.

Câu hỏi 520: “Hà Nội làm thế nào để trở thành một Thủ đô xã hội chủ nghĩa”, lời căn dặn trên của

Chủ tịch Hồ Chí Minh được đưa ra vào thời điểm nào, ở đâu?

Trả lời: Hội nghị đại biểu Đảng bộ Hà Nội lần thứ nhất được tổ chức từ ngày 21 đến ngày 30 tháng 4 năm 1959 ở Nhà hát thành phố. Nội dung của Đại hội nhằm hoạch định chính sách xây dựng kinh tế, văn hóa xã hội để Hà Nội xứng đáng là trái tim của cả nước.

Ngày 25 tháng 4, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và huấn thị cho hội nghị. Trong bài phát biểu của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Thay mặt Trung ương Đảng và nhân dân là một đảng viên ở Hà Nội tôi phát biểu một số ý kiến với hội nghị. Thủ đô phải làm thế nào để trở thành một thủ đô xã hội chủ nghĩa. Muốn như thế thì mỗi một xí nghiệp, mỗi một đơn vị bộ đội, mỗi một trường học, mỗi một đường phố, mỗi một cơ quan và mỗi một nông thôn ở ngoại thành phải thành một pháo đài của chủ nghĩa xã hội”.

Câu hỏi 521: Bác Hồ trồng cây đa đầu tiên ở Hà Nội vào thời điểm nào, ở đâu?

Trả lời: Ngày 6-1-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi nhân dân hưởng ứng một tháng trồng cây. Ngày 11 tháng 1 năm 1960, Người đến công viên Bảy Mẫu (công viên Thống Nhất, nay là công viên Lênin) trồng một cây đa. Đó là cây đa đầu tiên Bác Hồ trồng tại Hà Nội.

Vào dịp đón Tết năm 1960, thanh niên Hà Nội cùng nhân dân Thủ đô tiếp tục trồng thêm cây xanh

quanh bờ hồ. Khi mọi người đang thi đua trồng và chăm sóc cây xanh thì Bác Hồ đến. Tự tay Người trồng cây đa. Sau đó Người kêu gọi mọi người hàng năm khi mùa xuân đến hãy trồng cây làm đẹp thu đồ và đất nước.

Từ đó trở đi, “Tết trồng cây” theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhân dân Hà Nội và đông-bào cả nước nhiệt liệt hưởng ứng:

Mùa xuân là tết trồng cây,

Làm cho đất nước càng ngày, càng xuân.

Câu hỏi 522: *Tấm ảnh “Bác bắt nhịp bài ca Kết đoàn” được chụp ở đâu, khi nào?*

Trả lời: Vào tháng 9 năm 1960, nhân dân miền Bắc và đặc biệt đông-bào Hà Nội chào mừng sự kiện lịch sử trọng đại là Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) đang tiến hành trọng thể tại Thủ đô.

Tại vườn Bách Thảo, tối ngày 3-9-1960, Đoàn Thanh niên Lao động Thủ đô phối hợp cùng giới văn nghệ sĩ tổ chức dạ hội mừng Đại hội Đảng và mừng ngày Quốc khánh. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các đại biểu quốc tế đến thăm dự dạ hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi thăm các diễn viên nhạc công và Người đề nghị chuyển cho Người chiếc “đũa” chỉ huy của nhạc trưởng, rồi bắt nhịp chỉ huy cho mọi người hát bài *Kết đoàn*. Bức ảnh “Bác bắt nhịp bài Kết đoàn” ghi lại khoảnh khắc đó, hiện còn được lưu giữ mãi với thời gian.

Câu hỏi 523: Khu công nghiệp Thượng Đình được hình thành vào thời gian nào?

Trả lời: Trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 3 năm lần thứ 2 (1958 - 1960), nhân dân Hà Nội đã tích cực xây dựng các nhà máy, xí nghiệp quốc doanh.

Từ khoảng cuối năm 1957 trở đi, Trung Quốc giúp Hà Nội xây dựng và đào tạo công nhân cho 3 nhà máy lớn của Hà Nội lúc đó là Nhà máy Cao su Sao Vàng, Nhà máy Xà phòng và Nhà máy thuốc lá Thăng Long. Các cơ sở sản xuất này nằm trên địa bàn thôn Thượng Đình, nên còn được gọi là khu công nghiệp Thượng Đình. Toàn bộ khu công nghiệp này chính thức hoạt động vào ngày 18-5-1960, đúng dịp kỷ niệm 70 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Khu công nghiệp Thượng Đình còn được gọi bằng tên quen thuộc khác là khu Cao - Xà - Lá để chỉ ba nhà máy sản xuất cao su, xà phòng, và thuốc lá.

Câu hỏi 524: Nhà máy nào ở Hà Nội được gọi là “con chim đầu đàn của ngành cơ khí” Việt Nam trong những năm 60, 70?

Trả lời: Trong thời kỳ khôi phục kinh tế (1955 - 1957) và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960), nhiều cơ sở công nghiệp ở Hà Nội được xây dựng.

Nhà máy Cơ khí Hà Nội được khởi công xây dựng với sự giúp đỡ của Liên Xô. Ngày 12-4-1958 Nhà máy Cơ khí Hà Nội chính thức cất bằng khánh thành. Với các thiết bị máy móc hiện đại, các sản phẩm của

Nhà máy Cơ khí Hà Nội có độ chính xác 1/1000mm. Đây là nhà máy cơ khí hiện đại nhất của miền Bắc trong những thập niên 60, 70, là “con chim đầu đàn của ngành cơ khí Việt Nam”.

Câu hỏi 525: Đơn vị Thanh niên tình nguyện nào đã được thành lập ở Hà Nội trong thời kỳ khôi phục kinh tế? Họ đã tham gia xây dựng những công trình nào?

Trả lời: Để thiết thực phục vụ công cuộc khôi phục kinh tế, Trung ương Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam đã chủ trương lập những đội thanh niên tình nguyện đi xây dựng những công trình mới. Theo chỉ thị của Thành ủy, của Trung ương Đoàn, ngày 21-3-1955 Thành đoàn Hà Nội đã lập Tổng đội Thanh niên xung phong Thủ đô. Hơn 500 thanh niên Hà Nội đã gia nhập đội và họ đã rời Thủ đô đi khôi phục các tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Thanh Hóa.

Tổng đội Thanh niên xung phong Hà Nội đã góp phần cùng nhân dân miền Bắc khôi phục hai tuyến đường sắt quan trọng nói trên.

Câu hỏi 526: Đài phát thanh Mễ Trì được khánh thành khi nào?

Trả lời: Từ năm 1956, Liên Xô giúp ta xây dựng đài phát thanh mới có làn sóng mạnh. Hệ thống truyền thanh được lắp đặt tại Mễ Trì nên còn gọi là Đài phát thanh Mễ Trì. Hệ thống phát thanh mới có

làn sóng phát trong nước mạnh gấp 20 lần đài cũ và phát ra nước ngoài mạnh gấp đôi. Đài được khánh thành ngày 6 tháng 9 năm 1958.

Câu hỏi 527: *Hiệu sách “Hà Nội - Huế - Sài Gòn” từng nằm ở đâu?*

Trả lời: Nằm trên phố Tràng Tiền, Hiệu sách Hà Nội - Huế - Sài Gòn mấy chục năm về trước rất nổi tiếng ở Hà Nội. Thế hệ những người lớn lên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không bao giờ quên được hiệu sách này vì nó không chỉ cung cấp sách báo cho mọi người mà nó còn thể hiện tình cảm của người dân Thủ đô đối với đồng bào các thành phố kết nghĩa nói riêng và đối với nhân dân miền Nam nói chung.

**Câu hỏi 528: “Hà Nội - Huế - Sài Gòn,
Là cây một cội, là con một nhà”.**

Bức trưởng mang hai câu thơ trên do đồng bào nơi nào gửi tặng đồng bào Hà Nội, và vào thời điểm nào?

Trả lời: Sau Hiệp định Genève, đế quốc Mỹ và tay sai không chịu hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Tổ quốc. Đất nước tạm thời bị chia cắt nhưng nhân dân hai miền vẫn đoàn kết một lòng, kiên cường đấu tranh và luôn hướng về nhau.

Vào đầu thập niên 60, nhân dân các địa phương miền Bắc đã tổ chức kết nghĩa đoàn kết Bắc - Nam. Ngày 8-10-1960 tại thủ đô Hà Nội đã diễn ra lễ kết

nghĩa Hà Nội - Huế - Sài Gòn. Đồng bào Huế gửi đồng bào Hà Nội và Sài Gòn một bức trướng thêu hai câu thơ:

*Hà Nội - Huế - Sài Gòn,
Là cây một cội, là con một nhà.*

Nội dung bức trướng trên thể hiện tình đoàn kết keo sơn của đồng bào Hà Nội - Huế - Sài Gòn, của đồng bào Nam - Bắc.

Câu hỏi 529: Phong trào “Ngày thứ bảy đấu tranh thống nhất” ra đời ở đâu, khi nào?

Trả lời: Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và xây dựng thủ đô Hà Nội, nhiều phong trào thi đua sản xuất được đẩy lên với nhiều nội dung và hình thức phong phú.

Ngày 13-4-1962, công nhân Nhà máy xe lửa Gia Lâm phát động “Ngày thứ bảy đấu tranh thống nhất”. Mục đích của phong trào thi đua này là nhằm động viên cán bộ công nhân viên tích cực sản xuất trước ngày nghỉ cuối tuần, góp phần thiết thực vào công cuộc đấu tranh thống nhất Tổ quốc. Phong trào được toàn thể cán bộ, công nhân viên trong nhà máy hưởng ứng nhiệt liệt. Sau đó phong trào lan rộng ra các cơ quan, nhà máy, các ngành trên toàn miền Bắc. Tổng Công đoàn Việt Nam đã chỉ đạo thành phong trào lấy tên là “Ngày thứ bảy đẩy mạnh sản xuất, thống nhất đất nước”.

Câu hỏi 530: Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam lần đầu tiên ra thăm Hà Nội, thăm Bác Hồ năm nào, do ai dẫn đầu?

Trả lời: Sau phong trào đồng khởi năm 1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Mặt trận là tổ chức chân chính, tập hợp đông đảo nhân dân miền Nam tiến hành kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Ngày 19-10-1962, đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam do giáo sư Nguyễn Văn Hiếu dẫn đầu đã “đi ngàn suối, vạn đèo” ra thăm miền Bắc.

Đoàn được Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Hà Nội tiếp đón nồng nhiệt. Ngày 20-10-1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp đoàn. Trong buổi tiếp, Người nói: “Hình ảnh của miền Nam yêu quý ở trong trái tim tôi”.

Câu hỏi 531: “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”, lời kêu gọi này của Chủ tịch Hồ Chí Minh diễn ra trong bối cảnh nào?

Trả lời: Từ đầu năm 1964, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ở miền Nam đã phát triển rất nhanh và đang vươn tới đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của địch.

Để làm tròn vai trò hậu phương của mình, nhân dân miền Bắc ra sức sản xuất, chi viện tiền tuyến.

Ngày 27-3-1964, Hội nghị chính trị đặc biệt do Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập đã họp tại Hà Nội. Người kêu gọi đồng bào miền Bắc hãy thi đua “Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt”.

Lần thứ hai, trong diễn văn đọc ngày 20-7-1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa kêu gọi nhân dân miền Bắc tích cực tăng gia sản xuất, Người nói: “Công nhân và nông dân hãy hăng hái thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, “mỗi người làm việc bằng hai” và sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ miền Bắc, ủng hộ miền Nam”.

Ngày 28-9-1964, Đại hội Thanh niên Thủ đô “Làm theo lời Bác - Mỗi người làm việc bằng hai” đã khai mạc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm, biểu dương và huấn thị cho tuổi trẻ Thủ đô phải ra sức học tập và làm việc theo tinh thần “mỗi người làm việc bằng hai, vì miền Nam ruột thịt”.

Câu hỏi 532: Hội nghị nào họp ở Hà Nội được coi là “Hội nghị Diên Hồng” của Việt Nam thời chống Mỹ, cứu nước? Hội nghị đó diễn ra vào năm nào?

Trả lời: Đó là Hội nghị chính trị đặc biệt do Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập họp ngày 27-3-1964 ở Hà Nội. Tại thời điểm lịch sử này, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ở miền Nam đã giành được những thành tựu to lớn. Trước nguy cơ bị thất bại, đế quốc Mỹ liều lĩnh mở rộng chiến tranh

xâm lược Việt Nam. Căn cứ vào Điều 76 Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (12-1959), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập Hội nghị Chính trị đặc biệt. Ngoài các đồng chí lãnh đạo Đảng, Quốc hội và Chính phủ, còn có hơn 300 đại biểu bao gồm các vị cách mạng lão thành, các nhà hoạt động chính trị có uy tín, đại biểu các giới, các ngành, anh hùng và chiến sĩ thi đua, trí thức và nhân sĩ yêu nước....

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc *Báo cáo Chính trị* với nội dung khẳng định lại thắng lợi của cách mạng hai miền trong 10 năm qua (1954 - 1964), từ đó nêu quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Hội nghị này đã đi vào lịch sử như hội nghị Diên Hồng ở thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

Câu hỏi 533: Chỉ bốn ngày sau “Sự kiện vịnh Bắc Bộ”, tuổi trẻ Thủ đô đã dấy lên phong trào gì?

Trả lời: Để cứu vãn những thất bại ở miền Nam, ngày 4-8-1964, đế quốc Mỹ dựng lên Sự kiện vịnh Bắc Bộ, lấy cớ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc. 13 giờ 30 phút ngày 5-8-1964, chúng mở cuộc tiến công “Mũi tên xuyên” sử dụng 64 lần chiếc máy bay đi “trả đũa”, đánh phá nhiều nơi ở miền Bắc.

Nhân dân và tuổi trẻ miền Bắc vô cùng căm thù hành động xâm lược trắng trợn của Mỹ. Ngày 9-8-1964, bốn ngày sau khi Mỹ bắn phá miền Bắc, tại hội

trường Bộ Công nghiệp. Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Lao động Hà Nội phát động phong trào “Ba sẵn sàng”: Sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu dũng cảm; sẵn sàng khắc phục khó khăn và đẩy mạnh sản xuất, học tập và công tác trong bất kỳ tình huống nào; sẵn sàng đi bất cứ nơi nào và làm bất cứ việc gì mà Tổ quốc cần đến. Phong trào “Ba sẵn sàng” đã thu hút hàng chục vạn đoàn viên Thủ đô tham gia, mở đầu cho phong trào thanh niên miền Bắc lên đường chiến đấu giết giặc lập công.

Câu hỏi 534: Ngày 2-12-1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm Đại hội nào của phụ nữ Hà Nội? Và Người đã phát biểu như thế nào về phụ nữ Việt Nam?

Trả lời: Tháng 3 năm 1965, Trung ương Hội Phụ nữ Việt Nam phát động phong trào “Ba đảm đang”. Phụ nữ Hà Nội tích cực hưởng ứng. Hội Liên hiệp Phụ nữ Hà Nội đã mở Đại hội phụ nữ xuất sắc trong phong trào “Ba đảm đang”. Ngày 2-12-1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm Đại hội, Người đã tự tay trao huy hiệu của Người tặng cho 7 phụ nữ đã có thành tích xuất sắc. Phát biểu với Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Dân tộc Việt Nam là dân tộc anh hùng, thanh niên Việt Nam là thanh niên anh hùng, phụ nữ Việt Nam là phụ nữ anh hùng”.

Câu hỏi 535: Ngày 14-5-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm lớp huấn luyện đảng viên mới do

Thành ủy Hà Nội tổ chức. Lớp học này được tổ chức ở đâu? Người đã nói những điều gì với lớp học?

Trả lời: 8 giờ sáng ngày 14-5-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm và nói chuyện với lớp huấn luyện đảng viên mới do Thành ủy Hà Nội tổ chức tại Trường phổ thông cấp III Chu Văn An.

Người chỉ rõ, đảng viên phải xác định vào Đảng để phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân. Để trở thành đảng viên tốt, mỗi đảng viên phải hiểu rõ những vấn đề cơ bản sau:

- Kiến thức cơ bản về chủ nghĩa cộng sản.
- Đường lối cơ bản và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam.
- Tổ chức cơ sở của Đảng, nhiệm vụ, quyền hạn, và phương pháp công tác của người đảng viên.

Sau khi kết thúc bài giảng, Người đã nói thêm: “Con người ta trước hết phải có đạo đức, sống với nhau phải có tình, có nghĩa. Nếu đọc bao nhiêu sách của chủ nghĩa Mác - Lênin mà sống với nhau không có tình, có nghĩa, thì chỉ là giáo điều, sách vở”.

Câu hỏi 536: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, chân lý đó được Bác Hồ nêu ra trong thời điểm nào?

Trả lời: Do thất bại của chiến lược chiến tranh đặc biệt, Mỹ chuyển sang chiến lược chiến tranh cục bộ, đưa quân Mỹ và quân chư hầu của Mỹ vào tham chiến ở miền Nam, tăng cường đánh phá miền Bắc.

Trước sự liều lĩnh của Mỹ, ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn dân đoàn kết chống Mỹ cứu nước, quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Người khẳng định: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, Hà Nội, Hải Phòng, và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.* Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”.

Không có gì quý hơn độc lập tự do là chân lý trường tồn của dân tộc, là sức mạnh tinh thần vô địch của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân.

Câu hỏi 537: Trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, Đài Tiếng nói Việt Nam đã từng bị mất sóng 9 phút. Sự kiện đó diễn ra vào thời gian nào?

Trả lời: Tháng Chạp năm 1972, giặc Mỹ cho hàng trăm máy bay chiến lược B52 đánh phá hủy diệt Hà Nội. Một trong những mục tiêu trọng yếu mà kẻ thù muốn thiêu hủy là hệ thống đài “Tiếng nói Việt Nam”, nơi truyền đi tiếng nói chính nghĩa và sức mạnh của nhân dân Việt Nam tới nhân dân toàn thế giới.

Ngày 23-12-1972, một loạt bom của địch rơi xuống khu phát thanh. Đài “Tiếng nói Việt Nam” mất

sóng... Nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế vô cùng lo lắng. Nhưng 9 phút sau, “Đài tiếng nói Việt Nam” lại cất lên, góp phần cổ vũ quân và dân cả nước tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn.

Vì có nhiều thành tích trong xây dựng và bảo vệ Đài Tiếng nói Việt Nam, tập thể cán bộ, nhân viên của Đài đã được trao tặng Huân chương Lao động hạng nhất, Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Sao Vàng.

Câu hỏi 538: Hố cá nhân phòng tránh máy bay Mỹ được xây dựng nhiều nhất ở Hà Nội vào thời gian nào?

Trả lời: Cùng với công tác tổ chức vận động sơ tán, thành phố coi việc làm hầm hố trú ẩn là một công tác đặc biệt quan trọng của phòng không nhân dân. Quyết tâm của thành phố là lo cho mỗi người dân ở lại có 3 chỗ trú ẩn (ở nhà, trên đường đi và nơi sản xuất, công tác), kiên quyết không để người thương vong vì không có hầm trú ẩn. Từ tháng 4-1966, thực hiện chủ trương của Trung ương, thành phố đã coi xây dựng hầm hố phòng tránh là một trọng tâm công tác. Các cơ quan xí nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng. Do vậy, chỉ một thời gian ngắn số hầm hố của thành phố đã tăng lên nhanh chóng. Riêng hố cá nhân đã lên tới 163 vạn chiếc. Mỗi người dân trung bình có 3,97 chỗ ẩn nấp.

Câu hỏi 539: Cơ sở sản xuất đầu tiên của Thủ đô được nguy trang bằng màn khói để che mắt máy bay Mỹ đã diễn ra khi nào?

Trả lời: Từ đầu năm 1967 trở đi, Mỹ đánh phá thủ đô Hà Nội ngày càng quyết liệt. Mục tiêu của máy bay Mỹ là hủy diệt các cơ sở công nghiệp, giao thông, văn hóa, các công sở... trong thành phố, trong đó Nhà máy điện Yên Phụ là một trong các mục tiêu trọng yếu.

Để bảo vệ các mục tiêu trọng yếu, quân và dân Thủ đô đã triển khai nhiều phương án chiến đấu, trong đó có phương án bộ đội hóa học được lệnh dùng khói che mục tiêu.

Ngày 21-8-1967 máy bay Mỹ đánh phá Hà Nội. Bộ đội hóa học thả khói che phủ Nhà máy điện Yên Phụ. Đây là lần đầu tiên bộ đội hóa học dùng màn khói nguy trang bảo vệ mục tiêu. Vì mất tầm nhìn nên địch không thể dễ dàng phá sập nhà máy như chúng muốn.

Phát huy thắng lợi từ chiến công đầu, bộ đội hóa học đã triển khai bảo vệ các mục tiêu khác, như Đài phát thanh, cầu Long Biên, cầu Đuống, Đập Cầu...

Câu hỏi 540: “Đồng bào chú ý, đồng bào chú ý!” là câu mở đầu thông báo gì của Ban phòng không Hà Nội trong những năm tháng chống chiến tranh phá hoại của Mỹ?

Trả lời: Đó là câu mở đầu thông báo của Ban phòng không thành phố, phát đi từ hệ thống loa phòng không được lắp trên các điểm cao báo cho nhân dân

Thủ đô về tình hình hoạt động của máy bay địch. Thông báo này thường có hai loại:

Một là báo động: loa truyền tin cho nhân dân biết vị trí của máy bay địch cách thành phố bao xa. Thông báo ngắn gọn này thường có nội dung: “Đồng bào chú ý, đồng bào chú ý! Hiện nay máy bay địch đang ở... cách Thủ đô... km, đề nghị đồng bào nhanh chóng xuống hầm trú ẩn, đừng đứng bên ngoài, đề phòng máy bay địch từ xa bắn tên lửa vào thành phố. Các lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu... Đồng bào chú ý! Đồng bào chú ý!...”.

Loại thứ hai là báo yên, thông thường bằng câu: “Đồng bào chú ý! Đồng bào chú ý! Hiện nay máy bay địch đã bay xa... mọi người trở lại vị trí sản xuất, công tác; các lực lượng vũ trang nâng cao cảnh giác, đề phòng máy bay địch đột nhập vào thành phố”.

Tiếng nói bình tĩnh, quen thuộc của người phát thanh đã giúp nhân dân và lực lượng vũ trang thành phố chủ động phòng tránh và chiến đấu chống máy bay Mỹ.

Câu hỏi 541: Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, súng phòng không của dân quân tự vệ trong nội thành thường đặt trên những nóc nhà cao tầng nào?

Trả lời: Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, trên nhiều điểm cao của các tòa nhà cao tầng của các cơ quan, nhà máy, trường học

trong thành phố đều có các ụ pháo phòng không đặt. Ngoài ra còn có trận địa của súng 12,7 ly và các loại súng máy, súng trường của dân quân tự vệ Thủ đô cũng được đặt trên các tầng cao.

Hòa với hỏa lực phòng không của bộ đội tên lửa, không quân, pháo phòng không hiện đại, các ụ súng của tự vệ thành phố đặt trên các tòa nhà cao tầng tạo nên lưới lửa phòng không dày đặc, sẵn sàng đánh máy bay địch từ mọi hướng, mọi tầm. Vì thế các phi công Mỹ cho rằng Hà Nội có hệ thống phòng không đáng sợ nhất thế giới.

Câu hỏi 542: Sư đoàn phòng không bảo vệ Hà Nội thành lập năm nào, có phiên hiệu là gì? Sư đoàn đã có thành tích chiến đấu như thế nào?

Trả lời: Sư đoàn phòng không bảo vệ Hà Nội có phiên hiệu là Sư đoàn 361. Sư đoàn được thành lập ngày 19-5-1965 theo Quyết định số 66/QĐ của Bộ Quốc phòng. Sư đoàn gồm 5 trung đoàn pháo cao xạ: Trung đoàn 220, Trung đoàn 260, Trung đoàn 224, Trung đoàn 230, Trung đoàn 218. Tư lệnh Sư đoàn 361 là Nguyễn Dương Hán, Chính ủy là Trần Văn Giang.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Sư đoàn đã bắn rơi 591 máy bay Mỹ (trong đó có 35 pháo đài bay B52), 225 chiếc rơi tại chỗ, bắt sống 92 giặc lái, bảo vệ vùng trời Thủ đô và miền Bắc.

Đặc biệt, tối 18-12-1972, Sư đoàn 361 đã phóng quả tên lửa đầu tiên hạ ngay một chiếc B52 mở đầu trận “Điện Biên Phủ trên không” của quân dân ta cuối

năm 1972, góp phần quyết định đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ.

Ngày 15-1-1976, Sư đoàn phòng không Hà Nội đã được Nhà nước tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Sư đoàn có 5 trung đoàn, 9 tiểu đoàn, đại đội và 6 cán bộ, chiến sĩ được tuyên dương Anh hùng.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã 7 lần đến thăm các trận địa của Sư đoàn 361 và khen ngợi chiến sĩ, cán bộ của Sư đoàn. Các trận địa pháo của Sư đoàn được Bác đến thăm là Dốc Vãn, Mai Lâm, Tiên Hội, Đông Hội, bãi Nghĩa Dũng (Quảng Bá), đập Đáy ở Phùng và Yên Nghĩa.

Câu hỏi 543: Máy bay Mỹ lần đầu tiên bị bắn rơi tại chỗ trên đất Hà Nội vào ngày nào, ở đâu?

Trả lời: Bị thất bại trong cuộc phản công lớn lần thứ nhất (mùa khô năm 1965 - 1966), đế quốc Mỹ tiếp tục tăng quân ráo riết, chuẩn bị mở cuộc phản công lớn mùa khô lần thứ hai ở miền Nam và tăng cường đánh phá miền Bắc.

Thời gian đầu, Mỹ chủ yếu là trinh sát, chuẩn bị và đánh một số tỉnh xung quanh Hà Nội để đe dọa.

Ngày 12-6-1966, Đại đội 194 (Trung đoàn 260) và Đại đội 1 (Trung đoàn 220) đã bắn rơi một chiếc máy bay trinh sát không người lái 147 J. Xác máy bay rơi xuống xã Trung Hòa (Từ Liêm). Đây là chiếc máy bay Mỹ đầu tiên bị bắn rơi tại chỗ trên đất Hà Nội.

Câu hỏi 544: Trận độ sức đầu tiên của lực lượng phòng không Hà Nội với máy bay oanh tạc của Mỹ diễn ra vào ngày nào, ở đâu?

Trả lời: Sau một thời gian trinh sát, thăm dò, ngày 29-6-1966, đế quốc Mỹ đã sử dụng 36 lần chiếc máy bay bắn phá kho xăng Đức Giang. Trận oanh tạc mở đầu của không quân Mỹ trên đất Hà Nội đã xảy ra sau 10 ngày khi nhà ngoại giao Canada Choster Roning đến Hà Nội chuyển thông điệp của Mỹ và thăm dò thái độ của ta. Trong trận độ sức đầu tiên này, quân và dân Hà Nội phối hợp chặt chẽ với không quân nhân dân diệt 4 máy bay Mỹ và bắt sống giặc lái. Ngày 30-6, chúng chuyển sang đánh kho H6, nhưng ý đồ đánh phá không đạt được.

Rút kinh nghiệm trong trận độ sức đầu tiên, lực lượng phòng không Hà Nội tiếp tục được kiện toàn, củng cố, tạo thành lưới lửa phòng không nhân dân dày đặc, thiêu cháy hàng trăm máy bay Mỹ, bảo vệ vùng trời Hà Nội, Thủ đô của cả nước.

Câu hỏi 545: Quân và dân địa phương nào đã bắn rơi chiếc máy bay thứ 1.600 của giặc Mỹ?

Trả lời: Trong những năm tháng chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Hà Nội đã xây dựng được hệ thống phòng không nhân dân dày đặc, khiến cho giặc lái Mỹ vô cùng khiếp sợ.

Quân và dân Hà Nội đã lập được nhiều chiến công xuất sắc, bắn rơi nhiều máy bay Mỹ, trong đó có chiếc máy bay thứ 1.600.

Ngày 15-12-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư khen và tặng cờ “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” cho quân và dân Hà Nội. Trong thư có đoạn: “... Quân và dân Hà Nội càng đánh càng giỏi, đã bắn rơi chiếc máy bay thứ 1.600 trên miền Bắc. Hà Nội vừa chiến đấu khá, vừa sản xuất khá, vừa giữ gìn trật tự trị an tốt”.

Câu hỏi 546: Viên phi công Mỹ bị “tắm bắt đặc biệt” ở hồ nào của Thủ đô Hà Nội?

Trả lời: Từ giữa năm 1967, giặc Mỹ tăng cường đánh phá thủ đô Hà Nội. Lực lượng phòng không Thủ đô được tăng cường về mọi mặt, quyết tâm bảo vệ Hà Nội, trái tim của cả nước. Từ ngày 24 đến ngày 28-10-1967, quân và dân Hà Nội bắn rơi 35 máy bay địch. Điển hình là trận đánh bảo vệ Nhà máy Điện Yên Phú ngày 26-10-1967. Máy bay của John McCain bị trúng đạn, đâm xuống đồng xỉ than trong nhà máy. John McCain nhảy dù rơi xuống hồ Trúc Bạch, bị nhân dân địa phương bắt sống. Hiện ở đường Thanh Niên còn có bia kỷ niệm về sự kiện này.

Câu hỏi 547: Máy bay Mỹ bắn phá hủy diệt Bệnh viện Bạch Mai và khu phố Khâm Thiên khi nào?

Trả lời: Đêm 26-12-1972, giặc Mỹ huy động 105 lần chiếc máy bay B52 và 120 lần chiếc máy bay chiến thuật tập trung đánh phá hủy diệt Hà Nội. Hải Phòng và Thái Nguyên. Tại Hà Nội, máy bay Mỹ đã tập trung ném bom vào các khu vực, kéo dài từ bắc tới

nam thành phố với hàng chục mục tiêu đánh phá, điển hình là Bệnh viện Bạch Mai và khu phố Khâm Thiên. Cả dãy phố dài gần 1km, ăn sâu vào hai bên tới 300m bị san bằng, 283 người bị giết hại và hơn 200 người bị thương.

Trùng trị đích đáng tội ác của giặc Mỹ, quân và dân Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên đã chiến đấu kiên cường, bắn rơi 10 máy bay địch, trong đó có 8 máy bay B52 (4 chiếc rơi tại chỗ).

Lực lượng phòng không Thủ đô cùng công an, tự vệ dân phố đã kịp thời đến hiện trường để cứu chữa người bị nạn. Nhân dân các địa phương, nhất là đồng bào tỉnh Sơn Tây đã đến giúp đồng bào Khâm Thiên khắc phục hậu quả chiến tranh. Bệnh viện Bạch Mai nhanh chóng được xây dựng lại. Năm 1973, bệnh viện trở lại hoạt động bình thường.

Câu hỏi 548: “Điện Biên Phủ trên không” là chỉ trận đánh nào, bao giờ?

Trả lời: Vào cuối tháng 12 năm 1972, đế quốc Mỹ dùng hàng trăm máy bay B52 đánh phá hòng hủy diệt Hà Nội, Hải Phòng và nhiều thành phố làng mạc ở miền Bắc.

Chiến dịch tàn bạo đó có tên gọi là Cuộc hành quân Lineback 2. Chiến dịch này bắt đầu từ đêm 18 đến đêm 29 rạng ngày 30-12-1972.

Bằng tinh thần chiến đấu vô cùng quả cảm, quân và dân miền Bắc, đặc biệt là quân và dân Hà Nội, Hải

Phòng đã đánh bại cuộc tập kích tàn bạo nhất trong lịch sử xâm lược Việt Nam của Mỹ.

Trong 12 ngày đêm cuối tháng Chạp năm 1972, miền Bắc đã bắn rơi 81 máy bay hiện đại nhất của Mỹ (trong đó có 34 chiếc B52 và 5 chiếc F111, riêng quân và dân Thủ đô đã bắn rơi 23 máy bay B52, 2 chiếc F111 và 5 chiếc máy bay chiến thuật khác).

Câu hỏi 549: Trong 12 ngày đêm của trận “Điện Biên Phủ trên không” của quân dân Hà Nội, đoàn viên và thanh niên Nhà máy Điện Yên Phụ đã chiến đấu để bảo vệ dòng điện của Thủ đô như thế nào?

Trả lời: Trong cuộc đối mặt với cuộc tập kích chiến lược bằng siêu pháo đài bay B52 của Mỹ, tuổi trẻ Hà Nội không chỉ chiến đấu và chiến thắng từ những tầm cao hỏa lực mà ở mỗi góc phố, cơ quan, xí nghiệp... tuổi trẻ Hà Nội cũng nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, chiến đấu anh dũng, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, bảo vệ Thủ đô. Đội thanh niên cảm tử của đoàn viên và thanh niên Nhà máy Điện Yên Phụ gồm hơn 70 đội viên được thành lập với lời thề: “Chúng tôi xin dâng trọn tuổi Đoàn để bảo vệ dòng điện của Thủ đô”. Mỹ đã liên tiếp đánh phá nhà máy hàng chục trận nhưng dòng điện của nhà máy vẫn được bảo vệ. Khi địch ném bom vào nhà máy hai đoàn viên Đặng Đức Thọ và Vũ Xuân Hòa vẫn bình tĩnh bám máy bảo đảm cho máy tiếp tục hoạt động và cả hai đồng chí đã hy

sinh bên máy, thực hiện trọn vẹn khẩu hiệu “tim có thể ngừng đập nhưng dòng điện không thể tắt”.

Câu hỏi 550: Máy bay B52 của Mỹ bị quân và dân Thủ đô bắn rơi tại chỗ trong nội thành Hà Nội ở địa điểm nào?

Trả lời: Cuối tháng 12 năm 1972, Mỹ đã dùng máy bay B52 đánh phá hủy diệt Hà Nội và một số nơi khác. Quân và dân Hà Nội đã bắn rơi 23 chiếc máy bay B52. Một trong số đó bị rơi tại chỗ, máy bay cắm đầu xuống một hồ nhỏ tại làng hoa Ngọc Hà. Sự kiện và chứng tích lịch sử này trở thành một biểu tượng chiến thắng của quân và dân Thủ đô trong trận “Điện Biên Phủ trên không”.

Câu hỏi 551: Máy bay Mỹ trút bao nhiêu tấn bom đạn xuống Hà Nội trong hai lần thực hiện chiến tranh phá hoại?

Trả lời: Trong hai đợt chiến tranh đánh phá Hà Nội (1965 - 1968 và 1972). Mỹ đã huy động 6.000 lượt máy bay hiện đại - kể cả máy bay ném bom chiến lược B52 vào đánh phá các mục tiêu ở Hà Nội.

Máy bay địch đã ném 20.000 tấn bom, bắn hơn 1.000 tên lửa vào 1.200 mục tiêu. Chỉ tính riêng số bom đạn địch sử dụng trong chiến dịch 12 ngày đêm tháng 12 năm 1972 là vào khoảng 10.000 tấn, tương đương bằng hai quả bom nguyên tử chúng đã ném xuống Nhật Bản trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Câu hỏi 552: Hà Nội đã bắn rơi bao nhiêu máy bay Mỹ trong hai cuộc chiến tranh phá hoại do Mỹ tiến hành?

Trả lời: Mỹ đã tiến hành hai lần chiến tranh phá hoại đối với Hà Nội và miền Bắc Việt Nam. Lần thứ nhất diễn ra trong những năm 1965 - 1968 và lần thứ hai trong năm 1972. Khi bắn phá Hà Nội, Mỹ đã sử dụng lực lượng không quân hiện đại nhất, trang bị tối tân nhất nhưng vẫn bị thất bại.

Qua hai lần chống chiến tranh phá hoại, quân và dân Hà Nội đã bắn rơi 358 máy bay Mỹ, bao gồm mọi kiểu loại khác nhau, từ thần sấm, con ma, đến trình sát diện tử, cánh cụp cánh xòe (F111), máy bay ném bom chiến lược B52.

Câu hỏi 553: Đơn vị nào bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 300 trên bầu trời Hà Nội?

Trả lời: Đó là Sư đoàn 361, sư đoàn phòng không bảo vệ Hà Nội. Sư đoàn được thành lập ngày 19-5-1965 và là đơn vị có nhiều thành tích trong chiến đấu bảo vệ Thủ đô Hà Nội.

Ngày 7-7-1972, sư đoàn phòng không Hà Nội đã bắn rơi chiếc máy bay thứ 300 trên bầu trời Hà Nội, góp phần viết nên trang sử hào hùng của quân dân Thủ đô trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Câu hỏi 554: Trong 10 năm 1965 - 1975, Hà Nội đã động viên bao nhiêu thanh niên lên đường nhập ngũ?

Trả lời: Trong 10 năm 1965 - 1975, Hà Nội đã tiến hành 29 đợt tuyển quân, động viên hơn 8,6 vạn thanh niên, quân dự bị bổ sung cho các quân binh chủng và trực tiếp chi viện cho các chiến trường. So với chỉ tiêu được giao đạt 102,7% và so với dân số thành phố đạt tỷ lệ 7,04%. Hàng nghìn gia đình có từ 2 đến 6, 7 con đi bộ đội. Hàng trăm gia đình có một con trai độc nhất cũng xung phong tình nguyện nhập ngũ. Khối các cơ quan, xí nghiệp trung ương đóng trên địa bàn Hà Nội động viên tới 23,3% tổng số cán bộ công nhân viên tham gia quân đội thường trực.

So với các địa phương khác, lực lượng thanh niên Hà Nội gia nhập quân đội đạt chất lượng khá cao. Trong 10 năm 1965 - 1975, thành phố đã chuyển giao cho quân đội 5.107 đảng viên, 36.425 đoàn viên, 163 bác sĩ, 168 y sĩ, 362 kỹ sư, 137 trung cấp kỹ thuật và 3.354 thợ các loại. Số học sinh cấp III và sinh viên đại học chiếm 35,1% quân số động viên của thành phố.

Câu hỏi 555: Năng suất lúa của Hà Nội trong những năm 1965 - 1975 đứng vào hàng thứ mấy so với các tỉnh, thành phố khác ở miền Bắc?

Trả lời: Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh, thành của miền Bắc gặp rất nhiều khó khăn. Thiên tai, dịch họa liên tục và những trở ngại lớn đối

với sản xuất nông nghiệp. Hà Nội là địa bàn máy bay Mỹ tập trung đánh phá. Hà Nội vừa sản xuất vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo vệ vùng trời Thủ đô nên sản xuất nông nghiệp càng gặp nhiều khó khăn hơn. Mặc dù vậy, nông nghiệp Hà Nội vẫn đạt được những thành tích to lớn.

Trong những năm 1965 - 1975, năng suất lúa ở Hà Nội thường đứng hàng thứ hai so với các tỉnh, thành khác. Năm 1967, máy bay Mỹ đánh phá ác liệt nhưng năng suất lúa ở Hà Nội vẫn đạt 5,61 tấn/ha cả năm. Hà Nội trở thành địa phương đứng thứ hai sau Thái Bình vượt qua “cửa ải” 5 tấn. Nhiều hợp tác xã đạt năng suất 7 tấn/ha như hợp tác xã Hà Nội - Huế - Sài Gòn, Yên Duyên...

Câu hỏi 556: Địa điểm nào ở Hà Nội trong những năm tháng chống chiến tranh phá hoại được lính Mỹ gọi là “Khách sạn Hilton”?

Trả lời: Đó là nhà tù Hỏa Lò, nơi giam giữ một số phi công Mỹ bị bắn rơi. Lính Mỹ gọi nhà tù này là “Khách sạn Hilton”.

Nhóm khách “không mời mà đến” có mặt sớm nhất ở Hỏa Lò là vào năm 1965. Nhóm khách cuối cùng đến Hỏa Lò là vào năm 1972, đó là giặc lái B52 bị bắn rơi tại thủ đô.

Các vị khách “không mời mà đến” đã rời khách sạn Hilton về nước vào tháng 1-1973.

Câu hỏi 557: Những phi công Mỹ bị bắt trong chiến tranh phá hoại được trao trả đợt cuối cùng ở đâu, khi nào?

Trả lời: Thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Paris về Việt Nam, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trao trả cho Hoa Kỳ số phi công Mỹ bị bắt khi họ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Có hai đợt trao trả tù binh Mỹ. Đợt một, được tiến hành vào ngày 12-2-1973. Việt Nam đã trao trả cho phía Mỹ 116 phi công. Đợt hai, được tiến hành vào ngày 29-3-1973, 107 phi công Mỹ được trao trả.

Ngày 29-3-1973 là ngày viên phi công Mỹ cuối cùng được trao trả tại sân bay Gia Lâm đồng thời cũng là ngày tên lính Mỹ cuối cùng phải rút khỏi miền Nam Việt Nam.

Câu hỏi 558: Ba sự kiện lớn diễn ra tại Hà Nội vào các ngày 2-9-1945, 10-10-1954, 15-5-1975 là những sự kiện gì?

Trả lời: Ngày 2-9-1945, đông đảo đồng bào Hà Nội và các vùng lân cận kéo về Quảng trường Ba Đình dự lễ mừng độc lập. Tại buổi lễ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản “*Tuyên ngôn độc lập*”, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam - Kỷ nguyên Độc lập Tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Ngày 10-10-1954, quân ta tiếp quản Thủ đô. Hà Nội hoàn toàn được giải phóng.

- Ngày 15-5-1975, 70 vạn nhân dân thành phố tập trung ở sân vận động Hàng Đẫy mít tinh chào mừng sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đại thắng, mừng Kỷ nguyên cả nước thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu hỏi 559: Tết Nguyên đán đầu tiên và Tết Nguyên đán cuối cùng nào, người Hà Nội cùng nhân dân cả nước được chủ tịch Hồ Chí Minh chúc Tết?

Trả lời: Phong tục chúc Tết cổ truyền tốt đẹp của nhân dân Việt Nam được chủ tịch Hồ Chí Minh trân trọng giữ gìn. Vì thế, mỗi khi xuân về, nhân dân cả nước thường hướng về Thủ đô, chờ thư chúc Tết của Người.

Tết năm Bính Tuất (1946) là Tết đầu tiên Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư chúc tết đồng bào cả nước. Ngày 5-2-1946, báo *Cứu quốc* số 155 đã đăng *Thư chúc tết* của Người, trong đó có lời chúc bằng thơ:

*Trong năm Bính Tuất mới,
Muôn việc đều tiến tới,
Kiến quốc chóng thành công,
Kháng chiến mau thắng lợi.*

Từ đó trở đi, thành thông lệ, vào phút giao thừa thiêng liêng, nhân dân cả nước đón chờ Người đọc *Thư chúc Tết* được phát qua Đài Tiếng nói Việt Nam.

Đón mừng năm 1969, Người đã gửi *Thư chúc Tết* cuối cùng, trong đó có mấy câu thơ rất ý nghĩa:

*“Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.
Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,
Bắc - Nam sum họp, Xuân nào vui hơn!”*

Tuân theo lời dạy của Người, quân và dân cả nước dốc lòng chống Mỹ, cứu nước và đến mùa xuân 1975, đất nước đã thống nhất.

Câu hỏi 560: Nhân dịp đến thăm thầy, cô giáo và học sinh các trường Nguyễn Trãi, Chu Văn An và Trưng Vương (18-12-1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về vai trò của thanh niên với dân tộc như thế nào?

Trả lời: Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến đào tạo thế hệ trẻ, người chủ tương lai của đất nước. Ngày 18-12-1954, khi đến thăm các thầy, cô giáo và học sinh các trường Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Trưng Vương (Hà Nội). Người đã căn dặn: “Thanh niên là một bộ phận quan trọng của dân tộc. Dân tộc bị nô lệ thì thanh niên cũng bị nô lệ. Dân tộc được giải phóng, thanh niên mới được tự do. Vì vậy thanh niên phải hăng hái tham gia cuộc đấu tranh của dân tộc. Nhiệm vụ chính của thanh niên học sinh là học”. Bây giờ học để: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu

khoa học, yêu đạo đức. Học “để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh, tức là để làm tròn nhiệm vụ người chủ của nước nhà”.

Câu hỏi 561: Có bao nhiêu đoàn đại biểu nước ngoài đã đến dự lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh?

Trả lời: Chủ tịch Hồ Chí Minh không những là lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam mà còn là chiến sĩ xuất sắc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là người bạn lớn của nhân dân thế giới. Vì vậy khi Người qua đời, anh em, bạn bè khắp nơi trên thế giới đến Hà Nội để viếng Người.

Trong các ngày 6, 7, 8 và 9-9-1969, có hơn 40 đoàn đại biểu nước ngoài đến viếng và dự lễ truy điệu Người.

Ngoài ra còn có hơn 22.000 bức điện chia buồn của 121 nước; trong đó có điện và thư của người đứng đầu nhà nước của 47 quốc gia, 79 đảng anh em, 37 tổ chức công đoàn quốc tế, học sinh 56 nước, 36 tổ chức phụ nữ thế giới và 21 tổ chức, đoàn thể quốc tế khác. Các nước xã hội chủ nghĩa tổ chức lễ tang hoặc quốc tang. Nhiều nước lấy tên Người đặt tên cho các công trình kiến trúc và văn hóa công cộng.

Câu hỏi 562: Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh khánh thành vào năm nào?

Trả lời: Thể theo nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân. Quốc hội và Chính phủ quyết định giữ gìn lâu dài thi hài của Chủ tịch Hồ Chí Minh và xây dựng

lăng của Người tại Quảng trường Ba Đình lịch sử. Đầu năm 1970, việc thiết kế, chuẩn bị thi công được tiến hành khẩn trương. Có tới 120 phương án được đề xuất để lựa chọn.

Ngày 2-9-1973, công trình xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh chính thức được khởi công. Các tầng lớp nhân dân Hà Nội đã tích cực tham gia đóng góp công sức để xây dựng lăng. Công trình xây dựng Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh còn được sự giúp đỡ tận tình của Chính phủ và nhân dân Liên Xô.

Ngày 29-8-1975, Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức trọng thể lễ khánh thành Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ đó đến nay, nhân dân ở khắp mọi miền đất nước thường xuyên đến viếng Người, bày tỏ lòng kính trọng vô hạn đối với những cống hiến lớn lao của Người vì độc lập dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.

Câu hỏi 563: Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ khi nào?

Trả lời: Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam về Hà Nội. Ngày 9-11-1946, *Hiến pháp* nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Quốc hội thông qua - *Điều 1* của *Hiến pháp* quy định Thủ đô đặt ở Hà Nội.

Ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tổ chức trên toàn quốc. Hơn 23 triệu

cử tri (98,8%) đã tham gia bầu cử, lựa chọn được 492 đại biểu vào Quốc hội khóa VI. Kết quả của cuộc tổng tuyển cử là thắng lợi lớn có ý nghĩa quyết định trên con đường tiến tới hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

Cuối tháng 6 đầu tháng 7-1976, quốc hội khóa VI họp kỳ họp đầu tiên ở Hà Nội và quyết định đổi tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ 2-7-1976), Thủ đô là thành phố Hà Nội.

Từ đây, lịch sử của Đảng bộ và nhân dân Hà Nội bước sang trang mới với những trọng trách mới.

Câu hỏi 564: Lễ khánh thành đường sắt thống nhất Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức vào thời gian nào?

Trả lời: Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, nhân dân cả nước khẩn trương tiến hành công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Một trong những nhiệm vụ đó là phải tiến hành khôi phục và xây dựng lại tuyến đường sắt Bắc - Nam, đảm bảo huyết mạch giao thông trong cả nước.

Công nhân, bộ đội và nhân dân đã tiến hành làm mới hàng trăm km đường sắt, khôi phục lại đoạn đường cũ từ Huế đi Đà Nẵng và đoạn từ Phú Mỹ đi Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 4-12-1976, với tinh thần lao động hăng say của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân các địa phương, đoạn

đường ray cuối cùng giữa Chu Lễ và Minh Cẩm đã được nối xong.

Ngày 31-12-1976, lễ khánh thành đường sắt thống nhất Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh dài 1.700km đã được tổ chức tại thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Một trong những mạch máu giao thông chính giữa hai thành phố lớn nhất của cả nước đã được nối liền, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Câu hỏi 565: Từ năm nào Hà Nội có cầu Chương Dương?

Trả lời: Cầu Chương Dương dài 1.210,95m; rộng 19,76m. Sau 20 tháng thi công, ngày 30-6-1985, cầu Chương Dương chính thức được đưa vào sử dụng.

Cầu Long Biên, cầu Thăng Long và cầu Chương Dương bắc qua sông Hồng, nối liền Thủ đô Hà Nội với các tỉnh phía Bắc sông Hồng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, văn hóa của Thủ đô và của cả nước.

Câu hỏi 566: Cây cầu cùng tên với Kinh thành Đại Việt được khánh thành vào năm nào?

Trả lời: Đó là cầu Thăng Long, mang tên gọi của Kinh thành nước Đại Việt. Cầu Thăng Long được Liên Xô viện trợ xây dựng từ năm 1978. Sau bảy năm xây dựng, đến ngày 9-5-1985 cầu Thăng Long làm lễ thông xe. Cầu gồm có 2 tầng, cao 14m, dài hơn 5km.

Cầu Thăng Long nối liền với đường cao tốc Nội Bài là công trình đánh dấu sự phát triển của hệ thống giao thông vận tải nước ta, góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển.

Câu hỏi 567: Bệnh viện trẻ em Việt Nam - Thụy Điển được khánh thành vào năm nào?

Trả lời: Được sự giúp đỡ của Chính phủ và nhân dân Thụy Điển, tháng 9-1975, Hà Nội đã khởi công xây dựng Bệnh viện trẻ em Việt Nam - Thụy Điển. Đây là trung tâm chữa bệnh và nghiên cứu các bệnh trẻ em ở tuyến cao nhất trong cả nước.

Ngày 16-3-1981, bệnh viện được khánh thành với 500 giường bệnh, trang thiết bị tương đối hiện đại. Bệnh viện có 8 tầng và được lắp đặt hệ thống thang máy phục vụ bệnh nhân và cán bộ y tế. Đây là một trong những cơ sở y tế đầu tiên ở các tỉnh phía bắc có sử dụng thang máy.

Câu hỏi 568: Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 21-1-1983 về Công tác xây dựng Thủ đô đã xác định vị trí của Hà Nội như thế nào?

Trả lời: Ngày 21-1-1983, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa V) đã ra Nghị quyết số 08/NQ-TW về công tác xây dựng Thủ đô. Nghị quyết xác định: “Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị, về văn hóa và khoa học, kỹ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế. Sự xác định đó thể hiện vị trí, vai trò của Hà Nội đối với sự nghiệp cách mạng

của cả nước, vừa là mục tiêu phấn đấu và trách nhiệm thực hiện của nhân dân Hà Nội cũng như trách nhiệm hỗ trợ của nhân dân cả nước, cùng thực hiện khẩu hiệu: “Hà Nội vì cả nước, cả nước vì Hà Nội”.

Câu hỏi 569: Hà Nội được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương Sao Vàng năm nào?

Trả lời: Do những đóng góp của nhân dân Thủ đô trong hai cuộc kháng chiến và xây dựng đất nước, xây dựng Thủ đô, ngày 6-10-1984, Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương Sao Vàng - Huân chương cao quý nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho nhân dân thủ đô Hà Nội.

Câu hỏi 570: Đại hội Đảng bộ Hà Nội lần thứ X họp vào năm nào? Nội dung chủ yếu của Nghị quyết Đại hội và ai là Bí thư Thành ủy?

Trả lời: Đại hội Đảng bộ Hà Nội lần thứ X họp từ ngày 17 đến 23-10-1986, tại Cung văn hóa Lao động hữu nghị Việt - Xô, với sự có mặt của 709 đại biểu, thay mặt cho hơn 150 ngàn đảng viên.

Tiếp thu tinh thần đổi mới được nêu trong Dự thảo Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI - đại hội mở ra thời kỳ đổi mới của đất nước, Đại hội Đảng bộ Hà Nội lần thứ X đã xác định phải thật sự đổi mới nhận thức, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ: mọi việc phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm mục tiêu.

Với những quyết định đúng đắn về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế xã hội, Đại hội lần thứ X đã đánh dấu bước tiến mới về chất lượng lãnh đạo của Đảng bộ.

Bí thư Thành ủy khóa X là đồng chí Nguyễn Thanh Bình.

Đảng bộ Hà Nội khóa X có nhiệm vụ tập trung chỉ đạo thực hiện công cuộc đổi mới ở Thủ đô Hà Nội theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI.

Câu hỏi 571: Tính đến 31-12-1999, Hà Nội có bao nhiêu dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực hoạt động (theo số liệu thống kê của Cục Thống kê Hà Nội)?

Trả lời: Với vị trí là Thủ đô của đất nước và với những nỗ lực thực hiện đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại, Hà Nội đã thu hút được khá nhiều vốn đầu tư nước ngoài. Tính đến 31-12-1999, Hà Nội có 342 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực hoạt động với tổng số vốn đăng ký là 7.975 triệu USD, vốn thực hiện là 2.495 triệu USD, tạo việc làm cho 23.553 người. Cơ cấu đầu tư ngày càng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như công nghiệp, hạ tầng đô thị.

Những dự án đầu tư thực hiện có hiệu quả sẽ góp phần phát triển kinh tế Thủ đô Hà Nội.

Câu hỏi 572: Trong thời kỳ đổi mới, Hà Nội có kế hoạch xây dựng thêm những khu công nghiệp tập trung nào? Địa điểm những khu công nghiệp đó?

Trả lời: Một trong những mục tiêu của công cuộc đổi mới là thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với vị trí là trung tâm đầu não về chính trị, về văn hóa và khoa học - kỹ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước, Hà Nội càng cần phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thực hiện đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại, Hà Nội có điều kiện thu hút vốn đầu tư của nước ngoài. Vì vậy, trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, Hà Nội có kế hoạch tiến hành xây dựng thêm 5 khu công nghiệp tập trung mới với diện tích 784ha, số vốn đầu tư cho hạ tầng cơ sở khoảng trên 250 triệu USD. Đó là khu công nghiệp Nội Bài ở huyện Sóc Sơn, khu công nghiệp Sài Đồng A, khu công nghiệp Sài Đồng B ở huyện Gia Lâm, khu công nghiệp Thăng Long ở huyện Đông Anh và khu công nghiệp Đài Tư ở huyện Gia Lâm.

Hiện nay các khu công nghiệp tập trung đã và đang tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó có một số cơ sở đã được đưa vào hoạt động. Đầu năm 2000, các khu công nghiệp tập trung của Hà Nội đã thu hút được 22 dự án với tổng số vốn đầu tư đạt khoảng 340 triệu USD, 15 dự án đã đi vào sản xuất.

Câu hỏi 573: Quận nào của Hà Nội có số hộ tư thương và số người kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ cá thể cao nhất?

Trả lời: Thời kỳ đổi mới, Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện chủ trương đó, thành phần kinh tế tư nhân, cá thể trong ngành thương nghiệp ở Hà Nội nhanh chóng bung ra và hoạt động sôi nổi.

Quận Hoàn Kiếm với lợi thế của mình trở thành quận có số hộ tư thương và số người kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ cá thể đông nhất thành phố (11.566 hộ và 17.819 người vào tháng 7-1999).

Hoạt động của các hộ tư thương và những người kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ cá thể đã góp phần tích cực đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của nhân dân, làm bộ mặt thủ đô thêm sầm uất.

Câu hỏi 574: Hiện nay, Hà Nội có bao nhiêu siêu thị?

Trả lời: Siêu thị là hình thức tổ chức của thương nghiệp hiện đại. Năm 1994, với sự ra đời của siêu thị chợ Hôm, người dân Thủ đô mới biết đến loại hình thương nghiệp này. Từ đó đến nay cùng với sự phát triển của nền kinh tế, số lượng các siêu thị tăng lên không ngừng. Giữa năm 2000, Hà Nội có khoảng trên

40 siêu thị. Một trong những khu vực dân cư có số lượng siêu thị tập trung nhất là khu vực Kim Liên - Trung Tự. Chỉ tính từ ngã tư Chùa Bộc đến ngã tư Kim Liên đã có tới 4 siêu thị.

Câu hỏi 575: Hiện nay, Hà Nội đã có khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao chưa? Đó là những khách sạn nào?

Trả lời: Vào những năm cuối của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, số lượng các nhà đầu tư và khách du lịch đến Hà Nội tăng lên. Trong khi đó, hệ thống khách sạn, nhà khách của Hà Nội vừa ít về số lượng vừa không đạt tiêu chuẩn quốc tế. Vì vậy, nhiều nhà kinh doanh trong và ngoài nước đã nắm bắt cơ hội đầu tư xây dựng hàng loạt khách sạn, nhà khách. Năm 1999, số lượng khách sạn, nhà khách ở Hà Nội lên tới 277 cơ sở. Một số khách sạn liên doanh với nước ngoài đã đạt tiêu chuẩn 5 sao. Đó là các khách sạn: Metropole ở 15 Ngô Quyền, Daewoo ở 360 Kim Mã, Maritus ở số 1 đường Thanh Niên.

Câu hỏi 576: Trong các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ) ở Hà Nội, ngành kinh tế nào chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tổng sản phẩm trong nước?

Trả lời: Ngay từ năm 1983, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết về công tác xây dựng Thủ đô, xác định Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị, văn hóa và khoa học đồng thời là trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế.

Thời kỳ đổi mới, kinh tế Hà Nội chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa nên nhu cầu về dịch vụ ngày càng lớn. Trong bối cảnh đó và với lợi thế là trung tâm đầu não của cả nước nên khu vực kinh tế dịch vụ (bao gồm cả thương mại, du lịch và các dịch vụ khác) phát triển với tốc độ nhanh nhất. Vì vậy trong cơ cấu tổng sản phẩm trong nước thì khu vực kinh tế dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất, sau đó mới đến kinh tế công nghiệp, cuối cùng là kinh tế nông nghiệp. Xu hướng chung là tỷ trọng của kinh tế nông nghiệp ngày càng giảm đi. Năm 1999, theo *Niên giám thống kê Hà Nội*, khu vực kinh tế dịch vụ chiếm 58,6%, công nghiệp chiếm 37,5%, nông nghiệp chiếm 3,9%.

Hà Nội đang trở thành một trong những trung tâm thương mại, dịch vụ lớn của cả nước.

Câu hỏi 577: Những năm gần đây, Hà Nội có nhiều cố gắng cải tạo, nâng cấp hệ thống đường sá giao thông. Một số tuyến đường mới đã hình thành vừa đảm bảo về chất lượng vừa làm tăng vẻ đẹp cho thành phố. Đó là những tuyến đường nào?

Trả lời: Hà Nội, Thủ đô của cả nước có mật độ dân số khá cao. Theo *Niên giám thống kê Hà Nội* năm 1999, mật độ dân số của Hà Nội là 2.909 người/km², nội thành là 16.857 người/km². Trong khi đó, hệ thống đường sá giao thông và các phương tiện giao thông công cộng của Hà Nội kém phát triển. Phương tiện

giao thông chủ yếu của người dân Hà Nội là xe máy, xe đạp. Chính vì vậy, Hà Nội thường xuyên xảy ra hiện tượng ùn tắc giao thông.

Để khắc phục tình trạng đó, những năm gần đây, Hà Nội đã tập trung cải tạo, nâng cấp hệ thống đường sá giao thông. Một số tuyến đường giao thông ở những vùng trọng điểm được cải tạo, nâng cấp như đường Kim Liên - Trung Tự thuộc đường vành đai I, đường Liễu Giai, đường Nguyễn Chí Thanh, đường Cầu Giấy - Hùng Vương (đoạn Kim Mã - Ngọc Khánh)... Một số nút giao thông cũng được giải tỏa như Chùa Bộc, Kim Liên, Cống Chênh... Một số dự án giao thông quan trọng vẫn đang tiếp tục được thực hiện.

Sự phát triển của hệ thống đường sá giao thông góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển và làm tăng thêm vẻ đẹp của thủ đô Hà Nội.

Câu hỏi 578: Hà Nội được Nhà nước công nhận là địa phương đầu tiên đạt chuẩn quốc gia về phổ cập cấp I và xóa mù chữ vào năm nào?

Trả lời: Một trong những nhiệm vụ của hệ thống giáo dục phổ thông là phải thực hiện xóa mù chữ và tiến hành phổ cập cấp I cho toàn dân. Đảng bộ Hà Nội rất chú trọng công tác giáo dục, luôn quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đầu tư xây dựng, mở rộng hệ thống các trường, lớp, tích cực tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt công tác giáo dục... nên công tác xóa nạn mù chữ và phổ cập giáo dục cấp I đạt được những kết quả tốt.

Năm 1990, Hà Nội là địa phương đầu tiên được Nhà nước công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập cấp I.

Câu hỏi 579: Hà Nội đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục cấp trung học cơ sở vào năm nào?

Trả lời: Sau khi đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, Hà Nội tiếp tục phấn đấu thực hiện mục tiêu cao hơn: phổ cập giáo dục cấp trung học cơ sở. Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ Hà Nội và với cố gắng của ngành giáo dục, với sự ủng hộ của cán bộ nhân dân, cuối năm 1999, Hà Nội lại là địa phương đầu tiên được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục cấp trung học cơ sở, sớm 1 năm so với kế hoạch đề ra ban đầu.

Câu hỏi 580: Ở cấp học phổ thông nào của Hà Nội (tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học), có số trường dân lập cao nhất?

Trả lời: Hòa chung vào công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta chủ trương xã hội hóa công tác giáo dục. Đây là một chủ trương đúng để phát triển giáo dục trong điều kiện chuyển sang cơ chế thị trường với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

Thực hiện chủ trương đó, Hà Nội đã tổ chức các loại hình trường, lớp tư thục ở ngành học mầm non và trường lớp bán công, dân lập ở tất cả các bậc học phổ thông. Số trường dân lập tập trung cao nhất là ở cấp phổ thông trung học (năm 1999, ở cấp phổ thông trung học

có 45 trường dân lập, trong khi đó ở bậc tiểu học chỉ có 18 trường, ở bậc trung học cơ sở chỉ có 11 trường).

Trong các trường phổ thông trung học, có một số trường có chất lượng đào tạo tốt như trường Mari Quiri, trường Lương Thế Vinh... Những trường này có tỷ lệ học sinh thi đỗ đại học cao, gây được sự tín nhiệm đối với nhân dân Hà Nội.

Câu hỏi 581: Trường đại học và cao đẳng tập trung đông nhất ở khu vực nào của Hà Nội?

Trả lời: Đó là quận Đống Đa và quận Thanh Xuân. Hiện tại khu vực này có các trường đại học: Đại học Y khoa, Học viện Ngân hàng, Đại học Thủy Lợi, Đại học Công đoàn, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Ngoại ngữ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (phần viện Hà Nội), Đại học An Ninh, Đại học Kiến trúc...

Câu hỏi 582: Đại học Quốc gia Hà Nội thành lập trên cơ sở hợp nhất của những trường nào?

Trả lời: Ngày 10-12-1993, Thủ tướng Chính phủ có quyết định thành lập Đại học Quốc gia Hà Nội trên cơ sở hợp nhất các trường: Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.

Hiện nay Đại học Quốc gia Hà Nội bao gồm các trường, một số khoa và một số trung tâm trực thuộc: Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ, Khoa

Công nghệ, Khoa Luật, Khoa Kinh tế, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Sư phạm, Trung tâm bồi dưỡng cán bộ giảng dạy lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Trung tâm Thông tin Thư viện... Đây là một đại học đa ngành, đào tạo chất lượng cao.

Câu hỏi 583: Trong 10 năm qua (1990 - 2000) mùa nào ở Hà Nội đông người nhất?

Trả lời: Đó là mùa thi vào đại học, cao đẳng. “Mùa” này thường tập trung vào trung tuần tháng 7. Vào dịp thi, có khoảng 30 đến 35 vạn người đổ về Hà Nội. Đó là các thí sinh và các bậc phụ huynh từ khắp các tỉnh kéo về. Vì lượng người tăng đột ngột, lại tham gia giao thông cùng một thời điểm nên trong mùa thi, đường sá tắc nghẽn người qua lại và thường xuyên xảy ra hiện tượng tắc đường.

Câu hỏi 584: Ngành y tế Hà Nội vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Ba vào năm nào?

Trả lời: Năm 1999, ngành y tế Hà Nội tổ chức lễ kỷ niệm 45 năm thành lập ngành. Trong gần nửa thế kỷ, bằng sự phấn đấu của nhiều thế hệ cán bộ, ngành y tế Hà Nội đã đạt được nhiều thành tích từ khám chữa bệnh đến công tác quản lý, đào tạo và tham gia các hoạt động từ thiện xã hội. Những cố gắng của tập thể y, bác sĩ và đội ngũ cán bộ công tác trong ngành y tế đã góp phần tích cực trong việc giữ gìn sức khỏe

và nâng cao đáng kể chất lượng cuộc sống của nhân dân Thủ đô.

Với những cố gắng đó, năm 1998, ngành y tế Hà Nội vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Ba. Năm 1999, nhân dịp kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam (27-2), ngành y tế thủ đô lại được đón nhận cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua” của Chính phủ.

Câu hỏi 585: Thành phố nào dẫn đầu cả nước trong việc thực hiện chỉ tiêu 100% xã, phường có bác sĩ, 100% thôn có cán bộ y tế cộng đồng?

Trả lời: Hà Nội là địa phương tập trung nhiều bệnh viện lớn của cả nước. Ngoài những đóng góp để xây dựng, cải tạo nâng cấp các bệnh viện trung ương, địa phương, Hà Nội còn có nhiều cố gắng củng cố hàng trăm trạm y tế xã, phường. Vì vậy, các cơ sở y tế của Hà Nội đều được đầu tư đáng kể về cơ sở vật chất, đặc biệt là đội ngũ cán bộ y tế được nâng cao về cả chất lượng lẫn số lượng.

Với những cố gắng đó, Hà Nội trở thành thành phố đầu tiên trong cả nước hoàn thành chỉ tiêu phủ kín bác sĩ xã, phường, 100% thôn có cán bộ y tế cộng đồng và màn lưới cung ứng thuốc tại xã với đội ngũ cán bộ y tế xã, phường thường xuyên được đào tạo lại, trang bị thêm kiến thức y tế cộng đồng, kiến thức phòng chống các bệnh xã hội và y học dự phòng.

Câu hỏi 586: Tỉnh đến tháng 12-1999, Hà Nội có bao nhiêu thư viện (theo số liệu của Cục Thống kê Hà Nội)? Thư viện Hà Nội nằm ở phố nào?

Trả lời: Với vị trí là Thủ đô của cả nước, hệ thống thư viện của Hà Nội được tập trung đầu tư xây dựng, củng cố. Theo *Niên giám thống kê* của Cục Thống kê Hà Nội thì đến năm 1999, Hà Nội có 14 thư viện. Thư viện Quốc gia là thư viện tổng hợp lớn nhất của cả nước. Hiện nay, Thư viện Quốc gia đã là thành viên của Hiệp hội quốc tế các thư viện (IFLA). Ngoài ra, Hà Nội còn có các thư viện cấp trung ương khác như: Thư viện Khoa học tự nhiên, Thư viện Khoa học xã hội, Thư viện Quân đội...

Thành phố Hà Nội có thư viện riêng mang tên Thư viện Hà Nội ở số nhà 47 phố Bà Triệu. Ngoài sách báo thông thường, tại đây có một kho sách về địa chí Hà Nội rất bổ ích.

Câu hỏi 587: Thực hiện kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 về khoa học công nghệ, Hà Nội đã triển khai bao nhiêu chương trình trọng điểm, đề tài nghiên cứu khoa học?

Trả lời: Hà Nội có lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật hùng hậu, tập trung tới hai phần ba số cán bộ có trình độ trên đại học. Đó là điều kiện thuận lợi để phát triển khoa học và công nghệ.

Trong kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, hoạt động khoa học công nghệ của Hà Nội có những bước chuyển biến quan trọng trong đổi mới công tác quản

lý, tăng số lượng đề tài nghiên cứu khoa học, nâng cao hiệu quả nghiên cứu... cụ thể, trong 5 năm Hà Nội đã triển khai thực hiện 95 chương trình trọng điểm, 1.640 đề tài nghiên cứu khoa học. Trong số đề tài được nghiệm thu đã có 69,4% đề tài được đưa vào sản xuất, áp dụng được 140 công nghệ mới, tạo ra được nhiều sản phẩm có chất lượng, 205 sản phẩm đạt Huy chương Vàng tại hội chợ triển lãm.

Với những thành tích trên, hoạt động khoa học công nghệ của Hà Nội đang từng bước trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội Thủ đô phát triển.

Câu hỏi 588: *Theo chuẩn mực đánh giá của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 1999, địa phương nào có tỷ lệ hộ đói nghèo thấp nhất so với các tỉnh thành trong cả nước?*

Trả lời: Chuyển sang cơ chế thị trường, kinh tế có động lực phát triển nhưng đồng thời cũng nảy sinh những hiện tượng tiêu cực như phân hóa giàu nghèo. Đề tiến tới thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, cùng với chủ trương phát triển kinh tế, Đảng ta đã có nhiều chủ trương khắc phục những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường. Xóa đói giảm nghèo là một trong những chủ trương đó.

Đảng bộ Hà Nội đã chỉ đạo sát sao việc thực hiện chủ trương này, nhân dân Hà Nội ở tất cả các quận huyện đều tích cực hưởng ứng. Vì vậy, năm 1999, tỷ

lệ hộ nghèo ở Hà Nội chỉ còn 1,47%, trong khi tỷ lệ hộ đói nghèo chung của cả nước là 13,03%.

Hà Nội là địa phương có tỷ lệ hộ đói nghèo thấp nhất trong cả nước.

Câu hỏi 589: Địa phương nào trong cả nước có Quỹ đền ơn đáp nghĩa nhiều nhất?

Trả lời: Uống nước nhớ nguồn vốn là đạo lý của nhân dân Việt Nam. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Hà Nội cũng như nhiều địa phương khác ở miền Bắc đã thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Phát huy truyền thống đó, những năm gần đây, Hà Nội đã phát động phong trào đền ơn đáp nghĩa, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Các quận, huyện đều thành lập quỹ đền ơn đáp nghĩa. Hà Nội là thành phố có số tiền đóng góp vào quỹ đền ơn đáp nghĩa nhiều nhất so với các tỉnh, thành trong cả nước (quỹ đền ơn đáp nghĩa của Hà Nội tính đến tháng 12-1999 có đến 94.705 triệu đồng, cả nước có 509.162 triệu đồng).

Câu hỏi 590: Thủ đô Hà Nội được tặng danh hiệu “thành phố vì hòa bình” năm nào?

Trả lời: Ngày 16-7-1999, Hà Nội là thành phố duy nhất tiêu biểu cho khu vực châu Á - Thái Bình Dương và là một trong 5 thành phố trên thế giới được UNESCO, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc trao giải thưởng “Thành phố vì hòa bình”.

Đây là vinh dự lớn và là niềm tự hào của nhân dân Thủ đô, những con người đã và sẽ luôn luôn phấn đấu vì một nền hòa bình trên toàn thế giới.

Câu hỏi 591: *Tờ báo nào được coi là tiền thân trực tiếp của báo Hà Nội mới? Tờ báo đó ra số đầu tiên vào ngày nào?*

Trả lời: Ngay từ ngày đầu kháng chiến, Hà Nội đã có tờ báo *Thủ đô* - cơ quan tuyên truyền của Ủy ban kháng chiến khu 11, ra số báo đầu tiên ngày 22-12-1946. Nhưng do khó khăn của tình hình lúc đó, báo chỉ tồn tại đến đầu năm 1947.

Những năm đầu sau khi tiếp quản Thủ đô, Hà Nội chỉ có 3 tờ nhật báo: tờ *Nhân Dân* - cơ quan Trung ương của Đảng và hai tờ báo của tư nhân (*Thời mới*, *Hà Nội hàng ngày*).

Trước những đòi hỏi ngày càng cấp bách của phong trào cách mạng thủ đô, thành ủy Hà Nội chủ trương phải xuất bản tờ báo hàng ngày cho thủ đô. Ngày 24-10-1957, báo *Thủ đô* ra số đầu tiên. Đây là một bước tiến quan trọng trong công tác chính trị tư tưởng của Đảng bộ Hà Nội, góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ Hà Nội đối với cuộc đấu tranh chung của nhân dân Thủ đô trong giai đoạn lịch sử mới.

Việc xuất bản tờ báo *Thủ đô* là sự kiện quan trọng trong lịch sử báo Hà Nội vì đây chính là tiền thân trực tiếp của báo *Hà Nội mới*.

Cuối năm 1958, Thành ủy Hà Nội chủ trương hợp nhất hai tờ báo *Thủ đô* và *Hà Nội hàng ngày* thành tờ báo mang tên *Thủ đô Hà Nội* - tờ báo chính thức của Đảng bộ Hà Nội, ra số đầu tiên ngày 1-1-1959.

Cuối năm 1967, do chủ trương của Đảng lúc đó, tờ báo *Thời mới* lại sáp nhập với báo *Thủ đô Hà Nội* thành tờ báo với tên gọi do chính Bác Hồ đặt cho: báo *Hà Nội mới*, ra số đầu tiên vào ngày 25-1-1968.

Hơn 40 năm xây dựng và trưởng thành, báo *Hà Nội mới* trở thành người lính xung kích trên mặt trận tư tưởng của Đảng bộ và chính quyền thành phố, thực hiện được vai trò của tờ báo Đảng “là người tuyên truyền tập thể, người cổ động tập thể và người tổ chức tập thể”.

Câu hỏi 592: Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ nhất của Hà Nội được tiến hành vào thời gian nào? Hiện nay, Đảng bộ Hà Nội đang chuẩn bị tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ mấy?

Trả lời: Từ ngày 21 đến ngày 30-4-1959, Đảng bộ Hà Nội đã tiến hành Hội nghị với sự tham gia của 236 đại biểu chính thức, 77 đại biểu dự thỉnh thay mặt cho trên 12.000 đảng viên thủ đô.

Hội nghị đã kiểm điểm các mặt công tác chính của Đảng bộ năm 1958, quyết định nhiệm vụ công tác và các chỉ tiêu kế hoạch năm 1959, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 31 ủy viên. Đồng chí Trần Danh Tuyên được bầu làm Bí thư Thành ủy, các đồng

chí Nguyễn Thọ Chân và Trần Vĩ được bầu làm Phó Bí thư.

Hội nghị Đảng bộ lần này mang tầm vóc lịch sử - Đại hội đại biểu Đảng bộ Hà Nội lần thứ nhất.

Hiện nay, Đảng bộ Hà Nội đang tiến hành chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIII, dự kiến tiến hành họp vào cuối năm 2000. Ban Chấp hành Đảng bộ Hà Nội được bầu ra trong kỳ Đại hội này sẽ có nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân Thủ đô thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm đầu tiên của thiên niên kỷ mới 2001 - 2005.

Câu hỏi 593: Cho đến năm 2001 đã có bao nhiêu kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức ở Hà Nội?

Trả lời: Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời trên cơ sở hợp nhất của 3 tổ chức cộng sản: Đảng Cộng sản Đông Dương, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Từ đó cho đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành 8 kỳ Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ nhất (1935) họp tại Ma Cao, Trung Quốc. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ hai (1951) họp tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Còn lại 6 kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc (từ Đại hội III đến Đại hội VIII) của Đảng đều được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội.

Nhân dân Thủ đô vinh dự thay mặt nhân dân cả nước đón chào đoàn đại biểu của các nước và các vị khách quốc tế cùng đại biểu của các tỉnh, thành phố khác đến tham dự Đại hội.

Năm 2001, năm đầu tiên của thiên niên kỷ mới, nhân dân Thủ đô có vinh dự chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ IX - Đại hội có nhiệm vụ đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới đất nước.

Câu hỏi 594: Có bao nhiêu tổ chức cơ sở Đảng và bao nhiêu đảng viên được biểu dương trong Hội nghị biểu dương các tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh và các đảng viên có thành tích xuất sắc trong 5 năm (1995 - 1999)?

Trả lời: Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch và vững mạnh là một việc làm thường xuyên liên tục của Đảng bộ Hà Nội. Năm năm 1995 - 1999, nhiệm vụ xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh được Đảng bộ thành phố thực hiện đồng thời với chương trình 14 của Thành ủy về đổi mới và chỉnh đốn tổ chức cơ sở Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII). Năm 1999 đã có 65% tổ chức cơ sở đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh.

Tại Hội nghị tổ chức ngày 3 tháng 8 năm 2000 có 61 tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu và 52 đảng viên có thành tích xuất sắc trong 5 năm 1995 - 1999 được biểu dương.

Câu hỏi 595: Bộ Chính trị xác định ý nghĩa, yêu cầu của việc kỷ niệm 990 năm và 1000 năm Thăng Long như thế nào?

Trả lời: Ngày 4-5-1998, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 32/CT-TƯ về việc kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Chỉ thị nêu rõ: “Đây là một sự kiện trọng đại trong lịch sử nước nhà. Bởi vậy, việc tổ chức kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội là sự biểu thị tình cảm và đạo lý uống nước, nhớ nguồn của người Việt Nam đối với các thế hệ cha ông đã có công dựng nước; giữ nước; là dịp giáo dục truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc; động viên toàn Đảng, toàn dân phấn đấu xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đây cũng là dịp để giới thiệu và nâng cao tầm vóc của Thủ đô Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung ở khu vực và trên thế giới”.

Việc thực hiện chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội là nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ và nhân dân Hà Nội, đồng thời là cuộc vận động mang ý nghĩa rộng lớn trên phạm vi toàn quốc. Quá trình tổ chức lễ kỷ niệm cần thiết thực, gắn liền với chương trình phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng Thủ đô; gắn với việc xây dựng và bồi dưỡng con người mới, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy truyền thống Hà Nội ngàn năm văn hiến.

Câu hỏi 596: Những nội dung cần làm để thiết thực kỷ niệm 990 năm và 1000 năm Thăng Long - Hà Nội được Bộ Chính trị Trung ương Đảng xác định như thế nào?

Trả lời: Để tiến tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, ngày 4-5-1998, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 32/CT-TU về việc kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội nhấn mạnh cần chỉ đạo triển khai các công việc chủ yếu như sau:

- Hà Nội phải phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và những năm tiếp theo; xây dựng Thủ đô xứng đáng là trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật, là trung tâm kinh tế và giao dịch quốc tế lớn của cả nước, là một thành phố gương mẫu cho cả nước.

- Việc thực hiện quy hoạch xây dựng phát triển của Thủ đô cần gắn với các mục tiêu của chương trình kỷ niệm. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, xây dựng một số công trình văn hóa; xây dựng và tôn tạo công viên, khu vui chơi, giải trí, du lịch để Hà Nội sớm trở thành một Thủ đô vừa văn minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, thanh lịch, vừa giữ được bản sắc dân tộc.

- Thực hiện một chương trình khoa học cấp Nhà nước nhằm tổng kết kinh nghiệm lịch sử của Thăng Long - Hà Nội trên những vấn đề lớn qua 1000 năm đấu tranh, xây dựng và phát triển.

Tiến tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội mà khởi đầu là tổ chức kỷ niệm 990 năm Thăng Long

vào năm 2000, nhằm nâng cao nhận thức và tự hào về Thủ đô ngàn năm văn hiến và động viên toàn dân thi đua đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lập thành tích chào mừng Đại hội lần thứ IX của Đảng, tạo đà cho đất nước tiến vào thế kỷ XXI.

Đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục truyền thống sâu rộng trong nhân dân, đặc biệt là thanh thiếu niên, phát động phong trào toàn dân bằng những hoạt động cụ thể, thiết thực hướng tới kỷ niệm 990 năm và 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Xây dựng con người mới, phấn đấu thực hiện nếp sống trật tự kỷ cương, thanh lịch của người Hà Nội, khắc phục có hiệu quả những tệ nạn xã hội.

Thành lập Ban chỉ đạo quốc gia Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long.

Câu hỏi 597: Quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị để kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội như thế nào?

Trả lời: Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung của thủ đô Hà Nội đến năm 2020.

Mục tiêu đặt ra là: xây dựng thủ đô Hà Nội trở thành một thành phố vừa dân tộc, vừa hiện đại, đậm đà bản sắc và truyền thống ngàn năm văn hiến. Trong quy hoạch xây dựng và phát triển Thủ đô, coi sông Hồng, Hồ Tây và các hồ như một nguồn lợi thiên nhiên quý giá, có kế hoạch bảo vệ và khai thác một cách hiệu quả.

Cơ cấu quy hoạch không gian bao gồm: thành phố Hà Nội trung tâm và các đô thị xung quanh với bán kính từ 30 đến 50km. Hướng phát triển lâu dài của thành phố Hà Nội chủ yếu về phía Tây, hình thành chuỗi đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây; phía Bắc là cụm đô thị Sóc Sơn (thành phố Hà Nội) - Xuân Hòa - Đại Lải - Vĩnh Yên (tỉnh Vĩnh Phúc) và các đô thị khác. Trước mắt, hướng mở rộng thành phố Hà Nội: trung tâm về phía tây bắc, tây nam và phía bắc; trong đó ưu tiên cho đầu tư và phát triển khu vực phía bắc sông Hồng.

Phấn đấu đến năm 2010, Hà Nội là một thành phố tương đối hiện đại và là nơi bảo tồn bản sắc văn hóa Việt Nam: thành phố xanh, sạch, đẹp, văn minh. Chúng ta sẽ xây dựng và cải tạo các tuyến đường, các nút giao thông; thực hiện dự án cấp nước sạch, thoát nước... giải quyết nạn úng ngập trong nội thành; xây dựng một số khu đô thị mới tại Trung Văn, Yên Hòa, Linh Đàm, làng quốc tế Thăng Long; các khu nhà ở, xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng như: quy hoạch mạng lưới trường học, các công trình văn hóa, y tế, thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, khu phố cổ...

Câu hỏi 598: Những di tích lịch sử, công trình văn hóa nào ở Hà Nội được đưa vào chương trình tôn tạo, xây dựng đến năm 2010?

Trả lời: Hà Nội có nhiều di tích lịch sử - văn hóa. Từ nay đến năm 2010 cần huy động tiềm năng của

Nhà nước, sự tham gia đóng góp của nhân dân, của các nhà tài trợ trong nước và quốc tế nhằm bảo tồn, tôn tạo và xây dựng những công trình di tích lịch sử - văn hóa như:

- Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám (bao gồm cả khu Thái Học và Hồ Văn); quần thể di tích Cổ Loa;

- Từng bước bảo tồn, tôn tạo khu phố cổ; tôn tạo khu thành cổ Hà Nội;

- Xây dựng một số công trình tượng đài (tượng đài Chiến thắng, tượng đài vua Lý Công Uẩn, đài biểu tượng Thăng Long và một số tượng đài danh nhân); Tôn tạo khu tượng đài vua Lê, khu Đền Sóc, khu di tích gò Đống Đa, Ngọc Hồi...;

- Xây dựng bảo tàng Hà Nội; xây dựng bộ phim truyện lịch sử Hà Nội và bộ phim tư liệu Thăng Long - Hà Nội; xuất bản Bách khoa thư Hà Nội.

- Xây dựng Cung Thể thao tổng hợp Quân Ngựa, khu Liên hợp thể thao quốc gia ở Mỹ Trì - Mỹ Đình, Trường Năng khiếu thể thao thiếu niên 10-10 v.v.

Câu hỏi 599: Kế hoạch tổ chức kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội của thành phố Hà Nội như thế nào?

Trả lời: Ngày 19-7-1999, Hội đồng nhân dân thành phố khóa XI, kỳ họp thứ 13 đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch chuẩn bị kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội. Ủy ban nhân thành phố đã ra kế hoạch số 40/KH-UB về tổ chức kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội năm 2000.

Việc chuẩn bị và tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội được tiến hành với các nội dung:

- Tổ chức và động viên toàn Đảng, toàn dân thi đua thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, tham gia xây dựng các công trình hạ tầng đô thị, phúc lợi xã hội và tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa.

- Tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học để nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng tự hào của mọi người dân Thủ đô trong cuộc sống, lao động, học tập và nếp sống đô thị.

- Tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội vào tháng 10 năm 2000.

Câu hỏi 600: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã kêu gọi tham gia đóng góp, tu bổ, tôn tạo một số công trình văn hóa lịch sử Thủ đô thiết thực kỷ niệm 990 năm và 1000 năm Thăng Long - Hà Nội như thế nào?

Trả lời: Lời kêu gọi nói trên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Hà Nội Hoàng Văn Nghiên ký ngày 28-7-1999. Nội dung có những điểm chính như sau:

Hà Nội là thủ đô ngàn năm văn hiến của đất nước, có rất nhiều di tích văn hóa, lịch sử gắn liền với bề dày truyền thống dân tộc, song các di tích đó đã và đang bị hư hại, xuống cấp nghiêm trọng. Do đó, để thiết thực kỷ niệm 990 năm và 1000 năm Thăng Long

- Hà Nội, phải ra sức bảo vệ, xây dựng, tu bổ, tôn tạo các di tích đó để vừa thể hiện ý thức “uống nước nhớ nguồn” vừa làm phong phú thêm cuộc sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta hiện nay, nhất là trong bối cảnh nước ta và Hà Nội hội nhập với thế giới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Một số công trình cần xây dựng, tôn tạo là: Khu di tích lịch sử Thành Cổ Loa, Khu di tích Thành cổ Hà Nội, Khu di tích lịch sử - văn hóa Văn Miếu - Quốc Tử Giám, bảo tồn, cải tạo khu phố cổ Hà Nội, xây dựng Bảo tàng Lịch sử - văn hóa Hà Nội, một số công trình tường niệm và tượng đài về lịch sử chiến thắng qua các thời đại, Xây dựng tượng đài Lý Công Uẩn - vị vua có công dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long năm 1010, xây dựng cụm thể thao tổng hợp Quân Ngựa và một số công trình văn hóa thể thao khác.

Những yêu cầu về nhân tài, vật lực cần thiết để thực hiện xây dựng, tu bổ, tôn tạo những công trình đó là rất lớn, thời gian thực hiện gấp. Do đó rất cần được sự tham gia, đóng góp xây dựng của nhân dân Hà Nội và cả nước, của đồng bào Việt Nam sống ở nước ngoài, của các đơn vị, tổ chức trong nước và bạn bè quốc tế.

Cách thức tham gia, đóng góp bao gồm tiền bạc, công sức, tài năng, tri tuệ... sự đóng góp của mỗi công dân, đơn vị, tổ chức, dưới mọi hình thức dù lớn, dù nhỏ đều được trân trọng theo Quy chế ghi công đức

đóng góp, tài trợ xây dựng, tu bổ, tôn tạo các công trình văn hóa, lịch sử trên địa bàn Hà Nội nhân dịp kỷ niệm 990 năm và 1000 năm Thăng Long - Hà Nội do Ban Chỉ đạo quốc gia kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội đã ban hành. Ngoài việc ghi công đức, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội còn trao tặng Huy hiệu kỷ niệm 990 năm, 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và Kỷ niệm chương Hà Nội cho các tổ chức, cá nhân có những đóng góp tiêu biểu.

Với truyền thống “Hướng về cội nguồn”, chúng ta hy vọng rằng, những năm đầu thế kỷ XXI, Thủ đô Hà Nội sẽ có những di tích lịch sử, văn hóa được tu bổ, tôn tạo, bên cạnh những công trình văn hóa, thể thao được xây dựng với sự đóng góp to lớn của nhân dân, các tổ chức trong và ngoài nước để Hà Nội mãi mãi xứng đáng là Thủ đô ngàn năm văn hiến.

IX. ĂN, MẶC, Ở, ĐI LẠI

Câu hỏi 601: Trong tục ngữ, ca dao cổ của Thăng Long - Hà Nội có nhiều câu chỉ nông sản, thực phẩm gắn với tên làng, hoặc tên địa danh?

Trả lời: Khắp nước, vùng, xứ, quê nào cũng có những câu tục ngữ, ca dao cổ gắn những đặc sản (thực phẩm, món ăn, nông sản...) với những tên làng, tên xóm: xứ Đoài (Hà Tây) “rượu Đông Lâm, bầu Tri Lai, khoai Tăng Cầu, dưa hấu Yên Bồ”, xứ Nam (Hà Nam, Nam Định): “Rượu Vân La, cà Trác Bút, bún Lộc Hà”..., đến xứ Nghệ: “Nhút Thanh Chương, tương Nam Đàn”, xứ Quảng: “Nem chua Hòa Vang, bánh đồ Hội An, khoai lang Trà Kiệu, thơm rượu Tam Kỳ”...

Nhưng chưa có vùng nào mà số lượng những câu tương tự lại nhiều như ở Thăng Long - Hà Nội; chỉ riêng vùng ngoại vi Hà Nội (Từ Liêm, Thanh Trì) đã có hàng chục câu như: “Chè với Cầu Tiên, bún sen Tứ Kỳ”, “Khoai lang Triều Khúc, bánh đúc Đơ Bùi”, “Giò Chèm, nem Vẽ, chuối Sù”... Dòng Tô Lịch chảy từ vùng Hồ Tây về đến Tả Thanh Oai gặp sông Nhuệ. Hai bên bờ sông Tô, làng nào cũng có những sản

phần của mình, qua ca dao cổ thấy ít nhất có những sản vật sau: các loại rau thơm của làng Láng; ổi làng Định Công; vải, nhãn, hồng của làng Quang, Thanh Liệt; dưa làng Bằng Liệt...

Câu hỏi 602: Gạo tám nổi tiếng của Hà Nội gắn với tên làng nào?

Trả lời: Gạo tám của làng Mễ Trì, huyện Từ Liêm từ xưa đã đi vào tục ngữ, ca dao:

*Mễ Trì thơm gạo tám xoan,
Dị hương, dẻo cánh thóc vàng như tơ.*

Gạo tám thơm là thứ gạo đứng đầu, xưa nay được đem tiến vua (“gạo tiến”, “gạo ngự”), nó được liệt vào loại đặc sản nổi tiếng của đất Kinh đô.

Trong một lần về thăm Mễ Trì, Bác Hồ đã khen nhân dân ở đây cần cù lao động, làm tốt công tác chống hạn và ứng khẩu câu văn vần:

*Bây giờ đổ giọt mồ hôi,
Sau này gạo trắng đầy nôi cơm ngon.*

Câu hỏi 603: Các loại bánh (bánh cuốn, bánh dày...) nổi tiếng Hà Nội là sản phẩm của các làng nào?

Trả lời: Có thể kể ra:

*Làng bánh cuốn Thanh Trì,
Làng Tó bánh đúc bé ba,
Kẻ Đơ quấy kẹo mạch nha,
Bánh cuốn Thanh Trì, bánh dì Quan Gánh.*

Bánh bông, kẹo, cốm, chè lam Lũ Cầu, thôn Kim Lũ (nay là xã Đại Kim, Thanh Trì).

Câu hỏi 604: Làng làm bún nổi tiếng ở Hà Nội là làng nào?

Trả lời: Hà Nội có nhiều làng làm bún ngon, có thể kể đến bún Tứ Kỳ (xã Hoàng Liệt, Thanh Trì), bún Phú Đa (xã Mỹ Trì, Từ Liêm).

Câu hỏi 605: “Bún sen Tứ Kỳ” là ở đâu? Vì sao lại gọi là “bún sen”?

Trả lời: Tứ Kỳ (hay Kẻ Lý) là một thôn thuộc xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì. Nghề làm bún ở đây đã có từ lâu đời, lá bún mỏng, mềm, thơm, dẻo, hình như lá sen nhỏ. Cũng có người giải thích vì đó là thứ bún gói bằng lá sen.

Câu hỏi 606: Đậu phụ ngon nổi tiếng của Hà Nội có tên gọi là đậu gì?

Trả lời: Đó là đậu Mơ.

Sản phẩm này có liên quan đến đất Kẻ Mơ lịch sử. Kẻ Mơ bao gồm Hoàng Mai (nấu rượu), Tương Mai (thời xôi ngô), Mai Động (làm đậu). Đậu Mơ nổi tiếng khắp Hà Nội. Nó có mặt trong bữa ăn hàng ngày và ngay cả trong các món ăn đặc sản. Đặc biệt, đậu rim ăn với cháo hoa và đậu rán vàng ăn với bánh cuốn Thanh Trì là những món rất được ưa chuộng, đã đi vào văn học.

Câu hỏi 607: “Nước mắm Kẻ Đô”. Kẻ Đô là làng nào?

Trả lời: Kẻ Đô là tên nôm của làng Quỳnh Đô (Thanh Trì), nơi nổi tiếng với nghề làm nước mắm từ cua, cá, tôm...

Nước mắm Kẻ Đô, cá rô dầm Sét.

Câu hỏi 608: “Rận rông” - một trong “Thương nhớ mười hai” của nhà văn Vũ Bằng về Hà Nội là món gì?

Trả lời: Vũ Bằng dành hẳn “tháng một thương về những ngày nhể bụng con rận rông”, hay rõ hơn là truyền kỳ về con cà cuống.

Khắp đồng bằng, hồ ao, sông rạch Việt Nam hẳn chẳng vắng bóng con cà cuống. Hà Nội đầu thế kỷ, trong ký ức của nhà văn Vũ Bằng “con đường từ Lò Sũ về Bồ Hồ... đến Bà Kiệu, lá rụng và cà cuống bay cứ rào rào làm lu cả bóng đèn điện ngoài đường”.

Tục truyền, người Việt từ sớm đã từng ăn cà cuống và chính Triệu Đà đã gửi cho vua Hán món này với tên gọi “quế đố” - con sâu quế. Vua Hán cũng phải tấm tắc vì món thơm mùi quế. Nhưng khi có người bảo rằng đó chỉ là giống sống ở dưới nước, vua Hán phán “Đà nói láo” (Đà chỉ cuống đã), từ đó mà có tên “đà cuống” rồi thành “cà cuống”.

Người Hà Nội sành món trứng cà cuống: “những chùm trứng xanh xanh, vàng vàng như hoa cà, hoa cải”, thịt cà cuống “nhận nhận, bùi bùi, beo beo mà lại thanh thanh... có thể ăn cả trăm con không biết chán”... Và hơn hết là nước mắm thơm cà cuống ăn với bánh cuốn, cháo ấm, chả...

Vì thế, “trên các đường phố Hà Nội, những người đàn bà đi bán cà cuống, đội thúng ở trên đầu, tay đung đưa đi trong im lặng không rao một tiếng mà tài thê, nhà nào cũng biết để gọi vào mua”.

Cần gì cầu, cà cuống “hữu xạ tự nhiên hương” mà!

Câu hỏi 609: “Giò Chèm, nem Vẽ”. Hai làng Chèm, Vẽ ở đâu?

Trả lời: Hai làng đó đều thuộc huyện Từ Liêm. Đó là làng Chèm, tên nôm của xã Thụy Phương; Vẽ là tên nôm của xã Đông Ngạc. Đây là hai địa phương có nghề làm giò, nem ngon nổi tiếng.

Câu hỏi 610: Các nhà văn Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Vũ Bằng đã đánh giá phở Hà Nội như thế nào?

Trả lời: Khi viết về *Quà Hà Nội*, Thạch Lam (1910 - 1942) cho rằng: “Phở là một thứ quà thật đặc biệt của Hà Nội, không chỉ riêng ở Hà Nội mới có, nhưng chính là vì chỉ ở Hà Nội mới ngon. Đó là thứ quà suốt ngày của tất cả các hạng người, nhất là công chức và thợ thuyền. Người ta ăn phở sáng, ăn phở trưa và ăn phở tối”.

Vũ Bằng (1913 - 1984) từng viết hết phở gà đến phở bò của Hà Thành, đã nhận xét: “Phở đối với một hạng người, không còn là một món ăn nữa mà là một thứ nghiện, như nghiện thuốc lào, thuốc lá, trà tươi,...”.

Nguyễn Tuân (1910 - 1987) khi đang ở tận thủ đô Phần Lan, nhớ về Hà Nội đã viết hẳn một tùy bút *Phở*. Theo ông, phở: “một miếng ăn kỳ diệu của tất cả những người Việt Nam chân chính” và theo ông dù có ăn phở ở đâu cũng “không bao giờ có thể ngon được bằng bát phở cổ truyền Hà Nội ăn ngay bên lò than đỏ lửa giữa ngàn năm văn vật này”.

Câu hỏi 611: Có thể kể được hết các món quà của người Hà Nội không?

Trả lời: Thật khó mà kể hết!

Trong *Ba mươi sáu phố phường*, Thạch Lam (1910 - 1942) đã dành hẳn một mục *Quà Hà Nội* để kể về các món quà theo mùa, theo thời tiết, theo giờ ăn, theo hình dáng, theo chuyên môn... theo mặn, ngọt, theo... thôi thì đủ loại mà vẫn phải hơn một lần “Vẫn quà Hà Nội”, “Phụ thêm vào phở”, “Bổ khuyết”, “Vài thứ nữa”. Những phụ thêm, bổ khuyết ấy..., dài không kém chính văn mà nào đã hết đâu. Đây là thời Thạch Lam, còn bây giờ đã có luận án thạc sĩ, tiến sĩ về “Quà Hà Nội - Việt Nam”, vẫn e rằng phải có hẳn một ngành “khảo quà!” Bởi quà... tức là người.

Câu hỏi 612: Quán bánh tôm nổi tiếng của Hà Nội là ở đâu?

Trả lời: Hà Nội có nhiều quán bánh tôm. Nhưng, từ những năm 50 trở lại, quán bánh tôm Hồ Tây đầu không phải là quán duy nhất ở Hà Nội, đã đi vào kỷ niệm của nhiều thế hệ người Hà Nội và người đến Thủ đô.

Câu hỏi 613: Hải Thượng Lãn Ông - Lê Hữu Trác từng chép tới bao nhiêu tên loại mứt có ở Kinh đô?

Trả lời: Trong *Nữ công thắng lâm*, cụ Hải Thượng (1720 - 1792) có hẳn mục riêng về loại mứt, chép tới 30 tên loại mứt: mứt bí, mứt thiên môn đông, mứt ngó sen, mứt thanh yên, mứt cam sành, mứt chanh, mứt

quất, mứt mơ, mứt sấu, mứt khế, mứt quả dâu dâu, mứt củ cải, mứt mướp đắng, mứt hồng, mứt trám trắng, mứt dừa, mứt quả lê, mứt hoa bưởi, mứt nụ bưởi, mứt bưởi xanh, mứt gừng, mứt ớt, mứt dứa, mứt nhãn, mứt củ hiên, mứt rễ lan, mứt mướp hương, mứt khoai lang, mứt cà pháo...

Câu hỏi 614: Có cô gái xưa dặn dò:

*Rượu ngon chẳng quản be sành,
Áo rách khéo vá hơn lành vụng may...*

**Theo tự giới thiệu của cô gái, sẽ gặp làng nào?
Nổi tiếng với đặc sản gì?**

Trả lời: Kẻ Mơ xưa có làng Hồng Mai, Hoàng Mai (nay là địa phận các phường Tương Mai, Mai Động, Nam Dư, Khuyến Lương) phía nam quận Hai Bà Trưng.

Thế kỷ XV, Nguyễn Trãi đã nhắc đến nghề làm rượu của làng Hoàng Mai.

Trong ca dao, tục ngữ Hà Nội có không ít câu giới thiệu tự hào về rượu Mơ. Chẳng hạn:

- *Rượu Kẻ Mơ, cờ Mộ Trạch;*
- *Làng Mơ cất rượu cay nồng,
Làng Vòng dệt gối, khăn hồng làng Mai;*
- *Cơm Mơ thịt nướng kho Tàu,
Rượu Mơ em rót cả bầu anh say...*

Ngoài rượu như đã kể trên, làng Mơ còn được ca dao kể đến với cơm Mơ, đậu phụ Mơ.

Câu hỏi 615: Rượu làng nào ngon đến tượng Phật cũng say?

Trả lời: Từ thế kỷ XV, Ước Trai - Nguyễn Trãi đã ghi về phường Thụy Chương nấu rượu ngon (*Dư địa chí* - 1435), thảo nào mà đến thời Lê - Trịnh, Trạng Quỳnh còn được dân gian dẫn vào làng Thụy mua rượu gặp tượng Phật đứng giờ một tay ra trước, tay khác khuỳnh về phía sau:

*Ông đứng chi mà đứng mãi đây,
Đập dềnh như tỉnh lại như say.
Vãi nào đã chúc cho ông rượu,
Còn có cho vay một nạm đây.*

Câu hỏi 616: “Quán cóc liêu xiêu một câu thơ...”, quán ở Hà Nội thường bán gì?

Trả lời: “Quán cóc liêu xiêu một câu thơ” là lời ca trong một bài hát về Hà Nội. Nhưng Hà Nội không gọi là quán cóc. Chỉ có những quán dựng tạm bên các ngã đường Hà Nội, nơi dễ dàng nhâm nhi chén rượu trắng, chén trà mà người Hà Nội cũng như khách đến Thủ đô rất khó quên.

Câu hỏi 617: Quảng cáo món gì Hà Nội thường kèm theo “100%”?

Trả lời: Hà Nội thời kinh tế thị trường, quảng cáo đầy đường, đầy phố... Từ trục chính đường cao tốc Nội Bài về đã sừng sững những đường, cột, những biển quảng cáo cao như nhà cao tầng... đến những dòng quảng cáo mời chào, bắt mắt, bắt... túi tiền người tiêu

dùng... muôn hình, vạn trạng... Nhưng, để nhận ra một thứ quảng cáo kèm theo đồng 100%, đó là bia hơi Hà Nội. Lạ thật! Hà Nội tụ hội những quán bia đủ các hãng nhưng không có loại bia hơi nào kèm với 100% như bia hơi Hà Nội.

Để bán được nhiều hàng hơn? Cũng có!... Nhưng hơn cả là vì uy tín của bia hơi Hà Nội... và hợp với “gu” của người thưởng thức.

Câu hỏi 618: *Có câu ca dao quen thuộc “rau cải làng... chấm nước điều cũng ngon”. Đó là làng nào, ở đâu?*

Trả lời: Điền vào dấu chấm của câu ca dao này ta sẽ biết “Rau cải làng Tiểu chấm (hay nấu) nước điều cũng ngon”. Làng Tiểu là tên nôm của làng Sen Hồ, Gia Lâm.

Câu hỏi 619: *Trong ca dao cổ Hà Nội, có nhân vật tự xưng “Vốn nhà trồng rau”. Nhân vật này ở làng nào, trồng các loại rau gì?*

Trả lời: Đó là người ở làng Láng xưa:

*Đi đâu mà chẳng biết ta,
Ta ở kẻ Láng vốn nhà trồng rau.*

Láng là tên nôm của Yên Lãng, một làng cổ ở ven thành Thăng Long. Chỉ qua câu ca dao đã thấy có ít nhất là rau thơm, rau húng, rau mùi, thì là, cải cúc, hành hoa, mồng tơi, mướp đắng, ớt, cà, bí đao, đậu ván,...

Tuy trồng được nhiều thứ rau, nhưng nổi tiếng nhất vẫn là húng và hành hoa. Húng Láng là thứ rau thơm ngon nổi tiếng “chẳng còn gì ngon hơn”.

Câu hỏi 620: Người Thăng Long - Hà Nội từng đến chợ nào để mua hoa quả?

Trả lời: Hãy tìm đến những câu ca dao xưa để đọc những chỉ dẫn, chẳng hạn:

Bán mít chợ Đông,

Bán hồng chợ Tây.

Chợ Đông, tức là chợ Bạch Mã (nay là phố Hàng Buồm), Cầu Đông (nay là khu vực ngã tư phố Ngõ Gạch và Hàng Đường). Sau chuyển lên chợ Đồng Xuân.

Chợ Tây (nay là khu vực bến ô tô Kim Mã, sau chuyển về chợ Ngọc Hà).

Đây là những chợ “chuyên”, còn nếu như “vui chân đến chợ Đồng Xuân”, qua thống kê của bài ca dao xưa:

Giữa chợ có anh hàng dưa,

Hàng cam, hàng quýt, hàng dưa, hàng hồng...

Quá một chút nữa là những hàng lê, hàng sấu, hay bưởi, bòng...

**Câu hỏi 621: “Vải ngon thì nhất làng Bằng,
Khắp thành Hà Nội hỏi rằng đâu hơn”.**

Làng Bằng thuộc xã, huyện nào?

Trả lời: Làng Bằng - nơi có vải ngon nhất Hà Thành thuở trước như lời câu ca dao cổ là tên gọi tắt

của làng Bằng Liệt (gồm hai xóm Bằng Thượng và Bằng Hạ) thuộc xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì ngày nay.

Câu hỏi 622: *Vùng ven Hồ Tây có loại quả gì gắn với hai địa danh?*

Trả lời: Không ít những loài hoa, loài quả thường có kèm theo địa danh như đào Nhật Tân, nhãn lồng Hưng Yên... Ở Hà Nội, vùng ven Hồ Tây có loại quả gắn với hai địa danh, đó là hồng Xiêm Xuân Đình (tên khoa học là *Achrassapota*) ngọt, mịn, thơm có tiếng.

Câu hỏi 623: *Sen và cốm ở Hà Nội có gì liên quan?*

Trả lời: Sen ở đầm, hồ, ao sạch, và đầu bảng là: *Đáy hoa thiên lý, đáy sen Tây Hồ.*

Cốm được làm từ nếp cái hoa vàng, trồng trên các cánh đồng bờ xôi ruộng mật của Từ Liêm - cất lên tinh chất cốm Vòng.

Không biết từ bao giờ hạt cốm xanh như hạt ngọc ấy lại được người Hà Nội đựng, bọc bằng chiếc “đĩa lá” men xanh để trở thành thu Hà Nội, “gió thổi mùa thu hương cốm mới” (Nguyễn Đình Thi), “mùa cốm xanh về thơm bàn tay nhỏ, cốm sữa via hè thơm bước chân qua” (Trịnh Công Sơn).

Câu hỏi 624: *Thạch Lam (1910 - 1942) khi viết về quê Hà Nội đã dùng hình ảnh gì để gọi chợ Đồng Xuân?*

Trả lời: Nếu dân gian đã từng gọi chợ Đồng Xuân là nơi “vui nhất”, “to nhất” - một thời của Hà Thành,

thì trong *Quà Hà Nội*, Thạch Lam đã viết: Chợ Đồng Xuân - cái “bụng” của thành phố, là nơi mà những vật liệu cần cho các cao lâu từ các vùng quê và ngoại ô dồn đến. Ở đây, chúng ta được thấy các thực phẩm còn giữ nguyên hình trước khi biến thành các món xào nấu ngon lành dưới bàn tay của những đầu bếp nổi danh hay các bà nội trợ. Tất cả của ngon vật lạ các nơi đều đem đến để hiến cho sự thưởng thức sành sỏi của người Hà Nội.

Câu hỏi 625: Người vùng Bưởi hàng năm dâng phẩm vật gì lên ông Dâu, bà Dâu ở đền Chiêu Ứng?

Trả lời: Ông Dâu, bà Dâu - vợ chồng người bán đậu ở làng Minh Tảo như thần tích kể, sinh thời chỉ thích ăn canh đậu, chè kho.

Sau khi tình nguyện hy sinh để diệt trừ yêu quái quấy phá thành Thăng Long ở vùng sông Tô Lịch, Thiên Phù..., ông bà đã được dân làng thờ phụng. Ngày giỗ hàng năm, trong phẩm vật dâng lên, dân làng không bao giờ quên chuẩn bị chu đáo món ăn canh đậu, chè kho mà ông bà thích.

Câu hỏi 626: Giò lụa ngon nổi tiếng thường được bán ở Hà Nội gắn với tên làng nào?

Trả lời: Đó là làng Ước Lễ (huyện Thanh Oai, Hà Nội). Làng này có nghề làm các loại giò: giò lụa, giò mỡ, giò bò, giò thủ, giò hoa (giò lụa trộn hạt mỡ); chả quế, nem...

Câu hỏi 627: Con cá lăng của vùng Việt Trì làm nên món ăn nổi tiếng nào của vùng Hà Nội?

Trả lời: Có cá đổ vạ cho cơm. Cá là thực đơn phổ biến của người Việt.

“Hàng Cá” - một phố của Thăng Long cũng có từ lâu. Nhưng “Chả Cá” thành tên cả một phố đến làm nhòa nhạt tên phố Hàng Sơn trước đó, rồi lại nổi tiếng với cụ Lã Vọng tay xách cần, tay xâu cá bước ra từ văn học... như rù, như mời thì lại là sáng tạo - hay đồng sáng tạo với ẩm thực Hà Nội của gia đình họ Đoàn gốc xứ Đông - cụ Trưởng Mền gần một thế kỷ nay.

Cùng với những bún, lạc rang, thì là, hành hoa,... mắm tôm và không thể thiếu được tinh dầu cà cuống, con cá lăng của vùng Việt Trì qua bàn tay vàng của các thế hệ đầu bếp tài hoa đã làm nên món ăn tinh diệu của người Hà Nội - chả cá Lã Vọng.

Câu hỏi 628: Với Vũ Bằng - người con Hà Nội xa quê, những món gì là “miếng ngon Hà Nội”?

Trả lời: “Miếng ngon nhớ lâu” - như ông cha ta đã tổng kết. Phải cách xa Hà Nội, với Vũ Bằng, phở bò, phở gà, bánh cuốn, bánh đúc, cốm Vòng, rươi, gỏi, bún, chả cá, thịt cầy, tiết canh cháo lòng... là “miếng ngon Hà Nội”. Trong khi nhiều cái ngọt cái ngon chỉ là đầu lưỡi, “đánh lừa ta và đem lại cho ta dư vị cay cay, đắng đắng”, thì theo Vũ Bằng “duy chỉ có miếng ngon Hà Nội là không đánh lừa ai cả”.

Câu hỏi 629: Người xưa, như câu ca dao cổ, muốn “cho lòng ai vui” đã “có công” làm việc gì?

Trả lời: Có nhiều cách để vui lòng nhau, nhưng trong mùa đi chạ ngô, xin cưới, “ra mắt” của gái trai mỗi độ thu về người xưa đã hóa thân trong câu ca dao để đưa ra chuẩn:

Gắng công kén họ cốm Vòng,

Kén hồng Bạch Hạc cho lòng ai vui.

Cốm Vòng đã tinh thơm, nhưng phải có hồng Bạch Hạc mới trọn vẹn thành cặp, thành mâm, hài hòa sắc màu, hương vị...

Câu hỏi 630: Có phải cốm Vòng, gạo tám Mễ Trì và húng Láng làm thành thực đơn “còn gì ngon hơn” của Thăng Long - Hà Nội?

Trả lời: Ba thứ đặc sản của vùng Thăng Long - Hà Nội đều có trong một câu ca dao. Nhưng... còn phải thêm hai chữ “tương Bần” xứ Đông mới thành trọn vẹn, thành “tuyệt đỉnh” của cái ngon.

Cốm Vòng, gạo tám Mễ Trì,

Tương Bần, húng Láng còn gì ngon hơn.

Hội thêm món ngon của xứ Đông, với giò chả Ước Lễ (xứ Đoài) là hồng Bạch Hạc (Phú Thọ) rồi đến tương Bần, mới hay từ xưa Thăng Long còn là nơi hội tụ những phẩm vật đặc sản của mọi miền đất nước.

Câu hỏi 631: *Thời Trần trong lần đến Thăng Long, sứ giả nhà Nguyên là Trần Phu đã ghi lại một tập quán của người Hà Nội xưa. Đó là tập quán gì?*

Trả lời: Đó là tục ăn trâu “người sang dùng ống nhỏ bằng đồng có thẳng nhỏ mang kè kè theo bên cạnh, cả ngày tốp tốp nhai trâu không ngớt miệng”.

Cũng là miếng trâu, nhưng người Hà Nội lại cắt lá trâu để tằm cách điệu thành hai cánh phượng, quả cau chỉ tước vỏ một nửa, tiện chũm, bỏ tư, bỏ sáu rồi úp vào nhau, đặt trong cối đồng bóng sáng lộn. Trong bộ đồ ăn trâu còn có chiếc ống nhỏ bằng đồng thau đựng quết trâu.

Câu hỏi 632: *Thời Trần, ở bến đông Kinh thành có điện “Phong Thủy”, nơi để khi xa giá đi ra trú chân ở đấy, các quan đưa đón. Nhưng tên dân gian, hay tên tục gọi là điện Hò Trà (gọi chè). Vì sao?*

Trả lời: Theo sử cũ thì mặc dù có tên là điện “Phong Thủy” - nơi để vua trú chân... nhưng dân gian quen gọi là điện *gọi chè*, vì thuở ấy dân Thăng Long, từ dân cho đến vua quan đều có thói quen dùng trâu cau và chè xanh. Khi xa giá của vua đi ra, trú chân ở đấy các quan dâng trâu cau và chè.

Câu hỏi 633: *Phạm Đình Hổ (1768 - 1839) viết về người Thăng Long uống chè như thế nào?*

Trả lời: Tác giả của *Vũ trung tùy bút* đã dành hẳn một mục đề “cách uống chè” để viết về cách uống chè của người Thăng Long, trong đó có cả ông nữa:

“Ta sinh trưởng đương lúc thịnh thời đời Cảnh Hưng, trong nước vô sự, các nhà quý tộc, các con em nhà quý thích đều đua chuộng xa xỉ, có khi mua một bộ ấm chén đến vài mươi lạng bạc. Thường có nhiều người đến chơi các hiệu chè, thăm dò các phố buôn, vác tiền hết quan ấy, chục khác để mua lấy trà ngon. Lúc ngồi rồi, pha trà uống với nhau, lại đánh cuộc xem chè đầu xuân năm nay sớm hay muộn, giá chè năm nay cao hay hạ. Kẻ thì ưa thanh hương, người thì thích hậu vị. Kén hiệu, trò tên mua cho được chè ngon, bày khay chén ra nếm thử. Thậm chí có kẻ đặt tiền mua cho được hiệu chè Chính Sơn, gửi tàu buôn đặt mua cho được kiểu ấm chén mới lạ, cách hiếu thượng đến thế là cùng cực”.

Khi Phạm Đình Hổ về dạy học ở thôn Khánh Vân, tổng Hà Liễu “các học trò Kinh thành cũng thường gửi quà về hỏi thăm, tuy cơm rau nước lã không được dư giả cho lắm, nhưng chè tàu thì không lúc nào thiếu”... Khi rảnh rồi ông “thường cùng với người đàn anh trong làng là nho sinh họ Tô dạo chùa Vân, pha chè uống nước, hoặc trèo lên cái gò ba tầng ở phía tây xóm ấy rồi múc nước suối để pha chè uống chơi”.

Trong cách cảm của ông “chè thú vị là ở chỗ cái tinh nó sạch sẽ, cái hương nó thơm tho. Buổi sáng gió mát, buổi chiều trăng trong, với bạn rượu nâng thơ cùng làm chủ khách mà ung dung pha ấm chè ra thưởng thức để có thể tỉnh được mộng trần, rửa được lòng tục...”. Vì thế, ông cho rằng: “nếm chè ở trong

đám ruồi nhặng bày ăm chén ở cửa chợ bụi bặm trong lúc ồn ào đình ốc, vợ vẩn rộn lòng, thì dầu ăm cổ đẹp đẽ, chè ngon ngát lòng. ta chẳng thấy uống chè như thế thì có thú vị gì. Giá có gặp ông tiên chè thì cũng cho lời nói ta làm phải”.

Câu hỏi 634: *Trai gái xưa “May áo chàng cùng sống áo em” bằng thứ lụa vừa thanh, vừa bóng của làng nào ở Hà Nội?*

Trả lời: Cứ đọc hết cả câu ca dao sẽ có câu trả lời:

*“Lụa làng Trúc vừa thanh vừa bóng,
May áo chàng cùng sống áo em”.*

Làng Trúc chính là làng Trúc Bạch, bên hồ Trúc Bạch nằm trong vành đai dệt vải lụa tơ tằm nổi tiếng bên Hồ Tây từ Yên Thái, Trích Sài, Nghi Tàm đổ lại.

Trong rất nhiều nơi dệt vải, dệt lụa nổi tiếng của Việt Nam, của Thăng Long - Hà Nội chỉ có làng này do có lụa và nghề lụa mà có tên hồ, tên làng.

Câu hỏi 635: *“Đồng Lãm nhuộm vải nâu non”. Đồng Lãm ở đâu mà nhuộm được màu áo đỏ?*

Trả lời: Đồng Lãm là tên nôm của làng Kim Liên, xưa có nghề nhuộm nâu non. Dân làng nhuộm vải bằng nước củ nâu, sau lại lấy bùn ở các vùng Bấy Mẩu, Ba Mẩu, Đồng Lãm (nay là khu vực Công viên Lenin kéo đến Đại học Bách Khoa) để dần vải cho giữ bền màu, phơi nắng ngay bên hồ, vì thế có câu ca dao:

*Đồng Lãm nhuộm vải nâu non,
Có hồ cá rộng, có con sông bồi.*

Câu hỏi 636: Qua con mắt Trần Phu - sứ giả nhà Nguyên sang Thăng Long thời Trần cho biết người Thăng Long ăn mặc như thế nào?

Trả lời: Vào mùa xuân năm Quý Ty (1293), Lương Tăng và Trần Phu dẫn đầu đoàn sứ giả trên ngàn người nhà Nguyên đến Thăng Long.

Trong thời gian 52 ngày lưu lại, những gì mắt thấy tai nghe ở Kinh đô Đại Việt đã được viên sứ giả này gửi gắm vào tập thơ *Giao Châu cáo* của mình. Qua tập phóng sự bằng thơ này có thể thấy một số cách ăn mặc của người Kinh kỳ Thăng Long thuở ấy:

Vua Trần búi tóc - bọc và buộc tóc bằng the, hai bên vắn tóc lộ ra, xoa xuống gáy, vai.

Dân phần lớn đi đất, cũng có người đi dép da nhưng đến khi đến cung điện của vua thì cởi ra. Mọi người đều mặc áo màu đen, cổ áo làm bằng the. Riêng đàn bà thì thêm miếng vải trắng rộng khoảng 4 tấc (12 - 13cm) viền vào cổ áo. Đàn ông cạo đầu, dùng khăn xanh thắm có một dây sắt ghim vào để trùm đầu. Mặt trước của khăn cao lên một thước (khoảng 3cm) gấp cong xuống rồi dùng dải buộc túm lại phía sau. Ngày thường ở nhà để đầu trần, lúc tiếp khách mới đội khăn. Người khá giả, quan chức nếu đi xa có người hầu đem khăn theo. Đàn bà cắt tóc ngắn còn khoảng ba tấc rồi túm lại buộc lên đỉnh đầu, uốn cong đuôi tóc rồi buộc lại giống cây bút lông. Người giàu có thể cài trâm đôi mỗi, người thường dùng trâm bóng

bằng sừng hay xương. Nô tì thì đóng khố. Đàn ông đều xăm mình bằng những nét chằng chịt, ngoằn ngoèo như trên trống đồng. Nhiều người xăm ở bụng chữ “nghĩa dĩ quên khu, hình vu báo quốc” (Vì nghĩa quân thân, báo đền ơn nước).

Câu hỏi 637: Thăng Long xưa có bao nhiêu phố (tên phố) chuyên phục vụ cho y, trang phục?

Trả lời: Những câu ca dao có thể vì bị câu thúc bởi vần vè, nên chỉ mới kể ra những phố Hàng Hải, Hàng Giấy, Hàng Nón, Hàng Bông. Thực tế, ngoài những phố trên còn có các phố như: Hàng Chỉ, Hàng Da, Hàng Dép, Hàng Đào, Hàng Dẩy, Hàng Lam, Hàng Lược, Hàng Nón, Hàng Quạt. nghĩa là khoảng 1/3 các phố “hàng” chuyên lo chuyện mặc, chuyện “điện” của Thăng Long.

Câu hỏi 638: Theo tiêu chuẩn “đàn bà mặc yếm hở lườn mới xinh”, người Hà Nội xưa từng đi sắm yếm ở đâu?

Trả lời: Bán mít chợ Đông,
Bán hồng chợ Tây,
Bán mây chợ Huyện,
Bán quuyến chợ Đào.

Cứ theo lời bài chỉ dẫn dân gian ấy tìm đến chợ Hàng Đào - tức phố Hàng Đào để mua quuyến (một thứ lụa mà sách *An Nam chí nguyên* tả là “thứ lụa trắng đẹp như vẽ, khổ rộng đến 3 thước), “vốn ấy là những thứ mặc thường của ta”.

Đến Hàng Đào, ở số nhà 38, tấm bia dựng năm 1856 còn cho biết rõ hơn ở đây có chợ bán yếm quền (Quền yếm thị) kề ngay đình Đồng Lạc - nơi dựng bia.

Chiếc áo bốn dây đã được nhắc đến trong nhiều câu ca dao của người Thăng Long - Hà Nội:

- *Thuyền anh đã cạn lên dây,*
Mượn đôi dải yếm làm dây kéo thuyền.
- *Đàn ông đóng khố đuôi lươn,*
Đàn bà mặc yếm hở lườn mới xinh.

v.v.

Câu hỏi 639: Những ngôi nhà xưa thường thấp thoáng “bụi hồng hoa trúc, mai lông trắng soi” trong thơ văn của những thi sĩ nào?

Trả lời: Những ngôi nhà xưa chỉ còn thấp thoáng trong thơ văn. Nhưng có điều là ngoại trừ những cung điện lâu đài của vua chúa, quan sang, các ngôi nhà còn được biết đến đều là nhà của thi sĩ, nhà văn, và nhà nào cũng có cây, có hoa!

Thế kỷ XV, có ít nhất vài ba ngôi nhà được phác họa bằng thơ. Từ ngôi nhà của Ước Trai vền vện “hơn cung đất hẹp nửa đầy gai” ven bờ Tô Lịch vẫn có bóng hoa nghiêng vào hiên cửa. Ngôi nhà “chim thi tiếng hót, cây dừa bóng sân” của Bảng nhần Nguyễn Như Đồ ở phía nam Thành. Nhà của nhà thơ Đặng Minh Bích ở phía đông thành cũng chỉ còn con “một cung” đất, vẫn “mai lông trắng hạ, trúc mừng gió đưa”... Đến

ngôi nhà ở phường Vườn Tỏi của Sái Thuận “Hoa cười, chim hót cảnh tràn ngập xuân”.

Thế kỷ XVIII, ngôi nhà của Phạm Đình Hổ “ở phường Hà Khẩu, huyện Thọ Xương. Trước nhà tiền đường có trồng một cây lê cao vài mươi trượng, lúc hoa nở, trắng xóa thơm lừng. Trước trung đường cũng trồng hai cây lựu trắng, lựu đỏ lúc ra hoa, quả trông rất đẹp”.

Nhà của người bạn vong niên lớn hơn ông trên chục tuổi - Nguyễn Nghiêm Minh, ở phường Cổ Vũ (nay ở bên số chẵn đầu phố Hàng Gai), trồng hoa lan, lại trồng quanh sân “những thứ cúc châu sa đậm hồng, hạc linh, anh tào, mầm mới ra mà đã trông nào nùng sắc thu”.

Câu hỏi 640: Phải chăng chỉ có nhà các thi sĩ mới có hoa, cây cảnh?

Trả lời: Những ngôi “nhà hàng phố” cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua thu lượm của cụ Hoàng Đạo Thúy (1897 - 1994) cho biết “trong khoảnh nhà ở, cái ao ước của mọi người là có một “sân cảnh” ngang dọc khoảng 3m. Giữa sân đặt một bể thả cá vàng, trong bể có một quả núi “non bộ”... quanh bể là các chậu cây. Vì sân sâu mà các chậu hoa đều để trên đôn... Nếu không có sân cảnh thì ở giữa nhà cũng là một cái “mái cung” cho sáng..., làm một cái sân con để trồng cây”...

Câu hỏi 641: Nhà “chông diêm, nóc các” là thế nào?

Trả lời: Đó là những ngôi nhà cũ thường gặp ở quận Hoàn Kiếm trên các phố Hàng Đào, Hàng Đồng,

Hàng Cân, Hàng Bạc, Mã Mây, Bát Sứ xưa. Nhà chồng diêm có hai mái mỗi bên (cộng lại là tám mái).

Chồng diêm, nóc các là nhà có một tầng cao, làm thêm cái gác ở phía trên có cửa lùa bịt kín, có then ngang, sàn gác thấp, lầu ở phía trên có cửa sổ nhỏ, vừa để thoáng vừa để kín đáo. Gác trên cũng là nơi để phòng lụt.

Câu hỏi 642: Đầu thế kỷ XX Hà Nội còn nhiều nhà tranh không?

Trả lời: Hơn một thế kỷ trước, ngày 14-1-1888 báo *Tương lai Bắc Kỳ* hoan hỉ thông báo “Trong vài ngày nữa, tất cả những ngôi nhà lá của phố Paul Bert và Hàng Thêu sẽ hoàn toàn biến mất. Chúng ta sẽ thấy sự biến đổi của khu phố này; khắp nơi là nhà gạch sang trọng, các cửa hiệu đẹp đẽ sẽ mọc lên trên những mảnh đất ngày xưa, cửa nhà luộm thuộm, hang ổ của hỏa hoạn và bệnh dịch”.

Điều đó không có nghĩa là những nhà tranh tre - vật liệu xây dựng nhà phổ biến sẽ mất đi hết. Theo thống kê của chính quyền, trong vòng tám năm từ năm 1897 đến năm 1904, thành phố Hà Nội xây dựng thêm 52.103 nhà, vẫn có đến 20.100 ngôi nhà tranh.

Câu hỏi 643: Phạm Đình Hổ thường nhắc đến bao nhiêu loại nón ở Thăng Long?

Trả lời: Mục *Nón đội* trong sách *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ kể đến 13 loại nón, từ nón “tiêm quang đầu nhọc” giống như nón khua, đầu nhọn làm

bằng vỏ măng nứa mà bà con dân tộc đội, còn có đến 12 loại nón mà dân cư các hang ở Thăng Long cuối thế kỷ XVIII dùng như sau:

TT	Tên nón		Ai đội, phổ biến ở đâu
	Tên chữ	Tên dân gian	
1	Ngoan xác	Mềm giải, Tam giang	Vào khoảng năm 1775 - 1776 khi Phạm Đình Hổ 7-8 tuổi, các ông già thường đội.
2	Phương đầu đại	Nón lá, chõ đội đầu hình vuông	Con nhà quan, học trò, các học hữu.
3	Cổ Châu	Nón Dâu	- Con gái, con trai, đàn ông, đàn bà ở kinh kỳ. - Họ hàng nhà quan và các ông già. - Người có tang 1 năm trở xuống có thêm quai mây.
4	Liên điệp	Lá sen	Ngồi lớn và trẻ con
5	Tiểu liên điệp	Nón nhỡ khuôn	Trẻ con
6	Xuân lời tiểu	Nón sọ nhỏ	Đàn ông và đàn bà thôn quê
7	Toan bì	Nón vỏ bừa	Đàn ông và đàn bà thôn quê
8	Trạo lạp	Nón chéo vành	Lính tráng
9	Viên đầu	Nón Khua	Người hầu hạ, vợ con lính tráng

10	Cầu điện	Nón mặt lờ	- Nhà sư, thầy tu. - (Sau năm 1786 lính tráng bỏ nón viên cơ để đội nón này). - Người có tang 1 năm trở xuống buộc thêm sợi quai trắng. - Nhà quan và người có quyền thế có tang.
11	Xuân lỏi đại	Nón cạp	Người có tang
12	Viên cơ	Nón Nghệ	- Người trong Thanh, Nghệ, quân kiều binh, khoảng năm 1782 - 1783 loạn kiều binh, cây công làm cùn, nhiều người đội để giống lính. - Sau năm 1786 lại bỏ, đội nón cầu điện.

Câu hỏi 644: *Triều Trần không chỉ một lần ra quy định về các kiểu xe, thuyền của các vương hầu, tôn thất, các quan văn, võ. Vì sao?*

Trả lời: Theo sử cũ, chỉ trong thế kỷ XIII, ít nhất là 2 lần: năm 1238, năm 1254 triều Trần đã phải ra những quy định về kiểu cách, quy mô sử dụng xe, thuyền, kiệu. Chẳng hạn:

- Họ tôn thất đến quan ngũ phẩm: kiệu, ngựa, võng.
- Họ tôn thất: kiệu hình đầu chim phượng, sơn son.
- Quan trụ quốc: kiệu hình chim anh vũ, sơn then.

Những lần quy định trên cho thấy, không chỉ phương tiện đi lại lúc bấy giờ của tầng lớp trên ở Thăng Long là thuyền, xe, kiệu mà còn thấy một tình trạng những người sử dụng các phương tiện này rất thích vượt... khung để khoe sang, khoe của nữa.

Câu hỏi 645: “... Ghé vua đặt cao ở giữa, treo gương sáng xa trong. Hai bên thì tượng trưng gấm vóc rõ ràng, phi tần, thể nữ rộng chỗ đứng hầu; đem chứa chan ngọc châu trang sức, đủ cả phòng ở của tam cung...”.

Cảnh vua ngự triều ở giữa hoàng cung chăng?

Trả lời: Đoạn miêu tả trên là của văn bia tháp Sùng thiện diên linh.

... Không phải tả vua Lý ngự ở cung đình mà là trên thuyền ngự giữa đoàn hàng ngàn chiếc thuyền ở Đông Bộ Đầu “sớm giữa dòng chiếu rạng, tưởng như giao long há miệng đón sóng xô, chiều dừng lại bên bờ, ngỡ rằng ngao rùa nhô lưng đội Ngán Hán”.

Câu hỏi 646:

**Song song hai chiếc thuyền đình,
Đầu rồng, đuôi phượng đóng dinh hai hàng.
Một chiếc em chở năm nàng,
Hai chiếc em chở mười nàng ra đi.**

Các cô gái Hà Thành lên thuyền đình, thuyền rồng đi đâu vậy?

Trả lời: Tưởng như là cảnh đi thuyền. Mà thuyền đình, thuyền rồng đuôi phượng hẳn hoi. Nhưng, đó là đôi quốc một thời xưa của các cô, các bà ở Hà Thành!

Câu hỏi 647: Đâu thế kỷ XX ở Hà Nội từng phổ biến loại giấy, dép, guốc nào?

Trả lời: Cụ Hoàng Đạo Thúy (1897 - 1994) đã kể đến các loại guốc, dép, giấy... mà cụ thấy, nghe kể lại ở Hà Nội đầu thế kỷ XX, đó là:

TT	Tên guốc, giấy dép	Đặc điểm, hình dáng	Ài thích dùng
1	Guốc Nghệ	Đẽo bằng gốc tre, mũi cong lên, quai mây.	
2	Guốc Kinh	Đẽo lòng mực sơn trắng muốt, mũi vóc hồng, thêu kim tuyến.	Từ Huế đem ra làm quà thì quý hóa lắm.
3	Guốc Sài Gòn	Nhẹ, gọn, xinh xắn, rẻ tiền, thấp, gọn.	Gót sen đi lách cách, vui tai các cô thích lắm. Các cô khua rất to. Buổi tối mà ngoài hè "Lóc cóc, lóc cóc" là rập hạt Thông Sáng tan.
4	Guốc Phi Mã	Theo kiểu guốc Sài Gòn cao lênh khênh	Tốt bậc là hiệu Phúc Mỹ ở Quán Thánh. Không mở rộng dọc mấy có lẽ vì mấy cô bị trật xương chân.
5	Dép một (a)	Một lần da trâu có quai ngang, có khuyết để cho ngón chân cái vào. Tiện, lại vững	Thông dụng nhất với các bà, các cô làm ăn.

6	Đép một (b)	Cũng là đép một, nhưng quai chữ "nhân" - hai nét, bọc nhưng có lót lụa.	Các bà hàng phố cũng đi.
7	Đép cong	Làm bằng 3, 4 lần da dầy, đóng lại bằng đinh tre. mũi cong, quai nhưng. Rất nặng.	Các bà mua cho các em gái 15, 16 tuổi.
8	Giày "mỡm nhái", "mỡm ngóc"	Đế da, mũi nhưng, thêu hạt cườm.	Các bà bỏ ngay đép để đi giày "mỡm ngóc".
9	Giày da lộn		Các ông đi ở nhà.
10	Giày Gia Định	Mũi bằng da láng	Biểu tượng của ngời lịch sự. Các ông bận khi đi ra đường.
11	Giày "Săng đá"		Các chú bồi bếp nhặt khi Tây sang.
12	Giày Đơ Culo	Hai màu	
13	Giày "ban"		Các ông nghị, các quan cho là sang nhất. Đi ăn cưới, đeo bài ngà, ngồi xe song mã... giày ban nổi lắm.
14	"Hài vãn" (a) "Hài mỏ phợng" (b)	Đế vải bồi, mũi thêu.	Các mợ đi hài mỏ phợng chỉ dùng trong ngày cưới rồi cất làm kỷ niệm.

15	Hải Sào	Dép bên rơm có quai gai buộc vào chân.	Lính thú đi đường đá không đau chân.
16	Hia		Các quan viên đi lễ, mua ở phố Mã Vĩ.

Câu hỏi 648: Hệ thống cầu, đò, bến của Thăng Long - Hà Nội xưa như thế nào?

Trả lời: Với hệ thống sông, hồ dày đặc, lại là trung tâm kinh tế lớn, nên cầu, đò, bến ở vùng Thăng Long - Hà Nội xưa rất nhiều.

Cuối thế kỷ XIX. Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép tới ít nhất 13 bến đò qua sông Nhị, sông Kim Ngưu, 24 cây cầu đủ loại tre, gỗ, gạch, đá bắc qua sông Tô, sông Nhuệ..., các vùng Thọ Xương, Thanh Trì, Từ Liêm.

Đương nhiên, đó chưa phải là tất cả các cây cầu, bến đò từng có.

Nhiều cây cầu, bến đò xưa còn được nhắc mãi trong ca dao, thơ văn, sử sách.

Từ cây cầu trong câu:

*Trên trời có cái cầu vồng,
Kẻ chợ: Cầu Muống, Cầu Đông, Cầu Dền.*

Đến bến đò Thanh Trì với:

*Trúc mây che phủ đình Tranh,
Đầy sông xuân sắc xanh xanh nhuộm người.
Sóng dào gió thổi vơi vơi,
Ngòi đồng cò trắng nơi nơi chia hàng...*

Người Trung Hoa đời Thanh sang thăm đã coi đây là một trong 8 cảnh đẹp của Thăng Long.

Câu hỏi 649: “Xe khách công cộng” ở Hà Nội có từ bao giờ?

Trả lời: Từ *Tương lai Bắc Kỳ* ngày 22-8-1885 đưa tin “Thành phố Hà Nội vừa mới trang bị một dịch vụ đặc biệt là xe khách công cộng từ khu nhượng địa tới thành Hà Nội” (tức là chạy từ Nhà hát lớn dọc đường Tràng Tiền, Tràng Thi, Điện Biên Phủ ngày nay).

Chỉ có điều, gọi là “xe khách” nhưng chỉ là chiếc xe vận tải lớn do ba lừa kéo, “hành khách” chỉ là những binh lính và nhân viên hành chính Pháp đi làm vào khu thành. Do con đường hẹp, cảnh sát phải ra một quyết định ngày 28-7-1885: Yêu cầu người đi và các xe cộ khác phải tránh đi cùng giờ với giờ “xe khách” chạy.

Câu hỏi 650: Người Hà Nội hiện nay đi lại chủ yếu bằng loại phương tiện gì?

Trả lời: Theo thống kê hiện nay, hơn 70% nhu cầu đi lại của người Hà Nội là bằng xe gắn máy. Với khoảng 60.000 xe ô tô, trên 600.000 xe gắn máy, 120.000 xe lam, 6.000 xích lô và trên 1 triệu xe đạp. Như vậy là 95% tổng số phương tiện chuyên chở hành khách được giải quyết bằng phương tiện đi lại của cá nhân.

Câu hỏi 651: Hà Nội⁽¹⁾ có bao nhiêu tuyến xe buýt trong nội thành?

Trả lời: Theo số liệu của Sở Giao thông công chính, Hà Nội hiện nay có 24 tuyến xe buýt. Mật độ đường xe buýt Hà Nội mới chỉ đạt 0,5km/km² và mới chỉ đáp ứng được 3 - 4% nhu cầu đi lại của hành khách.

Câu hỏi 652: Những tuyến xe buýt dài nhất ở nội thành Hà Nội⁽²⁾?

Trả lời: Thường là những tuyến xe nối hai bờ bắc, nam sông Hồng, từ đông sang tây thành phố như các tuyến:

Tuyến 22: Gia Lâm - Nguyễn Trãi - Bến xe Hà Đông (và ngược lại).

Tuyến 30: Vĩnh Tuy - ga Phú Diễn, qua các đường La Thành, Khâm Thiên, Trần Nhân Tông, Trần Xuân Soạn, Ngô Thì Nhậm, Lò Đúc, Minh Khai (và ngược lại).

Tuyến số 20: Phùng - Trần Khánh Dư, qua Kim Mã, Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Phan Bội Châu, Trần Hưng Đạo (và ngược lại).

Câu hỏi 653: Hà Nội có những dự án gì về phát triển hạ tầng giao thông vận tải và vận tải hành khách công cộng 2000 - 2010?

Trả lời: Đó là các dự án sau:

Khai thông trục trung tâm Trần Hưng Đạo qua ga Hàng Cỏ về phía Tây.

(1), (2) Hà Nội tính đến năm 2000.

Khai thông vành đai 1: Nguyễn Khoái - Đại Cồ Việt - La Thành - Cầu Giấy.

Mở rộng vành đai 2: Bưởi - Láng - Ngã Tư Sở - Trường Chinh - Vọng - Minh Khai.

Mở nút Bưởi, mở tuyến Bưởi - đường Thanh Niên.

Xây dựng hoàn chỉnh vành đai 3 bao gồm cả cầu Thanh Trì.

Nâng cấp tuyến theo đề từ Chương Dương về Yên Sở nối vào vành đai 3.

Mở tuyến Thanh Nhàn - Đồng Tâm.

Xây dựng các tuyến đường sắt nội đô: Văn Điển - ga Hàng Cỏ - Yên Viên, ga Hà Nội - Hà Đông, ga Hà Nội - Cầu Diễn - Nội Bài.

Cải tạo, xây dựng lại ga Hàng Cỏ (ga Hà Nội).

Đầu tư phương tiện cho mạng xe buýt.

X. PHỐ, PHƯỜNG

Câu hỏi 654: Hà Nội xưa có “Ba mươi sáu phố phường” hay bao nhiêu?

Trả lời: Lịch sử chép: Thăng Long thời Trần có 61 phường, thời Lê có 36 phường. Phường là đơn vị hành chính cấp cơ sở của kinh đô. Phường cũng là đơn vị cộng đồng chuyên một nghề thủ công.

36 phố phường Hà Nội đã đi vào thơ, ca, nhạc, họa... nghĩa là vào đời sống tình cảm của bao thế hệ.

Từ ca dao cũ:

*Rủ nhau chơi khắp Long Thành,
Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai.*

hoặc:

*Trái xem phong cảnh khắp thành Thăng Long,
... Ba mươi sáu mặt phố phường.*

Qua Thạch Lam - Nguyễn Tường Lân có hẳn *Hà Nội ba mươi sáu phố phường* rồi đến thơ *Hà Nội ba mươi sáu phố phường ba sáu dây đàn cùng hát v.v.* Đặc biệt là ca dao - dù không rõ thời điểm sáng tác và chủ nhân... bao giờ cũng kể đủ 36 phố.

Thế nhưng, từ những bài ca dao ấy nếu ghép lại cộng, trừ những phố trùng tên nhau, những phố khác tên nhau... thì ra đến 50 phố (!)

Từ nhiều tư liệu để lại, người ta đã tính ra rằng đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, số lượng phố phường cổ của đất Thăng Long là... 36 nhưng phải nhân lên hơn 2 lần, nghĩa là trên 80!

36 phố phường chỉ là một cách nói, một cách nghĩ đầy tự hào về Thăng Long nhiều phố phường. Như cách nói truyền thống của người Việt, nhiều là bội số của 3: 18, 36, 72, 108, 360 v.v.

Câu hỏi 655: *Hiện nay có bao nhiêu phố, phường, ngõ ở Hà Nội mang tên “hàng”?*

Trả lời: Theo thống kê, đến năm 1999 Hà Nội có 54 đơn vị phố phường mang tên *hàng*, trong đó có 9 phường, 46 phố, 12 ngõ có chữ *hàng* ở đầu tên, như phường Hàng Bài, phố Hàng Đào, ngõ Hàng Khoai...

Câu hỏi 656:

“Thứ nhất Kinh kỳ,

Thứ nhì Phố Hiến”.

- “Thứ nhất Kinh kỳ,

Thứ nhì Phù Thạch”.

- Thứ nhất Kinh kỳ,

Thứ nhì Nhượng Bạt”.

Đã từng được lý giải như thế nào?

Trả lời: Các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian cho rằng: “Về thứ nhất nói về một đỉnh điểm. Về thứ hai

thể hiện niềm tự hào nào đó. Và niềm tự hào cao nhất của mọi địa phương là được tiếng đứng thứ nhì sau Kinh kỳ, sau Thăng Long - Hà Nội”.

Cũng cần lưu ý thêm là, những địa điểm để so sánh liên hệ với Kinh kỳ đều là các nơi buôn bán, kinh doanh như Phố Hiến, Nhượng Bạt, Phù Thạch, Kỳ Lừa... Như thế, phạm vi so sánh, liên hệ chủ yếu là mức độ sầm uất của phố xá, bán mua... trong xã hội cổ truyền.

Và dù thế nào đi nữa thì vị trí thứ nhất của Kinh kỳ đều được thừa nhận.

Câu hỏi 657: Người xưa “rủ nhau chơi khắp Long Thành” đã dạo qua bao nhiêu phố, trong đó có bao nhiêu phố mang chữ “hàng”?

Trả lời: Hãy cùng nhớ lại bài ca dao:

“Rủ nhau chơi khắp Long Thành,
Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai.
Hàng Bồ¹, Hàng Bạc², Hàng Gai³,
Hàng Buồm⁴, Hàng Thiếc⁵, Hàng Hài⁶, Hàng Khay⁷.
Mã Vĩ, Hàng Điếu⁸, Hàng Giấy⁹,
Hàng Lờ¹⁰, Hàng Cót¹¹, Hàng Mây¹², Hàng Đàn¹³.
Phố Mồi, Phúc Kiến, Hàng Than¹⁴,
Hàng Mũ¹⁵, Hàng Mắm¹⁶, Hàng Ngang¹⁷, Hàng Đồng¹⁸.
Hàng Miến¹⁹, Hàng Nón²⁰, Cầu Đông,
Hàng Hòm²¹, Hàng Đậu²², Hàng Bông²³, Hàng Bè²⁴.
Hàng Thùng²⁵, Hàng Bát²⁶, Hàng Tre²⁷,

Hàng Vôi²⁸, Hàng Giấy²⁹, Hàng The³⁰, Hàng Gà³¹.

Quanh đi đến phố Hàng Da³².

Trái xem phường phố thật là cũng xinh...

Hóa ra là người xưa đã dạo qua 36 phố - trong đó qua 32 phố hàng nên lúc “người về nhớ cảnh ngẩn ngơ, bút hoa xin chép bài thơ lưu truyền” cho đến hôm nay.

Câu hỏi 658: Phố - phường Hà Nội xưa từng dễ làm chân người lạc bước, điều đó được thể hiện qua câu ca dao nào?

Trả lời: Phồn hoa thứ nhất Long Thành,

Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ.

Hà Nội 36 phố phường xưa từng dễ làm cho người ta đi lạc đường, lạc hướng. Chẳng phải chỉ đến thời Pháp, trên các phương tiện thông tin thấy xuất hiện những lời rao tìm người trẻ lạc đường, người lớn lạc phương, lạc hướng, mà ngay từ ca dao, đã từng thấy cảnh:

Trên Tràng Thi dưới lại Tràng Thi,

Ai đem nhân ngãi tôi đi nơi nào.

Trên Hàng Đào, dưới cũng Hàng Đào,

Ai đem nhân ngãi tôi vào Tràng Thi.

Câu hỏi 659: Hà Nội là thành phố có nhiều phố mang tên “hàng” nhất cả nước, đúng hay sai?

Trả lời: Đúng! Không phải chỉ Hà Nội mới có những phố mang tên hàng. Ở các thành phố khác như Nam Định chẳng hạn, cũng có những 32 phố có chữ hàng thậm chí tên cũng giống như ở Hà Nội, như: Hàng Tiện, Hàng Sắt, Hàng Cáp, Hàng Nâu,...

Nhưng tập trung đến hơn nửa trăm phố mang tên hàng thì chỉ Hà Nội mới có.

Câu hỏi 660: Những quận nào không có phố mang tên “hàng”?

Trả lời: Thủ đô Hà Nội có 7 quận: Ba Đình, Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Tây Hồ, Hoàn Kiếm, Thanh Xuân, trong đó ba quận mới là Tây Hồ, Cầu Giấy, Thanh Xuân không có phố nào mang tên “hàng”. Phố mang tên “hàng” tập trung nhiều nhất ở quận Hoàn Kiếm.

Câu hỏi 661: Các phố “hàng” buôn bán những mặt hàng gì?

Trả lời: Do tên mặt hàng buôn bán, kinh doanh, sản xuất mà ra tên phố, nên trong khu vực 36 phố phường, chỉ khu phố cổ Hà Nội đã có thể thống kê ra:

20 phố chuyên bán các hàng thu mua từ nơi khác về, là các phố: Hàng Bát, Bè, Chiếu, Chĩnh, Đậu, Đồng, Đồng Xuân, Gà, Giấy, Hành, Khoai, Mắm, Muối, Phèn, Than, Thuốc Bắc, Tre, Trứng, Vải, Vôi.

63 phố vừa bán hàng tự làm, vừa do thu mua về: Áo, Bạc, Bài, Bò, Bông, Bún, Buồm, Bút, Bừa, Cá, Cẩn, Chả Cá, Cháo, Chè, Chỉ, Cỏ, Cốt, Cờ, Cước, Da, Dầu, Dép, Đàn, Đào, Đầy, Điều, Đũa, Đường, Gai, Giấy, Giò, Gỗ, Hải, Hỏa Lò, Hòm, Kèn, Khay, Khóa, Lam, Lò Đúc, Lò Rèn, Lọng, Lờ, Lược, Mã, Mã Vĩ, Màn, Mây, Mực, Ngan (Lam), Nón, Phúc Kiến, Quạt, Sắt, Sũ, Thêu, Thiếc, Thợ Nhuộm, Thùng, Tiện, Trống, Tràng Tiễn.

Hóa ra đều là những sản phẩm quen thuộc của nghề thủ công Bắc Bộ và những nông sản thực phẩm cần thiết của cuộc sống hàng ngày.

Câu hỏi 662: Khu “phố Tây” tập trung ở khu vực nào của Hà Nội?

Trả lời: Trong quá trình phát triển của Hà Nội có một giai đoạn tuy rất ngắn nhưng mang tính bản lề: chuyển từ một thành thị kiểu phường hội phong kiến sang đô thị kiểu châu Âu tư bản chủ nghĩa. Đó là vào năm 1883, sau khi quân Pháp chiếm Bắc Kỳ thì khu phố kiểu châu Âu mới hình thành. Khu phố này phát triển ở khu vực xung quanh Hồ Gươm, về phía tây dọc theo phố Hàng Khay (Borgnis Desbordes), phố Hàng Trống (Jules Ferry), phố Tràng Tiền (Paul Bert), phố Đinh Tiên Hoàng (Francis Garnier), phố Ngô Quyền (Henri Rivève), phố Lò Sũ (Fellonneau), phố Lý Thường Kiệt (Carreau), phố Hàng Bài (Rillian).

Câu hỏi 663: Trong khu vực “phố Tây” có phố nào mang tên “hàng” không?

Trả lời: Có ba phố mang tên “hàng” ở khu vực phố Tây. Đó là các phố Hàng Khay, Hàng Bài, Hàng Trống.

Câu hỏi 664: Vừa là thành, là đường, là đê, là phố. Đó là đường (phố, đê) nào?

Trả lời: Đó là “đường Đê La Thành”. Đường dài 2,5km từ ngã năm Ô Chợ Dừa đến ngã ba Voi Phục - Cầu Giấy. Vốn là đoạn tường lũy phía nam, vòng

ngoài của thành Đại La, chạy dọc bên bờ bắc của sông Kim Ngưu, một nhánh của sông Tô.

Trước đây, cả lũy đất kéo dài từ ô Đồng Lãm (Kim Liên) đến ngã ba Voi Phục được gọi là Đê La Thành.

Tháng 1 năm 1999, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội điều chỉnh lại, cắt đoạn Đê La Thành cũ trả lại, lập thành đường La Thành.

Đường Hoàng Hoa Thám (từ Bách Thảo ra đường Bưởi) vốn là dấu tích thành từ thời Lý, được tôn tạo và mở rộng thêm vào các đời sau.

Câu hỏi 665: Đường nào dài nhất ở Hà Nội?

Trả lời: Đó là đường Láng - con đường vành đai của Thủ đô dài 4,2km, bắt đầu từ ngã tư Cầu Giấy đến Ngã Tư Sở, chạy bên bờ đông sông Tô Lịch trên đất trại Yên Lãng và phường Thịnh Quang, tổng Hạ, huyện Vĩnh Thuận cũ. Đây vốn là bức tường đất vòng ngoài của thành Đại La xưa.

Đường này thuộc bốn phường Láng Thượng, Láng Hạ, Thịnh Quang và Nguyễn Trãi.

Câu hỏi 666: Phố ngắn nhất ở Hà Nội là phố nào?

Trả lời: Hà Nội có đến 14 phố mà chiều dài chỉ dưới 100m như Cầu Đông, Chợ Gạo, Đội Cung, Đông Thái... Trong đó ngắn nhất là hai phố Hồ Hoàn Kiếm và Nguyễn Xí, có chiều dài chỉ trên 50m.

Câu hỏi 667: Hà Nội có phố “nghiêng” phố “dốc” không?

Trả lời: Hà Nội có không ít những đường, phố, ngõ dốc, nhất là những đoạn ngõ từ hai bên đê sông Hồng, dẫn vào trong, hoặc từ hai bên bờ Đê La Thành, đường Bưởi, đường Hoàng Hoa Thám vào các xóm ngõ. Những phố nghiêng, ngõ dốc thành tên quen thuộc như dốc Hàng Than, dốc Bà Triệu, dốc Hồ Nhài, dốc Hàng Đậu, dốc Tam Đa, dốc Bưởi... đến nay vẫn còn.

Câu hỏi 668: Những đường, phố, ngõ nào ở Hà Nội có tên gọi ngắn nhất?

Trả lời: Trong khi tuyệt đại các phố, phường Hà Nội có tên hai từ trở lên thì vẫn có những tên gọi thật giản dị, cổ kính và dân dã. Đó là những ngõ: Huyện, Giếng, Quỳnh, Đống; phố: Vọng, đường: Bưởi, Láng.

Thú vị là, dẫu tên gọi ngắn - chỉ một từ nhưng đường Láng lại là đường dài nhất (4,2km), ngõ Quỳnh dài đến 1,5km.

Câu hỏi 669: Phố nào ở Hà Nội chưa có cây xanh?

Trả lời: Có một số phố ở Hà Nội mà tuyệt nhiên không có cây xanh, nhất là trong khu vực phố cổ. Chẳng hạn như các phố Tràng Tiền, Mã Mây.

Câu hỏi 670: Con đường nào ở Thủ đô “mùa hoa sữa về thơm từng ngọn gió”?

Trả lời: Không ít đường phố Hà Nội trồng cây hoa sữa, tạo ra mùi thơm mùa thu của Thủ đô, để

ngân vang trong các ca khúc của Hồng Đăng, Trịnh Công Sơn, Phạm Minh Tuấn, Trương Quý Hải, Thế Duy, Thế Bảo. Quen thuộc hơn cả là những khi hoa sữa tỏa hương thơm ven mặt hồ Thiền Quang, “phố Quang Trung, đường Nguyễn Du, những đêm hoa sữa thơm nồng”...

Câu hỏi 671: Trên những nẻo phố nào “Hà Nội mùa thu, cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ”?

Trả lời: Cây cơm nguội trên đường Lý Thường Kiệt, bờ Hồ Gươm, những cây bàng trên đường Khâm Thiên, Triệu Việt Vương đã làm lên bức tranh với gam màu ấm mùa thu và làm nên câu hát của nhạc sĩ xứ Huế Trịnh Công Sơn.

Câu hỏi 672: “Mùa sáu rụng ngoài ngõ vắng” nào của đường phố Thủ đô?

Trả lời: Sáu - với Hà Nội không chỉ thành “mút”, “chè”, “ô mai” sáu... đủ loại và không thể thiếu được với các bà, các cô, với nữ sinh Hà Nội, mà còn trở thành nét đặc sắc của nhiều đường phố Thủ đô như Phan Đình Phùng, Trần Phú, Trần Hưng Đạo, Hàng Trống... và còn phố nào nữa thì chính những chàng trai, cô gái tuổi học trò phát hiện tiếp.

Câu hỏi 673: Đến nay, trên các đường phố Hà Nội có bao nhiêu cây xanh?

Trả lời: Đến nay đường phố Hà Nội có trên 200 ngàn cây xanh bóng mát với 46 loại cây xanh khác

nhau trong khu vực nội thành. Diện tích cây xanh trung bình đạt trên 2,5m²/người.

Hàng năm người Thủ đô trồng thêm 10 ngàn cây có bóng mát.

Câu hỏi 674: “Tạm Thương” nghĩa là gì để thi sĩ Xuân Diệu trong bài thơ tình có dịp chơi chữ:

*Ngõ bảy thước mà lòng sâu thẳm,
Thương cả đời đâu phải tạm thương?*

Trả lời: Ở làng Yên Thái, tổng Tiền Túc, huyện Thọ Xương cũ có một *kho chứa thóc (thương) tạm*, do đó mà có tên *Tạm Thương*.

Ngõ Tạm Thương ngày nay dài 140m, chạy từ phố Yên Thái sang phố Hàng Bông thuộc phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm. Nơi đây có món ăn “đặc sản” quen thuộc, hấp dẫn với nhiều tầng lớp học trò Hà Nội - ấy là “bánh cay”.

Vì thế chẳng mà không chỉ thương, đúng hơn là “nhớ” đến chảy nước mắt cả đời!

Câu hỏi 675: Thiên Quang hay Thuyền Quang?

Trả lời: Trên bản đồ thành phố ghi và trên các bảng chỉ dẫn ở đoạn phố dài 150m vắt từ Trần Bình Trọng đến Yết Kiêu treo biển *Phố Thiên Quang* - vốn thuộc đất thôn Thiên Quang của tổng Tiền Nghiêm, huyện Thọ Xương cũ. Ở đây cũng có chùa mang cùng tên thôn (theo thứ tự: tên chùa → tên thôn → tên hồ).

Nhưng dân nhiều người quen gọi là Thuyền Quang!

Câu hỏi 676: Tên Tam Đa từ đâu mà có?

Trả lời: Tam Đa là tên phố nối từ Thụy Khuê, Hoàng Hoa Thám vào trường Đua Ngựa dài 120m, trên phố này có dốc cùng tên gọi.

Theo Tô Hoài, dốc Tam Đa, địa danh Tam Đa mới có rất tình cờ, dân dã. Trước, các làng quanh đấy gọi là dốc Quán Ngựa. Ở đầu dốc phía bên hồ nhà buôn Ích Phong mở xưởng làm dầu cù là Tam Đa. Trước công xưởng có đắp tượng ba ông Phúc, Lộc, Thọ to. Năm 1954, không còn thấy tượng Tam Đa nữa.

Câu hỏi 667: Tên Cổng Đục được giải thích ra sao?

Trả lời: Cổng Đục là đoạn dài 110m của phố Hàng Mã thông sang phố Hàng Vải thuộc quận Hoàn Kiếm.

Có người cho rằng vì trước đây có cổng mở ra tường thành phía Đông.

Có người cho rằng, tên gọi này liên quan đến việc, vào thế kỷ XIII triều Trần cho đục cổng thành để đưa thi hài Lý Huệ Tông ra.

Câu hỏi 678: Cửa ô nào có đến ba cách giải thích?

Trả lời: Đó là: - Cửa Ô Quan Chưởng. Vào phố Hàng Chiếu ra đường Trần Nhật Duật (quận Hoàn Kiếm), trên vòm cửa có ghi: *Đông Hà Môn* - cửa Đông Hà - và nằm trên đất phường Đông Hà thuộc tổng Hậu Túc, huyện Thọ Xương. Còn trong dân gian vẫn gọi là Ô Quan Chưởng với ba cách giải thích về tên gọi này:

1- Đời Lê có Quan Chưởng ấn về hưu dựng nhà ở đây.

2- Đòi Nguyễn đặt chức Quan Chương cơ để coi giữ cửa ô.

3- Năm 1873, khi quân Pháp từ sông Hồng tấn công qua đây đã bị đội quân của một Quan Chương vệ chặn đánh quyết liệt. Quan chương vệ đã hy sinh tại cửa ô này.

Câu hỏi 679: Theo chỉ dẫn của nhà thơ Nguyễn Bính:

*Nhà nàng ở góc cây mai trắng,
Trên khóm mai vàng, dưới đế kinh.*

Có gái từng khiến cho tâm hồn thi sĩ Nguyễn Bính “một lần lạc bước qua nơi ấy,... về dệt mãi mộng ba sinh” là ở đâu?

Trả lời: Đúng là chỉ định của một nhà thơ!

Nhưng đừng vội nghĩ Nguyễn Bính vô tâm, viết theo kiểu *Liều trai chí dị* hay *Truyện kỳ mạn lục* mà nhà thơ tả thực - một địa danh Hà Nội đấy. Mai trắng là Bạch Mai; mai vàng là Hoàng Mai; Đế kinh là Phố Huế.

Hóa ra người đẹp - *Người con gái ở lầu hoa* - tên bài thơ, là ở Bạch Mai (dưới phố Huế, trên Hoàng Mai).

Câu hỏi 680: Tên Cẩm Chi được giải thích như thế nào?

Trả lời: Tên Cẩm Chi được gắn liền với sự tích về *Chúa Chổm*. Khi vua Lê Tương Dực bị giết, vua Chiêu Tông lên nối ngôi nhưng vị vua này cũng bất

tài, nhu nhược, nên cuối cùng bị Mạc Đăng Dung bắt giam ở Đông Hà (đầu phố Hàng Gai). Lúc ấy có cô bán rượu làng Lũ (Thanh Trì) đem lòng thương, sẵn rượu cô đem thết lũ lính canh cho tiện ra vào. Khi cô hàng có mang, Chiêu Tông trao cho quả ấn ngọc rồi bảo đi trốn. Cô ở trong dân gian sinh hạ được một đứa con trai. Đứa bé ấy đặt tên là Chởm. Lúc nhỏ nó lang thang, ai cũng vay mượn. Đến khi Nguyễn Kim tìm thấy, đem sang Sầm Châu, giúp cho đánh được Mạc, lên làm vua lấy niên hiệu là Trang Tông. Biết tin mọi người kéo đến đòi nợ rất đông, đi đến đâu cũng có người đòi. Vua phải ra lệnh rằng đến Đình Ngang thì dừng lại (ngã tư Cửa Nam bây giờ) mà còn ai đòi nữa thì chém đầu. Từ đó Đình Ngang thành tên là *Đình Ngang cấm chỉ*, dân gian quen gọi là *Cấm Chỉ*.

Thật ra, quan lại, dân chúng đến đó phải dừng chân, đến Đình Ngang trình giấy tờ, thẻ bài, không được tự tiện đi qua cửa Nam vào trong thành Nội.

Câu hỏi 681: Hà Nội có phố Tràng Tiền, Huế có cầu Tràng Tiền. Vì sao lại có tên trùng nhau như vậy?

Trả lời: Vì Tràng Tiền ở Hà Nội được hiểu là *Tràng đúc tiền*, có tên chữ là Bảo toàn cục (Bảo tuyến cục) nơi đúc và làm kho tiền của nhà Nguyễn ở Bắc Hà, lập năm 1813, đến năm 1887 thì bỏ. Còn tên *Tràng Tiền* ở Huế được hình thành cũng từ lý do là cầu ở bên một xưởng đúc tiền.

Dân gian Hà Nội có câu:

*Sống thì canh cửa Tràng Tiền,
Chết làm bộ hạ Trung Hiền, Kẻ Mơ.*

Tràng Tiền thuê nhiều nhân công nữ để đếm tiền, xâu giấy mây thành tràng chuỗi tiền quan, khi ra về, thường bị lính canh sờ nắn khắp người xem có đút nhét lậu đồng tiền nào ra không. Ở Kẻ Mơ, ngã tư Trung Hiền có đền thờ “Đám thần”.

Câu hỏi 682: Vì sao lại gọi là Hàng Ngang?

Trả lời: Phố Hàng Ngang ngày nay dài hơn 150m, chạy theo hướng đông bắc - tây nam, nối phố Hàng Đường với phố Hàng Đào.

Hàng Ngang từng có nhiều tên gọi như:

- Hàng Lam.
- Đường Nhân (nơi có người Hoa cư trú).
- Phố người Quảng Đông.

Từ “Hàng Ngang” là do hai đầu phố có cổng chặn ngang đường. Ngày mở, tối đóng lại thành khu riêng của Hoa kiều (Quảng Đông).

Câu hỏi 683: Có một con đường đã được Bác Hồ gọi ý đặt tên. Đó là đường nào?

Trả lời: Khoảng đầu thế kỷ XVII, nhân dân sống quanh Hồ Tây đắp một con đê dài để giữ cá, gọi là *Cổ Ngự Yển* (nghĩa là “đê đập giữ vũng”), còn có cách gọi chệch khác là “Cổ Ngự”. Đê này cắt một khoảng Hồ Tây ra thành hồ Trúc Bạch.

Trong hai năm 1958, 1959 thanh niên, học sinh Thủ đô tham gia phong trào lao động xã hội chủ nghĩa, đã thực hiện kế hoạch mở rộng và tôn cao đường Cổ Ngư. Bác Hồ đã tới thăm và gợi ý đổi tên là đường Thanh Niên.

Câu hỏi 684: Phố phường Thăng Long có mang tên nhân vật không?

Trả lời: Phố phường suốt cả thời mang tên Thăng Long (tức là thời Lý Công Uẩn dựng đô, đặt tên cho đến hết đời Nguyễn) chưa có một phố nào mang tên người (nhân vật).

Câu hỏi 685: Đường phố Hà Nội mang tên người từ bao giờ?

Trả lời: Từ sau khi Pháp chiếm Hà Nội, bắt đầu có phố mang tên người mà đầu tiên và chủ yếu là tên người Pháp.

Câu hỏi 686: Ở các quận nội thành có bao nhiêu tên người được đặt cho các phố, phường, đường, ngõ?

Trả lời: Đến năm 1999 ở nội thành Hà Nội có 197 phố, đường, ngõ, mang tên người.

Câu hỏi 687: Những thiếu niên nào được đặt tên cho đường phố Thủ đô”?

Trả lời: “Thiếu niên” - chỉ với nghĩa đen là trẻ tuổi, còn sự nghiệp của những vị được đặt tên ở Thủ đô - là những anh hùng, là bất tử.

Phù Đồng Thiên Vương là danh hiệu các thế hệ Việt Nam tôn xưng người anh hùng làng Dóng - bát tử. Ba tuổi Gióng đã vươn lên trở thành khổng lồ để đi dẹp giặc ngoại xâm. Phố Phù Đồng Thiên Vương dài 170m từ phố Hòa Mã đến Trần Xuân Soạn, quận Hai Bà Trưng.

Hoài Văn hầu Trần Quốc Toàn (1267 - 1285) cũng tước hầu nhưng chưa đủ tuổi 18 nên không được dự hội nghị Bình Than cùng triều đình bàn kế chống giặc Nguyên. Ngọn cờ “Phá cường địch - báo hoàng ân” minh chứng cho tình yêu đất nước non sông không phụ thuộc vào tuổi tác đã theo Hoài Văn đi đánh giặc Nguyên - Mông. Phố mang tên người anh hùng dài 1,2km, từ phố Huế đến phố Yết Kiêu, thuộc quận Hoàn Kiếm.

Kim Đồng - Nông Văn Dền (1929 - 1943), người con ưu tú của dân tộc Nùng, thuộc Nà Mạ, Hà Quảng, Cao Bằng - người thành tên của các thế hệ thiếu niên Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám. Phố Kim Đồng từ đường Giải Phóng đến Giáp Bát được đặt tên từ tháng 1 năm 1999.

Câu hỏi 688: Tên tuổi những người anh hùng - người các dân tộc miền núi, sống mãi với Thủ đô qua tên các phố phường nào?

Trả lời: Đó là các bậc anh hùng:

Tôn Đản (thế kỷ XI), người dân tộc Tày, danh tướng thời Lý, người đã cùng tham gia cuộc tấn công

vào căn cứ của nhà Tống vào năm 1075. Phố mang tên ông là phố nối từ phố Trần Nguyên Hãn đến phố Tràng Tiễn.

Kim Đồng - Nông Văn Dền (1929 - 1943) (xem câu 687).

*Hoàng Văn Thụ (1906 - 1944) là người dân tộc Tày, quê ở Lạng Sơn. Ông là Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (1939 - 1940), đã hoạt động, gắn bó nhiều với địa bàn Hà Nội. Ông bị giặc Pháp bắt (1943) và xử bắn (1944) cũng tại Hà Nội. Các thế hệ Việt Nam từ sau năm 1944 còn nhớ mãi câu thơ ngợi khí phách *Ngọc nát còn hơn giữ ngôi lành* và lời nhắn nhủ của ông: “*Bạn hỡi xa gần hãy chiến đấu. Trước sau xin giữ tấm lòng thành*”. Cùng với phố mang tên ông - trước cửa Phủ Chủ tịch, quận Ba Đình, còn có phường Hoàng Văn Thụ gần khu vực thôn Đông, xóm Bến, quận Hai Bà Trưng, nơi giặc xử bắn ông và trước có mộ ông.*

Câu hỏi 689: Có bao nhiêu phố phường Hà Nội mang tên phụ nữ?

Trả lời: Đến tháng 7 năm 2000, ở Hà Nội có 11 phố mang tên phụ nữ - những danh nhân huyền thoại, lịch sử - văn hóa, chiến sĩ cách mạng. Đó là các phố Âu Cơ, Âu Triệu, Bà Huyện Thanh Quan, Bà Triệu, Bùi Thị Xuân, Đoàn Thị Điểm, Hai Bà Trưng, Hồ Xuân Hương, Lê Ngọc Hân, Minh Khai, Võ Thị Sáu.

Câu hỏi 690: Cha con đều là anh hùng - đều được đặt tên phố ở Thủ đô là những vị nào?

Trả lời: Đó là những bậc anh hùng:

- *Trần Hoảng* (1240 - 1290) tức Trần Thánh Tông và con trai đầu, là *Trần Khâm* (1258 - 1308), tức Trần Nhân Tông.

- *Đặng Tái* (? - 1409) và con trai *Đặng Dung* (? - ?), thủ lĩnh của phong trào chống Minh trước khởi nghĩa Lam Sơn ở vùng Thiên Trường (Nam Định), Trường Yên (Ninh Bình) và Hóa Châu (Quảng Trị), Đặng Dung còn là tác giả của bài *Cảm hoài* nổi tiếng.

- *Lương Văn Can* (1854 - 1927), nhà nho yêu nước, người sáng lập Đông Kinh nghĩa thực và con trai *Lương Ngọc Quyến* (1885 - 1917), thành viên phong trào Đông Du, Việt Nam Quang Phục hội, lãnh đạo khởi nghĩa chống Pháp ở Thái Nguyên.

Câu hỏi 691: Những cặp vợ chồng đoàn tụ ở Thủ đô qua những tên đường phố nào?

Trả lời: - Đầu tiên phải kể đến cặp vợ chồng là “giống rồng”, vợ là “giống tiên” - *Lạc Long Quân* - *Âu Cơ*, dấu xuống bể, lên rừng thuở mở cõi cho dòng giống con Rồng cháu Tiên vẫn tụ hội với mảnh đất rồng bay.

Ngoài ra còn có:

- *Thi Sách* và *Trung Trắc*.

- *Quang Trung* (Nguyễn Huệ) và *Lê Ngọc Hân*.

- *Lê Hồng Phong* và *Nguyễn Thị Minh Khai*.

Câu hỏi 692: Anh (chị) em ruột có mặt ở Thủ đô qua những tên phố nào?

Trả lời: Đó là những phố:

- Hai Bà Trưng (Trưng Trắc, Trưng Nhị), lãnh tụ cuộc khởi nghĩa chống Hán năm 40 - 43.

- Triệu Quốc Đạt và em gái Triệu Thị Trinh (Bà Triệu), những anh hùng tổ chức cuộc khởi nghĩa chống ách đô hộ của nhà Ngô năm 248.

- Trần Hoảng (1240 - 1290) (tức vua Trần Thánh Tông), Trần Quang Khải (1241 - 1249), Trần Nhật Duật (1255 - 1331), ba anh em con của Trần Cảnh (vua Trần Thái Tông), những anh hùng của cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông 1285, 1288.

- Đinh Lễ (? - 1427), Đinh Liệt (? - 1471), hai anh em quê ở Thọ Xuân, Thanh Hóa (gọi Lê Lợi bằng cậu). Cả hai đều tham gia khởi nghĩa Lam Sơn. Đinh Lễ từng lập công ở Khả Lưu, Diễn Châu, Tốt Động. Ông hy sinh ở cửa ngõ Đông Quan (My Động - tức Hoàng Mai, Mai Động) trước ngày *Bình Ngô đại cáo*. Đinh Liệt - người anh hùng của trận đại thắng Chi Lăng - Xương Giang là người có công đưa Lê Tư Thành lên ngôi hoàng đế (tức Lê Thánh Tông).

Câu hỏi 693: Tên phố nhắc đến cả hai người là phố nào?

Trả lời: Đó là phố Hai Bà Trưng. Hai Bà: Trưng Trắc, Trưng Nhị là hai nữ anh hùng dân tộc dựng cờ khởi nghĩa ở Hát Môn mùa xuân năm 40, đánh thủ phủ

do quân Hán thống trị, thu lại 65 thành. Hai Bà lên làm vua, lập đô ở Mê Linh. Năm 42, Mã Viện đem quân sang đàn áp. Hai Bà đã hy sinh vào mùa xuân năm 43.

Câu hỏi 694: Đường phố nào của Hà Nội hiện nay mang tên người nước ngoài?

Trả lời: Đó là phố Yersin dài hơn 300m ôm lấy vườn hoa Pasteur từ phố Nguyễn Cao đến phố Lò Đúc.

Alexandre Yersin, 1863 - 1943, nhà bác học nổi tiếng về vi trùng học và dịch tễ học - người Pháp gốc Thụy Sĩ. Ông là người có công lớn trong việc lập Viện Pasteur Nha Trang, góp phần chủ yếu trong việc loại trừ bệnh dịch hạch, bạch hầu và một số bệnh gia súc ở Việt Nam. Ông mất và an nghỉ tại Nha Trang ngày 2-3-1943.

Ông có mặt lần đầu tiên ở Hà Nội ngày 27-5-1894 và gắn bó nhiều với Hà Nội. Ông là người đầu tiên khởi xướng việc xây dựng Y khoa học hiệu (Đại học Y khoa ngày nay), bệnh viện thực hành, sau đó chính ông là Hiệu trưởng đầu tiên của Trường Đại học Y khoa, giám đốc đầu tiên của Bệnh viện thực hành (tiền thân của Bệnh viện Việt Đức), Giám đốc Viện Pasteur Hà Nội.

Câu hỏi 695: Những tên núi, tên sông... của mọi miền góp thành tên vào những phố, phường nào ở Thủ đô?

Trả lời: Có hàng chục tên phố, tên phường như vậy, chẳng hạn:

- Bạch Đằng, dòng sông 3 lần giặc đến, 3 lần giặc tan (938, 981, 1288) thuộc tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng.

- Bắc Sơn, nơi nổ ra cuộc khởi nghĩa chống Pháp ngày 22-9-1940 do Đảng Cộng sản lãnh đạo, thuộc tỉnh Lạng Sơn.

- Điện Biên Phủ, thuộc tỉnh Lai Châu, nơi tiêu diệt tập đoàn cứ điểm của giặc Pháp kéo dài 55 ngày đêm (13-3 đến 7-5-1954)? lập nên chiến thắng vang dội địa cầu, buộc quân địch phải đầu hàng và ký Hiệp định Genève (20-7-1954) về Đông Dương.

- Hàm Tử Quan, một địa danh thuộc xã Hàm Tử huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên, nơi diễn ra trận thắng lớn chống quân Nguyên - Mông xâm lược năm 1285.

- Hoa Lư, Kinh đô của nước Đại Cồ Việt vào thế kỷ X, nay thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Hòa Bình, tên có từ thời trước cách mạng do trong ngõ có nhiều nhà của anh em ông chủ hãng ô tô chạy tuyến Hà Nội - Hòa Bình.

- Huế, tức xứ Huế - Kinh đô Việt Nam thời Nguyễn (1802 - 1945), thành phố kết nghĩa với thủ đô Hà Nội.

- Thái Hà, ghép tên Đông Thái (Hà Tĩnh) với Hà Đông (lúc đặt tên vùng này thuộc Hà Đông) cuối thế kỷ XIX.

- Tây Sơn, là vùng núi phía tây phủ Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, nơi ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn

Huệ, Nguyễn Lữ phát cờ khởi nghĩa diệt nhà Nguyễn ở Đàng Trong, phá đổ nghiệp chúa của họ Trịnh ở Đàng Ngoài, đập tan hai cuộc xâm lược lớn của quân Xiêm và quân Thanh.

- Vân Đồn, một vùng cảng biển nổi tiếng thuộc huyện Vân Đồn - Quảng Ninh hình thành từ năm 1140, đầu năm 1288, tại đây diễn ra trận thủy chiến lớn, tướng Trần Khánh Dư chỉ huy đánh chìm 400 thuyền lương của giặc Nguyên.

- Yên Bái, tên thị xã, tỉnh lỵ Yên Bái nơi Việt Nam Quốc dân Đảng của Nguyễn Thái Học - Xứ Nhu tổ chức cuộc khởi nghĩa năm 1930 nhưng bị thất bại, những nhà lãnh đạo của Đảng này đã bị thực dân Pháp xử chém.

- Yên Thế, tên cuộc khởi nghĩa do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo tại núi rừng Yên Thế, Bắc Giang.

- Ba Đình, căn cứ khởi nghĩa chống Pháp của Nga Sơn, Thanh Hóa cuối thế kỷ XIX.

- Chi Lăng (vườn hoa), địa điểm thuộc Lạng Sơn, nơi diễn ra trận đại thắng giết tướng giặc Liễu Thăng (1427).

- Chí Linh (vườn hoa), ngọn núi ở miền tây Thanh Hóa nằm trong khu căn cứ buổi đầu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1417 - 1427).

- Phát Lộc, tên làng thuộc tổng Thượng Liệt, huyện Đông Quan, Thái Bình, dân từ đây lên Dũng Thọ, phường Đông Các lập nghiệp.

- Vạn Kiếp, nằm bên bờ sông Lục Đầu thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, nơi gắn liền với chiến trận chống quân Nguyên - Mông đời Trần, nơi có đền thờ Đức Thánh Trần.

Câu hỏi 696: Hiện có bao nhiêu vườn hoa công viên Hà Nội mang tên danh nhân nước ngoài?

Trả lời: Có ba công viên như vậy, đó là các công viên:

- Công viên *Lênin* rộng trên 50ha bọc lấy hồ Bảy Mẫu, có các đường Nguyễn Đình Chiểu, Lê Duẩn, Đại Cồ Việt, Trần Nhân Tông ôm bốn phía đông tây - nam bắc. Công viên là thành quả lao động của nhân dân và thanh niên Thủ đô cải tạo các bãi rác, đầm lầy của làng Vân Hồ, Thê Giao, Thiến Quang, Kim Liên từ năm 1958 - 1960. Nhân dịp kỷ niệm 110 năm ngày sinh V.I. Lênin (1980) công viên đã được mang tên Người - vị lãnh tụ của giai cấp công nhân thế giới.

- Vườn hoa *Pasteur* ở trước Viện Vi trùng học cũng cùng tên, có các phố Nguyễn Công Trứ, Trần Thánh Tông, Tăng Bạt Hổ, Yersin bao quanh. Louis Pasteur, 1822 - 1895 người Pháp - Tiến sỹ vật lý - hóa học nghiên cứu về tinh thể học. Từ năm 1826, ông tập trung nghiên cứu vi sinh học, trở nên nổi tiếng vì công trình nghiên cứu bệnh dại và điều chế được vắc xin phòng ngừa bệnh dại và trở thành một trong những nhà bác học lớn nhất của nhân loại. Năm 1868, tìm ra các nguyên nhân gây bệnh truyền nhiễm ở súc vật.

Năm 1881, tìm ra vắc xin phòng bệnh chó dại - được coi là phát minh mở đầu cho y học hiện đại.

- *Vườn hoa Indira Gandhi* kề bên bên đường Đinh Tiên Hoàng - Lê Lai, bờ đông Hồ Gươm nằm trong tổng thể vườn hoa Chí Linh. Indira Gandhi (1917 - 1984) là Thủ tướng Ấn Độ (1966 - 1977), lãnh tụ xuất sắc của phong trào không liên kết. Đất nước Ấn Độ và bản thân bà đã dành cho nhân dân Việt Nam những tình cảm hữu nghị, thân thiết. Sau khi bà từ trần, vườn hoa Chí Linh đã mang tên bà để ghi nhớ tình hữu nghị Việt - Ấn.

Câu hỏi 697: Hiện nay Hà Nội có bao nhiêu công viên?

Trả lời: Theo thống kê chưa đầy đủ của ngành Giao thông công chính, thủ đô Hà Nội hiện có 50 vườn hoa, công viên với 145 nghìn cây xanh các loại. Trong đó có những công viên lớn từ 20ha trở lên như các công viên Lenin, Thủ Lệ, Bách Thảo, Tuổi Trẻ, Đống Đa, Công viên nước Hồ Tây, Cầu Đôi (Đông Anh).

Câu hỏi 698: “Nhớ những công viên vừa mới xây, bước chân em chưa mòn lối...” là những công viên nào?

Trả lời: Câu hát ấy của Hoàng Hiệp (trong bài *Nhớ về Hà Nội*) - nhắc về những vườn hoa, công viên, như công viên Tuổi trẻ Thủ đô (hay công viên Thanh Nhàn), công viên Thủ Lệ (vườn thú Thủ Lệ)... được xây dựng từ những năm 70 của thế kỷ XX, đến nay cũng đã trên một phần tư thế kỷ rồi...

Thế hệ trẻ hôm nay khi hát bài ca ấy hẳn là nghĩ đến những công viên mới được xây dựng trong thời kỳ đổi mới, cuối những năm 80, đặc biệt là hai năm gần đây, nổi bật như công viên Cầu Đôi (Đồng Anh), công viên nước Hồ Tây...

Câu hỏi 699: Vì sao lại gọi là “vườn hoa Nhà Kèn”?

Trả lời: Cũng là một cách gọi dân gian chỉ vườn hoa Paul Bert thời Pháp thuộc. Vườn hoa này ở giữa có một nhà bát giác để các nhạc công trình diễn nhạc kèn, vì thế mà thành tên gọi.

Câu hỏi 700: Vì sao lại gọi là vườn hoa “Con Cóc”?

Trả lời: Đó là vườn hoa Diên Hồng ngày nay, nằm trước cửa Nhà khách Chính phủ.

Vườn hoa này thời Pháp thuộc có tên là Chavassieux, có tượng đài phun nước hình con cóc. Vì thế dân chúng gọi tên Tây làm gì, cứ theo hình con cóc mà gọi thành tên.

Câu hỏi 701: Các “khu tập thể” xuất hiện ở Hà Nội từ bao giờ?

Trả lời: Trước năm 1954, quỹ nhà ở của thành phố rất nghèo nàn. Vì thế sau giải phóng, Nhà nước đã phải dành những cố gắng lớn vào việc phát triển nhà ở.

Từ năm 1956 trở đi, nhiều khu nhà ở đã được xây dựng ở An Dương, Lương Yên, Phúc Xá, Đại La.

Công cuộc xây dựng các khu nhà ở cao tầng - khu tập thể được đẩy mạnh vào những năm 1961 - 1965, 1970 - 1985.

Cũng trong các thời gian trên, các nhà máy, xí nghiệp, trường học cũng xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên của mình.

“Khu tập thể”, “Nhà tập thể” với những địa danh quen thuộc như: Khu bờ sông, khu tập thể Nguyễn Công Trứ, Kim Liên, Trung Tự, Văn Chương, Bách Khoa, Thượng Đình, Mễ Trì... ra đời từ đó.

Câu hỏi 702: “Nhà lắp ghép”, “khu lắp ghép” có mặt ở Hà Nội từ bao giờ?

Trả lời: Ở thành phố, nhu cầu nhà ở của dân, đặc biệt là bộ phận công nhân, viên chức nhà nước ngày một lớn. Mặt khác, từ kinh nghiệm của các khu nhà tập thể xây dựng từ trước có nhiều điểm bất tiện, chưa hoàn thiện phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, từ năm 1970, một kiểu nhà ở mới hoàn thiện hơn một bước, tốc độ nhanh hơn bằng cách lắp ghép các cấu kiện bê tông đúc sẵn đã ra đời.

Bắt đầu từ khu Kim Liên - một kiểu nhà lắp ghép (với quy hoạch do chuyên gia Liên Xô, lắp ghép do chuyên gia Triều Tiên giúp đỡ) đã được xây dựng. Từ đó, những khu “nhà lắp ghép” từng bước được hoàn thiện hơn đã mọc lên ở Trung Tự, Giảng Võ, Thanh Xuân Bắc, Nghĩa Đô...

XI. KHÉO TAY, HAY NGHỀ, ĐẤT LỀ KẼ CHỢ

Câu hỏi 703: Nghề đúc đồng xưa nhất của Hà Nội bao nhiêu tuổi?

Trả lời: Tuổi của nghề này ước tính từ 4.000 năm trước. Trong các di chỉ khảo cổ học giai đoạn văn hóa Phùng Nguyên (sơ kỳ đồng thau) đã tìm thấy rì đồng, xỉ đồng và những mảnh đồng vụn. Tuy nhiên, ở các giai đoạn này đồ đồng chưa phổ biến lắm, sang giai đoạn muộn hơn từ trung kỳ thời đại đồng thau - văn hóa Đông Đậu đến sơ kỳ thời đại sắt - văn hóa Đông Sơn, đồ đồng ngày càng phát triển về số lượng và loại hình. Điều này được chứng thực qua tài liệu khảo cổ học: ở di chỉ Đồng Vông (đồng thau sớm) mới chỉ tìm thấy rì đồng, ở di chỉ Tiên Hội (trung kỳ đồng - giai đoạn Đông Đậu) tỷ lệ đồ đồng là 1,54%... Đặc sắc và tiêu biểu nhất là những đồ đồng của văn hóa Đông Sơn như trống, lưỡi cày, mũi tên... tìm thấy ở Cổ Loa.

Câu hỏi 704: Ở di chỉ Đình Chàng (Đông Anh) đã tìm thấy một tác phẩm nghệ thuật tạo hình của thời đại đồng thau. Đó là tác phẩm nào?

Trả lời: Đó là tượng đầu trâu được tìm thấy ở di chỉ Đình Chàng (Đông Anh), đợt khai quật năm 1971, ở độ sâu 0,64m. Tượng làm bằng đá nephrit màu xanh nhạt. Sừng trâu cong, tròn, nhọn, mặt cắt ngang của sừng có hình tròn dẹt. Một mặt của tượng được mài tương đối phẳng; mặt kia có đường sống nổi cao, có lỗ để xuyên dây đeo tượng. Tượng cao 1,9cm chỗ dày nhất 0,6cm, khoảng cách giữa hai sừng là 2cm, tượng được mài nhẵn bóng. Đây là một trong những sản phẩm đẹp và tinh xảo của nghệ thuật tạo hình thời đại đồng thau Việt Nam.

Câu hỏi 705: Người được mệnh danh phát minh ra cung nỏ thời An Dương Vương là ai?

Trả lời: Sử cũ ghi là Cao Lỗ tướng quân. Dân gian truyền tụng giản dị là ông Nỏ hay Đò Nỏ.

Truyền thuyết kể rằng, khi Thục Phán lên ngôi xưng là An Dương Vương, hai anh em con chú con bác Cao Lỗ và Cao Tứ rất được vua tin cậy. Cao Lỗ đã khuyên vua dời đô xuống đồng bằng, tiến ra đất Cổ Loa để đóng đô.

Cao Lỗ lại phát minh ra loại cung nỏ bắn một lần nhiều mũi tên. Đầu mũi tên lại làm bằng đồng. Cung nỏ của Cao Lỗ sáng chế trở thành vũ khí lợi hại của người Âu Lạc..., và được thần thánh hóa ra chuyện *Nỏ thần*.

Câu hỏi 706: Theo truyền thuyết, thành Cổ Loa xây rồi lại đổ, tại sao?

Trả lời: Thành Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội) được đắp vào thời An Dương Vương. Đây là tòa thành đa chức năng: chính trị, quân sự, trị thủy..., của người Việt cổ. Lũy thành ngoài cũng đồng thời là đê. Cổ Loa là vùng đất cao vững chãi cuối cùng về phía nam của vùng bậc thềm, có sườn dốc từ 5m lên tới 10 - 12m và hơn nữa Cổ Loa nằm trên tả ngạn ngọn Hoàng giang. Phía nam là một vùng trũng, Cổ Loa nằm sát ranh giới phía nam của vùng giáp ranh giữa đồi núi trung du và miền châu thổ sông Hồng.

Thành đắp rồi lại đổ - theo huyền tích - phải chăng, một trong những lý do là ban đầu tổ tiên ta thời Âu Lạc chưa tìm ra kỹ thuật chống lầy? Nhưng cuối cùng thành đã đắp xong - theo huyền thoại, là do vua Thục được thần Rùa Vàng giúp trừ yêu quái. Kết quả khi cất thành cho thấy chân lũy thành, đặc biệt ở những nơi gần sông, gần vực được kè chắc bằng đá tảng. Đây là nét đặc sắc của kỹ thuật kè thành, kè đê của người Việt.

Câu hỏi 707: Những chứng tích xưa nhất của nghề luyện sắt của Hà Nội tìm thấy ở đâu?

Trả lời: Khi kỹ thuật luyện đồng đã đạt tới thời kỳ cực thịnh vào thời đại văn minh Đông Sơn, thì nghề luyện sắt ra đời. Vào khoảng 300 năm trước Công nguyên, dưới chân thành Cổ Loa đã xuất hiện những lò rèn sắt thủ công. Vết tích của những lò này

cùng những chứng cứ khác có liên quan như xỉ sắt, mảnh vỡ công cụ, công cụ sắt đã được các nhà khảo cổ học tìm thấy ở Đường Mây, Đình Chàng...

Trước đây, dựa vào thư tịch Trung Hoa ghi việc Lữ Hậu cấm chuyển sắt về phương Nam, người ta cho rằng người Việt đã du nhập nguyên liệu sắt và đồ sắt từ phương Bắc. Những phát hiện ở Đường Mây, Đình Chàng và nhiều địa điểm khác của văn hóa Đông Sơn cho thấy, nghề luyện kim sắt đã ra đời và tồn tại cách đây trên 2.000 năm.

Câu hỏi 708: *Thử đọc một câu ca dao, tục ngữ mà mỗi câu có từ ba sản phẩm thủ công trở lên?*

Trả lời: Trong tục ngữ ca dao vùng Thăng Long có không ít những câu như vậy, chẳng hạn:

Linh hoa Yên Thái,
Đỏ gốm Bát Tràng.
Thợ vàng Định Công,
Thợ đồng Ngũ Xã.
Thợ Lụa, lĩnh Bưởi, chổi Bùng,
Lụa vân Vạn Phúc, nhiều vùng Mỗ bên...

Câu hỏi 709: *Trong Dư địa chí, Nguyễn Trãi đã chép tới những phường, nghề thủ công nào ở Thăng Long?*

Trả lời: Đọc *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi sẽ thấy ghi về:

Phường Hàng Đào: nhuộm điều.
Phường Tàng Kiếm: làm kiệu, áo giáp.
Phường Yên Thái: làm giấy.

Phường Thụy Chương, Nghi Tàm: dệt vải lụa.

Phường Hà Tân: nung đá vôi.

Phường Tả Nhất: làm quạt.

Câu hỏi 710: “Nhịp chày Yên Thái” là gì mà đi vào phú, vào thơ viết về Tây Hồ?

Trả lời: Đúng là hơn một lần trong *Phú tụng Tây Hồ* và thơ (bài thơ thường tưởng như ca dao) về Hồ Tây đã nhắc đến “nhịp chày Yên Thái”.

Chày - một dụng cụ dùng để giã, để đập. Ở Yên Thái, phường phía bắc Hồ Tây, nơi làm nghề giấy ta, dân dùng chày để giã dó lấy bột làm giấy. Người làm giấy thức khuya, dậy sớm với công việc này. Nếu thơ chỉ viết chung thì phú là tả thực, vì thế tiếng “chày Yên Thái nện trong sương chênh choảng” là cảnh thực của Yên Thái - Hồ Tây.

Câu hỏi 711: Vì sao có tên hồ Trúc Bạch?

Trả lời: Hồ Trúc Bạch ngày nay vốn là một phần của Hồ Tây. Từ khi dân ba làng Yên Phụ, Yên Quang, Trúc Yên chung sức đắp con đập vào năm 1620 để chắn giữ cá, phần hồ bị tách khỏi Hồ Tây thuộc về địa phận làng Trúc Yên.

Chúa Trịnh Giang từng xây ở đất Trúc Yên tòa biệt viện để nghỉ ngơi. Sau này biệt viện trở thành nơi an trí các cung nữ mắc lỗi ở phủ chúa. Những cung nữ làm nghề dệt lụa để sinh sống. Lụa của họ đẹp nổi tiếng - gọi là lụa Trúc.

*Lụa làng Trúc vừa thanh vừa bóng,
May áo chàng cùng sóng áo em...*

Lụa làng Trúc (Trúc Bạch) do đó thành tên hồ.

Cũng có ý kiến cho rằng Trúc là tre, Bạch là lụa, xưa dùng viết sử. Trúc Bạch là chỉ sử ký, hồ là mặt gương lịch sử.

Câu hỏi 712: Lụa, lĩnh, nhiễu là sản phẩm cao cấp của những làng nào ở Hà Nội?

Trả lời: - Sù, Gạ thì giỏi chần tằm

- Làng La canh củi...

- Lụa làng Trúc vừa thanh, vừa bóng

- Lĩnh Bưởi, the La Cả, La Khê

- Lĩnh Sài, nhiễu Giấy.

Từ xa xưa, nghề dệt ở vùng Bưởi và Cầu Giấy có chung một nguồn gốc, song sự phát triển sản phẩm giữa hai vùng có khác nhau. Trong triều đại Lý, Trần, Hồ, nghề dệt vùng Bưởi luôn được duy trì để phục vụ việc may mặc cho vua quan và dân chúng ở Kinh đô. Người xưa nói “Lĩnh Sài, nhiễu Giấy”. Về dệt lĩnh trơn nổi tiếng nhất là làng Trích Sài (Bưởi), nhưng dệt lụa hoa (nhiễu) thì Cầu Giấy làm giỏi hơn.

Câu hỏi 713: Người xưa tìm đâu ra “lĩnh hoa chanh” để gửi về cho người đẹp?

Trả lời: Câu ca dao cổ đã chỉ ra rồi:

*Nhấn ai trẩy chợ Kinh thành,
Mua em tám lĩnh hoa chanh gửi về.*

mà lĩnh hoa chanh cũng như đủ các loại lụa, là, lĩnh, lụa, khuyển, lương...

“Thứ tron này lại thứ hoa,

Quế, vân, gấm, vóc, bàng, sa, kỳ, cầu...”.

là sản phẩm dệt của những làng nghề, xa như Đại Mỗ, Vạn Phúc, La Khê, La Cỗ...; gần như Trích Sài, Bái Ân, Yên Thái, Nghĩa Đô...

Câu hỏi 714: Quai thao là sản phẩm của làng nghề nào?

Trả lời: “Chòeng chành như nón không quai”, vì thế phải có quai! Thực tế và đơn giản. Nhưng nếu thêm chiếc quai thao thì đẹp hơn lên. Chẳng thế mà:

Ai làm chiếc nón quai thao,

Để cho anh thấy cô nào cũng xinh.

Thao là sản phẩm của làng nghề Triều Khúc, Thanh Trì. Chỉ xin nói thêm: thao - lại vốn dệt từ những sợi tơ tằm, có cục - gọi là *một cục*, người Triều Khúc xưa mua từ Kẻ Bưởi. Thế mà từ thứ “một cục” ấy dưới bàn tay của người thợ Triều Khúc lại hóa thành “thao”! Thao đã trở thành tên làng Triều Khúc: Đor Thao.

Mới son anh dệt dầu hàng,

Một cục anh bán cho nàng Kẻ Đor.

Câu hỏi 715: Nghề thêu ở Hà Nội có tự bao giờ? “Chợ đình thợ thêu” ở đâu?

Trả lời: Nghề thêu ở nước ta có từ lâu đời với thủa ban đầu là thêu kim tuyến. Ông tổ của nghề này là Lê Công Hành (đời Lê), gốc họ Mạc.

Từ phố Hàng Mành rẽ sang phố Yên Thái, tại số nhà 2A có ngôi đình thờ ông tổ nghề thêu. Trên cổng đình có ghi to ba chữ Hán: Tú Đình Thị, chỉ rõ đây là chợ đình thợ thêu.

Phố Yên Thái ngày nay nguyên là đất của thôn Yên Thái, tổng Tiên Túc (sau đổi là tổng Thuận Mỹ) huyện Thọ Xương. Ngày trước những người thợ thêu ở trong làng Yên Thái cứ ngày chợ phiên lại đem các sản phẩm thêu ra ngôi đình này để giao dịch và buôn bán, vì thế đình thờ kết hợp với chợ đình.

Câu hỏi 716: Những người thợ kim hoàn nổi tiếng - gia truyền ở Thăng Long - Hà Nội thường có gốc gác ở làng nào?

Trả lời: Hầu hết những người thợ làm nghề kim hoàn ở Hà Nội có xuất xứ từ làng Định Công (huyện Thanh Trì, Hà Nội), làng Đồng Sâm (Thái Bình), làng Trâu Khê (Hải Dương), Kiều Kỵ (Gia Lâm, Hà Nội)... Phần lớn tập trung ở phố Hàng Bạc. Nghề kim hoàn bao gồm ba “nghề” chuyên môn: nghề chạm, nghề đục và nghề tron.

Câu hỏi 717: Vì sao lại có câu:

**Ngũ giáp Trâu Khê,
Hai đình Hàng Bạc?**

Trả lời: Hai ngôi đình Kim Ngân và Trương Đình ở phố Hàng Bạc vốn là do dân của năm giáp Trâu Khê (huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương) lập ra.

Những người Trâu Khê vốn có nghề đúc bạc. Theo lời truyền, họ đã theo cụ tổ nghề ra Thăng Long lập nghiệp từ thời Lê Thánh Tông. Do tay nghề cao, họ đã lập trường đúc bạc, đúc bạc nén gia công cho nhà nước.

Hai ngôi đình kể trên - vừa là nơi “giao nộp sản phẩm” vừa là chỗ hương khói thờ cụ tổ nghề và nhớ về quê quán.

Câu hỏi 718: Chỉ một thôn (phường) sao lại gọi là Ngũ Xã?

Trả lời: Bởi mảnh đất ven hồ Trúc Bạch, Thăng Long là đất lành, nên đã trở thành nơi “quần anh” - hội tụ các nghệ nhân đúc đồng của năm làng: Me (Đông Mai), Rong (Láng Thượng), Hè (Châu Mỹ) vùng Thuận Thành, Di Trên (Diên Tiến), Di Dưới (Đào Viên) vùng Văn Lâm của xứ Bắc xưa về hợp thành một phường của Thăng Long. Ngũ Xã tròng ban đầu là tròng Đúc Tiền cho nhà vua (Lê - Trịnh).

Câu hỏi: 719: Tại sao nói “Đồng nát thì về Cầu Nôm”?

Trả lời: Dân gian có câu:

“Đồng nát thì về Cầu Nôm”,
Con gái nỏ mồm về ở với cha”?

Vì Cầu Nôm (Hưng Yên) làm nghề nấu đúc đồng... Những thứ đồng nát, hỏng được thu mua về Cầu Nôm nấu lại, chế thành các sản phẩm mới. Người

Hè Nôm mang nghề, mang sản phẩm ra ở Thăng Long, lập thành Ngũ Xã và phố Hàng Đồng (nay thuộc quận Hoàn Kiếm).

Vì thế đồng nát thì về Cầu Nôm, còn nguyên vẹn sản phẩm thì chắc chắn lại từ Cầu Nôm, Hàng Đồng ra đi.

Câu hỏi 720: Tượng Phật bằng đồng to nhất nước ta là sản phẩm của phường đúc nào của Hà Nội?

Trả lời: Theo các nhà nghiên cứu, thì tượng Phật bằng đồng của làng đúc Ngũ Xã đúc năm 1952 được xem là pho tượng đồng to nhất nước ta (tính đến năm 1999).

Hội chủ hưng công việc đúc pho tượng này là vị sư trụ trì chùa Ngũ Xã - Thượng tọa Vĩnh Tượng và Tiến sĩ Vũ Văn Quý đã huy động vốn và tập hợp nguyên vật liệu, chọn lựa mẫu tượng. Trên cơ sở các tượng Phật cổ, nghệ nhân Nguyễn Phú Hiếu đã sáng tác pho tượng Phật ngồi kiết già tọa thiền trên đài sen 96 cánh, riêng tượng đã cao xấp xỉ 4m, nặng 12.300kg. Phụ trách việc đúc pho tượng này là nghệ nhân Nguyễn Văn Tùy và phải huy động tất cả tới 144 thợ đúc. Thời gian chuẩn bị và đúc là ba năm rưỡi, từ ngày 29-5-1949 đến ngày 24-10-1952.

Câu hỏi 721: Lần đầu tiên tượng Bác Hồ được đúc bằng đồng ở Hà Nội, tại đâu và khi nào?

Trả lời: Năm 1968, tại Hợp tác xã Trúc Sơn, những người thợ đúc đồng Ngũ Xã trong phong trào

phục hồi nghề đúc thủ công mỹ nghệ đã quyết định đúc pho tượng Bác Hồ đầu tiên.

Việc làm mẫu và đúc tượng do các nghệ nhân Nguyễn Phú Hiếu và Nguyễn Văn Quen cùng Nguyễn Văn Tùy đảm nhiệm.

Tượng nặng 73kg, được đúc xong vào ngày 10-1-1969.

Câu hỏi 722: “Bạch Thổ phường” ở đâu?

Trả lời: Bạch Thổ phường là tên gọi xưa của làng Bát Tràng, xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, vốn là trung tâm gốm sứ lâu đời (theo sử là từ thời nhà Trần, có khả năng sớm hơn nữa). Thế kỷ XVI, nhà thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm đã gọi Bát Tràng là “*Cái lư hương của xứ Bắc*”.

Truyền rằng, ban đầu tên là Bạch Thổ phường, nghĩa là phường của những người làm đồ bằng đất sét, rồi lại đổi là Bát Tràng phường nghĩa là phường có lò bát. Tên làng đầu tiên là Bạch Thổ phường vốn có nguồn gốc xa xưa. Trước làng còn đình, trong đình treo đôi câu đối:

*Bồ dĩ thủ nghệ khai đình vũ,
Lan nhiệt tâm hương bái thánh thần.*

Nghĩa là: Dân làng Bồ dời nghề cũ ra đây xây dựng đình vũ; lòng người tỏa ngát hương lan kính tạ thánh thần. Làng Bồ tức làng Bồ Bát hay Bạch Bát, huyện Yên Mô, Ninh Bình.

Sản phẩm của làng gốm Bát Tràng từ xưa đến nay nổi tiếng không chỉ trong nước mà cả ngoài nước.

Nhiều hiện vật tiêu biểu có mặt trong các sưu tập gốm sứ tư nhân và bảo tàng Việt Nam cũng như thế giới.

Làng Bát Tràng chỉ có bãi bồi, ít ruộng đất, chết phải chôn nhờ đất làng bên. Xưa làng có bãi đất sét trắng dùng để làm bát đản, sau hết (cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX) phải mua sét nâu ở vùng Dầu Canh (Bắc Ninh) làm xương gốm. Đất làm áo gốm đặt mua ở Hải Dương. Riêng những loại gốm cao cấp được làm hoàn toàn từ sét trắng. Đầu thế kỷ XX, làng học thêm được nghề làm đồ sứ.

Câu hỏi 723: *Chàng trai ước lấy được người mình yêu như trong một câu ca quen thuộc sẽ xây tổ ấm hạnh phúc của họ bằng thứ vật liệu gì, mang dấu ấn sản phẩm của nơi nào?*

Trả lời: Hãy cứ theo chàng trai thuở ấy, ngẩng đầu lên ngắm mây trắng, mây xanh, mây vàng sẽ nhớ được câu ca:

*Ước gì anh lấy được nàng,
Để anh mua gạch Bát Tràng về xây.*

Rõ rồi, hai trái tim vàng trong một tổ ấm chàng trai xây dựng bằng gạch Bát Tràng, sản phẩm nội chính cống, chế tạo tại làng Bát Tràng, huyện Gia Lâm.

Câu hỏi 724: *Gốm Bát Tràng từng đến những nơi nào trên thế giới?*

Trả lời: Nổi tiếng trong nước đã lâu, gốm sứ Bát Tràng từ sớm cũng đã có mặt ở nước ngoài. Trong *Dư*

địa chỉ, Nguyễn Trãi cho biết trong mỗi lần phải triều cống cho triều đình phong kiến Trung Hoa, làng gốm Bát Tràng phải cung ứng đến 70 bộ bát đĩa.

Chân đế gốm Bát Tràng, theo Pujio Koyaima đã đến Nhật từ cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII. Đồ gốm Bát Tràng đã được các Công ty Đông Ấn - Hà Lan và Anh xuất sang Ấn Độ và *Indonesia*... từ thế kỷ thứ XVII.

***Câu hỏi 725: “Sống làm trai Bát Tràng,
Chết làm thành hoàng Kiều Kỵ”.***

Câu đó có nghĩa như thế nào?

Trả lời: Bát Tràng, Kiều Kỵ đều là hai làng thuộc huyện Gia Lâm. Làng Bát Tràng nổi tiếng có nghề gốm sứ đi khắp xa gần. Trai Bát Tràng khéo tay, chăm làm tài hoa.

Thành hoàng làng Kiều Kỵ là vị thần oai phong凛冽. Vào ngày lễ hội, làng làm cỗ đám rất to.

Như vậy sống đã vẻ vang, chết càng danh giá! Đây cũng là một lẽ. Nhưng còn lẽ nữa.

Nghề gốm sứ Bát Tràng quanh mùa tiếp xúc với đất, với men, với than, với lửa... Người thợ lam lũ vất vả quanh năm. Còn làng Kiều Kỵ có đến hai nghề truyền thống. Đó là nghề dát vàng, trang trí mạ vàng bạc các đồ thờ, câu đối, đại tự, tượng... và nghề làm keo nấu mực. Họ phải mổ trâu lấy da nấu keo. Mỗi lần mổ trâu đều làm lễ dâng cúng thành hoàng. Thành hoàng ở Kiều Kỵ vì thế đã ở đẹp lại được thưởng thức nhiều.

Thành ra sống đã vất vả vì nghề, thì lúc mất cũng may được hưởng thành quả của nghề.

Câu hỏi 726: Phụ nữ vùng nào mà yêu nghề, yêu đời, duyên dáng đến mức:

*“Người ta buôn vạn bán ngàn,
Em đây làm giấy cơ hàn vẫn tươi.
Dám xin nho sĩ chớ cười,
Vì em làm giấy cho người để thơ”?*

Trả lời: Nghề nghiệp đã tỏ “em đây làm giấy”, mà nghề làm giấy ở Thăng Long - Hà Nội có cả một vành đai làng nghề. Từ làng giấy Yên Hòa đến vùng Kẻ Bưởi với Yên Thái, Hồ Khẩu, Đông Xá, Thọ Thôn và làng Nghè - Nghĩa Đô. Câu ca dao trên hẳn không phải của riêng một làng nào mà là niềm tự hào của các thế hệ những người làm giấy.

Câu hỏi 727: Trên phố đông người của Thăng Long - Hà Nội như thơ Vũ Đình Liên viết:

*“Bao nhiêu người qua lại,
Tám tắc ngợi khen tài”.*

Là nghề gì vậy?

Trả lời: Đó là khen những nét bút thảo như múa - như nghệ sĩ của các cụ đồ Thăng Long. “Mỗi năm hoa đào nở” các cụ lại “bày mực tàu giấy đỏ” để viết, cho, tặng... và cả bán chữ Nho.

Câu hỏi 728: Các ông “Nghè”, ông “Tiến sĩ giấy” về đâu vinh quy bái tổ?

Trả lời: Thăng Long - Hà Nội có nghề làm hàng mã với đủ loại: từ đèn trung thu, mặt nạ, vàng giấy... đến cả những ông Tiến sĩ giấy.

Dầu là giấy thì “Cũng cờ, cũng biển, cũng cán đai; cũng gọi ông nghề có kém ai”, và theo thông lệ thì cũng phải áo gấm về quê vinh quy, bái tổ chứ!

Quê hương - nơi sản xuất hàng loạt các ông Nghè, ông Tiến sĩ giấy là phố Mã Vĩ (quận Hoàn Kiếm).

Câu hỏi 729: Nơi nào đã in Truyện Kiều lần đầu tiên?

Trả lời: Truyện Kiều tuyệt tác của Nguyễn Du, đã được in lần đầu tiên ở phố Hàng Gai!

Tương truyền, Nguyễn Du đã đưa bản thảo cho bạn là Phạm Quý Thích xem. Phạm rất tán thưởng, góp thêm nhuận sắc đôi chỗ, đổi lại tên thành Kim Vân Kiều rồi đưa lên phố Hàng Gai khắc ván in.

Hàng Gai có nghề khắc ván gỗ in sách do dân Liễu Tràng (Hải Dương) mang đến từ lâu. Nơi đây cùng với Truyện Kiều, nhiều tác phẩm văn học, các loại sách khác cũng đã lần lượt ra đời.

Câu hỏi 730: Hà Nội từng có mấy dòng tranh dân gian?

Trả lời: Hà Nội là nơi hội tụ của nhiều dòng tranh dân gian của cả nước. Có thể thấy ở đây sự hiện diện

của các loại hình khác nhau, đặc biệt mang sắc thái Hà Nội hay đã được Hà Nội hóa. Đó là tranh Hàng Trống ở nội thành, tranh Đông Hồ từ xứ Bắc.

Tranh Hàng Trống được sản xuất quanh năm, song nhiều nhất là vào dịp tết, đề tài khá phong phú như tranh thờ, tứ bình (tổ nữ, tứ quý), tranh vẽ cảnh sinh hoạt ở nông thôn, ở đô thị... Tranh Hàng Trống là kết quả của sự hòa hợp nhuần nhuyễn, là sự kết tinh của cái mộc mạc dân gian và cái tinh tế, bề thế, thỏa mãn được thị hiếu của người Hà Nội thanh lịch.

Dòng tranh Đông Hồ có quê gốc ở Thuận Thành (Bắc Ninh) và cũng đã được một số nghệ nhân mang đến và lưu truyền ở Hà Nội. Những hộ làm tranh này tập trung ở xóm Dốc Gạch (Yên Phụ), Đội Cấn (Ba Đình), làng Thị Cấm (Từ Liêm)... tạo ra, rồi lưu giữ một dòng tranh Đông Hồ Hà Nội.

Góp với Hà Nội còn dòng tranh thứ ba là dòng tranh Hoàng Chung (Lý Kim Hoàng, Văn Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội ngày nay).

Câu hỏi 731: Cô gái ấy đẹp đến mức nào mà khiến cho cả nhà sư - thi sĩ đời Trần cũng thốt lên: “Bao nỗi thương xuân, thương biết mấy”?

Trả lời: Bao nỗi thương xuân, thương biết mấy là dịch từ câu “Khả liên vô hạn thương xuân”, ý trong bài thơ Giai nhân tức sự của nhà sư - thi sĩ Huyền Quang (1254 - 1334).

Chỉ có điều ấy là bức tranh người đẹp thêu gấm diễn tả khung cảnh:

*“Lông tay thêu gấm gái yêu kiều,
Hoa rợp, oanh vàng lãnh lót kêu”.*

Sản phẩm của nghề vẽ tranh rồi cả nghề thêu của kinh thành đấy!

**Câu hỏi 732: “Chị cũng xinh mà em cũng xinh”!
Những tố nữ ấy là ai, ở đâu mà nữ sĩ Hồ Xuân Hương phải thốt lên như vậy?**

Trả lời: Xin nhớ lại và đọc tiếp bài thơ *Đề tranh tố nữ* của người con gái phường Khán Xuân:

*Đôi lứa như in tờ giấy trắng,
Ngàn năm còn mãi cái xuân xanh.*

Tranh tố nữ là sản phẩm của dòng tranh Hàng Trống. Rất có thể những người đẹp Thăng Long thuở ấy đã hóa thân vào tranh. Và với bàn tay vàng của những nghệ nhân Hàng Trống cái xuân xanh thuở ấy... tươi mãi với thời gian.

Câu hỏi 733: Từ ông thợ vẽ sơn... thành nhạc phụ của vua... Chuyện ấy ra sao?

Trả lời: Ở phố Nam Ngự có ông thợ vẽ sơn giỏi nghề, hay rượu. Tài danh của ông đồn đến triều đình. Trước khi trung tập ông về phục vụ trong cung, quan quân bắt ông vẽ thử bức tranh trong năm ngày. Vốn hay rượu, lại có vài đồng đặt trước, ông thợ khê khà chén sáng, chén chiều đến hết ngày thứ tư mà vẫn chưa đặt

bút. Cô con gái ông phải nhấc. Sáng cuối cùng ông mới vẽ... mà vẽ quả dưa cho đơn giản, cho nhanh.

Lúc lính triều đình đến giục thì tranh vẫn chưa khô, ông phải hơ lên lửa. Sơn ướt, lửa nóng, ngả màu vàng và nứt ra... như hình sắc quả dưa bở chín tự nhiên hiện ra trước mặt.

Ông thợ bị trưng tập hẳn vào cung điện để trang trí. Cô con gái theo cha cơm nước. Thái tử Duy Tường gặp mặt đem lòng mến mộ đã lấy làm phi. Ông thợ sơn phở Nam Ngư ngày nào trở thành bố vợ...

Truyện ấy không ghi trong sử mà chép trong gia phả họ Đào làng Thọ Vực, Hưng Yên - quê hương của người thợ vẽ sơn.

Câu hỏi 734: Người vùng nào đã mang mùi thơm trầm lên phố Hàng Hương - Thăng Long?

Trả lời: Từ mãi một vùng quê ô trũng cách Thăng Long hơn một ngày dò thưở trước - người dân Đông Lỗ, huyện Kim Động (tỉnh Hưng Yên ngày nay) đã mang nghề làm hương tới Thăng Long.

Câu hỏi 735: Dân Liêu Xá, Liêu Chương (Hưng Yên), đồng hương của cụ Hải Thượng Lãn Ông “lên Kinh” với nghề gì?

Trả lời: Cụ Lãn Ông từ quê mẹ (Hương Sơn, Hà Tĩnh) bị triệu “thượng Kinh” chữa bệnh cho cha con chúa Trịnh Sâm. Còn đồng hương quê nội của cụ lại tay đồ tay nghề về Thăng Long với nghề làm lọng,

làm tán, làm trống... và định cư mà thành tên phố: Hàng Lọng.

Câu hỏi 736: Phố Lò Sũ xưa bán gì?

Trả lời: Những Bát Đàn, Lò Rèn, Hàng Mành... đọc lên, nhắc đến là hiểu ngay làm gì, bán gì! Còn Lò Sũ - nơi những người thợ từ các làng Liễu Viên, Phượng Dực (Thường Tín - Hà Nội) tụ về là để lo đóng và bán “cổ hậu sự” (áo quan, quan tài).

Câu hỏi 737: Cư dân Nhị Khê (Thường Tín, Hà Nội) góp nghề gì cho Thăng Long?

Trả lời: Từ Nhị Khê, những người thợ tiện đã ra Thăng Long lập nghiệp từ sớm, góp phần làm ra phố Hàng Tiện, chuyên bán các đồ tiện gỗ, mâm bằng, đầu rượu, lọ hương (phố Hàng Tiện xưa nay là phố nằm trong phố Hàng Gai, đoạn từ đầu phố đến ngõ Tô Tịch (dân vẫn quen gọi là Tô Tịch).

Câu hỏi 738: Phố Hàng Khay và làng Chuyên Mỹ, Phú Xuyên (Hà Nội) có quan hệ như thế nào?

Trả lời: Làng Chuôn - Chuyên Mỹ có nghề khảm xà cừ từ lâu đời. Về sau, những người thợ Chuyên Mỹ ra Thăng Long làm ăn, tập trung ở phố Hàng Khay và phố từ đó nổi tiếng là phố làm nghề khảm.

Câu hỏi 739: Đồ khảm Hàng Khay từng đi đâu xa ở Paris năm nào?

Trả lời: Năm 1877, triều đình Huế đã đưa đồ khảm của Hàng Khay sang dự Hội chợ Paris.

Câu hỏi 740: Hàng Đào và làng Đan Loan (Hải Dương) có quan hệ như thế nào?

Trả lời: Làng Đan Loan (Bình Giang, Hải Dương) nơi có nghề nhuộm điều nổi tiếng. Dân làng Đan Loan mang nghề đi khắp nơi nhưng chủ yếu tập trung về Hàng Đào với nghề nhuộm điều (vì thế phố có tên này). Chính những thế hệ cư dân Đan Loan đã khởi xướng việc xây đình, mở chợ ở đây.

**Câu hỏi 741: “Mát mặt anh hùng khi tắt gió,
Che đầu quân tử lúc sa mưa”.**

Đây là sản phẩm gì, được bán ở phố phường nào của Thăng Long - Hà Nội?

Trả lời: Câu thơ quen thuộc trên của nữ sĩ Hồ Xuân Hương là đề vịnh *Chiếc quạt*.

Thăng Long - Hà Nội có cả một phố “Hàng Quạt”. Những người thợ thủ công từ Đào Quạt (Đào Xá, Thiên Phúc, Ân Thi, Hưng Yên), Kẻ Nửa gần Chàng Sơn, Hữu Bằng, Phùng Xá, Thạch Xá, Bình Phú (Thạch Thất, Hà Nội ngày nay) đã mang nghề này về Thăng Long. Quạt Chàng Sơn, quạt Đào Xá có tiếng từ lâu.

Câu hỏi 742: Những phố nào của Thăng Long có mùi thơm hương liệu?

Trả lời: Đó là những phố Hàng Hương, phố Thuốc Bắc.

Phố Thuốc Bắc thuộc đất thôn Đông Thành và Nhân Nội thuộc huyện Thọ Xương (nay thuộc phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm).

Phố Hàng Hương vốn là đất Cửa Đông (nay thuộc phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm). Ngoài phố Hàng Hương, xưa còn ngõ Hàng Hương làm hương đen ở gần Giám (nay là Hàng Cháo).

Câu hỏi 743: Một làng của Thăng Long nổi tiếng với nghề làm thuốc nam. Đó là làng nào?

Trả lời: Đó là làng Đại Yên, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình. Theo nhiều tài liệu, nghề thuốc nam Đại Yên ra đời từ thời Lý. Hầu hết các cây thuốc nam ở đây được trồng vào mùa xuân. Cây thuốc khá đa dạng, từ những loại ngắn ngày, thông dụng như bạc hà, nhọ nồi, gừng, chút chút, mơ tam thể, thảo dây... đến những cây lưu niên như đại, thị, tre... Không chỉ trồng, người Đại Yên còn thực hiện tất cả các khâu tiếp theo: thu hái, chế biến, bảo quản, phân phối đến người tiêu dùng.

Câu hỏi 744: Người làng Đọi Tam, Duy Tiên (Hà Nam) góp âm thanh gì cho tung bừng lễ hội 990 năm Thăng Long?

Trả lời: Đó là âm thanh đủ loại trống do các người thợ - những nghệ nhân Đọi Tam đã chuẩn bị từ năm 1999.

Nhưng không chỉ hôm nay, từ nhiều thế hệ trước, người làng trống Đọi Tam (Giáp Ba) đã có mặt, tụ về Thăng Long để góp nên âm hưởng tung bừng của mọi mùa lễ hội.

Câu hỏi 745: Vào đầu thế kỷ XX, có một ngôi đình nào ở Hà Nội đã được nâng cao lên bằng phương pháp thủ công “kiệu đình”?

Trả lời: Đó là đình Chèm - một di tích lịch sử nổi tiếng - ở làng Thụy Phương (tên nôm là làng Chèm, nay là xã Thụy Phương, huyện Từ Liêm). Để tránh bị ngập nước do đình ở gần đê, nhân dân địa phương đã “kiệu đình” lên cao 2,4m. Nhóm thợ của ông Vương Đình Dịch, quê ở làng Diễn, Văn Trì (cũng thuộc huyện Từ Liêm) đã làm.

Câu hỏi 746: “Hội trí xảo” - luyện tay nghề, thi thợ khéo mở ở... làng! Đó là làng nào của Hà Nội?

Trả lời: Đó là làng có nghề làm thợ mộc từ lâu - làng Thiết Ứng, huyện Đông Anh. Hội mở hàng năm vào 12-1 âm lịch. Các thợ trong làng, trong vùng mang những tác phẩm chạm gỗ đẹp nhất của mình đến đây để vừa bình chọn, vừa là dịp báo cáo trước bàn thờ cụ tổ nghề trạm gỗ.

Câu hỏi 747: Chiếc huy chương quốc tế đầu tiên dành cho nghệ nhân nào của Hà Nội, với sản phẩm gì?

Trả lời: Năm 1906, tại triển lãm Marseille (Pháp), quầy trưng bày và bán tại chỗ các sập gụ, tủ chè và những đồ chạm gỗ của nhóm thợ chạm Thiết Ứng (Đông Anh) do nghệ nhân Nguyễn Hữu Chí phụ trách đã đoạt Huy chương đồng.

Câu hỏi 748: Hội chợ đầu tiên của Hà Nội được tổ chức khi nào?

Trả lời: Trước khi có hội chợ, ở Hà Nội thời Pháp thuộc đã có những cuộc triển lãm như *Triển lãm kỹ nghệ* (1887), *Triển lãm Hà Nội* (1902)... Sau một loạt hội chợ ở các tỉnh được khai trương như *Hội chợ Cầu Đơ - Hà Đông* (1903), *Hội chợ Nam Định* (1904), *Hội chợ Từ Sơn* (1904)... mãi tới năm 1918 một Ủy ban Hội chợ ở Hà Nội mới được thành lập.

Hội chợ đầu tiên của Hà Nội được tổ chức từ 15-31 tháng 12 năm 1918 tại khu vực Đấu Xảo cạnh đại lộ Gambetta và ga xe lửa (nay là khu Cung văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô).

Câu hỏi 749: Đã có bao nhiêu sản phẩm công nghiệp của Hà Nội được cấp giấy chứng nhận ISO 9002?

Trả lời: Theo thống kê, đến tháng 7-2000, Hà Nội đã có 150 sản phẩm của các công ty được cấp chứng nhận này. Trong đó có những sản phẩm từ lâu quen thuộc với người tiêu dùng cả nước như sản phẩm của Công ty cao su Sao vàng, Công ty giày Thụy Khuê, Công ty May 10...

Câu hỏi 750: “Khéo tay hay nghề, đất lề Kẻ Chợ” nghĩa là thế nào?

Trả lời: Thăng Long - Đông Đô - Đông Kinh - Hà Nội, nơi “lăng hồn núi sông ngàn năm”, nơi hội tụ và

phát triển tinh hoa “khéo tay hay nghề, đất lề Kẻ Chợ”. Đây là nơi hội tụ dân cư, chen đua cọ xát trí óc và chân tay để kết tinh thành tài hoa Kinh kỳ đất nước. Trăm nghề của “bách nghệ tổ sư” từ Đông Nam, Đoài Bắc tụ về cư trú thành phường, chuyên làm một mặt hàng bày bán. “Hoa tay đất rồng” (Thọ Sơn) là kết quả hội tụ và kết tinh của trăm ngành trăm nghề về đất này đua tài làm ăn. Nó tạo nên một cái sành sỏi, tinh tế của người Hà Nội. Rồi đến lượt người Hà Nội một khi đã định hình, lại tạo ra một môi sinh xã hội - văn hóa đòi hỏi cái ngon của đồ ăn, cái đẹp của đồ mặc, cái tốt (và đẹp nữa) của đồ dùng.

XII. TÍN NGƯỠNG, PHONG TỤC, LỄ HỘI

***Câu hỏi 751: Bên bờ nam sông Hồng, có một nơi
tương truyền khi đi đánh giặc Ân, người anh hùng
làng Gióng đã dừng lại nghỉ chân tại đây và ăn cơm.
Địa điểm đó ở đâu?***

Trả lời: Theo truyền thuyết ở làng Cáo, tên chữ là Xuân Tảo (nay thuộc xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm), thì khi đi đánh giặc Ân qua đây, Thánh Gióng đã ngồi nghỉ trên gò Con Phượng, được dân làng dâng cơm với cà Cáo - một đặc sản địa phương. Về sau dân lập đền thờ tại nơi Ngài nghỉ chân, gọi là đền Sóc. Đến thời Lý, nhà vua cho xây dựng lại đền với quy mô lớn.

Trong đền hiện nay còn lưu giữ được nhiều hiện vật có giá trị như quả chuông lớn đúc đời Tây Sơn, năm Cảnh Thịnh thứ 2 (1794), tấm bia đá *Báo đức bi* ký dựng năm Chính Hoà thứ 7 (1686).

***Câu hỏi 752: Những ngôi đền nào ở Hà Nội thờ
Lý Tiến, tương truyền là người dọn đường cho
Thánh Gióng đánh giặc Ân?***

Trả lời: Lý Tiến, người ở trại Cá Tươi (Tiên Ngự) bên bờ sông Tô. Khi giặc Ân kéo sang xâm lược nước ta, ông đã đem quân ra tận Vũ Ninh (nay thuộc Quế Võ, Bắc Ninh) giao chiến. Trong trận đánh ông bị thương nặng, ông đã gắng gượng quay về quê cũ và gục ngã trên mảnh đất thân thuộc. Ngôi nhà xưa của ông nay là số 17, phố Hàng Cá trở thành đền thờ người anh hùng của đất Thăng Long. Và đền Ngũ Giáp, số 54, phố Hàng Cót còn lưu giữ sắc phong Lý Tiến.

Câu hỏi 753: *Người Hà Nội tương truyền là người Việt Nam đầu tiên được nước ngoài tạc tượng là ai, đền thờ ông ở đâu?*

Trả lời: Ven đê sông Hồng, bên cửa sông Nhuệ, có ngôi đền nổi tiếng từ xưa. Đó là đền thờ Đức Thánh Chèm (xã Thụy Phương, huyện Từ Liêm). Có nhiều sự tích, huyền thoại gắn với vị thần này. Một huyền thoại gắn Lý Ông Trọng là với Thánh Tản Viên chiến đấu chống các lực lượng tự nhiên. Một chuyện cho rằng, Lý Ông Trọng - một nhân vật được xem là thuộc thời dựng nước An Dương Vương - Thục Phán. Ông người làng Chèm, thân thể to lớn, khí chất khác người thường, làm tướng cho An Dương Vương, được Vương cử sang sứ nước Tần. Khi ấy ở biên cương phía bắc, nhà Tần hay bị quân Hung Nô quấy nhiễu. Vua Tần nhờ Lý Ông Trọng đem quân đánh Hung Nô giúp. Ông Trọng đánh trận nào thắng trận đó, uy danh vang lừng. Hung Nô không còn dám xâm phạm quan

ải nhà Tần. Vua Tần ban tước cao, gả công chúa, định giữ ông ở lại đất Tần. Nhưng ông một mực xin về nước. Sau khi Ông Trọng chết, biên ải Tần lại bị quấy rối, vua Tần cho đúc tượng theo hình dạng Ông Trọng, đặt ở cửa Hàm Dương, trong chứa hàng chục người, tượng cử động được. Quân Hung Nô tưởng Ông Trọng còn sống, không dám động binh.

Câu hỏi 754: Thành hoàng của Thăng Long là ai?

Trả lời: Đồi bờ sông Tô có làng - làng Hà Nội gốc. Núi Nùng được xem như ở giữa làng. Làng có đình thờ thành hoàng, vị thần bảo vệ cho xóm làng. Đền Núi Nùng trở thành đình làng Hà Nội gốc. Và thần Long Đỗ trở thành thành hoàng làng Hà Nội gốc. Làng lớn dần thành huyện, thành phủ thì thần Long Đỗ trở thành *Đô Phủ Thành hoàng thần quân* (Lý Nguyên Gia và Cao Biền phong năm 823 và 866). Đất Hà Nội trở thành Kinh đô của cả nước thì thần Long Đỗ được Lý Công Uẩn phong là *Đô Quốc Thành hoàng đại vương*. Nhà Trần phong *Bảo Quốc Hiến linh định bang quốc đô Thành hoàng đại vương*.

Câu hỏi 755: Sự tích thần sông Tô Lịch như thế nào?

Trả lời: Theo *Giao Châu ký* và *Báo Cự truyện* thì Tô Lịch làm quan lệnh (tức huyện lệnh) ở làng Long Độ (Long Đỗ). Đời Tấn đã được khen là người có hiếu, đặt tên làng là làng Tô Lịch (nay còn sông Tô Lịch). Lý Nguyên Gia - xây dựng phủ lý trên nền nhà

cũ của Tô Lịch. Tô Lịch ứng mộng khuyên Lý Nguyên Gia dạy dân. Cũng có tư liệu miêu tả Tô Lịch là thủy thần sông Tô, chống đối với Cao Biền.

Các nhà khoa học đã giải mã huyền thoại và huyền tích về thần Tô Lịch, thần Long Đỗ. Đây vốn là thần sông và thần núi, sau hoà làm một, trở thành thần làng bảo vệ xóm làng, Thành hoàng làng rồi Thành hoàng Kinh đô.

Truyền thuyết như sau: Thời thuộc Đường, Cao Biền sai đắp thành Đại La, bỗng nhiên trời đất tối mịt, mây mù toả khắp, rồi thấy một dị nhân cười rồing đỏ ngồi trên đám mây ngũ sắc bay lượn trên mặt thành. Biền kinh sợ, có ý muốn dùng bùa phép trấn yểm đi. Đêm ấy, Biền chiêm bao thấy vị thần hiện lên bảo rằng: “Ta là tinh anh đất Long Đỗ, nghe nói ông đắp thành, bèn đến hội kiến, cứ sao định dùng bùa phép trấn yểm”. Biền tuy sợ nhưng vẫn dùng đồng, sắt làm búa đem chôn yểm ở các nơi có long mạch. Bất ngờ đêm ấy trời mưa to, gió lớn, sấm sét nổ vang. Sáng sớm hôm sau, Biền đi xem lại các nơi đã chôn yểm, thấy bùa phép đều bị sét đánh nát vụn cả. Biền biết là vị thần thiêng của nước Nam không thể làm hại nổi, nhân đó sai lập đền thờ để cầu thần phù hộ.

Câu hỏi 756: “*Tứ trấn*” có ý nghĩa tâm linh như thế nào với Kinh thành Thăng Long?

Trả lời: Người xưa (và cả nay) không chỉ sống với thực tại mà còn có đời sống tâm linh và tín ngưỡng về

các sức mạnh siêu nhiên, thần thánh. Kinh thành xưa có quân lính canh giữ ở các cửa. Người xưa không chỉ tin vào sự canh giữ của quan quân. Kinh thành là “Đất Thánh” và phải có “Tứ trấn” để thánh thần bảo vệ. Trải qua ba triều đại Lý, Trần, Lê, Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội - Đông Kinh đều có *Tứ trấn* và vẫn được giữ nguyên ở Hà Nội thời Nguyễn và thời Pháp thuộc.

Phía Đông: Do thần Bạch Mã trấn giữ, được thờ ở đền Bạch Mã, phố Hàng Buồm và đình Thái Cam phố Hàng Gà.

Phía Tây: Do thần Linh Lang trấn giữ, được thờ ở rất nhiều đình, đền như Thủ Lệ, Kim Mã, Vạn Phúc, Ngọc Hà, Cống Vị, Liễu Giai...

Phía Nam: Do thần Cao Sơn trấn giữ, được thờ ở đền Kim Liên thuộc quận Đống Đa.

Phía Bắc: Do thần Huyền Thiên Trấn Vũ trấn giữ, được thờ ở đền Quán Thánh thuộc quận Ba Đình.

Câu hỏi 757: Vì sao thổ thần (thần Cao Sơn) lại được thờ ở phía nam Kinh thành Thăng Long?

Trả lời: Theo quan niệm của người xưa, trong ngũ hành tương sinh thì hoả sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc và mộc sinh hoả. Mà phương Nam là phương hoả, tức là sinh thổ. Do vậy, thần Cao Sơn phù hợp với phương này. Tất cả các thần trấn các phương còn lại của Kinh thành Thăng Long cũng đều phù hợp với quy luật tương sinh đó.

Câu hỏi 758: Đền nào trong “Tứ trấn” của Kinh thành Thăng Long thờ thủy thần?

Trả lời: Đó là đền Voi Phục trấn ở phía tây Kinh thành. Đền thờ thánh Linh Lang - một cái tên chung của nhiều ông thánh trong các đền, miếu nước ta. Trước cửa đền, xưa có hồ rộng dài cũng được gọi là Linh Lang. Tương truyền thuyền rồng của nhà vua có thể từ hoàng cung đi tới khu vực đền bằng đường đó.

Cũng như nhiều vị thánh thần khác, nhân vật Linh Lang bị bao phủ bởi một tấm màn huyền thoại dày đặc, nhiều lớp biểu tượng văn hoá khác nhau. Thần tích cho biết đây là vị hoàng tử thứ tư của Lý Thánh Tông, tên là Hoàng Lang hay Hoàng Chân, đã từng chỉ huy đội tượng binh đánh tan giặc Tống. Chính sử lại ghi Hoàng Chân hy sinh khi chỉ huy chiến thuyền ở sông Cầu. Hoàng Chân mất, vua cho lập đền thờ tại nơi ở cũ. Tuy vậy, lớp văn hoá cổ xưa nhất của vị thần này lại cho thấy đây là một vị thủy thần - thần rắn. Điều này cũng được biểu hiện trong sự tích sinh ra và mất đi của Ngài: Cung phi họ Nguyễn tắm ở Hồ Tây, rồng thần phun nước thơm vào mình bèn thọ thai sinh ra Linh Lang; Linh Lang hoá thành con giao long trắng, dài trăm trượng trườn xuống Dâm Đàm biến mất. Tại Thăng Long xưa, thần Linh Lang được thờ ở rất nhiều đền đình như Thủ Lệ, Kim Mã, Vạn Phúc, Ngọc Hà, Cống Vị, Liễu Giai, Đình Đông - Cầu Dền...

Câu hỏi 759: Có mấy đền Voi Phục ở Thăng Long xưa?

Trả lời: Có 2 đền Voi Phục ở Thăng Long.

1. Đền Voi Phục ở trại Thủ Lệ, nay thuộc quận Ba Đình (ở trong Công viên Thủ Lệ), là đền trấn phía tây, một trong “Tứ trấn” của Đông Đô - Thăng Long. Đền dựng năm Chương Thánh Gia Khánh thứ 7 (1065), đời Lý Thánh Tông, thờ Linh Lang Đại vương, tương truyền là con trai thứ tư của vua Lý Thánh Tông (Hoàng Lang, Hoàng Chân). Sự tích ra đời được thần thánh hoá và có liên quan đến thần rắn (giao long) ở Dâm Đàm (Hồ Tây). Tên “Voi Phục” lấy tích voi phục xuống cho Hoàng Chân trèo lên ra trận, ở trước cổng đền có tượng đôi voi quỳ.

2. Đền Voi Phục ở Thụy Khuê được coi là “chị em” của đền Voi Phục ở Thủ Lệ, thờ Uy Linh Lang (Dâm Đàm Vương hay còn gọi là Linh Lang Vương). Tương truyền là con trai thứ bảy của Trần Nhân Tông. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông đã lập ra “Thiên tử quân”. Sau chiến thắng cũng được phong làm Dâm Đàm Vương (vương tử Hồ Mù Suong). Uy Linh Lang được thờ ở đình Yên Phụ (nay có bàn thờ ông trong chùa Trấn Quốc), đền Nhật Tân và ở đền Thụy Khuê. Liên quan tới hai đền này là lễ hội Voi Phục được tổ chức vào tháng hai âm lịch, rước kiệu từ đền Voi Phục - Thụy Khuê sang đền Voi Phục - Thủ Lệ, tượng trưng cho sự gặp mặt

giữa hai ông hoàng Linh Lang, hai vị anh hùng của hai triều đại Lý - Trần.

Câu hỏi 760: *Tín ngưỡng thờ thủy thần (thần nước) được hoá thân tiêu biểu vào những lễ hội dân gian nào?*

Trả lời: Dấu đã được lịch sử và văn hoá biến cải đi nhiều, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra những dấu tích cội nguồn của tín ngưỡng thờ thủy thần qua các lễ hội dân gian cổ truyền vùng Thăng Long - Hà Nội. Từ các tục rước nước, mọc dục mà hầu như hội nào cũng có, đến kết lại trong nhân vật Linh Lang (mà có đến hai vị Linh Lang - giao long). Những lễ hội tiêu biểu của tục lệ này như: hội đền Voi Phục, hội làng Nhật Tân, hội làng Thổ Khối, hội làng Thuý Lĩnh, hội làng Nha.

Câu hỏi 761: *Quán Trấn Vũ thờ ai?*

Trả lời: Đền Trấn Vũ hay Trấn Vũ quán là một trong “Tứ trấn” của Hà Nội xưa. Đây là “Trấn Bắc”, do thánh Chân Vũ (thường gọi chệch là Trấn Vũ) trấn giữ. Đền ở phía đầu đường Quán Thánh, quận Ba Đình (do vậy còn gọi là đền Quán Thánh). Tương truyền Huyền Thiên Chân Vũ đại đế là một vị thần hiển linh giúp An Dương Vương trấn áp tinh gà trắng và quỷ ở vùng núi Thất Diệu trong việc xây thành Cổ Loa. An Dương Vương lập đền thờ thần ở phía bắc thành Cổ Loa. Khi vua Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long (1010) đã cho rước bài vị thần về thờ ở mé tây bắc hoàng thành. Quán Trấn Vũ được trùng tu vào năm 1677,

cũng vào năm này cho đúc tượng thánh Trấn Vũ, được coi là pho tượng đồng lớn nhất của Hà Nội.

Câu hỏi 762: Sự tích về vị thần được thờ ở đền Bạch Mã?

Trả lời: Đền Bạch Mã thờ thần Long Đỗ, hiệu là Quảng Lợi Bạch Mã đại vương, thuộc phường Hà Khẩu, huyện Thọ Xương, nay là số 3 (số mới là 76) Hàng Buồm. Đây là một trong “Tứ trấn” của Thăng Long. Đền Bạch Mã là “Trấn Đông”.

Tương truyền Lý Thái Tổ cho tu sửa thành Đại La, song công việc mãi không thành. Nhà vua cho người vào đền cầu đảo, đêm mộng thấy có một con ngựa trắng từ trong đền ra, đi một vòng từ đông sang tây để lại dấu chân. Vua sai người theo sau mà đắp thành. Vua sắc phong vị thần làm Thành hoàng, hiệu là *Quảng Lợi Bạch Mã tối linh thượng đẳng thần*, các triều sau đều có phong tặng.

Thần Bạch Mã là một “vết tích Đông Sơn” của nghi thức thờ mặt trời, có chịu thêm ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ (người Aryens hàng năm giết ngựa trắng tế thần Mặt trời). Nghi thức giết ngựa trắng tế thần còn tồn tại ở Việt Nam đầu thời Lê thế kỷ XV.

***Câu hỏi 763: “Lửa bốc ba lần không cháy đến,
Bão rung một trận chẳng hề nghiêng”.***

***(Hỏa bốc tam khu thiên bất tận,
Phong trấn nhất trận phiến nan khuynh).***

Câu thơ trên của Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải nhắc tới sự kiện này xảy ra ở đâu vậy?

Trả lời: Đó là hai câu thơ trong bài thơ đề ở đền Bạch Mã của Thượng tướng - nhà thơ đời Trần.

Ngôi đền mang tên “Ngựa trắng” nằm ở gần chợ Cửa Đông, phường Giang Khẩu (nay là 76, phố Hàng Buồm) thờ thần Long Đỗ - Quốc Đô Thăng Long thành hoàng đại vương. Thật lạ, vào thời Trần Quang Khải, ba lần phố chợ Cửa Đông bị cháy, nhà trong phố bị cháy nhiều nhưng lửa lại không lan đến đền. Thượng tướng Thái sư “mới hay rằng quý thần cũng kinh sợ”. Vì thế mà:

*Xin cây uy linh trừ giặc Bắc,
Khiến cho vũ trụ được thanh bình.*

Câu hỏi 764: Vì sao cầu Thê Húc lại sơn màu đỏ?

Trả lời: Thê Húc - đậu ánh nắng ban mai - là cây cầu dẫn vào đền Ngọc Sơn và Trấn Ba Đình (đình chấn sổng). Màu đỏ của cầu có liên quan tới ý trên và là biểu tượng của mặt trời.

Câu hỏi 765: Sự tích thánh Cao Sơn ở đền Kim Liên như thế nào?

Trả lời: Thần Cao Sơn cũng như Thánh Tản Viên (Sơn Tinh), thần Quý Minh (bộ ba thần núi đứng hàng đầu đất Việt), theo tương truyền đều là con trai của hai vị tổ nước Việt là Lạc Long Quân và Âu Cơ. Thần Cao Sơn được thờ ở nhiều nơi, khắp bốn xứ Đông,

Nam, Đoài, Bắc. Ở Hà Nội xưa, đền, đình thờ thần Cao Sơn được bố trí thành một dãy dài hàng ngang ở sát chân thành Đại La (La Thành) phía Nam, từ đình Đông (Ô Chợ Dừa) qua đình Kim Liên (Ô Đồng Lâm) đền đình Đại (Ô Cầu Dền).

Thần tích ở đền Cao Sơn, phường Đông Tác, huyện Thọ Xương (nay là đền Kim Liên, thuộc quận Đống Đa) kể: Thần là một trong số năm mươi người con trai của Lạc Long Quân theo cha lên núi và là vị thần thứ hai được thờ ở núi, bên tả đền Tản Viên. Ngọc phả nói, khi vua Tương Dực (1509 - 1516), nhà Lê gặp nạn phải lánh về Thanh Hoá, từng đến cầu ở đền thần Cao Sơn. Sau vua đem quân về Thăng Long dẹp yên nội loạn, lập đàn tế thần và cho dựng đền thờ thần.

Câu hỏi 766: Đền thờ thần Trống Đồng ở Hà Nội có tên gọi là gì, ở đâu?

Trả lời: Bên bờ sông Tô Lịch, thôn Đông (nay thuộc phường Bưởi) có một ngôi đền nhỏ. Đó là đền Đồng Cổ, thờ Đồng Cổ sơn thần - thần núi Đồng Cổ, cũng là thần Trống Đồng.

Sự tích: Đền vốn ở Thanh Hoá, dựng trên núi Đồng Cổ (trống đồng), còn có tên là núi Khả Lao ở xã Đan Nê, huyện Yên Định (Khả Lao là phiên âm từ “khâu” - tiếng Mường có nghĩa là “trống đồng”). Theo truyền thuyết đền này được dựng từ thời Hùng Vương. Trong thần tích còn chép việc thần núi Trống Đồng đã theo giúp Khai Thiên Vương Phật Mã (sau là

Lý Thái Tông) đi đánh Chiêm Thành năm 1020. Thắng lợi trở về, Thái tử Phất Mã sửa lễ tạ ở đền Thanh Hoá rồi rước thần về Thăng Long để giữ nước hộ dân.

Theo chính sử, việc dựng miếu ở Thăng Long được tiến hành vào năm 1028 và liên quan tới giấc mơ của Lý Thái Tông mộng thấy thần núi Đồng Cổ báo trước việc ba vương: Đông Chinh, Dục Thánh và Vũ Đức làm loạn tranh ngôi báu. Sau khi lên ngôi, Thái Tông phong tước vương cho thần núi Trống Đồng, cho làm “thiên hạ minh chủ” (người chủ trì việc thế trong nước), sai dựng miếu ở bên hữu ngạn (tức phía Tây) thành Đại La. Sau đó hàng năm lấy ngày mồng bốn tháng tư làm ngày hội thể toàn quốc.

Câu hỏi 767: Chùa Kiến Sơ ở đâu, gắn với dòng thiền nào?

Trả lời: Kiến Sơ là tên chùa ở làng Phù Đổng (huyện Gia Lâm). Đây là nơi mở đầu cho một dòng thiền mang tên người sáng lập: thiền sư Vô Ngôn Thông, thiền sư họ Trịnh - vốn người Quảng Châu. Thiền sư đến chùa Kiến Sơ, đến chùa Dâu sau thiền sư Ấn Độ Tì Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci) 240 năm. Nhưng Kiến Sơ và dòng thiền mang tên ông lại có con đường riêng, càng về sau càng có ảnh hưởng sâu rộng.

Qua các triều đại Đinh, Lê đến Lý, với 16 thế hệ truyền thừa, thiền phái này đã có những vị thiền sư nổi tiếng như Khuông Việt đại sư Ngô Chân Lưu,

thiền sư Viên Chiếu (999 - 1090), đại sư Mãn Giác (1052 - 1096).

Vị thiền sư cuối cùng, Huyền Quang (? - 1221) họ Lê, húy Thuần, “dáng mạo thanh tú, giọng nói nhẹ êm” - người Kinh đô Thăng Long, lại là tổ thứ ba của dòng thiền Yên Tử, phát huy mạnh mẽ ảnh hưởng vào thời Trần, tạo ra những đỉnh cao mới đáng tự hào của thiền học Việt Nam.

Câu hỏi 768: Thiền sư Vạn Hạnh có về Thăng Long không?

Trả lời: Thiền sư họ Nguyễn, người hương Cổ Pháp (nay thuộc Bắc Ninh). Từ nhỏ ông đã thông minh khác thường, năm 21 tuổi đi tu ở chùa Lục Tổ theo thầy Thiền Ông, chăm chỉ đọc sách không biết mệt. Vạn Hạnh trở thành người đứng đầu thế hệ thứ 12 dòng thiền Nam Phương.

Thiền sư là người có uy tín với chính sự thời Tiền Lê, Lý; từng giúp Lê Đại Hành mưu kế chống xâm lược Tống năm 980, đặc biệt có công phù trợ Lý Công Uẩn lên ngôi lập ra triều Lý.

Các nguồn tài liệu hiện có không thấy chép Thiền sư về Thăng Long. Vạn Hạnh viên tịch khi Kinh thành Thăng Long sang tuổi thứ 8. Lý Công Uẩn cùng các quan dân làm lễ hỏa táng, xây tháp chứa xá lỵ để phụng thờ.

Với Thăng Long, Thiền sư Vạn Hạnh - người thông ba cõi, lời nghiệm sám thi, như Lý Nhân Tông (1066 - 1128) truy tán:

*Từ làng quê Cổ Pháp,
Chống gậy trấn Kinh kỳ.*

Hần là sư Vạn Hạnh có về thăm Thăng Long.

Câu hỏi 769: *“Giác Hải tâm như biển,
Thông Huyền đạo rất huyền.
Thần thông kiêm biến hoá,
Một Phật, một thần tiên”.*

Bài thơ này của ai, nhắc về sự kiện gì và ở đâu?

Trả lời: Đó là bài thơ của vua Lý Nhân Tông khen ngợi Thiền sư Giác Hải và Chân nhân Thông Huyền.

Sách *Thiền Uyển tập anh* kể: Có lần vua Lý Nhân Tông mời cả hai vị vào hầu chuyện ở điện chính điện hoàng cung Thăng Long, chợt có đôi tắc kè đậu gần đó kêu văng lên. Vua bảo Thông Huyền xua đi. Chân nhân lặng lẽ niệm chú, một con liền rơi xuống. Chân nhân cười bảo Thiền sư: “Còn một con nữa xin nhường hoà thượng”. Thiền sư Giác Hải bèn chăm chú nhìn, chỉ nháy mắt con tắc kè kia cũng rơi nốt.

Vua - Phật - Đạo thần tiên - một câu chuyện đủ cả bộ ba ở giữa Kinh thành Thăng Long thời Lý.

Câu hỏi 770: *Vừa là đền, vừa là quán (hoặc vừa là chùa vừa là quán, thậm chí là của cả ba chùa, đền, quán) là những đền (chùa, quán) nào?*

Trả lời:

+ Vừa gọi là quán vừa gọi là đền như quán Bích Câu cũng gọi là đền Bích Câu (hay quán An Quốc) ở

thôn An Trạch - phường Bích Câu nay thuộc phố Cát Linh, quận Đống Đa.

+ Vừa là chùa vừa là đền như đền (chùa) Đế Thích - quen gọi là chùa Vua, ở làng Thịnh Yên, huyện Thọ Xương, nay là phố Thịnh Yên, quận Hai Bà Trưng.

+ Là cả ba (đền, chùa, quán), như đền Quán Thánh, còn có những tên như quán Chân Vũ, đền Trấn Võ hoặc chùa Quán Thánh (quận Ba Đình hiện nay) thờ Huyền Thiên Chân Vũ - một thiên thần của đạo Lão (ở đầu đường Thanh Niên gặp đường Quán Thánh).

+ Đền Huyền Thiên cũng còn gọi là chùa Huyền Thiên hoặc Huyền Thiên cổ quán (ở 54 phố Hàng Khoai quận Hoàn Kiếm hiện nay) thờ Huyền Thiên Chân Vũ.

Câu hỏi 771: Một ngôi chùa mà hai lần tiên gặp người Thăng Long là chùa nào vậy? Ai đã gặp tiên ở đó?

Trả lời: Đó là chùa Ngọc Hồ hay còn gọi là chùa Bà Ngô thuộc thôn Nam Hưng, tổng Hữu Nghiêm, huyện Thọ Xương (nay là 128, phố Nguyễn Khuyến, quận Đống Đa).

Tương truyền, vua Lê Thánh Tông đến thăm chùa, gặp người đẹp. Vị vua kiêm chủ soái thi đàn Thăng Long đã cùng người đẹp vịnh thơ. Vua mời cùng lên kiệu về cung. Mới đến cửa thành thì người đẹp đã không còn trên kiệu! Lầu Vọng Tiên được vua cho xây lên để ngóng tiên trở lại.

Cũng tại chùa này, cũng vào thời Lê, chàng thư sinh nghèo Trần Tú Uyên đã nhặt được lá hồng đề thơ và thấy được thấp thoáng bóng hồng. Từ buổi đó bóng người đẹp hút chàng đến đình Quảng Văn, đi cầu mộng ở đền Bạch Mã, kiên nhẫn thấp thỏm chờ ở Cầu Đông... để rồi được gặp Giáng Kiều từ trong tranh tố nữ bước ra, thoả nỗi bao lần:

*Kể bên năn nỉ bấy tình,
Nỗi nhà thuở trước, nỗi mình ngày xưa.*

Từ chùa Ngọc Hồ với Lê Thánh Tông, đến Tú Uyên với Bích Câu đạo quán (còn lại trên đường Cát Linh tương truyền được dựng trên nền nhà chàng Tú) vừa là hoá thân của muôn thuở trai tài gái sắc, vừa là chứng tích của quan hệ đạo thần tiên với tín ngưỡng dân gian một thuở thịnh hành ở Thăng Long.

Câu hỏi 772: Mẫu Liễu Hạnh tới Tây Hồ! Truyền thuyết đó ra sao?

Trả lời: Truyền thuyết đó được kể lại trong *Ván cát tiên nữ - Truyện kỳ tân phả* của Đoàn Thị Điểm.

Một trong Tứ bất tử của người Việt - Liễu Hạnh - mẫu nghi thiên hạ, hoá thân của tín ngưỡng thờ nữ thần, thờ mẫu, đến Tây Hồ mở “Sơn nhân cổ nữ quán”.

Phùng Khắc Khoan (trạng Bùng), người từng có duyên kỳ ngộ với chúa Liễu ở Lạng Sơn trên đường đi sứ năm nào, hiểu ra *sơn nhân* - hai chữ Hán ghép thành chữ *tiên*, *cổ nữ* ghép lại thành chữ *cô* - tức *Quán cô tiên* như một điểm hẹn. Trạng háo hức lên thuyền.

Và trong cảnh “Hồ Tây riêng chiếm một bầu trời”, khúc liên ngâm “*Tây Hồ quan ngư*” của Trạng, của Chúa cùng hai người họ Lý, họ Ngô như là kỷ niệm về cuộc dạo chơi đầy thi hứng ở Tây Hồ ra đời.

Câu hỏi 773: “Ông bạn cờ” của Trương Ba được thờ ở chùa nào của Hà Nội?

Trả lời: “Trương Ba giỏi cờ, trần thế không có đối thủ, mà ở trên trời, “Vua” cờ Đế Thích cũng chẳng có ai hầu một chân. “Vua” bèn xuống trần, tìm đến với Trương Ba...”. Câu chuyện cổ Việt Nam kể thế.

Hai người cao cờ đó, Trương Ba thì hoá thân thành “hồn Trương Ba, da hàng thịt”, vở kịch cùng tên của Lưu Quang Vũ những năm 80. Còn vua cờ ... được thờ ở Hưng Yên và một nơi duy nhất ở Hà Nội là chùa làng Thịnh Yên (còn gọi là chùa Vua), huyện Thọ Xương xưa (nay thuộc phố Thịnh Yên - quận Hai Bà Trưng).

Tuy nhiên, Đế Thích vốn lại sinh ra từ tư duy thần thoại Ấn Độ cổ đại, là vị thần tượng trưng cho sức mạnh, cho sấm sét - thần Indra. Từ kỷ nguyên Phật giáo - thần sức mạnh đó được nhập vào Phật điện, trở thành Đế Thích, với diện mạo hoàng đế - “vua Đế Thích” một trong hai vị bảo vệ Phật pháp tích cực nhất.

Rồi... vào Việt Nam, vào Thăng Long... đầu vẫn là vua Đế Thích... nhưng đã trở thành vua cờ, thành ông bạn cờ... thân gần như thế!

Câu hỏi 774: *Bắt cáo, hồ... không phải ở rừng mà ở hồ. Chuyện này diễn ra như thế nào và ở hồ nào của Hà Nội?*

Trả lời: Đây là những huyền thoại gắn với Hồ Tây.

Chuyện thứ nhất: *Chuyện Hồ Tinh.*

Tục truyền, dưới chân núi giữa hồ có con cáo chín đuôi, sống hơn ngàn năm thành yêu quái, khi hiện thành người, khi hiện thành quỷ ở khắp dân gian hại người. Long Quân liền dẫn các loài thủy tộc dâng nước lên cùng sấm gió phá hang cáo. Cáo trắng chín đuôi bỏ chạy, quân thủy tộc đuổi theo bắt cáo nuốt ăn. Nơi này trở thành vực sâu. Sau gọi là *Đầm Xác Cáo*. Đất phía tây hồ, dân làm nhà ở, làm ruộng vườn gọi là Hồ Thôn (nay là làng Hồ Khẩu). Huyền thoại đã được pha thêm cách giải thích tên đất theo từ nguyên học dân gian, từ “hồ” là đầm hồ đã chuyển sang “hồ” là con cáo. Và địa danh “Hồ Khẩu”, “Cáo Đỉnh” nay được gán cho một nghĩa lý hân hoi.

Giải mã huyền thoại trên, theo các nhà nghiên cứu là biểu tượng của thế lực nước thắng non, của tư duy lưỡng phân - lưỡng hợp (chia hai - hoà một).

Chuyện thứ hai liên quan tới tên Đầm Đám:

Vua Lý đi chơi thuyền xem bắt cá trên hồ Mù Sương, thấy hồ nhe nanh múa vuốt chực vồ mình. Một người dân chài Mục Thận ở làng Vọng Thị quăng lưới bắt hồ cứu vua. Hồ lại hoá ra người - Thái sư Lê Văn Thịnh. Vua tin nhầm, quan học ma thuật cũng tin

nhảm. Kết cục, Thái sư bị đẩy lên nguồn sông Thao (vùng Phú Thọ hiện nay) và người đánh cá được phong hầu, được ban đất làm thực ấp!

Câu hỏi 775: Truyền thuyết về Trâu Vàng gắn với Hồ Tây như thế nào?

Trả lời: Núi Tiên Du có trâu vàng. Nhà sư lấy tích tượng yểm trâu. Trâu bỏ chạy, húc đất thành Thôn Húc, quán đất thành vũng Trâu Đàm (Văn Giang, Hưng Yên) chạy ngược lên, trâu ẩn vào hồ thành hồ Trâu Vàng tức Hồ Tây. Đây là sự “Việt Nam hoá” của câu chuyện Trâu Vàng của phương Bắc. Ở Hàng Châu, Trung Quốc có Tây Hồ cũng gọi là Kim Ngưu hồ (hồ Trâu Vàng).

Ngoài ra, còn có truyền thuyết khác hẳn với tôn giáo và lịch sử. Sư Không Lộ (tức Lý Quốc Sư) có tài thu hết đồng của phương Bắc, đúc thành quả chuông lớn. Chuông đánh lên, trâu vàng phương Bắc nghe thấy ngơ tiếng mẹ gọi, chạy sang ta quần mãi đất sụt thành hố rồi xuống đó ẩn, đó là hồ Trâu Vàng hay Hồ Tây. Huyền thoại phủ lên lớp văn hoá cổ xưa, sư Không Lộ vì cái tên gần gũi được đồng nhất với ông Khổng Lô của huyền thoại - tổ sư nghề đúc đồng. Chùa Thần Quang bên bờ Hồ Tây, trong cùng Ngũ Xã đúc đồng cũng thờ vị tổ sư đúc đồng Không Lộ - Khổng Lô.

Câu hỏi 776: Kiến trúc chùa Một Cột được giải thích như thế nào?

Trả lời: Bài minh ở tấm bia cổ đề năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ hai (1121) còn dựng ở núi Đọi, Hà Nam

ghi: “Giữa một hồ vuông, vọt lên một cột đá cao mười trượng, trên cột đá nở xoè đoá sen nghìn cánh, trên đoá sen toả mái chùa cong, trong chùa chồi lợi pho tượng Phật Quan Âm dát vàng; ngoài hành lang lại có hồ tròn phi kiểu bắc vọi vào chùa; trước cửa chùa, sừng sững hai toà tháp lợp toàn ngói sứ”. Đây là nguyên cảnh chùa Một Cột.

Chùa Một Cột (thôn Thanh Bảo, huyện Quảng Đức, phía tây thành Thăng Long), nay ở gần phía bên phải Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép vào năm 1049, đời Lý Thánh Tông xây chùa Một Cột: “Mùa đông, tháng mười, dựng chùa Diên Hựu. Trước đây, vua Lý Thái Tông chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên toà sen, dắt vua lên toà. Khi tỉnh dậy, vua đem việc ấy nói với bầy tôi. Có người cho là điềm không lành. Có nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa ao, làm toà sen của Phật Quan Âm ở trên cột, giống như đã trông thấy trong mộng, cho nhà sư múa chạy đàn xung quanh, tụng kinh cầu cho vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa Diên Hựu”.

Câu hỏi 777: Truyền thuyết thần Rùa Vàng ở Hồ Gươm là thế nào?

Trả lời: Hồ Gươm vốn là một khúc sông Nhị bị những bãi cát chèn ở phía bắc, phía đông. *Tang thương ngẫu lục* chép: “Hồ Gươm thông với nước ngoài sông, hình thế rất là to, rộng”. Thời Lý - Trần

gọi là hồ Lục Thủy vì hồ có làn nước xanh. Hồ soi bóng tháp Báo Thiên cao 12 tầng. Thời đầu Lê gọi là hồ Thủy Quân, dùng hồ làm nơi duyệt thủy binh tập thủy trận, đua thuyền. Từ hồ Thủy Quân thành hồ Hoàn Kiếm là cả một sự tích thần kỳ. Truyền thuyết kể rằng, một người đánh cá có tên là Lê Thận, kéo lưới ở hồ, bắt được lưới gươm có đề chữ “Thuận Thiên”. Lê Thận đi theo Lê Lợi chống quân Minh và dâng cho chủ tướng thanh gươm này. Lê Lợi đã tìm được chuôi gươm lấp vừa vặn gắn với lưỡi gươm của Thận. Nhờ đó, Lê Lợi đánh đuổi được giặc Minh và lên ngôi vua. Một hôm vua cưỡi thuyền rồng dạo chơi hồ Lục Thủy, thấy có Rùa Vàng (thần Kim Quy) hiện lên đòi lại gươm thần. Từ đó, hồ Lục Thủy được gọi là hồ Hoàn Kiếm (hồ Trả Gươm).

Theo các nhà nghiên cứu, sự tích Hồ Gươm - gắn liền với vị anh hùng dân tộc Lê Lợi - là sự diễn tả một thần thoại về một lễ nghi cổ xưa chung cho cả vùng Đông Nam Á: nghi lễ chống lụt và ước vọng về sự hài hoà của non nước.

Câu hỏi 778: Nhà thờ lớn Hà Nội đóng tiếng chuông đầu tiên vào năm nào?

Trả lời: Từ hai gác chuông cao trên 30m, chuông Nhà thờ lớn Hà Nội đã đóng những tiếng đầu tiên báo lễ giáng sinh - khánh thành nhà thờ vào ngày 25-12-1887.

Được xây dựng ở vị trí trung tâm, trên nền cao của chân tháp Báo Thiên xưa, và tuy không phải là

nhà thờ Kitô giáo sớm nhất ở Hà Nội, nhưng hơn 100 năm qua, nhà thờ không chỉ là nơi sinh hoạt, hành lễ của giáo dân, mà đã trở thành hình ảnh quen thuộc không thể thiếu được của người Hà Nội.

Câu hỏi 779: Đền thờ Hai Bà Trưng lớn và sớm nhất của Hà Nội là đền nào?

Trả lời: Đền thờ Hai Bà Trưng phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Tây, Vĩnh Phúc... Đền chính ở Hát Môn (Hà Tây) và Hạ Lôi (Vĩnh Phúc). Đền Hai Bà Trưng ở Hà Nội dựng sau, vào năm 1142, giữa triều Anh Tông nhà Lý. Tương truyền, sau khi chết thì anh linh Hai Bà kết thành tượng đá, theo dòng nước trôi xuôi, mãi đến thời Lý mới tới vùng Thăng Long. Một đêm đầu tháng hai âm lịch, hai pho tượng đá toả sáng trên dòng sông Nhị trước bãi Đồng Nhân; dân làng lấy vải đỏ làm lễ buộc tượng đón các Bà vào. Vua truyền dựng đền thờ, lại phát hai đôi ngà trang trí hai pho tượng voi thờ. Hàng năm theo tục lệ, ngày mồng 6 tháng 2 âm lịch, dân làng rước voi ra sông Nhị, lấy nước giữa dòng về làm lễ “mộc dục” (tắm tượng) và dâng cúng quanh năm.

Đền xưa vẫn ở bãi Đồng Nhân, sát sông Hồng. Cuối đời Lê, đất vùng này bị xói lở, dân rời đền về xứ Đại Từ. Năm Gia Long thứ 17 (1818) mới chuyển về thôn Hương Viên, trên khu nền *Cựu võ sở*, thời Lê dùng làm nơi luyện võ, thi võ tức đền Hai Bà ở phố Đồng Nhân ngày nay.

***Câu hỏi 780: Những đền, đình nào ở Hà Nội thờ
Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng?***

Trả lời: Bố Cái Đại Vương - Phùng Hưng (766 - 779) quê ở Đường Lâm (nay là thôn Cam Lâm, xã Đường Lâm, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Nội). Năm 766, ba anh em Phùng Hưng, Phùng Hải, Phùng Dĩnh nổi dậy chống lại ách thống trị của nhà Đường để xây dựng chính quyền tự chủ. Khi ông mất, nhân dân nhớ công ơn, chôn cất ông ở phía tây Kinh thành (lăng Phùng Hưng ở cạnh bến xe Kim Mã ngày nay). Đình Kim Mã, Thịnh Hào, Triều Khúc (Thanh Trì), Quảng Bá... thờ ông làm thành hoàng. Người đời vẫn gọi ông là Bố Cái Đại Vương.

Câu hỏi 781: Ông Dấu, bà Dấu là ai, được thờ ở đâu?

Trả lời: Tương truyền, vào thời Lý Nhân Tông (1072 - 1128), vua bị đau mắt chữa mãi không khỏi. Vua cho người đến nhờ nhà sư ở chùa Vân Mộng, xã Quang Trác, huyện Kim Bảng xin quẻ bói. Sư bảo rằng: Vì ở phía tây bắc kinh thành có dòng nước xoáy nên mắt vua bị đau. Vua lại cầu mộng thần sông Tô Lịch, thần hiện lên cho hay: ở chỗ hợp lưu hai sông Thiên Phù và Tô Lịch có con yêu tinh thích ăn sống thịt người mà lâu năm chưa được ăn, cho nên nó oán giận thường gây thủy hoạ. Vào giờ mao ngày mai, hễ thấy người nào đi qua chỗ sông đó thì bắt kể đàn ông hay đàn bà, đều phải bắt ném xuống sông cho yêu

tình ăn thịt thì mới trừ được tai họa. Vua theo lời thần nhân, sáng sớm sai quân cấm vệ phục đợi ở bên sông. Đến giờ mao, quả nhiên thấy vợ chồng Vũ Phục làm nghề bán dầu, người làng Minh Tảo (nay là xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội) đi tới. Quân lính liền bắt giữ, nói rõ nguyên do. Vũ Phục khẳng khái nhận lời, ngửa mặt lên trời và khấn: “Vợ chồng già này bỏ mình theo nước, trời cao có thấu xin chứng giám cho”. Liền đó tự gieo mình xuống nước. Từ đó, dòng sông phẳng lặng, nước lớn rút dần, bệnh tình nhà vua cũng khỏi hẳn. Nhân dân lập miếu thờ hai vợ chồng Vũ Phục và sắc phong Chiêu Ứng Phù Vân đại vương, Thuận Chính Phương Dung công chúa.

Hàng năm, đến ngày giỗ, vua sai quân mang lễ nghi đến tế, phẩm vật rất trọng thể (bò béo, bánh dẻo, cơm nếp, gà mái ghe, canh đậu, chè kho - là những món ăn ưa thích của Ông Dầu, Bà Dầu).

Ngoài ra còn có một số truyền thuyết khác lưu hành ở địa phương cho rằng hai vợ chồng Ông Dầu, Bà Dầu bị bức tử. Người em ruột làm ăn ở xa, được tin báo, chạy về gần làng thì vấp phải rễ cây ngã vỡ đầu, lăn xuống nước và cũng chết luôn. Trong lễ tế còn có lợn sống, đem cắt tiết, lấy bốn bát tiết đem đổ xuống nước, nhắc lại cái chết của người em...

Ông Dầu, Bà Dầu - những người đã hi sinh cả mạng sống của mình cho kinh thành - như truyền thuyết kể, được thờ ở đền Chiêu Ứng, phường Yên Thái (nay là phường Bưởi - quận Tây Hồ).

Theo các nhà Hà Nội học, truyền thuyết trên với những dị bản nhằm giải thích hiện tượng cạn dòng của sông Thiên Phù, đã hé mở cho ta biết tập tục tế hiến sinh người còn lưu trong xã hội Việt Nam cho đến tận buổi đầu thời Lý. Nó cũng cho thấy tác hại của mê tín dị đoan trong đầu óc từ vua quan đến dân chúng thời Lý. Câu chuyện Ông Dầu, Bà Dầu cũng chứa đựng tình nghĩa vợ chồng keo sơn, tình anh em ruột thịt, như một câu đối trong đền còn ca tụng:

*Chồng vợ keo sơn, tình sông bể biếc,
Anh em xương thịt, nghĩa nặng non xanh.*

Câu hỏi 782: Nơi nào ở Hà Nội thờ Lý Thường Kiệt làm Thành hoàng?

Trả lời: Lý Thường Kiệt vốn họ Ngô tên Tuấn, tự là Thường Kiệt, sau được vua Lý ban quốc tính, người làng An Xá, kinh thành Thăng Long.

Truyền thuyết kể: khi vua Lý Thái Tổ dời kinh đô từ Hoa Lư ra Đại La thì dân An Xá đã chuyển dân ra bãi giữa sông Nhị, nhường đất cho triều đình dựng điện Càn Nguyên làm nơi triều ngự (1014).

Đến năm 1132, đời Lý Thần Tông, nước sông Nhị lên to, dân phải làm sàl trụ trên mặt nước, nhà vua thấy vậy cho đổi tên là Cơ Xá.

Từ năm 1911, đổi tên Cơ Xá thành Phúc Xá vì trong tâm thức của dân cho rằng “cơ” là cơ cực, cơ hàn..., cần phải đổi thay cuộc sống đó. Như vậy, Phúc (An) Xá ngày ấy bao gồm Bắc Biên, Trung Hà và rải rác cả ở Cơ Xá Nam (phố Lê Quý Đôn).

Hiện nay, ở đình làng Bắc Biên (vì làng ở bờ bắc sông Hồng) thuộc xã Ngọc Thụy, huyện Gia Lâm có tượng và ngai thờ Lý Thường Kiệt. Hàng năm, hội làng mở vào mùng 6 tháng 3.

Bắc Biên kết chạ với làng Hội Phụ (thuộc huyện Đông Anh) cho nên trong ngày hội có tục rước kiệu chạ và đặc biệt là có tục thả cá chép ra sông.

Câu hỏi 783: Ngòi đền nổi tiếng thờ Đức Thánh Trần - Hưng Đạo Đại Vương ở trung tâm Hà Nội là đền gì?

Trả lời: Đó là đền Ngọc Sơn, được xây dựng vào đầu thế kỷ XIX. Đền thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cùng với “tam thánh”: Văn Xương, Lã Tể và Quan Công.

Sau này, năm 1865, Phương Đình Nguyễn Văn Siêu đứng ra tu sửa đền, xây đình Trấn Ba (tức là “đình ngăn sóng”), lầu Đắc Nguyệt (lầu “được trăng”) và cầu Thê Húc (đậu lại ánh mặt trời ban mai). Cũng vì thờ Văn Xương nên dựng một “Tháp Bút” bằng đá trên núi Đào Tai với dòng chữ “Tả thanh thiên” (vẽ lên trời xanh), đồng thời đắp cả Đài Nghiên ở bên cạnh.

Câu hỏi 784: Có “Bà Chúa Kho” ở Hà Nội không?

Trả lời: Nữ thần vùng Giảng Võ là Châu Nương. Nàng Châu Nương, bố họ Lý, người Cổ Pháp (vùng Đình Bảng, Bắc Ninh), mẹ người Giảng Võ, được lấy làm thiếp. Nàng Châu Nương đã có công giúp chồng

là Trần Thái Bảo, đốc bộ Hoan Châu (nay là vùng Nghệ An, Hà Tĩnh), điều binh, khiển tướng, bảo vệ kho tàng, giữ thành, đánh tan quân Nguyên. Vua Trần đã triệu hai vợ chồng nàng về Thăng Long, cho nàng Châu coi kho ở kinh thành, phong Thái Bảo chức Tiền quân Dực thánh.

Nhưng quân Nguyên lại kéo sang xâm lăng, Trần Thái Bảo tử trận, kinh thành Thăng Long bị uy hiếp, nàng Châu cố cất giấu, phân tán hết của cải trong kho, rồi lấy tấm lụa đào úp lên mặt, hoá... Gió bão nổi dậy... Tấm lụa đào bay về Giảng Võ. Quân giặc khi sục vào kho chỉ thấy một con gián lớn... Sau khi thắng trận, vua Trần Nhân Tông sai tổ chức giỗ thờ nàng ở trong kho và ra lệnh cho trại Võ (Giảng Võ) cùng 22 nơi trong khắp kinh thành như Quỳnh Lôi, Đông Thành... lập đền thờ.

Tại đình Giảng Võ, hiện vẫn còn đôi câu đối gọi lại sự tích nàng Châu - “Bà Chúa Kho” của đất Thăng Long:

“Tài chính túc sung quân, khôn nội mệnh văn thiên tử chiếu,

Âm mưu năng thoát lỗ, quốc trung danh chấn nữ thần quyền”.

(Giữ gìn tiền bạc đủ nuôi quân, chiếu thiên tử với tận nơi khuê cốn,

Đã thác hồn trung còn đuổi giặc, tiếng thần thiêng vang dậy áng quần thoa).

Câu hỏi 785: Những nơi nào ở Hà Nội thờ Chu Văn An?

Trả lời: Chu Văn An quê ở thôn Văn, làng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Ông học giỏi nhưng không đi thi để làm quan mà ở nhà dạy học. Ông dựng ngôi trường tại làng Huỳnh Cung (cũng thuộc huyện Thanh Trì), học trò các nơi đến học rất đông. Sự nghiệp lớn lao và vẻ vang nhất của Chu Văn An là sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ. Ông đã để nhiều tâm huyết vào việc biên soạn sách giáo khoa. Ông cũng làm thơ, đặc biệt là thơ chữ Nôm, ngoài ra ông còn viết cả sách thuốc.

Chu Văn An được coi là một nhà văn hoá - giáo dục lớn, một “ông thầy mẫu mực của muôn đời”.

Ông là người Việt Nam đầu tiên và duy nhất đến nay được thờ trong Văn Miếu - Quốc Tử Giám cùng với Khổng Tử và các học trò của bậc Thánh Nho. Tại làng Thanh Liệt quê ông và làng Huỳnh Cung, nơi ông mở trường dạy học vẫn còn đền thờ ông.

Câu hỏi 786: Nơi nào của Hà Nội có thể chiêm ngưỡng vị anh hùng dân tộc Lê Lợi?

Trả lời: Hẳn không ai không biết truyền thuyết về chiếc gương thần của Lê Lợi gắn với tên gọi hồ Hoàn Kiếm (hồ Trá Gươm). Để kỷ niệm truyền thuyết này, người ta đã dựng một ngôi đền nhỏ ở phía tây bắc của hồ. Đồng thời người ta dựng một cột đá trên có tượng Lê Lợi bằng đồng cầm gương nhìn ra hồ.

Câu hỏi 787: Ngôi miếu thờ các danh y Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông gọi là miếu gì, ở đâu?

Trả lời: Đó là Y Miếu Thăng Long được xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ XVIII, đời vua Lê Hiển Tông (1740-1786), nằm ở đất thôn Ngự Sử, tổng Hữu Nghiêm, huyện Thọ Xương (nay thuộc phường Văn Miếu).

Cùng với Văn Miếu, Võ Miếu, Y Miếu - nơi thờ hai vị đại danh y được người đời tôn vinh như hai vị thánh y tiêu biểu cho nền y thuật, y lý, y đức Việt Nam đã làm nên trọn vẹn một bộ biểu trưng tự hào cho văn hiến Thăng Long.

Câu hỏi 788: Phúc Hậu được biểu dương, được thờ - ngôi đền đó ở đâu?

Trả lời: Đền Phúc Hậu tọa lạc tại số 2, phố Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đền thờ một nhân vật đời Trần, ông có tên là Trần Nhuận Đình. Ông là ông tổ của nghề tráng gương, là một người sống phúc hậu với dân chúng xung quanh. Dân quanh vùng quen gọi ông là ông Phúc Hậu. Vì vậy ngôi đền thờ ông có tên là đền Phúc Hậu.

Ngoài ra, đền còn có tên là đền Kim Cổ.

Câu hỏi 789: Tự Đàn chùa Đồng Quang (Đồng Đa) thờ ai?

Trả lời: Năm 1789, giặc Thanh ở đồn Đồng Đa bị quân Tây Sơn tấn công tiêu diệt. Xác những kẻ tử trận

được thu dọn, chôn cất thành “thập nhị kinh nghê quán” - 12 gò. Hơn một nửa thế kỷ sau, năm 1851, khi mở đường đi qua bãi chiến trường xưa vẫn còn nhiều xương cốt, dân lại nhặt nhạnh đắp thêm một gò - gò thứ 13 và dựng 4 gian nhà trên mảnh đất bên đối diện với gò Đống Đa. Ấy là chùa Đồng Quang. Tụ Đàn của chùa hình chữ nhị là nơi thắp hương cầu cho những người chết trong trận Đống Đa được mát mẻ vong hồn.

Câu hỏi 790: “Ngày mai là năm mới, là ngày đồng bào và bộ đội mừng Chính phủ về Thủ đô. Trong lúc cả nước vui mừng thì mọi người đều thương tiếc các liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc, vì dân tộc”. **Bác Hồ đã dành những giây phút như vậy với các liệt sĩ tại đài liệt sĩ nào, vào ngày nào?**

Trả lời: Ngày 1-1-1955, nhân dân Thủ đô sẽ tổ chức cuộc mít tinh chào mừng năm mới, chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Thủ đô sau 9 năm kháng chiến.

Cả Hà Nội háo hức, vui mừng chờ đợi. Vào hôm trước của ngày vui đó (31-12-1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh đến đặt vòng hoa tại Đài liệt sĩ Ba Đình. Người đã cúi đầu lau nước mắt. Điều từ của người (do Thủ tướng Phạm Văn Đồng đọc) đã thay mặt đồng bào, chiến sĩ cả nước biểu thị lòng tiếc thương vô hạn đối với các liệt sĩ đã hy sinh vì tương lai tươi sáng của dân tộc, Tổ quốc. “Máu nóng của các liệt sĩ đã nhuộm đỏ là Quốc kỳ vẻ vang càng thêm thắm đỏ. Tiếng thơm của các liệt sĩ sẽ muôn đời lưu truyền với sử xanh...”.

Câu hỏi 791: “*Tại châu Âu cổ kính của chúng ta có dân tộc nào có thể tự hào là hàng năm còn kỷ niệm một sự kiện anh hùng trong lịch sử của mình xảy ra cách ngày nay hàng hai ngàn ba trăm năm như thế?*”

Một người châu Âu đã tự so sánh như vậy sau khi dự lễ hội nào?

Trả lời: Những dòng trên trích từ bài *Une fête religieuse annamite au village de Phu Dong - tonkin* (Một lễ hội tôn giáo An Nam ở làng Phù Đồng - Bắc Kỳ) in từ năm 1893 của một nhà Việt Nam học nổi tiếng người Pháp - Gustave Dumoutier.

Làng Phù Đồng, huyện Gia Lâm, cách nội thành hơn 10km đường chim bay về phía Bắc, nơi sinh ra Gióng - người “*phá tặc dân hiềm tam tuế vãn*” (đánh giặc thì lên ba vãn hiềm là muộn). Khi nghe tin đất nước bị xâm lăng, Gióng mới lên ba tuổi đã vụt lớn lên, ăn nông cơm, nông cà, uống nước sông quê hương di giết giặc. Quê hương đã lập đền thờ, hàng năm mở hội tưởng nhớ người anh hùng.

Tháng tư, khi đất trời vào hạ, người Việt dẫu “mồng bảy hội Khâm, mồng tám hội Dâu” trong cái tiết trời râm râm, u ám, chợt nắng, chợt mưa, có khi nắng vỡ dẫu vẫn “mồng chín đầu đầu cũng về hội Gióng”.

Thời tiết như thế, nhưng khi vào hội thì hàng ngàn, hàng vạn người náo nức, tung bừng reo hò theo những hồi trận Đống Đàm, Sỏi Bia, khao quân... và thành kính nghiêm trang nghe đọc văn chúc...

G. Dumoutier viết: “Chắc chắn là chưa bao giờ có lễ Misa nào của Giáo hoàng cử hành mà những người dự lễ yên lặng chú ý hơn và những người trợ tế thì thấm nhuần sâu sắc hơn phận sự đáng kính của họ cũng như việc làm thiêng liêng của họ”.

Dầu nhìn hội Gióng từ góc độ nào, từ thời điểm nào... cũng không thể quên lời mộc mạc của ca dao nhắn gửi:

*Ai ơi mộng chín tháng tư,
Không đi hội Gióng thì hư mất đời.*

Câu hỏi 792: Hội Gióng không chỉ tung bừng trong nhịp điệu chiến đấu, mà còn có điệu múa lời ca khiến cho:

***“Xa xôi cách mấy quăng đồng,
Để anh bỏ việc, bỏ công đi tìm”.***

Đó là điệu hát múa gì?

Trả lời: Hội Gióng ngoài nhịp điệu chiến đấu, còn có điệu múa lời ca của phường hát múa Ải Lao.

Phường hát múa Ải Lao ở làng Hội Xá (Gia Lâm) hàng năm tham gia biểu diễn trong ngày hội Gióng. Tục truyền phường đã được thành lập gần nghìn năm nay để biểu dương việc tham gia chiến đấu của những trẻ em mục đồng Hoà Xá theo Thánh Gióng đi đánh giặc Ân.

Tuy phục vụ cho nghi lễ diễn lại thân tích Thánh Gióng đánh giặc Ân, nhưng hát múa Ải Lao rất giàu

chất trữ tình. Nội dung lời ca mang nhiều tính chất kể chuyện, ca ngợi, động viên, có nhiều bài hát như bài tình ca trong giao duyên.

Câu hỏi 793: Hội phù Thánh Gióng diễn ra ở làng nào?

Trả lời: Hội phù Thánh Gióng diễn ra ở làng Chi Nam, Gia Lâm, vào ngày 8 tháng 4 (âm lịch). Trong ngày hội có các trò chơi dân gian như đánh trận, đấu vật, đấu gậy, cướp quả dừa...

**Câu hỏi 794: “Làng Cầu đuổi lợn,
Làng Cự kéo co,
Làng Ngò chạy ngựa”.**

Đấy là nghề nghiệp hay trò chơi dân gian của các làng trên?

Trả lời: Đó không phải là những nghề, mà là các trò chơi - trò thi của ba làng liên nhau thuộc huyện Gia Lâm vào dịp mở hội làng hàng năm.

Đuổi lợn là trò chơi thi bắt lợn trong đêm ngày 11-2 âm lịch ở sân đình làng Cầu. Những con lợn được nuôi vỗ trong năm, tắm rửa sạch thả vào sân đình có hàng rào chắn, chạy cuống cuống trong tiếng la, tiếng trống giục liên hồi... các trai làng, ai khoẻ hơn, mẹo mực hơn mới đuổi bắt, trói được những chú heo như vậy.

Kéo co bằng một sợi dây song to chừng cổ tay, dài trên 10m của hai phe, mỗi phe 24 chàng trai, ở sân đình làng Cự (tức Cự Đình).

Chạy ngựa là thi chạy nhanh, vượt qua chướng ngại vật trên đoạn đường vòng vèo, mấp mô, nhiều khi phải vượt qua cả ao chuôm, bờ rào từ làng Ngò qua làng Cự, làng Vo rồi về lại sân đình làng Ngò..., được tổ chức vào trưa ngày 12-2 âm lịch.

Câu hỏi 795: Hội làng có đến 10 làng cùng tham gia, đó là hội làng nào?

Trả lời: Đó là hội chùa Nhót, làng Đông Phù (Thanh Trì).

Theo truyền thuyết, vào đời vua Lý, có hai công chúa lén bỏ hoàng cung về tu ở chùa làng Hưng Long, còn gọi là chùa Nhót. Vua cha bắt hồi tục nhưng hai công chúa không chịu nghe. Vua sai đốt chùa để ép phải về, hai công chúa lại chốn đến chùa Hưng Phúc (thuộc làng Tự Khoát, xã Ngũ Hiệp). Vua Lý thấy các con thật lòng quy y Phật pháp bèn truyền sửa chùa cũ cho hai công chúa tu.

Hai bà mua hơn 1.000 mẫu ruộng cấp cho 10 làng ở tổng Nam Phù Liệt: Đạm Uyên, Chanh Khúc, Mỹ Á, Đông Phù, Đông Trạch, Tương Trúc, Tự Khoát, Yên Mỹ, Ninh Xá, Việt Yên. Hai bà còn dạy dân nghề đan lát và làm thuyền thúng.

Dân tôn vinh là Vua Bà hoặc “Nhị vị Bồ tát”. Khi mất, dân 10 làng đều muốn giữ việc thờ phụng. Các làng họp bàn làng nào xây được lăng trước, lăng đó được giữ “trưởng nam”. Kết quả người Ninh Xá thắng.

Hằng năm, vào ngày rằm tháng ba âm lịch, dân 10 làng lại mở hội lớn ở chùa Đông Phù. Đêm 15, đoàn rước của 10 làng tề tựu trên sân chùa. Các làng thay phiên nhau đến trước Phật điện hát văn thờ. Ngày 16, các đoàn hành hương lên chùa Tự Khoát.

Câu hỏi 796: Văn bia chùa Đọi (thế kỷ XII) đã miêu tả trò chơi gì ở Thăng Long?

Trả lời: Văn bia chùa Long Đọi (thế kỷ XII), xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đã miêu tả trò múa rối nước Thăng Long xưa: “đạo nhạc thiểu rẻo rất, cửa đông mở ra, thần tiên xuất hiện, đều là dáng điệu thiên cung há phải phong tư trần thế. Vươn tay nhỏ dăng khúc Hồi Phong, nhả mây thùy ngời ca vận tốt...”.

Câu hỏi 797: Các tài liệu cổ từng ghi chép tới những loại hình nghệ thuật gì ở kinh thành Thăng Long thời Lý - Trần?

Trả lời: Theo các tài liệu cổ cho biết thì ở thành Thăng Long thời Lý - Trần, ca nhạc, nhảy múa là những sinh hoạt văn hoá quan trọng không thể thiếu được trong những ngày lễ hội lớn. Điều đặc biệt nổi rõ ở thời này là ca múa nhạc dân gian và ca múa nhạc cung đình hoà quyện với nhau ở sân khấu ngoài trời, cùng với nhiều trò vui, trò diễn, tạo thành một tổng thể sinh hoạt văn hoá hoành tráng. Những cảnh vũ nữ múa dăng hoa, nhạc công đánh trống cơm, gảy đàn nguyệt, thổi sáo, kéo nhị... đã được miêu tả trên

những phù điêu chạm khắc trong các ngôi chùa xây dựng thời kỳ này.

Câu hỏi 798:

***“Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới,
Hai hàng chân ngọc đuổi song song...”***

Cảnh nào đã hiện lên trong câu thơ đó của nữ sĩ Hồ Xuân Hương?

Trả lời: Hai câu thơ trên trên trong bài thơ *Đánh đu* của Hồ Xuân Hương. Đương nhiên không phải đến thời của nữ sĩ (thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX), người vùng Thăng Long mới có trò chơi này.

Từ rất lâu, như khắp vùng quê Bắc Bộ, những làng xã ngoại thành hai bên bờ sông Nhị - từ Cổ Loa, Dục Tú, Liên Hà, Nam Hồng, Dương Xá, Ninh Hiệp, Yên Thường,... ở bờ bắc, qua Mễ Trì, Tây Tựu, Dịch Vọng, Xuân Đình rồi Vĩnh Ninh, Thanh Liệt, Vạn Phúc... ở bờ nam cũng đều có truyền thống chơi đu ngày hội.

Câu hỏi 799: Thám hoa đá cầu thay thơ chúc thọ vua Lê, câu chuyện ấy ra sao?

Trả lời: Ở kinh thành Thăng Long, không ghi dân phố, trai tráng “lanh lẹ đá cầu” như cụ Trạng Me miêu tả trong bài *Cảnh sắc mùa xuân của Phượng thành* (thế kỷ XV), mà cả quan, tướng đều sành môn đá cầu... đến nỗi đá hơi kém một chút như Trương Hán Siêu là bị chê là “chân đá cầu thộn”. Còn “Thám hoa đá cầu” thay thơ chúc thọ vua là câu truyện kể dân gian!

Tương truyền, vào dịp Đoan Ngọ, các quan tùy tùng theo vua Lê đi xem bơi chải. Lúc vua ngự trên thuyền, các quan thay nhau “nhả ngọc phun châu” chúc tụng. Có Thám hoa Đinh Lưu xin đá cầu thay thơ với ý muốn chúc thọ vua Lê sống bằng số cầu ông đá liền một nhịp! Được vua chấp thuận, Thám hoa đứng trên thuyền và dùng chân trái đá cầu. Cả vua tới nín thở hồi hộp, lo lắng vì theo lời xin đá được bao nhiêu vua sẽ thọ bấy nhiêu! Tất cả mọi người hồi hộp vừa theo dõi vừa đếm... cho đến tận 89 quả cầu mới rơi xuống đất. Quần thần thở phào, vua thì rạng rỡ truyền ban rượu ngự.

Câu hỏi 800: Nổi tiếng với múa rối nước là làng nào ở Hà Nội?

Trả lời: Nếu ở kinh thành, ngay từ thời Lý, múa rối nước đã hiện lên náo nức, qua miêu tả của bia *Sùng Thiện diên linh* (1121) với rùa vàng đội núi,..., thần tiên xuất hiện múa khúc hồi phong, chim quý, tiếng đàn ca múa, thú lành từng đàn xênh xang...

Thì ở ngoại thành, phường múa rối Đào Thục (Đông Anh) đã từ lâu nổi tiếng. Từ một góc ao làng, ao đình... tiếng pháo lệnh nổ vang, rừng cờ từ đâu bật dậy tung bay trong lấp lánh ánh pháo thăng thiên..., ba khí giáo trò..., rồi các nàng tiên ca hát, rồng vàng Thăng Long phun nước... từ bao thế hệ nay làm say sưa không chỉ người Việt mà cả bạn bè quốc tế.

Câu hỏi 801: Cùng với nghề dệt thao, làng Triều Khúc còn nổi tiếng với điệu múa gì trong lễ hội?

Trả lời: Ngoài nổi danh với nghề dệt thao - do đó có tên Đor Thao, làng Triều Khúc (huyện Thanh Trì) còn được dân gian nhắc đến với điệu vũ khúc múa bông, múa cờ.

Múa bông là người múa (trước đây là nam giới cải trang thành nữ giới) quàng những dải lụa ngũ sắc, đeo trống bông sau lưng cắm chéo vài ba lá cờ đuôi nheo, múa trước dàn nhạc bát âm trong đám rước. Múa bông Triều Khúc không chỉ có một người mà từng đôi nam giả nữ, múa ngược chiều, bổ sung, đối xứng nhau theo nhịp chiêng trống.

Người ngoại ô cho múa bông Triều Khúc là mẫu mực cho các ngày hội ở Hà Nội.

Câu hỏi 802: Làng quê nào ở Hà Nội có tục hát cửa đình?

Trả lời: Hát cửa đình là một loại hình diễn xướng tổng hợp nhiều bộ môn: ca nhạc, múa đã đạt trình độ ổn định. Trong hội làng tại các cửa đình, giáo phường cử các ả đào và kép đàn trình diễn ca múa nhạc để tế thần và chúc tụng mua vui giải trí cho dân làng.

Làng Lỗ Khê (Liên Hà, Đông Anh) là nơi còn giữ được di tích và sinh hoạt của giáo phường xưa, và cũng là nơi duy trì được nền nếp hát cửa đình. Đó là nơi thờ vợ chồng ông Đình Cự (tướng tài của Lê Lợi),

Đương Hạo, những người đầu tiên truyền bá nghề đàn phách ca múa, lập ra giáo phường Lỗ Khê, mở ra lối hát của đình truyền thống của Thăng Long - Hà Nội.

Câu hỏi 803: Đền Thơ ở đâu?

Trả lời: Những câu thơ trong *Đường thi* hoặc *Kiều* hay *Chinh phụ ngâm*... được trích ra, để thiếu một hai chữ trong dấu khuyên tròn, trên những mảnh giấy dài khoảng 20cm, rộng 4-5cm.

Người cầm trịch đưa ra 5 từ, trong số đó có một từ trong nguyên bản của câu thơ hay bài thơ viết trên tờ giấy đó.

Người dự thi chọn một trong năm từ đó “thả” vào chỗ có dấu khuyên.

Người chọn đúng là người thắng cuộc được thưởng. “Trò chơi” hay là tục “thả thơ” chỉ giản dị thế thôi mà đòi hỏi người thả phải lịch lãm, tao nhã biết bao.

Ngôi đền, những người từng dự trò “thả thơ” của vùng Nghĩa Đô, Cầu Giấy tụ tập là đền Đông Sơ (cạnh đền Đồng Cổ), vì thế còn có tên gọi là Đền Thơ.

Câu hỏi 804: “Tom, chát..”, âm thanh đó gắn với loại hình ca nhạc nào ở Hà Nội?

Trả lời: “Tom, chát..”, âm điệu đó gắn với hát ca trù ở Hà Nội xưa. Nghệ thuật hát ca trù hết sức phức tạp, đòi hỏi đào hát phải luôn luyện giọng cho “tròn vành, rõ chữ”. Tiếng trống châu có vai trò rất quan trọng khi hát ca trù. Người cầm trống châu không chỉ là một thính giả thưởng thức đơn thuần mà phải có

kiến thức về âm nhạc... Tiếng “cắc” (còn gọi là “chát”) là gõ dùi vào tang trống cùng với tiếng “tom” đánh vào mặt trống.

Câu hỏi 805: Ông tổ của lò vật Mai Động là ai?

Trả lời: Đó là Nguyễn Tam Trinh.

Theo truyền thuyết, vào thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa (40-43), ông đã tụ tập những học trò, những đồ vật nổi tiếng của vùng thành đội ngũ, kéo lên Hát Môn tụ nghĩa. Lễ hội truyền thống kỷ niệm cụ tổ lò vật được dân Mai Động tổ chức từ ngày 4 đến ngày 6 tháng Giêng hàng năm.

Câu hỏi 806: Vị lão tướng Phạm Tu còn có tên dân giã là Đò Tu. Vì sao?

Trả lời: Phạm Tu - vị lão tướng của Lý Bí - người đã dựng cờ khởi nghĩa đánh đuổi quân Lương, lập nước Vạn Xuân còn gọi là Đò Tu, vì tương truyền ông đã từng là đồ vật nổi tiếng, thành danh từ lò vật Quỳnh Đò (Thanh Trì).

Câu hỏi 807: Bốn làng: Đống, Hà Trì, Tây Dạm, Thượng Cát của huyện Từ Liêm đều có tên trong một câu tục ngữ. Câu ấy thế nào?

Trả lời: Đó là câu quen thuộc của người vùng Kẻ:

*“Chiêng làng Đống,
Trống Hạ Trì,
Mõ Tây Dạm,
Tù và Thượng Cát”.*

Bốn làng, mỗi làng có một thứ độc đáo, nổi tiếng. Cả bốn thứ của bốn làng lại hợp thành một hiệu lệnh, diễn tả lại cảnh luyện quân, tập hợp lực lượng của các vị Thành hoàng làng từng theo Hai Bà Trưng đánh quân xâm lược (chiêng là thu quân, trống là tiến quân, mõ là cầm canh, tù và là tập hợp) trong dịp lễ hội hàng năm của vùng Kẻ - Từ Liêm.

Câu hỏi 808: “Chăn trâu, thả diều” không phải chỉ ở trong tranh mà còn quen thuộc ở vùng đất nào của Thăng Long - Hà Nội?

Trả lời: Chơi diều là một trò chơi khá cổ của người Việt. Truyện dân gian Thăng Long còn kể việc Cao Biền cưỡi diều giấy đi xem các huyện đất ở thành Đại La (Hà Nội)... Tại các làng ven sông Hồng thuộc các huyện Từ Liêm, Thanh Trì, Gia Lâm có tục thi thả diều sáo trong các ngày hội. Sáo diều có ba loại chính phân theo tiếng sáo kêu: sáo công, sáo dầu, sáo còi.

“Diều lên sáo thổi ve ve,

Bà ngồi hóng mát bà nghe sáo diều”.

Câu hỏi 809: Thả chim câu biểu tượng của hoà bình, là một thú chơi tao nhã. Hội thả chim câu của người Hà Nội diễn ra vào mùa nào?

Trả lời: Truyền thuyết Thăng Long cũng như truyền thuyết vùng Đình Bảng (Bắc Ninh), quê hương nhà Lý đều kể rằng, tục thả chim câu vốn có từ thời Lý. Nguyên do hoàng tử nhà Lý rất thích giống chim câu vì sáng thả ra tối lại bay về chuồng, bền luyện cho

chúng bay đôi, bay đàn. Từ đó, nhân dân Thăng Long theo, dần dần tổ chức thành hội thi.

Câu hỏi 810: Người Hà Nội thường đi “hái lộc” ở những địa điểm nào?

Trả lời: Không chỉ riêng gia đình Vũ Bằng mới có cảnh “mở cửa đi ra đền Ngọc Sơn, rẽ sang đình Hàng Trống, đi lên Hồ Tây, vào đền Quán Thánh lễ giao thừa rồi người thì cầm cành lộc, người thì cầm hương lộc, đi thông thả về nhà” (*Thương nhớ mười hai*), mà những ngôi chùa, ngôi đình, đền gần nhà, nhất là những ngôi đình, đền, chùa nổi tiếng ở khu vực trung tâm như Ngọc Sơn, Bạch Mã, Quán Sứ, Trấn Vũ, Trấn Quốc... là nơi “hái lộc” thường được nhắc đến của rất nhiều người Hà Nội.

Câu hỏi 811: Máy năm gần đây, “cành lộc” gì mới xuất hiện trong dịp tết của người Hà Nội?

Trả lời: Những cành lá xanh trong các đường phố, những công viên, danh lam thắng cảnh... từ lâu đã và để trở thành cành lộc của người thành phố, người Hà Nội khi đi “hái lộc”.

Thế nhưng còn môi trường? Ước mong đâm chồi nảy lộc cho mình, cho gia đình mình lại làm trụi cành, bật gốc “lộc” của chung cả phố phường! Nhà mình đã vậy, còn ngôi nhà chung?

Những năm gần đây người Hà Nội đã có một cây lộc mới, có đủ cả ngọt ngào với niềm tin “khổ tận, cam lai” (vất vả, cay đắng sẽ hết, ngọt ngào, hạnh phúc sẽ

tới), lá tươi xanh, ngay thẳng cây đời - đó là những cây mía còn nguyên lá, cả cây. Phải chăng, đó sẽ là cây lộc mới của thời kỳ hiện đại hoá, công nghiệp hoá!

Câu hỏi 812: Địa điểm nào của Thủ đô trở thành một “đầu cầu” không thể thiếu của chương trình cấu trúc hình cả nước đón giao thừa chào năm mới?

Trả lời: Ai đã dự hay theo dõi chương trình này trong 4-5 năm qua đều có thể chỉ ra dễ dàng: đó là khu vực trước đền Ngọc Sơn, bên hồ Hoàn Kiếm.

Nơi đây, tết Bính Tuất (1946), Người khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hoà với dòng người Thủ đô đi đón tết Độc lập đầu tiên.

Câu hỏi 813: Những lễ, tiết cổ truyền ở Hà Nội những năm gần đây có gì mới?

Trả lời: Câu trả lời không... dễ! Tìm ra những cái mới, cái đổi thay tích cực - không chỉ ở hình thức mà trong bản chất là đề tài nghiên cứu của nhiều ngành, nhiều nhà khoa học và quản lý xã hội.

Những lễ tiết, tục lệ cổ truyền: từ ngày mồng 1, ngày rằm (ngày sóc, ngày vọng) hàng tháng, giao thừa năm mới, Tết, hóa vàng, hạ nêu, khai hạ, rằm tháng giêng, mồng ba tháng ba, thanh minh, tắm Phật... cho đến tết ông Táo..., ở những mức độ khác nhau đều trở lại ở mọi miền quê, được tăng cường ở các đô thị, trong đó có Hà Nội.

Điều kiện kinh tế - xã hội, văn hoá của thời kỳ đổi mới - nhất là 10 năm qua, cũng đã tạo cơ sở kinh tế, sắc thái tâm lý mới cho các lễ tiết xưa. Chẳng hạn:

- Hà Nội và cả nước không đốt pháo nữa từ sáu tết qua.
- Người Hà Nội, nhất là lớp thanh niên ra đường, tập trung vào các tụ điểm văn hoá công cộng, đặc biệt là khu vực hồ Hoàn Kiếm để đón, vui giao thừa đông hơn.
- Những chú cá chép trong tế ông Táo được người Hà Nội mua nhiều hơn và cũng thả ra sông, hồ gần nhà nhiều hơn, đặc biệt là các hồ lớn, hoặc ra cầu Chương Dương, cầu Thăng Long thả xuống sông Hồng, v.v.

Câu hỏi 814: Vì sao lại đọc là Quảng Bá?

Trả lời: Quảng Bá (nay thuộc phường Quảng An, quận Tây Hồ), trong tất cả các văn bản chữ Hán còn lại đều viết rõ là Quảng Bố.

Nhưng có ai đọc và gọi thế bao giờ! Các cụ giải thích: làng thờ Đức Phùng Hưng - người đã nổi dậy chiếm Tống Bình giành độc lập ở thế kỷ VIII, được người Việt tôn xưng là Bố Cái Đại Vương.

Vì tục kiêng tên nên cả danh hiệu của Đức thần cũng được đọc chệch thành “Bá cái” và tên làng thành Quảng Bá.

Câu hỏi 815: Bên đường Kim Mã, gần đại sứ quán Thụy Điển hiện nay có dốc Núi Bò. Tên Núi Bò được dân gian giải thích ra sao?

Trả lời: Dài gò đất nhấp nhô, um tùm cây cối có con đường mòn lên xuống, chạy từ Thủ Lệ về Vạn

Phúc đã mất từ lâu, chỉ còn lại dốc kể trên và lời lưu truyền trong dân vùng Tổng Nội - Thập Tam trại.

Hội đền Voi Phục Thủ Lệ thờ đức thánh Linh Lang - một trong Tứ trấn của kinh thành Thăng Long, được tổ chức vào 10-11 tháng 2 hàng năm. Năm năm mở đại hội một lần. Ngày chính tế, bài vị Thành hoàng được rước bằng kiệu bát cống từ đình hàng tổng Vạn Phúc về đến Thủ Lệ, theo con đường qua dải gò trên. Đoàn đô tùy khi qua đó phải vừa bò, vừa khiêng theo lệnh người chỉ huy để giữ cho kiệu thăng bằng.

Cứ thế với bao mùa hội lễ, bao kỳ đại hội, đoạn gò có đoàn rước kiệu bò qua, theo từ nguyên dân gian, trở thành Núi Bò.

Câu hỏi 816: Người Nhật Tân từng gọi khoai lang là khoai dây! Vì sao?

Trả lời: Nhật Tân xưa là phường Nhật Chiêu. Sách *Việt điện u linh* và *Thần tích* ở đình làng kể:

Con thứ bảy của vua Trần Thánh Tông và Hoàng hậu Minh Đức, sinh ở cung Sùng Đức, phường Nhật Chiêu. “Năm tháng biết nói, đầy tuổi biết đi”, vua yêu mến, đặt tên là Uy Lang.

Đời vua Trần Nhân Tông, quân Nguyên vào cướp nước ta. Uy Lang dâng biểu lên bày phương lược diệt giặc, lập đội quân Hưng Nghĩa hơn một vạn người phá giặc ở *Bàn Than*, truy kích địch ở sông Đông Mai, hội với quân của Hưng Đạo, Nhật Duật ở Vạn

Kiếp, đánh tan quân Nguyên ở Mản Trù, nhổ trại Đông Kết, bắt sống tướng giặc Lý Hoà La.

Ngày khai hoàn, Uy Lang được phong là Dâm Đàm Vương.

Vương không bệnh mà mất ngày 8-8 năm Canh Tý. Vua, Hoàng hậu thương xót lập điện Nhật Chiêu để thờ.

Nhật Tân thờ Dâm Đàm Vương làm Thành hoàng. Cùng với các kỳ lễ sinh, lễ hoá, lễ chiến thắng, để tưởng nhớ còn việc kiêng tên thần. Nhưng không phải chỉ có riêng Nhật Tân mà những nơi thờ Thần Uy Đô Linh Lang thời Trần, Linh Lang thời Lý cũng đều có tục kiêng tên húy và gọi như vậy.

Câu hỏi 817: Vì sao người làng Chài (Võng La, Đông Anh) vào hội lại kiêng mổ bò?

Trả lời: Làng Chài là tên nôm của Võng La (huyện Đông Anh, ngay dưới chân bờ bắc cầu Thăng Long). Làng hàng năm hai lần mở hội vào 19-21 tháng 7, có bơi chải trên sông Cái, và từ 10-13 tháng 10 có lễ mộc dục.

Làng thờ tam vị đại vương là Linh Khổn, Minh Chiếu và Cung Mục. Truyền thuyết kể: Ba anh em từng đi theo vua Hùng thứ 18 để đánh giặc cứu nước. Quân của ba vị bị vây trong rừng, khát và kiệt sức. Bỗng có một con bò cái xuất hiện, căng đầy vú sữa, và... mọi người như tăng thêm sức mạnh khi nhận được nguồn sữa ấy, đủ sức phá vây, chiến thắng trở về.

Từ đó dân làng, dẫu vào hội cũng không mổ bò là vì thế.

Câu hỏi 818: *“Đồn thú vui của thiên hạ, đêm trở thành ngày, thỏa tâm mục của thế gian, già nay trẻ lại...” là tả cảnh hội gì ở Thăng Long mà niềm vui hân hoan “cải lão hoàn đồng” như vậy?*

Trả lời: Đó là quang cảnh ngày hội đèn Quảng Chiếu, được mở vào dịp tết Trung thu thời Lý, tổ chức ở ngoài cửa Tường Phù (cửa Đông của Hoàng thành): “hai bên nghìn đèn nhấp nháy, bốn mặt rực rỡ vàng son. Có thể gọi là hơn xa chế độ xưa nay, vượt hẳn sinh thành tạo hoá. Đồn thú vui của thiên hạ, đêm trở thành ngày, thỏa tâm mục của thế gian, già nay trẻ lại...”.

Câu hỏi 819: *Đền Bạch Mã gắn với nghi lễ quan trọng nào của đất Thăng Long?*

Trả lời: Đền Bạch Mã (số 76, Hàng Buồm) thờ thần Long Đỗ. Di tích này là một trong tứ trấn của Thăng Long. Xưa đền thuộc phường Hà Khẩu, tổng Đông Thọ, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, Hà Nội.

Hàng năm vào dịp đông chí, tòa Khâm thiên giám tâu cho vua biết ngày lập xuân; dâng tượng thần Câu Mang và Xuân Ngu. Tượng thần Nông (Câu Mang), tượng thần Trâu (Xuân Ngu) được nhuộm màu ứng với ông thần năm đó tính theo ngũ hành âm dương. Bộ Công đắp mẫu tượng người, tượng trâu y như thật, đàn tế dựng ở phường Đông Hà (phố Hàng Chiếu) nhằm hướng chính phía đông cửa kinh kỳ. Lễ tế vào

đúng giờ tý (nửa đêm). Năm 1048, vua Lý Thái Tông xuống chiếu định phép đả Xuân Ngưu. Vào tiết lập xuân, vua sai vị trưởng họ dùng roi đánh vào con trâu đất, sau đó các quan cài hoa lên mũ rồi cùng dự yến tiệc. Dân dự đám rước hội hát:

*“Bao giờ mang đến hiện ngày,
Cày bừa cho kỹ mạ này đem gieo”.*

Cùng với lễ tế thần Nông ở đàn Xã Tắc (nay thuộc Xã Đàn, phường Nam Đồng), lễ tiến Xuân Ngưu vào dịp xuân là để khuyến khích nhà nông, cầu mong mùa màng bội thu.

Câu hỏi 820:

*“Làm tôi tận trung,
Làm quan thanh liêm,
Ai trái lời này, thần mình giết chết”.*

Hàng năm lời thề ấy từng vang lên tại địa điểm nào, ngày nào tại kinh thành Thăng Long?

Trả lời: Sách Đại Việt sử ký toàn thư ghi: “Theo việc cũ từ thời Lý, hàng năm ngày 4-4 (âm lịch) tế tướng và trăm quan, hồi gà gáy để trực ngoài cửa thành, mờ sáng tiến vào triều. Vua ngự ở cửa Hữu Long, điện Đại Minh; trăm quan nhung phục làm lễ hai lạy rồi lui ra; đầy đủ đội ngũ nghi trượng theo hầu ra cửa tây kinh thành đến đền thần núi Đồng Cổ, họp nhau thề rồi uống máu. Quan Trung thư kiêm chính đọc lời thề rằng: “Làm tôi tận trung, làm quan thanh liêm, ai trái lời này, thần mình giết chết”. Ngày ấy

con trai, con gái bốn phương đứng cạnh đường xem chặt ních, cho là hội lớn. Đền Đồng Cổ thờ thần “Thiên hạ minh chủ tôn thần”, tức thần núi Đồng Cổ - nay ở thôn Đông, phường Bưởi, quận Tây Hồ.

Câu hỏi 821: Mùa nào Hà Nội thường nhiều lễ hội nhất?

Trả lời: Từ lâu, các nhà nghiên cứu Hà Nội, sử học, dân tộc học đã gọi lễ hội của Hà Nội là lễ hội mùa xuân.

Thống kê gần đây nhất về lễ hội cổ truyền của Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội càng khẳng định điều này: 85% lễ hội dân gian cổ truyền tập trung vào mùa xuân, trong đó nhiều nhất là tháng Giêng.

Câu hỏi 822: Đầu năm lễ hội nào mở sớm nhất?

Trả lời: Theo “lịch” đăng ký từ cổ truyền, ngay ngày mồng 1 Tết đã có thể về Quán Thánh, lên đình Nghi Tam, về Kê Viêng, Ích Vịnh - Thanh Trì... đã có hội rồi. Còn sau tết, từ mồng 4 trở ra thì thật khó kể hết.

Câu hỏi 823: Giữa tháng năm mùa vẫn có thể đến dự hội ở làng nào?

Trả lời: Chẳng cần phải đi đâu xa, mạn Từ Liêm có hội làng Chèm mở vào rằm tháng 5. Cũng dịp đó ở Thanh Trì có hai làng là làng Bảo (Vĩnh Thịnh), làng Vay (Vĩnh Trung) thuộc xã Đại Áng cũng mở hội.

Câu hỏi 824: Mùa thu đến nơi nào dự hội?

Trả lời: Chỉ cần đi hai bên sông Hồng thôi, sau lễ “Xá tội vong nhân” rằm tháng bảy là về làng Chài - Võng La (Đông Anh) dự bơi chải; về hội đền Ghềnh - Ái Mộ (Gia Lâm) thắp hương ba nữ thánh: Mẫu Liễu, Công chúa Thượng Ngàn và Công chúa Lê Ngọc Hân, xem đám rước nước của 24 cô gái đồng trinh.

Về bờ nam tới Vĩnh Tuy, ngày 10-8 dự hội rước Nha Cát Đại Vương, Nguyệt Nga công chúa để tưởng nhớ một thời khẩn hoang làng bãi Tân Khai. Hoặc tới Kê Gùn - xã Tả Thanh Oai - nơi thờ thầy dạy học của Lê Thánh Tông - Tùng Giang tiên sinh, tướng quân Trịnh Khả và hai công chúa Quý Minh, La Công.

Còn nếu đi xa hơn, về Thái Bình - Văn Nội - Đông Anh ngày 26-8 dự lễ đảo thánh, dâng văn ca ngợi Đức Thánh Trần:

*“Đức Thánh Cả dương dương tại thượng,
Đẹp Đông đánh Bắc nổi danh anh hùng”.*

Câu hỏi 825: Ngày mồng 4 Tết, người Sài Đồng vào hội. Hội đó còn có tên gọi riêng là gì?

Trả lời: Làng Sài Đồng, huyện Gia Lâm mở hội “trình nghề” vào ngày mùng 4 Tết. Trong tiếng nhạc, tiếng trống một lão nông dắt trâu vào sân đình, một chàng lực điền theo sau cày ruộng, rồi đến một cô gái dẻo tay tung thóc gieo mạ. Dân làng reo vui, mừng nghề nông thịnh vượng, chúc làng xóm được mùa, lắm khoai nhiều lúa. Tan hội, chàng lực điền cởi khăn

riều chít đầu thì ra là một cô gái xinh đẹp, còn cô gái gieo mạ má hồng môi thắm kia tháo bỏ khăn mỏ quạ hoá ra là một chàng trai rắn rỏi.

Câu hỏi 826: Bên Hồ Tây sóng nước lại có làng mở hội bơi càn. Đó là làng nào?

Trả lời: Hội đó diễn ra tại sân đình làng Hồ Khẩu và dịp lễ hội 14-2 âm lịch. Các chàng trai khỏe mạnh chia làm ba tốp, mỗi tốp có “cái bơi” (như người trưởng) đứng đầu. Mỗi tốp xếp hàng đôi theo “cái bơi” tiến vào sân đình. “Cái bơi” cất tiếng hô, cả tốp cùng hát và chèo thuyền.

**Câu hỏi 827: “Nhớ ngày 23 tháng 3,
Dân trại ta vượt Nhị Hà thăm quê”.**

Câu ca dao đó nhắc nhở đến ngày hội ở vùng nào?

Trả lời: Làng Lệ Mật - nay thuộc xã Việt Hưng, Gia Lâm - có nghề bắt rắn từ lâu đời. Truyền thuyết địa phương còn kể về ông tổ sống vào thời Lý, là người dạy dân bắt rắn và đưa dân sang khai hoang, lập ra 13 trại ở phía tây kinh thành Thăng Long. Hội mở ngày 23-3 hàng năm. Đáng chú ý là có tục diễn trò múa rắn để nhắc lại huyền tích về ông tổ và tục các đại biểu 13 trại về thăm quê. Đúng như câu ca dao cổ còn lưu truyền:

**“Nhớ ngày 23 tháng 3,
Dân trại ta vượt Nhị Hà thăm quê”.**

Câu hỏi 828: Hội Đông Hồ (Đông Anh) có trò gì đặc biệt?

Trả lời: Hội Đông Hồ (nay thuộc xã Nam Hồng, huyện Đông Anh) có trò hất phết rất độc đáo. Tương truyền đây là một trò luyện quân của các trai tráng trong làng, tham gia phòng tuyến sông Như Nguyệt.

Câu hỏi 829: Lễ hội nào có tục “rước vua sống”?

Trả lời: Lễ hội đền An Dương Vương, Cổ Loa từ ngày mồng 6 tháng Giêng đến quá ngày rằm (18 tháng Giêng) có một cuộc rước chỉ diễn trình có một lần nhưng là lễ chính của hội. Đó là lễ “rước vua sống”. Nguồn gốc của tục này được gắn với sự tích: Khi An Dương Vương đắp thành thường bị yêu quái phá hoại. Bọn yêu quái thường tụ tập ở làng Nhồi (trong khu Thành Giữa hiện nay). Sau nhờ có Huyền Thiên Trấn Vũ trừ hộ. Dân làng lập đền thờ. Sinh thời, hàng năm, vua Thục Phán thường đến đó bái tạ. Để ghi nhớ sự kiện ấy, ngày nay, người ta đặt ra tục rước vua sống làm tái hiện lại một sự kiện xưa.

Trước ngày hội, làng cử một người đóng giả An Dương Vương. Người được chọn phải có “tài, đức” và thanh khiết. Đến ngày hội người này được vận triều phục và ngồi lên kiệu. Đoàn hành lễ sắp theo trật tự. Mở đầu là chiếc kiệu khiêng một chiếc nỏ lớn, sau đó là kiệu “vua” (được 32 đình tráng khiêng đi). Đến đền Nhồi, vua xuống bái lạy. Theo sau kiệu, đoàn hành lễ

là cư dân của các làng được bố trí trước sau tuần tự: Cổ Loa - Văn Thượng - Ngoại Sút - Cầu Cả - Đài Bi - Bằng Giả - Làng Cưu. Đó cũng là tám làng chính thờ An Dương Vương quanh vùng.

Câu hỏi 830: Lễ hội dân gian đang được khôi phục trở lại với tốc độ như thế nào?

Trả lời: Năm 1991, Ban Chủ nhiệm đề tài Lễ hội dân gian Hà Nội báo cáo: “Đến giữa năm 1991 đã có gần 100 cơ sở, phường, xã, làng khôi phục lễ hội”.

Hai năm sau, Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội thông báo: “Cho đến nay (1993) ước tính toàn thành phố hàng năm có khoảng 200 lễ hội to nhỏ các loại”.

Đến ngưỡng cửa của kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội, theo kết quả điều tra của Sở Văn hoá - Thông tin thì có đến 322 phường, xã và làng xã ngoại thành đã mở hội.

Câu hỏi 831: Thăng Long mảnh đất rồng bay có những làng múa rồng nổi tiếng nào?

Trả lời: Những con rồng trong đội hình múa tứ linh (long, ly, quy, phượng) từng quen thuộc với không ít các làng quê Thăng Long - Hà Nội mỗi dịp hội làng.

Nhưng còn có những con rồng dài tới hàng chục mét, màu vàng (hoàng long) hoặc màu xanh (thanh long) có đủ cả đầu, đuôi, móng, vuốt với vũ đạo thống nhất của hàng chục chàng trai (có khi tới trên 30)

khỏe mạnh, đồng phục (hoặc đóng khố, thắt đai) tung hoành, uốn lượn linh hoạt nhịp nhàng trong tiếng trống, tiếng thanh la thổi thúc trong những dịp hội làng hay những kỳ đại hội lớn của Thăng Long - Hà Nội. Đó là những đội múa rồng của vùng đất Thanh Trì xưa như Tương Ngõ, Triều Khúc, Nhân Mục, Quan Nhân, Thượng Đình, Khương Thượng, Đông Mỹ, Vĩnh Quỳnh, Ngọc Hồi, Đại Áng... địa bàn từng nổi lên rồng lửa đầu xuân Kỷ Dậu 1789.

Những đội múa rồng Thanh Trì đã có mặt trong dịp 990 năm của Thành phố Rồng bay.

XIV. DI TÍCH - DANH THẮNG

Câu hỏi 832: Hà Nội có bao nhiêu di tích lịch sử - văn hóa?

Trả lời: Theo kết quả kiểm kê di tích lịch sử - văn hoá trong những năm qua, trên địa bàn Hà Nội có 1.774 di tích lịch sử - văn hoá, phân bố ở các khu vực sau:

TT	Địa điểm	Số di tích
1	Quận Ba Đình	109
2	Quận Hoàn Kiếm	163
3	Quận Đống Đa	97
4	Quận Hai Bà Trưng	105
5	Quận Tây Hồ	81
6	Quận Thanh Xuân	27
7	Quận Cầu Giấy	61
8	Quận Từ Liêm	171
9	Huyện Thanh Trì	202
10	Huyện Gia Lâm	295
11	Huyện Đông Anh	223
12	Huyện Sóc Sơn	240

Câu hỏi 833: Trong khu vực nội thành Hà Nội, quận nào có nhiều di tích lịch sử - văn hoá nhất?

Trả lời: Theo thống kê ở câu trên, dễ nhận ra rằng quận Hoàn Kiếm được xếp đầu bảng về nơi có nhiều di tích lịch sử - văn hoá, gấp tới hơn 6 lần số di tích của quận Thanh Xuân. Tuy nhiên, sự so sánh đó mới chỉ dựa theo số liệu thống kê di tích đến năm 1999.

Câu hỏi 834: Loại hình di tích nào chiếm số lượng nhiều nhất trong các di tích lịch sử - văn hóa ở Hà Nội?

Trả lời: Theo thống kê của Sở Văn hoá - Thông tin, trong 1.774 di tích, có tới 1.100, tức là 62% là các đình, chùa ở Hà Nội (551 đình, 549 chùa).

Câu hỏi 835: Những di chỉ tiêu biểu nào thuộc giai đoạn Phùng Nguyên (cách ngày nay 4.000-3.500 năm) được phát hiện ở Hà Nội?

Trả lời: Giai đoạn Phùng Nguyên, hay đầu thời đại đồng thau, cách ngày nay khoảng 4.000 năm đến 3.500 năm. Ở Hà Nội đã phát hiện một số di chỉ thuộc giai đoạn này như di chỉ Đồng Vông (Đồng Anh), gò Cây Táo (Triều Khúc, Văn Điển, Thanh Trì).

Câu hỏi 836: Ở Hà Nội đã phát hiện được những di chỉ nào thuộc về giai đoạn Đồng Đậu (cách ngày nay 3500 - 3.000 năm)?

Trả lời: Giai đoạn Đồng Đậu, hay giữa thời đại đồng thau, cách ngày nay từ khoảng 3.500 đến 3.000

năm. Tiêu biểu cho giai đoạn văn hoá khảo cổ này ở Hà Nội là những di chỉ Tiên Hội, Bãi Mèn, Đình Chàng (lớp dưới - Đông Anh).

Câu hỏi 837: Những di chỉ nào ở Hà Nội thuộc giai đoạn Gò Mun (đầu thiên niên kỷ I trước Công nguyên)?

Trả lời: Giai đoạn Gò Mun, hay cuối thời đại đồng thau, cách ngày nay khoảng từ 3.000 năm đến 2.500 năm. Ở Hà Nội, giai đoạn này gồm các di chỉ Đình Chàng (lớp trên - Đông Anh), Gò Chùa Thông (lớp dưới - Thanh Trì), Trung Mầu (lớp dưới - Gia Lâm).

Câu hỏi 838: Ở Hà Nội khu di chỉ nào đã hội tụ tất cả các tầng văn hoá thuộc bốn giai đoạn Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun, Đông Sơn?

Trả lời: Đó là địa điểm khảo cổ học Đình Chàng (Đình Tràng), xã Dục Tú, huyện Đông Anh. Di tích nằm ở phía bắc thành Cổ Loa, rộng khoảng 15.000m², đã được khai quật bốn lần. Đây là khu di chỉ cư trú có dấu tích của việc sửa chữa đồ đá và đúc đồng tại chỗ, vừa là khu mộ táng cổ. Lớp văn hoá sớm mang nhiều dấu tích văn hoá Phùng Nguyên, lớp văn hoá muộn nhất là mộ táng giai đoạn văn hoá Đông Sơn.

Câu hỏi 839: Những trống đồng Đông Sơn nào được phát hiện ở Hà Nội?

Trả lời: Trống Đông Sơn (còn gọi là trống loại I theo cách phân loại của Hêgơ) có niên đại khoảng nửa

dầu thiên niên kỷ I trước công nguyên đến vài thế kỷ sau công nguyên. Tại địa bàn Hà Nội đã sưu tầm được trống Đông Sơn. Có những trống được lưu giữ ở Hà Nội từ lâu, cũng có thể từ địa phương khác đưa về, lại có cả những trống đào được trong lòng đất Hà Nội. Có trống lớn và trống minh khí.

Trống Ngọc Hà (phát hiện năm 1924). Khi đào đất ở ven làng Ngọc Hà, cư dân địa phương đã tìm thấy một mảng trống đồng ở độ sâu 2m với những họa tiết trang trí điển hình của loại trống I Hêgơ. Không rõ trống này ngày nay ở đâu. Năm 1956, Viện Viễn Đông bác cổ mua một trống đồng Đông Sơn của ông Nguyễn Hữu Thanh ở số nhà 23, Hàng Bún. Có người cho rằng đây là trống Ngọc Hà, song không phải.

Trống Giao Tất (Viện Viễn Đông bác cổ mua năm 1918 tại chợ Giao Tất, Gia Lâm, Hà Nội). Trống hiện nay được lưu giữ ở Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Trống Hà Nội (không rõ xuất xứ). Trống hiện lưu giữ tại Phòng Bảo tàng, Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội. Sở Văn hoá - Thông tin mượn trống này của ông Nguyễn Đình Dương ở nhà 34, phố Lê Thái Tổ.

Trống Hàng Bún (không rõ lai lịch). Viện Viễn Đông bác cổ mua năm 1956 của ông Nguyễn Hữu Thanh ở số nhà 23, Hàng Bún. Trống hiện nay được lưu giữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Trống Cổ Loa (phát hiện năm 1982 trong một sưu tập hiện vật đồng phong phú tại địa điểm Gò Mả Tre,

Cổ Loa). Trống Cổ Loa được các nhà nghiên cứu xếp vào nhóm trống sớm, tương đương với trống Ngọc Lũ, Hoàng Hạ...

Ngoài ra, ở Hà Nội còn phát hiện 3 trống đồng minh khí.

Những trống đồng Đông Sơn và những di tích, di vật khảo cổ học thời đại đồng thau và sắt sớm cho thấy Hà Nội là một trung tâm dân cư và do đó là một trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá từ rất sớm.

Câu hỏi 840: Kho mũi tên đồng lớn nhất được tìm thấy ở đâu?

Trả lời: Đó là kho mũi tên đồng Cầu Vực, Cổ Loa được tìm thấy năm 1959, số lượng hàng vạn chiếc. Loại hình chủ đạo là có chuôi dài, ba cạnh. Chưa có địa điểm nào trên đất Việt Nam phát hiện được một số lượng đầu mũi tên đồng nhiều, phong phú về loại hình như ở địa điểm Cầu Vực, Cổ Loa. Hơn nữa, tại đây còn có truyền thuyết về nỏ thần “nhất phát sát vạn nhân” (một phát giết vạn người) của An Dương Vương trong cuộc chiến tranh giữ nước.

Câu hỏi 841: Bức tượng người cổ nhất Hà Nội tìm thấy ở đâu, là nam hay nữ?

Trả lời: Đây là bức tượng đá nhỏ tìm thấy tại Văn Điển - địa điểm khảo cổ học có niên đại Sơ kỳ đồng thau. Tượng người đàn ông đã bị gãy chân, dài 3,6cm, đỉnh đầu có dấu vết của vòng tròn nhỏ có lẽ dùng để xỏ dây đeo.

Câu hỏi 842: Chuông cổ nhất ở Hà Nội được tìm thấy ở đâu?

Trả lời: Đó là chuông tìm thấy ở đền thờ Đức Thánh Trần tại thôn Nhật Tảo, huyện Từ Liêm. Bài *Ngài Tảo cổ chung minh* cho biết chuông được đúc vào năm Càn Hoà thứ 6 (năm 948). Chuông cao 0.32m, nặng 6kg.

Câu hỏi 843: Làng Hà Nội gốc ở khu vực nào hiện nay?

Trả lời: Hà Nội vốn là một làng ven sông Tô, người đời sau gọi làng ấy là hương Long Đỗ, có người gọi là làng Tô Lịch theo tên sông. Làng dựng bên bờ sông Tô, có cầu tre bắc qua sông nối hai nửa làng, gọi là cầu Giác (ở vào khoảng phố Cửa Bắc ngày nay). Tre ngà mọc thành rừng. Bên ngoài cây cỏ um tùm, bên kia cầu có một trái núi nhỏ, đó là núi Nùng - trung tâm thiêng liêng của làng. Bên rừng tre ngà có xóm Rừng (Lâm Ấp động) có bến Xóm Rừng (Lâm Ấp tân). Phía tây có động Già La (nay là Quán La). Phía đông có động Nha Lâm (động Rừng Ngà, sau là các thôn của tổng Yên Thành). Phía nam là xóm Bãi (động Bình Sa). Cũng ở phía đông, cạnh cầu Tre Ngà, có xóm Trại (Tiên Ngư trại). Làng Hà Nội gốc đều dựng nhà sàn.

Câu hỏi 844: Ngôi chùa cổ nhất Hà Nội là ngôi chùa nào?

Trả lời: Đó là ngôi chùa Khai Quốc (mở nước) được xây vào đời Lý Nam Đế (541-547), bên bờ sông

Hồng. Đầu thế kỷ XVII, dân phường An Hoa (Yên Phụ) sợ đê lở, chùa đổ mới dời vào bán đảo Hồ Tây tại vị trí hiện nay.

Nơi này, từ đời Lý đã dựng cung Thuý Hoa, đến đời Trần là điện Hàm Nguyên dùng làm nơi hóng mát, xem đua thuyền, đánh cá. Thời Lê Thái Tông (1440 - 1442) gọi là chùa An Quốc. Đến đời Lê Hy Tông (1680 - 1705) chùa đổi tên gọi là Trấn Quốc. Năm 1842, vua Thiệu Trị tới thăm và đổi tên là chùa Trấn Bắc, nhưng nhân dân vẫn quen gọi là chùa Trấn Quốc.

Câu hỏi 845: Tượng Thánh Trấn Vũ, cao, nặng bao nhiêu và đúc vào thời điểm nào?

Trả lời: Tượng Thánh Trấn Vũ, cao 3,95m, nặng gần 4.000kg bằng đồng, sơn đen. Các tài liệu đều chép tượng cao 8 thước 2, nặng 6.600kg. Riêng *Bắc Thành địa dư chí lục* của Lê Chất chép 3.300 cân. Tượng mặt vuông, mắt nhìn thẳng, râu dài, tóc xoắn không đội mũ, mặc áo đạo sĩ đứng trên lưng rùa, tay chống thanh gươm, xung quanh có rắn quấn.

Tượng đúc năm Đinh Tỵ, niên hiệu Vĩnh Trị thứ 2 (1677) đời Lê Hy Tông, khi Tây Vương Trịnh Tạc sai đình thần là Nguyễn Đình Huân trông coi việc trùng tu quán Trấn Vũ (thường được gọi là đền Quán Thánh thờ Huyền Thiên Chân Vũ đại đế). Quán Trấn Vũ thuộc một trong bốn “Tứ trấn” của Hà Nội xưa.

Câu hỏi 846: Gọi là “chùa Hang” mà lại không phải là chùa. Di tích này nằm ở đâu trong nội thành Hà Nội?

Trả lời: Chùa Hang là tên gọi một di tích có từ đời Lý, ở làng Quán La (nay thuộc phường Xuân La, quận Tây Hồ). Đây là một quả núi đất nhưng ở dưới đó có một cái hang tự nhiên. Vua Lý Thần Tông cho xây gạch quả trám làm động tên là động Thông Thiên. Trên quả núi là đình làng Quán La.

Câu hỏi 847: Tám bia cổ nhất là của đình nào ở Hà Nội?

Trả lời: Đình Thanh Hà vốn là của làng Thanh Hà cổ (nay thuộc nhà số 10, Ngõ Gạch, quận Hoàn Kiếm) thờ Trần Lưu, có tám bia ghi năm Thuận Thiên thứ 3 (năm 1433), được coi là đình có bia cổ nhất Hà Nội.

Câu hỏi 848: Những bậc thêm đá chạm rồng có niên đại thời Lê sơ nằm trong diềm di tích nào ở Hà Nội?

Trả lời: Đó là hệ thống bậc cửa của điện Kính Thiên được hoàn thành vào năm 1467. Điện Kính Thiên do vua Lê Thái Tổ cho xây vào năm 1428, ngay sau chiến thắng quân Minh. Năm 1666, giáo sĩ Madini đến Kẻ Chợ (Hà Nội) còn thấy điện Kính Thiên “được xây dựng trên một rường cột to lớn và chắc chắn... Những rui kèo ở đây đẹp hơn tất cả mọi

kiến trúc khác. Các phòng thật rộng rãi, hành lang có mái che với những sân rộng". Cả khi kinh đô chuyển vào Huế, nhà Nguyễn vẫn duy trì điện Kính Thiên để tiếp đón sứ nhà Thanh và mỗi khi vua Bắc tuần thì nghỉ ngơi. Cho đến khi giặc Pháp phá thành Hà Nội thì cũng phá luôn điện Kính Thiên chỉ còn để lại hệ thống cửa.

Toàn bộ hệ thống cửa bậc rộng 13m70, sâu vào 4m45 và nâng cao 2m10 với 9 cấp bậc chia ra 3 lối đi ngăn cách bởi hai thành bậc chạm tượng rồng và bít hai đầu là hai thành bậc phía trên chạm mây cuộn xếp lại gọi hình rồng, còn mặt ngoài chạm trang trí. Chiều sâu và chiều cao của hệ thống bậc cửa cũng chính là chiều dài và chiều rộng của thành bậc cửa thuộc loại lớn. Tượng rồng bò từ trên xuống trong tư thế bệ vệ, trang nghiêm: đầu nhô cao, sừng chạc dài, bờm mượt lượn ra sau, mắt to, mũi sư tử, tai thú, mình phủ vẩy cao sắc... tất cả tuân theo khuôn phép nghiêm ngặt. Riêng hai thành bậc ngoài, nếu phía trên trạm rồng theo kiểu mây hoá với một thủ pháp cách điệu cao, là sáng tạo đầu tiên mở ra một xu hướng diễn tả mới, thì trên bề mặt phía ngoài lại chạm những mảng hoá bốn cánh khung bao lấy các cánh hoa sen và mây cuộn có tia là tiên thân của mây lửa lại khá thực. Kỹ thuật chạm vênh cao thấp khác nhau cùng dàn trải để tiếp nhận ánh sáng nên đông đặc mà dịu mềm.

Câu hỏi 849: Dấu tích hành cung Cổ Bi thời Lê - Trịnh còn lại những gì?

Trả lời: Hành cung Cổ Bi xây dựng trên địa phận ba xã (Trung Thành, Thạch Bàn, Trâu Quỳ) của huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Theo sử sách để lại, chúa Trịnh Cương đã cho làm hành cung Cổ Bi trong một tháng (tháng 11 năm 1727), ban đầu gọi là phủ Kim Thành. Năm 1729, đề Cự Linh bị vỡ, nước lụt làm hư hại cung điện. Tháng 10 năm 1730, chúa Trịnh Giang sai phá hành cung này lấy gỗ đi sửa chùa Quỳnh Lâm và chùa Sùng Nghiêm. Tháng 12 năm 1755, Trịnh Doanh cho xây lại hành cung Cổ Bi. Như vậy, đời chúa Trịnh đã kế tiếp nhau xây dựng hành cung này. Nhưng thời gian tồn tại cũng không kéo dài. Vào cuối thế kỷ XVIII, có lẽ hành cung Cổ Bi đã bị triệt phá hoàn toàn.

Câu hỏi 850: Dưới nền Tràng Tiễn - Plaza có hiện vật gì?

Trả lời: Trong khi xử lý mặt bằng xây dựng công trình Tràng Tiễn - Plaza, những phương tiện đào xúc hiện đại đã “tình cờ” làm xuất lộ những hiện vật khảo cổ học. Lý do này đã dẫn đến việc các nhà khảo cổ học vào cuộc, mà lẽ ra phải là quy trình ngược lại. Những thông tin và nhận định ban đầu cho thấy, sưu tập hiện vật gốm sứ ở đây có niên đại thế kỷ XVII - XVIII. Một số tấm bia còn lại được gắn với một kiến trúc tôn giáo: Nội dung những tấm bia cho biết về khu

chùa nổi tiếng, đó là chùa Báo Ân hay đền Quan Thượng mà người Pháp đã phá đi để xây dựng trung tâm Buu điện Bồ Hồ.

Câu hỏi 851: Chùa Nền ở đâu? Vì sao lại có tên như vậy?

Trả lời: Theo *Việt điện u linh*, thời Lý Thánh Tông (1054 - 1072) ở hương Yên Lãng (còn gọi là làng Láng) có người con gái Tăng Thị Loan lấy đạo sĩ Từ Vinh, sinh ra Từ Đạo Hạnh. Từ Đạo Hạnh là một nhà sư tu hành đắc đạo, nổi tiếng thời Lý. Tục truyền khi nhà sư Từ Đạo Hạnh đã đắc đạo liên hoá ở chùa Sài Sơn (tức chùa Thầy) đầu thai làm con trai Sùng Hiền hầu, em ruột vua Lý Nhân Tông. Lý Nhân Tông không có con liền nuôi đứa con trai của Sùng Hiền hầu làm con và lập làm Thái tử. Về sau, người con trai ấy lên làm vua tức là Lý Thần Tông, hiện thân của nhà sư họ Từ.

Trên nền nhà cũ của cha mẹ Từ Đạo Hạnh là Từ Vinh và Tăng Thị Loan, ở địa phận làng Yên Lãng, tức làng Láng dựng một ngôi chùa (vì thế gọi là “chùa Láng”).

Nhưng trong sự tích của một ngôi chùa gần đó (thuộc địa phận Láng Thượng) lại ghi rằng: nơi đây vốn là nền ngôi nhà cũ của nhà sư Từ Đạo Hạnh. Do vậy, dựng chùa lên lấy tên là “Chùa Nền”.

Câu hỏi 852: Hai cây cổ thụ ở dinh Bồ Đề có còn không?

Trả lời: Sách Đại Việt sử ký toàn thư viết: “Lúc bấy giờ vua (Lê Lợi) dựng lầu nhiều tầng ở dinh Bồ Đề bên bờ sông Lô (sông Hồng). Khi ấy có hai cây bồ đề ở trong dinh nên gọi là dinh Bồ Đề. Hàng ngày, vua ngự trên lầu, nhìn vào thành Đông Quan để Quan sát giặc”.

Từ cuối thế kỷ XVIII, khi dừng chân ở bến Bồ Đề, một người Thăng Long - nhà thơ, nhà sử học Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780) đã bằng khuông tự hỏi:

Bồ Đề nhị thụ kim an tại?

(Hai cây bồ đề cũ còn đâu?)

Hai cây bồ đề đó dấu không còn nữa, nhưng dinh Bồ Đề với người Thăng Long - Hà Nội vẫn còn mãi quen thuộc trong câu ca dao cổ:

"Nhong nhong ngựa ông đã về,

Cắt cỏ Bồ Đề cho ngựa ăn”.

Câu hỏi 853: Gò Đống Đa từng có một hay nhiều gò?

Trả lời: Gò Đống Đa, theo ký ức dân gian liên quan đến chiến trận đại phá quân Thanh của quân đội Quang Trung vào ngày 5 tháng Giêng âm lịch - năm Kỷ Dậu (1789).

Sau khi chiến thắng, theo tục lệ đương thời, người Thăng Long cho thu nhặt xác quân lính nhà Thanh bị

chết trận, xếp vào các hố rộng, lấp đất chôn và đắp cao lên thành gò, tổng cộng là 12 gò.

Năm 1851, công việc mở đường và mở chợ ở vùng Thịnh Quang - Nam Đông, do phải đào xẻ nhiều nơi, đã làm bật ra nhiều hài cốt của quân Thanh. Các hài cốt đó được thu nhặt, chôn vào một cái hố to và đắp cao lên thành gò cạnh núi Ốc (Loa Sơn). Dần dần, chiếc gò mới này được đắp rộng và cao thêm lên, dính liền với núi Ốc và cũng mang tên gò Đống Đa, tổng cộng là 13 gò.

Sau khi Hà Nội bị thực dân Pháp xâm chiếm, chúng bạt đi tất cả 12 chiếc gò, chỉ còn lại một chiếc gò ở núi Ốc (địa điểm gò Đống Đa hiện nay).

Lưu ý là, trước khi có những sự tích kể trên, cả vùng phía tây nam Thăng Long - từ Thịnh Quang, Nam Đông trở xuống đã có tên gọi là xứ Đống Đa - nơi có gò, đồng mọc nhiều cây đa. Thời Lê - Trịnh đã từng đặt Trường thi Bác Cử ở vùng này.

Câu hỏi 854: Văn chỉ huyện Thọ Xương ở đâu?

Trả lời: Văn chỉ Thọ Xương còn gọi là Văn Từ Thọ Xương, khi xưa thuộc làng Bạch Mai, tổng Kim Liên, huyện Thọ Xương, nay là ngõ Văn Chỉ, phố Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Văn chỉ Thọ Xương thờ cúng các vị tiền hiền (các văn nhân đỗ đạt có bằng cấp) trong huyện.

Văn chỉ Thọ Xương dựng vào năm 1832. Trong văn chỉ có bia đá ghi danh 54 vị khoa bảng của huyện Thọ Xương. Đây là những người đã đỗ đạt từ khoa thi năm Bính Tuất (1466) đến khoa thi năm Kỷ Mão (1879). Bia do Tiến sĩ Nguyễn Văn Lý (1795 - 1869) soạn thảo.

Câu hỏi 855: Tháp Hoà Phong hiện ở đâu, gần với ngôi chùa nào trước đây?

Trả lời: Tháp Hoà Phong hiện chỉ còn phần dưới bằng gạch, nằm ở bên bờ hồ Hoàn Kiếm, quãng gần đầu đường Đinh Lễ. Hoà Phong là chiếc tháp duy nhất còn lại trong những tháp, chuông, cổng của chùa Báo Ân. Chùa Báo Ân - tức chùa Liên Trì (vì có ao sen), tục gọi là chùa Quang Thượng do Tổng đốc hàm Thượng thư Nguyễn Đăng Giai đứng ra quyên tiền xây chùa vào năm 1842.

Câu hỏi 856: Dân gian từng xếp chợ nào vào loại “đông nhất, vui nhất” của Hà Nội?

Trả lời: Dân gian khi đã “buôn bán chợ gần chợ xa” đi tới thừa nhận “vui nhất là chợ Đồng Xuân” (Hà Nội).

Bên dòng Tô Lịch xưa thuộc địa phận phường Hà Khẩu, Thọ Xương từng có hai chợ nổi tiếng:

- Chợ Bạch Mã (gần đền Bạch Mã) cảnh họp chợ tấp nập ở đây (Bạch mã sấn thị) một thời đã được

người Thanh coi là một trong tám cảnh điển hình của Thăng Long (Thăng Long bát cảnh).

- Chợ Cầu Đông (thuộc khu vực ngã tư Ngõ Gạch - Hàng Đường) đã đi vào tục ngữ ca dao, vào *Bích Câu kỳ ngộ...*

Năm 1889, thực dân Pháp lấp sông Tô mở phố. Hội chợ trên chuyển tới một bãi đất ở gần đình Đồng Xuân. Lúc đầu chỉ rào tre, mái lá sơ sài, nhưng kẻ bán người mua vẫn tụ hội ngày một đông. Chính quyền thuộc địa cho xây dựng - mở rộng chợ với 5 cầu, mỗi cầu dài 54m cao 19m - bằng khung sắt, mái tôn kẽm. Năm 1890, chợ được khánh thành.

Trong cảnh *"Suốt ngày họp chợ ai ơi; thương vàng hạ cám bao người bán mua"*, bài ca dao đầu thế kỷ XX cũng kể ra đến trên 60 loại mặt hàng tạp hoá.

Cuối năm 1946, Đồng Xuân cùng với Hà Nội bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp thần thánh với những trận chiến đấu quả cảm.

Chợ Đồng Xuân hiện nay được xây dựng lại sau vụ cháy chợ năm 1994.

Câu hỏi 857: Những "chùa Bà" nổi tiếng ở Thăng Long - Hà Nội là những chùa nào?

Trả lời: Hà Nội không ít chùa Bà, trong đó 6 chùa có chữ Bà nổi tiếng như Bà Đá, Bà Đan, Bà Già, Bà Ngô, Bà Nành, Bà Tấm:

- *Bà Đá*: tên chữ là Ninh Quang Tự. Truyền thuyết giải thích về tên gọi Bà Đá như sau: vào đời Lê

Thánh Tông (1460-1497) ở làng Báo Thiên bên Hồ Gươm có người đào được pho tượng Phật Bà bằng đá, bèn dựng ngôi chùa nhỏ thờ. Về sau dân làng góp công, góp của xây thành chùa lớn gọi là chùa Bà Đá. Trong một vụ cháy chùa vào thời Pháp thuộc, pho tượng đã bị mất. Chùa Bà Đá ở số 3, phố Nhà Thờ hiện nay.

- *Bà Đanh*: tên chữ là Châu Lâm Tự ở phường Thụy Chương sát Hồ Tây (vị trí chùa ở trong khu vực trường Chu Văn An hiện nay). Thời Lê Thánh Tông, ở đây có trại của người Chăm phục dịch các công thự. Khoảng niên hiệu Hồng Đức (1470 - 1497) đặt "*Viện Châu Lâm*" để người Chăm lễ Phật, sau đổi làm chùa. Trong chùa có tượng Bà Đanh (có lẽ là tên gọi nữ thần của người Chăm; sách *An Nam thắng cảnh* lại ghi Bà Đanh là công chúa triều Lý). Do vị trí của chùa xa cách với khu dân cư nên ít người qua lại thăm viếng, lâu dần chùa bị dột nát hoang phế. Dân gian có câu "*Vắng như chùa Bà Đanh*" để nói lên ý đó. Bài *Phú tụng Tây Hồ* của Nguyễn Huy Lượng có câu "*Dấu Bó Cái rêu in nền phủ; cảnh Bà Đanh hoa khép cửa chùa*". Đến năm Thành Thái thứ 4 (1892) dân làng tiến hành sáp nhập chùa Châu Lâm với chùa cùng làng là chùa Phúc Lâm làm một, thành chùa Phúc Châu.

Cũng có thuyết cho rằng: vì sau đời Lê, người Chăm đã chuyển sang khu vực khác, thiền viện của họ không người viếng thăm, chăm sóc trở nên hoang vắng, vì thế mà có câu trên.

- *Chùa Bà Già*: ở làng Phú Gia (tên Nôm là làng Gạ), phường Phú Thượng, quận Tây Hồ ngày nay).

Tên chùa Bà Già có nhiều cách lý giải khác nhau. Có truyền thuyết kể chùa được xây dựng từ đời Đường, sau một thời gian bị hư hỏng, có hai chị em nhà buôn bán nọ giàu có, về già không có con cái đã cung tiến ruộng, tiền để tu sửa, từ đó chùa có tên là Bà Già.

Có giả thiết cho rằng, Bà Già là bắt nguồn từ âm PaLa (Ba La) với gốc từ là PiPaLa. Nghĩa là Lá Đế, là trí tuệ, giải thoát, giác ngộ. Sau này đọc chệch ra thành từ Bà Già.

Một thuyết được nhiều nhà nghiên cứu thừa nhận hơn: làng Gạ vốn là nơi định cư một bộ phận người Chăm được đưa từ phía Nam ra từ thời của Thái úy Trần Nhật Duật (1254 - 1330), ông từng tới đây đàm đạo với các sư người Chăm. Ngôi chùa theo tiếng Chăm là Đadali đã được đọc chệch âm thành Bà Già.

- *Chùa Bà Nành*: ở nhà số 154, Nguyễn Khuyến, tên chữ là Tiên Phúc Tự. Được giải thích theo kiểu từ nguyên dân gian bằng truyền thuyết vốn là nhà của một bà phúc hậu, thương người, bán chè, bán bánh đậu nành. Khi bà mất dân lập tượng thờ trên tấm đá làm bàn bán bánh đậu nành của bà.

- *Chùa Bà Tám* (hay Bà Tôm): ở Phú Thụy, Gia Lâm. Gắn liền với tên tuổi của Nguyên phi Ý Lan thời Lý mà từ lâu dân gian đã đồng nhất với bà Tám hay cô Tám.

- *Chùa Bà Ngô*: ở nhà số 128, phố Nguyễn Khuyến vốn là đất thôn Nam Hưng, huyện Thọ Xương. Chùa được xây dựng vào đời Lý, năm Kiến Gia thứ 8 (1218). Tương truyền trước chùa có mạch nước trong vắt như ngọc từ chân gò hình bầu rượu, ngày đêm rót ra thành một cái hồ... rượu quý, vì thế chùa có tên là Ngọc Hồ.

Còn dân gian gọi là “Chùa Bà Ngô”, vì thời Mạc (1527 - 1572) chùa bị hư hại, có người phụ nữ Hoa giàu có, phát tâm công đức bỏ tài sản ra sửa lại. Người Hoa - dân gian quen gọi là Ngô, từ đó mà thành tên.

Chùa nổi tiếng không chỉ với 35 pho tượng quý như tượng Tam thế, Di Đà, Tuyết Sơn... chuông đồng, hoành phi, và “hồ rượu trong”, mà còn gắn liền với truyền kỳ Lê Thánh Tông và Tú Uyên đều gặp tiên ở đây.

Câu hỏi 858: Huy hiệu thành phố Hà Nội thời thuộc Pháp như thế nào?

Trả lời: Trong các văn bản hành chính từ công văn giấy tờ cho các cấp đến văn bằng do Toà thị chính Hà Nội cấp đều có in một hình - được coi là huy hiệu thành phố thời Pháp. Huy hiệu đó gồm ba phần:

- Một vành như lụa uốn ở dưới, có dòng chữ la tinh “*Delacta fortitudene Profra*” - (những cái tôi yêu là do dũng cảm khám phá tạo ra).

- Phần giữa là mặt hồ nổi lên thanh gương có đôi rồng mây xanh, vuốt đỏ ôm hai bên.

- Trên là mặt trời màu đen mọc lên từ bức tường thành uốn tròn tạo thành vương miện.

Như có Hồ Gươm, kiếm thần và cả thành Hà Nội nữa trong huy hiệu này.

Câu hỏi 859: “Bắc qua” hai thế kỷ là cầu nào ở Hà Nội?

Trả lời: Đó là cầu Long Biên - “vừa dài vừa rộng” trên sông Hồng, khởi công từ cuối thế kỷ XIX (1898) hoàn thành vào đầu thế kỷ XX (1902).

Câu hỏi 860: Tàu điện vẫn “đi, về cứ leng keng” ở đâu trong lòng Hà Nội?

Trả lời: Từ ngày có tuyến đầu tiên Bờ Hồ - Quán Thánh (1900) tàu điện với tiếng leng keng đi, về đã trở thành hình ảnh, âm thanh gắn bó quen thuộc với Hà Nội hơn 80 năm.

Dấu đã được thay thế bằng nhiều phương tiện khác từ nửa cuối những năm 80, tiếng “leng keng” của một thuở đi, về “người xuống và người lên người nào trông cũng đẹp” vẫn gõ nhịp trong lòng người Hà Nội, vang lên trong thơ, cất lên trong *Nhớ Hà Nội*.

Câu hỏi 861: Từng có nhà bia ghi công một người nước ngoài có công lớn trong việc hệ thống hoá chữ quốc ngữ. Người đó là ai? Nhà bia đó trước đây ở đâu?

Trả lời: Người đó là Alexandre de Rhodes (1591 - 1660) - Linh mục đạo Cơ đốc, nhà truyền giáo, học

giả, người vùng Avignon (lúc đó vẫn là đất của Giáo hoàng nên ông được coi là người Tây Ban Nha, nay Avignon thuộc miền Nam nước Pháp).

Sau khi tốt nghiệp Trường tu sĩ Dòng Tên (Jesuites), ông đã đi truyền giáo ở nhiều nơi trên thế giới. Từ năm 1642 đến năm 1644 đã truyền giáo ở Việt Nam, nhiều lần đến Thăng Long.

Dầu không phải là người đầu tiên sáng tạo chữ quốc ngữ, nhưng cuốn từ điển *Dictionari Annamiticum, Lucitanum er Latinum* (Từ điển An Nam - Bồ Đào Nha - La tinh) và *Phép giảng tám ngày* của ông in năm 1651 ở Roma (Italia) là công trình ngôn ngữ học sớm nhất về tiếng Việt, những cuốn đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ, đánh dấu sự ra đời của chữ quốc ngữ.

Nhà bia A. de Rhodes trước đây được dựng ở cạnh đền Bà Kiệu gần hồ Hoàn Kiếm. Ngày nay có dự kiến đề nghị sẽ dựng lại trong khuôn viên Thư viện Quốc gia.

***Câu hỏi 862: Ba trăm năm lẻ về sau nữa,
Thiên hạ ai người khóc Tố Như?***

***Người Hà Nội dựng bia kỷ niệm Nguyễn Du ở
nơi nào?***

Trả lời: Trên mảnh đất phía trước tượng vua Lê, vào rằm tháng 2 năm Kỷ Tỵ (1929), Hội Khai trí Tiến Đức đã long trọng hoàn thành tấm bia kỷ niệm “thay một hương chung của quốc dân” nhớ thi hào. Văn bia

do Phó bảng Bùi Kỳ (1887-1960) soạn. Bia được dựng trong khuôn viên của Hội Khai Trí Tiến Đức - trước tượng vua Lê Thái Tổ (nay được dời sang bên cạnh).

Câu hỏi 863: *Thời thuộc Pháp, Hà Nội có ít nhất hai cơ sở mang tên khai sinh “Bảo hộ”, nhưng dân gian cứ gọi theo nền móng nơi đã mọc lên, đó là cơ sở nào?*

Trả lời: Ngày 25-3-1904, sắc lệnh thành lập “Hopital Indigène du Protectorat” - (Bệnh viện Bảo hộ) được ban hành. Hai năm sau, bệnh viện này đi vào hoạt động. Nhân dân Hà Nội gọi đó là *Nhà thương Phủ Doãn*, vì xây trên nền cũ dinh quan Phủ Doãn - chức quan đứng đầu bộ máy quản lý Thăng Long trước thời Nguyễn.

Năm 1907, Trường Lycée du Protectorat - Trường trung học bảo hộ ra đời. Nhưng cũng như bệnh viện trên, chữ Protectorat chỉ còn trên các giấy tờ, văn bản dấu má hành chính. Con người Hà Nội gọi đó là *Trường Bưởi* - nơi trường được mọc lên.

Câu hỏi 864: *Cột cờ Hà Nội xây vào thời nào, cấu trúc ra sao?*

Trả lời: Được xây cùng với thành Hà Nội dưới triều Nguyễn, vào đầu thế kỷ XIX (1812), cột cờ là kiến trúc gồm:

- Phần đế: có 3 tầng hình chóp vuông cột có 3 tầng:
- + Tầng 1: mỗi chiều 42,5m, cao 3,1m.

+ Tầng 2: mỗi chiều 27m, cao 3,7m, có 4 cửa. Trừ cửa Bắc, 3 cửa còn lại đều có đắp 2 chữ tùy theo từng hướng: cửa Đông - Nghênh Húc (đón ánh ban mai), cửa Nam - Hướng Minh (hướng về ánh sáng), cửa Tây - Hà Quang (ánh sáng chiếu về).

+ Tầng 3: mỗi chiều 12,8m, cao 5,1m.

Từ tầng 1 đến tầng 3 đều có bậc thang dẫn lên.

- *Phần cột*: hình trụ 8 cạnh, mỗi cạnh 2,13m - thân dài cao 18,2m. Trụ cầu thang xoáy tròn ốc gồm 54 bậc, được rọi sáng bằng 45 ô cửa giả hình hoa thị (39 ô) hay cánh quạt (6 ô) theo các cạnh.

Phần trên của trụ 8 cạnh cao 3,3m có 8 cửa. Một trụ tròn đường kính 0,4m, cao 3,3m nhô lên giữa để cắm cán cờ.

Toàn phần xây từ đế đến trụ này cao 33,4m.

Câu hỏi 865: Ngôi đền có vị trí cao nhất ở Thăng Long là đền nào?

Trả lời: Đó là ngôi đền ở trên đỉnh Núi Nùng. Quan niệm về ngôi đền ấy có ở trong nền văn hoá cổ xưa của các nước châu Á. Khi nước đã dựng, có vua thì trái núi ấy là nơi giao tiếp giữa trời và nhà vua. Đây cũng là ngôi đền xưa nhất của Thăng Long. Đền Núi Nùng thờ thần Long Đỗ, là “Quốc Đô Định Bang Thành Hoàng Đại Vương”. Sau này, đền được rời ra ngoài Cửa Đông.

Câu hỏi 866: Núi Nùng hiện nay ở đâu?

Trả lời: Trong thế giới tâm linh của mỗi người Việt, mỗi vùng quê bao giờ cũng có những biểu tượng tự nhiên sông - núi, chia hai mà hoà một. Non sông thật riêng tư của Hà Nội cổ là núi Nùng và sông Tô Lịch, mà nhìn rộng hơn là núi Tản, sông Nhị.

Núi Nùng, “Nùng sơn chính khí”, là khí chất thiêng liêng của Hà Nội cổ, là kết tinh của thần thoại lịch sử và văn hoá.

Hà Nội cổ có nhiều núi, nhưng núi Nùng vẫn là núi trung tâm. Núi Nùng ở xế Cửa Bắc ngày nay, kế bên dòng Tô Lịch cũ (nay là phố Phan Đình Phùng), vốn chỉ là một gò cao trên doi đất bồi nổi ven sông, núi Nùng được đồng nhất với rồng, thành ra Long Đỗ - Rốn Rồng. Đền núi Nùng trở thành đền thờ thần Long Đỗ, mang cả dáng dấp thần núi lẫn thần sông.

Câu hỏi 867: Một trong “Tứ đại khí” của Đại Việt thời Lý - Trần là tháp Báo Thiên. Ngọn tháp đó ở đâu, hiện nay ra sao?

Trả lời: Tháp có tên là Đại Thắng Tư Thiên Bảo Tháp. Chùa là Sùng Khánh Báo Thiên tự. Do đó, về sau quen gọi là tháp Báo Thiên. Tháp xây trên một cái gò cạnh hồ Lục Thủy (Hồ Gươm) vào thời Lý Thánh Tông năm Đinh Dậu, niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ 4 (1057). Theo *Việt sử lược*, Báo Tháp cao 30 tầng (có sách chép tháp cao 12 tầng), vài chục trượng. Nền tháp xây đá và gạch, các tầng trên cùng bằng đồng.

Cửa tháp tầng thứ 3 có khắc chữ *Thiên tử vạn thọ*. Đỉnh tháp có hàng chữ *Đạo Ly Thiên*. Tương truyền, Thiên sư Không Lộ vẽ kiêu và trông coi việc đúc chóp đồng của tháp. Tháp bị quân Minh phá. Chỗ tháp bị phá sau đó được đổ đất thành gò cao để dựng đàn tràng. Tại gò này, người ta tìm thấy gạch và các điều khắc gốm sứ đời Lý.

Câu hỏi 868: Giữa Thăng Long - Hà Nội, có một danh thắng mà những ai từng chiêm ngưỡng dễ liên tưởng “Hỏi ai gây dựng nên non nước này?” Đó là phong cảnh nào?

Trả lời: Cảnh khơi dậy xúc cảm của con người đó là chuyện thường. Trong trường hợp này, câu ca dao đã chỉ rõ rằng:

Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ

Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn.

Là dấu tích khúc sông Hồng bị chặn bởi những bãi cát ở phía bắc, phía đông, Hồ Gươm từng dài rộng hơn nhiều ở những thế kỷ trước. Những tài liệu của thế kỷ XVIII như *Tang thương ngẫu lục*, *Thượng Kinh ký sự* cho thấy nước hồ còn thông với sông Nhị, còn có bến đò từ mãi đầu phố Hàng Chuối.

Hồ từng có tên *Lục Thủy* (thời Lý - Trần) *Thủy Quân* nơi luyện tập quân thủy (thời đầu Lê), rồi *Tả Vọng* - nước hồ phía bên trái, *Hữu Vọng* - nước hồ bên phải khi hồ bị đắp chia làm hai nửa vào thế kỷ XVIII.

Đến thế kỷ XV, khi sự nghiệp bình Ngô gian lao với những vũ công oanh liệt, khát vọng hoà bình ngàn năm cháy bỏng của dân Đại Việt đã hoá thân thành tên hồ “Trà gươm - Hoàn Kiếm để bốn biển thanh bình, ban chiếu duy tân khắp nước”.

Hồ Gươm có rùa thiêng gắn với vui buồn của các thế hệ Thăng Long - Hà Nội, có các công trình lịch sử - văn hoá như vành nguyệt quế lấp lánh quanh hồ.

Cầu Thê Húc uốn cong đậu ánh sáng ban mai, màu đỏ muôn thuở để hồng gót sen, nhẹ lòng du khách vào đền thấp hương Quan Đế, Đức Thánh Trần...

Đài Nghiên, Tháp Bút - “*Tả thanh thiên*” linh mạch của trí tuệ, văn hoá, văn chương Đại Việt - Thăng Long vút lên trời xanh - trang đời, trang trời mở rộng.

Hồ Gươm có tượng đài Lê Thái Tổ - người anh hùng cứu nước, có bia kỷ niệm đại thi hào Nguyễn Du.

Lăng hoa đẹp trong lòng Hà Nội - Hồ Gươm chính là nơi lắng đọng những thăng trầm của Thăng Long - Hà Nội, nơi vừa biểu hiện sinh động, vừa linh hoá những giá trị lịch sử - văn hoá Việt Nam.

Câu hỏi 869: Tháp Bút được xây dựng khi nào? Dòng chữ gì được gắn liền với Tháp Bút?

Trả lời: Năm Tự Đức thứ 18 (1865), Phương Đình Nguyễn Văn Siêu đứng ra tu sửa đền Ngọc Sơn, bắc cầu Thê Húc nối từ bờ ra đảo. Ngoài cổng đền có

Tháp Bút, Đài Nghiên xây bằng đá. Tháp cao 5 tầng, tượng hình ngọn bút chỉ thẳng lên trời. Trên tháp đề ba chữ lớn *Tả thanh thiên* (Viết lên trời xanh).

Câu hỏi 870: Có phải Tháp Rùa được xây dựng để tưởng nhớ Rùa Vàng cho Lê Lợi mượn Gươm?

Trả lời: Không phải! Ngọn tháp đó lúc đầu xây không có ý nghĩa gì gắn với Rùa Vàng cả. Nguyên đó là gò Rùa ở giữa hồ Hoàn Kiếm (hồ Thủy Quân). Gò có từ rất lâu, Chúa Trịnh đã từng dựng đình Tả Vọng để hóng mát.

Còn ngọn tháp mới xuất hiện từ năm 1884, do Bá hộ Kim (hay Thượng Kim) nhà ở phố Hàng Khay cho tu bổ móng của đình Tả Vọng và xây thêm các tầng tháp cho cao. Thế nhưng, gò Rùa vẫn cứ gắn với rùa thiêng của Hồ Hoàn Kiếm. Vì đó là nơi rùa bò lên phơi nắng.

Câu hỏi 871: Có một quả chuông chùa không kêu nhưng lại nổi tiếng ở Thăng Long - Đại Việt. Đó là chuông nào?

Trả lời: Đó là quả chuông Quy Điền của chùa Diên Hựu (chùa Một Cột) - một trong *Tứ đại khí* thời Lý - Trần.

Mùa xuân tháng 2 năm 1080 - tức là hơn 30 năm sau khi xây chùa Diên Hựu (1049), đúc chuông cho chùa. Chuông to đến mức phải dựng một toà phượng đình cao 8 trượng (20-25m) bằng đá xanh để treo chuông.

Nhưng chuông to đánh mà chẳng kêu, đành phải mang để ra ruộng chùa. Ruộng thấp, lầy, có nhiều rùa chui vào ở, cho nên chuông có tên *Quy Điền*.

Lưu ý là vua Lý Thánh Tông cho 12.000 cân ta (1 cân ta bằng khoảng 600g) đồng để đúc chuông Sùng Khánh Báo Thiên, tức là chuông nặng gần 7 tấn. Hẳn chuông Quy Điền phải lớn đến mức nào để được xếp hạng *Tứ đại khí*.

Quả chuông Quy Điền kỳ vĩ này, cùng với tháp Báo Thiên đã bị giặc Minh phá hủy năm 1462.

Câu hỏi 872: Thắng cảnh nào của Hà Nội được Cao Bá Quát ví như Tây Thi - người đẹp nổi tiếng của Trung Hoa?

Trả lời: Trong bài thơ *Du Tây Hồ* (Đi chơi Hồ Tây), Cao Bá Quát (1809-1854) đã thốt lên: “Tây Hồ chân cá thị Tây Thi” (Hồ Tây đích thực là nàng Tây Thi).

Cao Bá Quát - nhà thơ người Hà Nội có nhà bên hồ, từng có đến 8 bài thơ về dạo chơi Tây Hồ.

Câu hỏi 873: Ngôi chùa nào được ví như “Bông sen vàng” của Hồ Tây?

Trả lời: Bên Hồ Tây có không ít chùa, mà chùa nào cũng quý, cũng đẹp. Nhưng bông sen vàng không phải là để xếp loại, mà còn bắt nguồn từ tên gọi và chính giá trị lịch sử - văn hoá: Chùa Kim Liên.

Được xây trên đất trại tầm nơi công chúa Từ Hoa thời Lý đưa các cung nữ ra mở mang trồng dâu nuôi tầm mà có tên Tầm Tàng rồi Nghi Tầm.

Đời Trần chùa được dựng lại trên nền cũ của cung mang tên công chúa và đổi tên thành Đông Long. Đến thế kỷ XVI đổi tên là Đại Bi. Vào thời Trịnh Sâm (1760 - 1782) khi chùa được trùng tu và đổi tên thành Kim Liên.

Câu hỏi 874: Những tên gọi khác nhau của thành Cổ Loa là gì?

Trả lời: Ai về qua huyện Đông Anh,

Ghé xem phong cảnh Loa thành Thục Vương.

Cổ Loa hình ốc khác thường,

Trải bao năm tháng dấu thành còn đây!

Bên dòng Hoàng Giang, soi bóng toà thành cổ vào bậc nhất Việt Nam. Thành khởi dựng cách đây hơn hai nghìn năm, là Thủ đô của nước Âu Lạc. Thành được tái xây dựng và tái sử dụng qua nhiều thời kỳ khác nhau. Ngoài những tên gọi phổ biến và lưu truyền là Loa Thành, Ốc Thành, theo sử sách, thành còn có rất nhiều tên: Thành Côn Lôn (*Toàn thư* và *An Nam chí nguyên*), thành Tư Long, thành Việt Vương (*Tùy thư*), thành Khả Lũ (*An Nam chí lược*), Cổ Loa thành (*An Nam chí nguyên*, *Việt kiều thư*, *Lĩnh Nam chí quái*)...

Câu hỏi 875: Văn Miếu - Quốc Tử Giám thường được nhắc liên với nhau, nhưng khác nhau như thế nào?

Trả lời: Văn Miếu - Quốc Tử Giám thường được nhắc liên với nhau vì:

- Cùng trong một khu vực (dài 350m, rộng trên 60m) được bao bọc bởi phố Nguyễn Thái Học ở phía bắc, phố Quốc Tử Giám ở phía nam, phố Văn Miếu ở phía đông, phố Tôn Đức Thắng ở phía tây.

- Cùng đề cao Nho giáo, học tập, thi cử, nhà trường, nơi tưởng niệm của Nho giáo, Nho học.

Tuy nhiên cần phân biệt:

- Mùa thu tháng 8 năm 1070, Văn Miếu được xây dựng: đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ Phối (Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư và Mạnh Tử), vẽ hình thất thập nhị hiền (72 học trò của Khổng Tử) để thờ.

- Sáu năm sau đó (1076), nhà Lý cho lập Quốc Tử Giám (ở phía sau Văn Miếu) và chọn quan viên văn chức, người nào biết chữ thì cho vào học.

Câu hỏi 876: “Khuê Văn Các” nghĩa là gì? Ở đâu?

Trả lời: Khuê Văn Các - Gác Khuê Văn là một gác nhỏ 8 mái, có cửa tròn bốn phía, nằm ở khu vực thứ hai trong số năm khu vực Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Đây là phần ngời sáng của khu vực Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Đó là tượng trưng cho sao Khuê, vì sao chủ về văn học.

Câu đối ở trên gác này cũng đã giải thích cho ý nghĩa của Khuê Văn Các:

*Khuê tinh thiên lãng nhân văn viễn,
Bích thủy xuân thâm đạo mạch trường.*

Nghĩa là:

*Sao Khuê trời sáng văn ngời mở,
Nước biển, xuân đầy, mạch đạo dài.*

Câu hỏi 877: Trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Hà Nội có một hệ thống giao thông hầm - “địa đạo” độc đáo. Hệ thống này ở đâu và còn không?

Trả lời: Xã Nam Hồng, huyện Đông Anh trong kháng chiến chống Pháp là vùng chiến sự ác liệt, đây là vùng giáp ranh quyết liệt giữa ta và địch. Trải qua 8 năm kháng chiến, người dân nơi đây đã đạt được nhiều chiến công oai hùng, đồng thời cũng chịu nhiều thiệt hại về người và của. Khu di tích Nam Hồng nổi lên đặc biệt với hệ thống hào nổi, hào ngầm, hầm bí mật, ụ chiến đấu dài gần 10km.

Trải qua thời gian dài, phần lớn hệ thống này đã bị hỏng chỉ còn giữ được một đoạn và đã được tôn tạo.

Câu hỏi 878: Có một chiếc cổng mà người Hà Nội quen gọi bằng cái tên “toán học”. Cổng đó ở đâu, gắn liền với công trình nào?

Trả lời: Đã từng có bao nhiêu tên gọi cổng: theo hình dáng, màu sắc, theo sự tích, theo phương hướng... Nhưng chỉ có một chiếc cổng - vốn cũng từ hình dáng, nhưng lại gọi theo ngôn ngữ toán học - ấy là cổng Parabol.

Chiếc cổng ấy bảy giờ khiêm nhường dưới những tán lá xà cừ xanh cả bốn mùa, và cái hình dáng gợi lên bài toán đạo hàm hai lần có giá trị âm lại gắn liền hài hoà và dẫn vào một công trình được xây dựng từ năm 1961 đến năm 1965, gây được ấn tượng nhất trong những năm qua của kiến trúc trường học - Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Câu hỏi 879: Đài kỷ niệm các anh hùng liệt sĩ được xây dựng ở vị trí nào của Hà Nội?

Trả lời: Đài kỷ niệm các anh hùng liệt sĩ - những người con ưu tú đã hy sinh vì tương lai tươi sáng của Tổ quốc - được xây dựng ở vị trí trang trọng của Thủ đô Hà Nội, trên đường Bắc Sơn, phía trước Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Quảng trường Ba Đình lịch sử.

Câu hỏi 880: Hình mẫu nào được chọn làm biểu tượng chính thức của Thăng Long - Hà Nội?

Trả lời: Cuộc vận động sáng tác biểu tượng Thăng Long - Hà Nội trong những năm 1997 - 1999 đã hấp dẫn, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước, đồng bào Việt Nam ở nước ngoài tham gia.

Từ kết quả cuộc vận động ấy, hình mẫu cách điệu của gác Khuê Văn - Quốc Tử Giám đã được chọn.

Với các thế hệ Việt Nam, sao Khuê không chỉ thuần túy là chủ thể văn chương lấp lánh tự trên trời.

Sao Khuê là vàng vạc tâm hồn, trí tuệ, phẩm cách của người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi.

Sao Khúc là ánh sáng toả ngời từ Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long lắng hồn núi sông, nơi hội tụ, trau dồi, thẩm định và chấp cánh những hiền tài - nguyên khí quốc gia.

Câu hỏi 881: Vào thăm “Cõi Bác xưa” - khu di tích chủ tịch Hồ Chí Minh ở Thủ đô gặp những di tích nào?

Trả lời: Các thế hệ người Việt Nam, bè bạn năm châu, những ai “muốn biết thế nào là một con người thực sự, vẻ đẹp của thế giới ở đâu? Chân lý chiến thắng ở đâu trên trái đất? Ở đâu có mùa xuân? Xin hãy đến thăm cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh” - như lời một người bạn Nga từng hân hạnh “*Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh*”.

Mười lăm năm (từ ngày 19-12-1954 cho đến phút đi vào cõi trường sinh) của cuộc đời vô cùng giản dị, trong sáng, sôi nổi và phong phú của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghi dấu ở:

- Ngôi nhà 54 (vốn là ngôi nhà người thợ điện phục vụ Phủ toàn quyền cũ). Người đã ở đây từ ngày 19-12-1954 đến tháng 5-1958.

- Ngôi nhà sàn “lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn”, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc từ tháng 5-1958 đến ngày 17-8-1969.

- Ngôi nhà Chủ tịch Hồ Chí Minh họp với Bộ Chính trị, từ năm 1967 cũng là nơi Người nằm chữa bệnh từ ngày 18-8-1969 đến 9 giờ 47 phút ngày 2-9-1969.

- Căn phòng tiếp cán bộ đến báo cáo với Chủ tịch.
- Căn phòng họp Bộ Chính trị - nơi ra đời quyết định Tổng tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
- Căn phòng tạm nghỉ ngơi mỗi khi họp của Bộ Chính trị, nơi các giáo sư, bác sĩ chăm sóc sức khỏe cho Chủ tịch Hồ Chí Minh những ngày cuối cùng.
- Khu vườn cây, ao cá, giàn hoa, đường Xoài, “đường mòn Hồ Chí Minh” - nơi Người thường xuyên rèn luyện sức khỏe hy vọng vào với đồng bào miền Nam trước ngày ta thắng lợi hoàn toàn.

**Câu hỏi 882: “*Chú cá rô ơi chớ có buồn,
Chiều chiều Bác vẫn gọi rô luôn...*”**

Câu thơ trên của Tố Hữu nhắc đến sự tích gì?

Trả lời: Đó là cảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời, sau giờ làm việc, Người thường dành thời gian cho cá ăn ở cầu ao trước nhà sàn. Thời gian qua thành lệ, đúng giờ, khi nghe tiếng Người vỗ tay là đàn cá quen thuộc lại đua nhau bơi vào, có chú trườn cả lên bậc cầu ao, vào bàn tay Người.

Chiếc ao này trước tháng 10-1954 là chỗ hươu nai trong vườn sau Phủ Toàn quyền vẫn xuống uống nước. Sau ngày về Thủ đô, Bác gợi ý anh em bảo vệ vớt bùn, đắp bờ, sửa sang để thả cá. Từ ấy, bờ được xây quanh. Trại cá giống Đình Bảng mang sang những giống cá tốt thả vào ao. Những cây dừa, bụt mọc, liễu toả bóng xuống mặt hồ rộng 3.320m², sâu 3,2m với 16 loài, 6

nhóm cá tung tăng bơi lội. Nhiều loài mà điển hình là chép và trắm đen được Bác nuôi chăm từ ngày ấy tới nay vẫn còn.

Hàng năm, cứ vào dịp sinh nhật 19-5, Bác thường cho bắt cá để biếu các đồng chí, một số cụ già, em nhỏ và anh chị em trong cơ quan.

Năm 1959, Bác đã gửi tặng Hợp tác xã Tiên Phong (nay là Yên Sở, huyện Thanh Trì) 94 con cá rô phi. Đó là đơn vị đầu tiên được Bác gửi tặng cá giống.

Câu hỏi 883: Những kỷ vật nào trong ngôi nhà sàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “luôn luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn”?

Trả lời: “Nhà sàn của Bác chỉ vền vện vài ba phòng. Và trong lúc tâm hồn của Bác lộng gió thời đại thì nhà sàn nho nhỏ đó cũng luôn luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn”. Đó là hình ảnh mà Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết về ngôi nhà sàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sau 4 năm ở ngôi nhà của người thợ điện Phủ toàn quyền cũ, Bác đã chuyển về ngôi nhà sàn này từ ngày 17-5-1958.

Ngôi nhà sàn hai tầng mái ngói dựng trên một góc khuôn viên Phủ Chủ tịch. Tầng dưới là nơi Bác thường họp với Bộ Chính trị, có một dãy bàn ghế, 3 máy điện thoại, một chiếc mũ sắt. Cầu thang dẫn lên gác có chiếc chuông đồng nhỏ báo khi có khách đến thăm. Hai phòng nhỏ trên tầng hai: phòng làm việc và

phòng ngủ với chiếc giường gỗ mộc, một bàn gỗ nhỏ, một chiếc tủ con, chiếc radio, hai chiếc quạt giấy, một chiếc quạt lá cọ, một chiếc quạt điện (mùa hè) (mùa đông thay bằng chiếc lò sưởi Liên Xô), một chai nước nguội, một chiếc phích.

Đó là những gì tối cần thiết chứ không phải là bất cứ cái gì cần thiết. Không có gì hơn nữa, tất cả chỉ có thế. Đến với ngôi nhà sàn nhỏ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hàng chục triệu người Việt Nam và quốc tế đã nhận được từ đây bài học lớn về sự quan tâm, cống hiến hết mình của Bác cho nhân dân, đất nước, tấm gương cụ thể về liêm chính của người lãnh đạo, người cộng sản, tìm thấy ở đây huyền thoại ngay cả giữa đời thường.

Câu hỏi 884:

***“Đường Xoài hoa trắng nắng đu đưa...
Có bưởi cam thơm, mát bóng dừa”.***

Là cảnh quan nào trên mảnh đất Thủ đô?

Trả lời: Đó là cảnh quan trong vườn cây khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà nhân dân quen gọi là “vườn cây Bác Hồ”.

Vườn có 1.245 cây của 161 loài thuộc 54 họ thực vật. Trong đó 35 loài cây ăn quả, 59 loài cây bóng mát, 67 loài cây cảnh. Nhiều cây đã trên 100 năm, đường kính trên 1m như Bụt Mộc, Xoài, Xà cừ..

Vườn không chỉ quý và hội tụ các loài cây từ nhiều miền trong, ngoài nước mà chính là ở chỗ trong

rợp mát và hương hoa cây trái mãi mãi xanh tươi những kỷ niệm về Người, vẫn gửi gắm qua đây những ân tình của Bác về trồng cây, trồng người với hôm nay và mai sau, đó là:

Cây vú sữa của đồng bào miền Nam gửi biểu năm 1955, Người đã tự tay trồng và chăm sóc cây. Trước, sau giờ làm việc hàng ngày, Bác thường chăm tưới cho cây. Mùa đông, Bác lấy rơm quấn quanh thân cây cho đỡ giá lạnh. Năm 1958, Bác đã đề nghị đưa cây vú sữa sang trồng ở cạnh nhà sàn - khi Bác sang đây ở để hàng ngày như có “miền Nam trong trái tim tôi”.

Đó là hai cây dừa giống miền Nam, Người từng chăm bón cho cả hai cây lớn đều, mỗi cây một trái hoà chung nước ngọt; cùi thơm dâng Người mang theo nỗi nhớ “miền Nam nỗi nhớ nhà” - trước khi đi vào cõi trường sinh...

Đó là hàng Bụt Mộc, rồi “Cây đa kiên trì” theo bàn tay dẫn dắt của Bác, với tháng năm đã vươn dài chầm rãi phủ xuống đất lành.

Từ vườn cây Bác..., từ muôn vàn tình thân yêu của Người đã toả bóng mát mệnh mông trên mọi miền Tổ quốc Việt Nam.

Câu hỏi 885: Đã bao nhiêu lượt người vào thăm khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh?

Trả lời: Từ ngày mở cửa (1970) đến năm 1999 đã có hơn 22 triệu người vào thăm khu di tích, trong đó có đại biểu của hơn 150 nước, hàng trăm tổ chức quốc tế. Hầu như không có một đoàn đại biểu quốc gia nào

khi đến Việt Nam, đến Hà Nội mà không vào thăm khu lưu niệm của Người ở Phủ Chủ tịch.

Mười năm gần đây, khu di tích đón khách đến thăm hầu hết các ngày trong năm, trung bình 3.000 - 4.000 người/ngày.

Câu hỏi 886: Ở nơi nào của Thủ đô có những cây chò tổ Hùng Vương?

Trả lời: Trên đường Hùng Vương, bên Quảng trường Ba Đình, có những cây chò Phú Thọ - vùng đất tổ Hùng Vương, được trồng từ những ngày xây lăng Bác.

Nghे như vang vọng từ mảnh đất thiêng liêng lời dặn dò của Bác: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Câu hỏi 887: Hàng tre đầu “Bão táp mưa sa vẫn thẳng hàng” - như lời bài ca thân thuộc - ở nơi nào của Thủ đô?

Trả lời: Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác,
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát,
Ơi hàng tre...
Bão táp mưa sa vẫn thẳng hàng.

Câu hát ấy thay phần trả lời. Chỉ viết thêm: Cây tre Việt Nam được coi là thể hiện của tâm hồn, phẩm cách Việt Nam cứng cáp, dẻo dai, vững chắc, thanh cao, ngay thẳng... Không chỉ tô điểm cho cảnh quan Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, quảng trường Ba Đình lịch sử - còn trở thành tượng trưng sinh động về lãnh tụ với nhân dân, về con người Việt Nam.

X. GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

Câu hỏi 888: *Cơ sở coi là trung tâm giáo dục đào tạo trí thức đầu tiên của nước Đại Việt được xây dựng vào năm nào, tên là gì?*

Trả lời: Năm 1070, nhà Lý lập Văn Miếu để làm nơi thờ Khổng Tử - người sáng lập ra đạo Nho.

Năm 1076, xây nhà Quốc Tử Giám ở kề bên Văn Miếu để cho Hoàng Thái tử đến đó học. Triều đình cũng tuyển chọn những văn quan có học cho vào học ở Quốc Tử Giám.

Từ lớp học của hoàng gia đến trường Quốc Tử Giám, đó là cơ sở của trung tâm giáo dục, đào tạo trí thức đầu tiên, đặt nền tảng cho sự ra đời và phát triển nền giáo dục đại học truyền thống của Đại Việt.

Câu hỏi 889: *Kỳ thi Nho học đầu tiên được tổ chức vào năm nào ? Ai là người đỗ thủ khoa kỳ thi đó?*

Trả lời: Năm 1075, nhà Lý mở khoa thi Nho học đầu tiên. Lê Văn Thịnh - người Kinh Bắc đỗ đầu - trở thành vị khai khoa cho truyền thống khoa cử Nho học ngót 1.000 năm.

Câu hỏi 890: Những tấm bia đặt trên lưng rùa đá ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám được gọi tên là gì? Tại sao lại đặt trên lưng rùa?

Trả lời: Dân gian quen gọi đó là “bia Tiến sĩ”, “bia Nghè”.

Trên trán 82 tấm bia còn lại ở Quốc Tử Giám đều có chung những chữ “Tiến sĩ đề danh bi ký” (Bài ký nêu danh những Tiến sĩ) còn ở phần đầu có sự khác nhau theo niên hiệu những năm thi; chẳng hạn: “Thái Hoà lục niên Mậu Thìn khoa Tiến sĩ đề danh bi ký” (Bài ký trên bia đề danh các Tiến sĩ khoa thi Mậu Thìn, năm Thái Hoà thứ 6 -1448)

Rùa là một trong 4 loài vật thiêng (tứ linh: long, ly, quy, phượng) tượng trưng cho sự trường tồn. Đặt bia Tiến sĩ trên lưng rùa hàm ý tên tuổi các vị Tiến sĩ sẽ được lưu truyền mãi mãi.

Câu hỏi 891: Người xưa khắc bia “Tiến sĩ đề danh” nhằm mục đích gì?

Trả lời: Ngay từ tấm bia đầu tiên, Hàn Lâm viện thừa chỉ Thân Nhân Trung - thừa lệnh vua, đã trân trọng ghi:

“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí vững thì thế nước mạnh và thịnh. Nguyên khí kém thì thế nước yếu và suy... Bồi đắp nguyên khí là việc quan trọng hàng đầu...”.

Cũng ở tấm bia đầu tiên còn ghi sâu dặn rõ: “Phàm những ai đến xem bia nên hiểu ý này!”.

Những nội dung thể hiện tinh thần ấy đều được cụ thể thêm trong nhiều tấm bia về sau.

Câu hỏi 892: Huyện nào có nhiều bậc đại khoa nhất ở Thăng Long - Hà Nội?

Trả lời: Đó là huyện Thanh Trì với 66 vị, chiếm 20,3% tổng số đại khoa của Hà Nội.

Câu hỏi 893: Trong lịch sử thi cử Nho học, Thăng Long - Hà Nội có bao nhiêu làng, xã, phường có người đỗ đại khoa?

Trả lời: Đại khoa (tính từ Phó Bảng của triều Nguyễn trở lên) thì trên địa bàn Hà Nội hiện nay, theo thống kê chưa đầy đủ (vì có những vị mà sử sách ghi không rõ quê quán) có 81 làng, xã, phường có từ 1 vị đỗ đại khoa trở lên.

Câu hỏi 894: Làng nào của Hà Nội có nhiều ông Nghè nhất?

Trả lời: Theo thống kê bước đầu, ở Thăng Long - Hà Nội có 18 làng, phường có từ 5 vị đỗ Tiến sĩ trở lên. Làng nằm ven bờ nam đê sông Hồng có đến 25 ông Nghè - nhiều nhất Hà Nội, đó là làng Vẽ (Đông Ngạc), huyện Từ Liêm. Tiếp sau là các làng Yên Hoà, quận Cầu Giấy có 16 vị, Đại Áng, huyện Thanh Trì có 12 vị, Khương Đình, quận Thanh Xuân có 12 vị.

Câu hỏi 895: Trong lịch sử Quốc Tử Giám (Thăng Long - Hà Nội) có nữ sinh không?

Trả lời: Về nguyên tắc, chuyện học hành thi cử Nho học để ra làm quan chỉ dành riêng cho nam giới.

Với Quốc Tử Giám - một trường Đại học Quốc gia duy nhất của Nhà nước phong kiến Đại Việt, nguyên tắc này càng được thực hiện nghiêm ngặt. Cũng phải nói thêm rằng trong dân gian ở nhiều vùng còn kể về những người phụ nữ giả trai đi thi - đạt tới danh hiệu Tiến sĩ ngay dưới thời Mạc.

Câu hỏi 896: Lễ dựng bia “Tiến sĩ đề danh” đầu tiên tổ chức vào khi nào?

Trả lời: Lễ dựng bia đầu tiên được tổ chức đúng vào rằm Trung thu năm Giáp Thìn, năm Hồng Đức thứ 15 (1484).

Lần ấy dựng một lúc 10 tấm bia của 10 khoa thi từ khoa Nhâm Tuất, năm Bảo Đại thứ 3 (1442) đến khoa Giáp Thìn, năm Hồng Đức thứ 15 (1484).

Câu hỏi 897: Có bao nhiêu ông Nghè có tên trong 82 bia Tiến sĩ ở Văn Miếu?

Trả lời: Trên 82 tấm bia *Tiến sĩ đề danh* ở Văn Miếu (Hà Nội) ghi tên quê quán 1.306 vị Tiến sĩ (mặc dù ghi là đề danh bia) nhưng có 3 tấm bia (các khoa thi 1772, 1778, 1779) ghi cả tuổi khi thi đỗ của các vị. Các kỳ thi từ năm 1797 trở đi có ghi xã.

Câu hỏi 898: Vị Tiến sĩ đầu tiên trong tấm bia đầu tiên là ai?

Trả lời: Tấm bia *Bài ký ghi tên Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, năm Đại Bảo thứ 3* (1442), do Phụng trực đại

phủ Hàn lâm viện thừa chỉ Đồng các đại học sĩ Thân Nhân Trung soạn. Người đầu tiên được khắc trên tấm bia là Nguyễn Trực - Tiến sĩ cập đệ đệ nhất giáp đệ nhất danh, người huyện Thanh Oai, phủ Ứng Thiên (nay thuộc Hà Nội).

Câu hỏi 899: Vị Tiến sĩ khắc tên trong tấm bia cuối cùng ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) là ai?

Trả lời: Tấm bia Tiến sĩ đề danh có niên đại mới nhất là khoa Kỷ Hợi, năm Cảnh Hưng thứ 40 (1779) được dựng vào ngày tốt tháng 11 năm Canh Tý - Cảnh Hưng thứ 41 (1780).

Người đứng cuối danh sách là Đồng tiến sĩ xuất thân Phan Huy Ôn, người xã Thu Hoạch, huyện Thi Lộc, phủ Đức Quang, trại Nghệ An, đỗ năm 25 tuổi.

Câu hỏi 900: Ngoài Quốc Tử Giám, Thăng Long còn có trường (lớp, cơ sở) “quốc lập” nào?

Trả lời: Theo các nguồn tư liệu, ít nhất phải kể đến các cơ sở đào tạo “chuyên ngành” hoặc “hạn chế” khác như:

- Trường Giảng Võ: trường Võ bị cao cấp có từ đời Trần.

- Sùng Văn Quán: theo Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú thì để dành cho con em những “dòng dõi hoàng hậu, con cháu các công thần khai quốc, con trưởng của các bậc từ tam phẩm trở lên”. Sùng Văn Quán có

“quan tư huấn, quan điển nghĩa và các bậc văn nhân nhiều tuổi, có học vấn kiêm giữ việc rèn tập”. Thời gian học 3 năm. Sau khi khảo hạch ở Bộ Lại mà đỗ sẽ được vào các chức ban hoặc võ ban.

- Chiêu Văn Quán: nhận con trưởng quan hàng tam phẩm, con các quan nhị đến nhất phẩm.

- Tú Lâm Cục: nhận con các quan từ bát phẩm đến tam phẩm.

- Trung Thư Giám: nơi đào tạo lại điển, lại viên giúp việc cho các quan nha sở.

Câu hỏi 901: Trường thi từng mở ngay bên bãi cát sông Hồng vào giữa những ngày kháng chiến chống xâm lược Minh (thế kỷ XV) tên là gì?

Trả lời: Trong lịch sử của Thăng Long - Hà Nội, của lịch sử giáo dục và thi cử Việt Nam có một sự kiện đặc biệt, ít nhất là cho đến thế kỷ XV. Chuyện ấy xảy ra vào đầu năm 1427 khi cuộc kháng chiến chống quân Minh bước vào giai đoạn cuối cùng, khi hầu hết đất nước đã được giải phóng, nhưng những thành trì quan trọng như Đông Quan, Tam Giang, Xương Giang, Điều Diêu vẫn nằm trong tay giặc. Bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn đã thống thiết ra lời kêu gọi hào kiệt các nơi: “nên cùng nhau gắng sức, cứu đỡ muôn dân, đừng có kín tiếng dấu tài khiến thiên hạ phải lâm than mãi mãi” và tổ chức mở khoa thi đầu tiên để kén chọn nhân tài ngay tại dinh Bồ Đề (nay thuộc xã Phù Viên, huyện Gia Lâm), đối diện với thành Đông Quan

qua sông Nhị. Đầu bài thi là: *Hiếu dụ thành Đông Quan*. Quả là 1 đề thi rất thiết thực nhằm phục vụ trực tiếp cho cuộc chiến tranh giải phóng, vì chủ trương của nghĩa quân lúc bấy giờ là vừa vây hãm, vừa dụ hàng thành Đông Quan. Kỳ thi này đã tuyển lựa được 36 người bổ làm An phủ sứ ở các lộ và Viên ngoại lang ở các bộ, trong số đó có Đào Công Soạn và Nguyễn Vỹ. Hai người này, bằng sự nghiệp và công trạng của họ đã chứng tỏ sự tuyển lựa đúng đắn, con mắt tinh tường của Bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn thời kỳ đó.

Câu hỏi 902: Phạm Đình Hổ đã mô tả “một cuộc bình văn ở nhà Giám” như thế nào?

Trả lời: Vào khoảng năm 1784 - 1785, Phạm Đình Hổ lúc ấy khoảng 16, 17 tuổi có dịp theo các bậc cha anh ra nghe bình văn ở nhà Giám. Đọc *Vũ trung tùy bút*, có thể hình dung ra trên thềm ở khoảng giữa trái 3 chiếu ngồi quay mặt về Nam theo thứ tự: trên dành cho Quận công Nguyễn Hoãn giữ chức Tri giám, giữa dành cho Bùi Huy Bích giữ chức Hành tham tụng, chiếu dưới giữ chức Bồi tụng gồm 4 vị: Uông Sĩ Diễn, Vũ Huy Đính, Phan Cẩm, Trần Sán. Chiếu phía Đông (ngồi quay mặt về Tây) với 4 hộp trầu, 4 ống súc dành cho các quan Thị Lang có Lý Trần Quán, Nguyễn Đình Trạc. Chiếu phía Tây (ngồi quay mặt về Đông) có hai hộp trầu, 2 ống súc của người ngồi bình văn như: Lê Huy Tiến, Nguyễn Cầu, Lưu Tiếp, Thiệu Sưởng, Hoàng Vĩnh Trân. Lúc bình

văn: tiếng Hoàng Vĩnh Trân rất trong, rất vang, tiếng Nguyễn Cầu rõ ràng, bình dị, Lưu Tiệp giọng ngân đọc không rõ, Thiều Sường thì đọc không ra tiếng gì...

Và, trong khi 4 vị Bồi tụng có bàn bạc, cân nhắc, quan Hành tham tụng Bùi Huy Bích quyết định nhắc lên hay đánh xuống, lấy hay bỏ thì cụ chủ tọa Tri giám Nguyễn Hoãn lại “trước sau không nói câu nào chỉ thỉnh thoảng cười hi hi”...

Câu hỏi 903: Một “giáo trình” nổi tiếng được dạy ở trường võ bị cao cấp (Giảng Võ đường) đời Trần là cuốn gì? Ai là tác giả?

Trả lời: Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn - vị tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang trong kháng chiến chống Nguyên Mông, có soạn hai cuốn binh thư: *Vạn Kiếp tông bí truyền* (có lời tựa của Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư) và *Binh thư yếu lược*, chính cuốn sách này trở thành giáo trình cho các tướng sĩ tại học viện võ bị cao cấp - “Giảng Võ đường”. Hưng Đạo Vương viết rõ điều này: “Nay ta soạn binh những pháp các nhà, làm ra một bộ sách đặt tên là binh pháp yếu lược. Các người! Nếu người nào biết chuyên tâm học tập sách này, nghe lời ta dạy bảo, thì là tình nghĩa thầy trò muôn đời. Tại sao vậy? Bởi vì giặc Mông Thát với ta là cái thù không đội trời chung, nếu các người lơ là không nghĩ đến việc rửa nhục cho nước, không luyện tập quân lính như thế là quay giáo xin hàng, tay không chịu chết. Sau khi dẹp xong giặc, xấu xa đến muôn đời!”.

Câu hỏi 904: Trong lịch sử Thăng Long - Hà Nội thường xuyên có những trường lớp “dân lập”, “tư thực”, có đúng không?

Trả lời: Bên cạnh những Quốc Tử Giám, Trung Thư Giám, Ngự Tiễn cận thị cục, Tú Lâm cục, Sùng Văn Quán... với tư cách là những cơ sở đào tạo “quốc lập”, Thăng Long - Hà Nội từ sớm đã thường xuyên có những lớp, trường “tư thực” mở ở nhiều làng xã, phường quanh Kinh thành, mấy khi vắng bóng những trường nổi tiếng. Ngay từ thời Lý - Trần với:

- Trường Bái Ân của thầy Lý Công Uẩn.
 - Trường Huỳnh Cung của thầy Chu Văn An.
- Cho đến những trường lớp ở thế kỷ XVII - XIX
- Trường Nguyệt Áng của thầy Nguyễn Đình Trự.
 - Trường Hào Nam của thầy Vũ Thạch.
 - Trường Vũ Thạch của thầy Nguyễn Huy Đức.
 - Trường Tự Tháp của thầy Vũ Tông Phan.
 - Trường Nghĩa Dũng của thầy Lê Đình Diên.
 - Trường Phương Đình của thầy giáo Nguyễn Văn Siêu...

Câu hỏi 905: Theo truyền thuyết, thầy giáo dạy Ngô Tuấn (Lý Thường Kiệt) là ai?

Trả lời: Theo Long Thành dật sử và Tây Hồ chí thì suốt từ năm 7 tuổi đến năm 20 tuổi, Ngô Tuấn (Lý Thường Kiệt) đã theo học thầy Lý Công Ẩn ở Trường

Bái Ân. Lý Công Ân là tôn thất nhà Lý, tài cao học rộng nhưng không ra làm quan, mở trường dạy học ở làng Bái Ân.

Câu hỏi 906: Thầy Chu Văn An (thế kỷ XVI) từng mở trường dạy học ở quê nhà. Ngôi trường đó tên là gì? Đặt ở đâu?

Trả lời: Chu Văn An (1292 - 1370) quê ở thôn Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì.

Mặc dù học giỏi nhưng ông không cầu danh lợi, chỉ mở trường dạy học trên một khoảnh đất thuộc địa phận Huỳnh Cung, giáp với thôn Văn.

Tại Huỳnh Cung (xã Tam Hiệp, Thanh Trì) trên cánh đồng giáp với thôn Văn (Thanh Liệt), bên cạnh ngôi đền thờ các bậc tiền hiền mà đứng đầu là Chu Văn An có một bãi đất rộng. Đây là dấu tích của trường Huỳnh Cung - nơi thầy Chu Văn An đã dạy. Từ đây, các học trò đã tiếp bước thầy làm sáng danh trường, danh thầy dạy.

Câu hỏi 907: Trong cuộc đời dạy học của mình, thầy giáo Chu Văn An đã từng đào luyện được nhiều người tài giỏi, tiêu biểu trong số đó là những ai?

Trả lời: Thầy giáo Chu Văn An gắn bó cuộc đời và sự nghiệp của mình với việc dạy học, có những câu chuyện lý thú về việc dạy học của thầy, chẳng hạn:

- Ở trường học Huỳnh Cung có nhiều mô đất, mỗi mô đất ấy là một chỗ ngồi của học sinh. Những mô

đất này to nhỏ khác nhau, tương truyền những mô đất to hơn được coi là chỗ ngồi của học trò ưu tú.

- Truyền thuyết, như sách *Lĩnh Nam chích quái* kể về chuyện thủy thần ở hồ Linh Đàm đã hoá thành người xin vào trường của thầy để học. Sau này, vì yêu thầy, thương dân bị hạn hán, người học trò này đã trái lệnh thiên đình, làm mưa cứu sống cho dân cả vùng... Còn sử sách ghi rõ rằng những học trò xuất sắc của thầy Chu, trong đó có Phạm Sư Mạnh và Lê Quát.

Phạm Sư Mạnh quê ở Hiệp Thạch, huyện Kinh Môn, Hải Dương đỗ thái học sinh dưới thời Trần Minh Tông, làm quan đến chức Nhập nội hành khiển. Ông là nhà thơ, nhà ngoại giao giỏi của triều Trần.

Lê Quát là nhà thơ có tiếng đương thời, người huyện Đông Sơn, Thanh Hoá ra học trường thầy Chu Văn An, làm đến chức Nhập nội hành khiển dưới thời Trần Nhân Tông.

Câu hỏi 908: Khu vực tập trung và liên tục có trường tư thục nổi tiếng của Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XIX là khu vực nào?

Trả lời: Tiếp tục ngôi trường “Quan Mộ Trạch”- gọi theo quê thầy - Tiến sĩ Thượng thư Vũ Công Đạo (1629 - 1714) mở ở ngõ Thừa Tứ phía đông Thái Miếu (nay là khu vực phố Nhà Thờ), huyện Thọ Xương (nay là khu vực quận Hoàn Kiếm) liên tục và có nhiều trường tư thục nổi tiếng của Thăng Long. Khu vực tập trung nhiều nhất là quanh phía tây bờ Hồ Gươm, đó là:

- Trường Lập Trai - gọi theo tên hiệu của thầy Phạm Quý Thích (1760-1825) trong thời gian những năm 1812-1825 ở thôn Báo Thiên.

- Trường của thầy Phạm Dưỡng Am (1791-1754) ở thôn Tự Thấp cũng mở ở vào khoảng thời gian này, sau năm 1823 chuyển lên Chân Cầm.

- Trường Tự Thấp - gọi theo tên thôn, mở từ 1835-1849 của thầy Vũ Tông Phan (1800-1851) (nay là địa chỉ 14-16, Lê Thái Tổ).

- Trường Vũ Thạch - gọi theo tên thôn (nay thuộc phố Tràng Thi) những năm 1858 - 1882 của thầy Nguyễn Huy Đức (1824 - 1898).

- Trường Kim Cổ - gọi theo tên phường (nay thuộc 12 Hàng Bông) mở vào 1864-1865 của thầy Ngô Văn Dạng (1835-1885).

Như vậy là trong thế kỷ XIX chẳng mấy khi Hồ Gươm vắng bóng trường, vắng thầy trò Thăng Long.

Tràng Thi, Hà Nội và sau này Trường Đông Kinh Nghĩa thực nổi tiếng đầu thế kỷ XX cũng mọc lên gần khu vực này hẳn chẳng phải vô tình!

Câu hỏi 909: Sau ngày thầy dạy mất 3 năm, 22 năm, trên nền ngôi trường cũ các học trò của ông đã lần lượt xây nhà thờ, lập bia kỷ niệm. Thầy giáo đó là ai, ngôi trường ấy ở đâu?

Trả lời: Đó là thầy Vũ Tông Phan (1800-1851), với ngôi trường Tự Thấp ở bên bờ phía tây Hồ Gươm.

Được thừa hưởng nền giáo dục nghiêm cẩn của một gia đình Nho học đất Lương Đường (Cẩm Giàng, Hải Dương), cha và cậu ruột, tiến sĩ Phạm Quý Thích trực tiếp dạy dỗ. Vũ Tông Phan đỗ Tiến sĩ năm 26 tuổi. Gần 10 năm làm quan giáo dục, rồi đốc học, ông nghỉ hưu, - dồn hết tâm sức vào dạy học ở Thăng Long. Ông còn là người trực tiếp biên soạn sách, tham gia xây dựng Văn chỉ Thọ Xương, tu sửa đền Ngọc Sơn, là Hội trưởng hội Hướng thiện của Hà Thành.

Ngôi trường ông dạy học ở thôn Tự Tháp gần Hồ Gươm nên có tên là trường Tự Tháp hay còn gọi là trường Hồ Đình.

Từ mái trường của thầy Vũ Tông Phan, nhiều học trò đã làm rạng rỡ danh thầy, danh trường, đóng góp có ý nghĩa vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Thăng Long, đất nước như Nguyễn Tư Giản, Lê Đình Diên, Ngô Văn Dạng.

Câu hỏi 910: Dấu là Tiến sĩ hay quyền Thượng thư Bộ Lại, phó tổng tài Quốc sử quán... vẫn tự tay viết văn bia giỗ thầy. Người ấy là ai?

Trả lời: Ở cạnh Hồ Gươm, trên nền trường Hồ Đình của thầy Vũ Tông Phan năm 1873, tức là sau khi thầy mất 22 năm, các lớp học trò đã dựng tấm bia lớn “Lỗ Am Vũ tiên sinh từ đường ký”.

Dòng cuối của bài ký có ghi toàn bảng môn: tiến sĩ, cát sĩ, nhà sĩ, phó bảng cử nhân, tú tài, giám sinh,

sĩ nhân cùng lay dụng và người lay soạn là “Tiến sĩ khoa Giáp Thìn, Cáo thu Trung phụng đại phu, quyền Thượng thư Bộ Lại, sung phó Tổng tài Quốc sử quán... trường trảng người Đông Ngàn Nguyễn Tư Giản. Người lay nhuận là “Đệ nhị giáp Tiến sĩ tân khoa năm Kỷ Dậu, nguyên đốc học Hà Nội, Lê Đình Diên người Nhân Mục”.

Câu hỏi 911: *Phương Đình - ngôi trường của thầy Nguyễn Văn Siêu từng dạy học ở đâu?*

Trả lời: Ngôi trường mang tên hiệu của thầy giáo Nguyễn Văn Siêu (1796-1872) được dựng ở bên dòng sông Tô thuộc thôn Cổ Lương, huyện Thọ Xương (nay là số nhà 12-14, phố Nguyễn Siêu).

Câu hỏi 912: *Người phụ nữ lam làm tận tụy “bán rau, mua bút, mua nghiên cho chồng” học tập như trong câu ca dao cổ ngợi khen, là phụ nữ ở vùng nào?*

Trả lời: Ai từng thuộc ca dao dân ca Hà Nội, thấy những lời ở trên sẽ nhớ ngay:

*“Em là con gái Phụng Thiên,
Bán rau mua bút mua nghiên cho chồng”.*

Phủ Phụng Thiên là đơn vị hành chính và trở thành tên gọi quen thuộc của Thăng Long thời Lê. Như vậy chính là những người phụ nữ Thăng Long tận tụy đảm đang, hết lòng với sự nghiệp học tập của chồng con.

Câu hỏi 913: Bia đá, bảng vàng... ở Quốc Tử Giám nhà nước dành ăn điểm cho những ông Nghè, còn dân làng Hà Nội đã khuyến học như thế nào?

Trả lời: Hương ước làng nào cũng dành ra học điền từ một vài mẫu ruộng để chi phí cho việc học, việc dạy trẻ em trong làng. Nhiều làng như Cổ Nhuế, Nội Châu, Phúc Xá, Nghi Tàm có những hình thức trích công quỹ của làng mua giấy bút cho trẻ con nhà nghèo đi học.

Không ít làng như Phù Xá Đoài, Yên Diêm, Khương Thượng trích quỹ làm phần thưởng cho học trò chăm, giỏi hoặc miễn tạp dịch, hay mừng “khích lệ người học cố gắng thành tài”.

Ở làng Khương Hạ (nay thuộc quận Thanh Xuân) hương ước còn dành một điều (điều 132) tôn vinh đặc biệt trong xã hội xưa: “Nếu người đàn bà nào nhà nghèo, chịu khó làm ăn cặm cuì, nuôi chồng con học hành nên danh phận, dân sẽ có chiếu riêng để khi đình đám phải mời những người ấy ra đình lễ thần nghe hát”.

Thật khó có những vẻ vang nào giữa làng hơn thế!

Câu hỏi 914: Bất chấp ý đồ “Bảo hộ” của chính quyền thực dân Pháp, ngôi trường trở thành một trung tâm phong trào yêu nước của học sinh - trí thức Hà Nội đầu thế kỷ XX, đó là trường nào?

Trả lời: Trường trung học Bảo hộ (Lycée du protectorat) là tên khai sinh được chính quyền thực dân

mở cho toàn Đông Dương năm 1908. Nhưng trong lòng người Hà Nội, trường có tên gần gũi, giản dị như chính mảnh đất của trường: Trường Bưởi.

Đến ngày 12-6-1945, trường được đổi tên thành Quốc Lập trung học hiệu Chu Văn An.

Mục đích của chính quyền thực dân là nhằm đào tạo những viên chức bản xứ cho bộ máy hành chính, những tri thức trẻ phục vụ chế độ thuộc địa theo Tây học. Thế nhưng, các thế hệ học sinh trường Bưởi, ngay từ khi đang học đã tham gia các hoạt động yêu nước như để tang cụ Phan Chu Trinh, đòi ân xá cụ Phan Bội Châu, tham gia bãi khoá đòi dân sinh, dân chủ, quyền được tôn trọng nhân cách... Nhiều chiến sĩ cách mạng xuất sắc như Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ, Đỗ Ngọc Du, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Đức Cảnh, Lê Văn Lương... đã bắt đầu những hoạt động yêu nước ngay từ những tháng năm học ở Trường Bưởi.

Câu hỏi 915: Hội nào đã ghi: “Bằng cách dạy cho người Việt Nam biết đọc, biết viết và giúp cho họ thấu thái những kiến văn thường thức cần cho cuộc sống mới” vào mục tiêu của Hội?

Trả lời: Đó là tóm tắt mục đích của Hội Truyền bá chữ quốc ngữ do cụ Nguyễn Văn Tố (1889-1947) một nhân sĩ yêu nước làm hội trưởng, ra đời ngày 23-5-1938. Do sáng kiến và nòng cốt là những cán bộ, đảng viên của Đảng Cộng sản Đông Dương, được các tổ chức xã hội, giáo dục, báo chí cùng đông đảo sinh

viên học sinh, hướng đạo nhiệt tình tham gia phong trào dạy chữ quốc ngữ được lan rộng nhanh chóng. Do đó, chỉ trong 7 năm, Hội Truyền bá chữ quốc ngữ đã dạy cho hàng vạn người nghèo biết đọc, biết viết góp phần giáng ngộ quần chúng đi vào cách mạng, cung cấp nhiều cán bộ ưu tú cho Cách mạng tháng Tám 1945.

Sáu mươi năm sau (1998), Đảng Cộng sản Việt Nam đã đánh giá “Những chiến sĩ của phong trào truyền bá quốc ngữ là những hạt nhân trong sự nghiệp xây dựng nền giáo dục cách mạng”.

Câu hỏi 916: Trường phổ thông đầu tiên của Hà Nội được phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng trải qua những năm tháng đầu tiên như thế nào?

Trả lời: Đó là ngôi trường vinh dự được mang tên của Kinh đô nước Đại Việt ngay từ ngày thành lập - Thăng Long.

Năm 1928, rời bỏ chức Thông phán ở Phủ Toàn quyền, Phạm Hữu Ninh (1889-1966) mở trường tư thục tiểu học Thăng Long tại phố Hàng Cót. Bốn đến năm năm sau, với uy tín của các thầy, số học sinh theo học ở trường Thăng Long ngày một đông, địa điểm Hàng Cót trở nên chật hẹp, công việc giảng dạy đòi hỏi trường phải được mở rộng, nâng cao.

Chính lúc ấy, những thầy cô giáo trong “Hội mở mang nền giáo dục tư thục” (Association pour le developpement de l'enseignement libre - ADEL) với thầy Hiệu trưởng là Phạm Hữu Ninh đã góp tiền mua

đất ở phố Ngõ Trạm (Rue Bourret) xây nên Trường Trung học tư thục Thăng Long và chuyển trường ở Hàng Cót về.

Tiếng trống khai trường ở Ngõ Trạm vang lên vào mùa thu năm 1935. Từ ngày thành lập, Trường Trung học tư thục Thăng Long đã trở thành một cơ sở quan trọng của Đảng Cộng sản Đông Dương, đóng vai trò trung tâm của phong trào trí thức và học sinh Hà Nội suốt thời kỳ Mặt trận Dân Chủ. Một số thầy giáo trường Thăng Long như Đặng Thai Mai, Phan Thanh, Võ Nguyên Giáp... vừa giảng dạy ở trường, vừa trực tiếp tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng.

Nhiều thầy cô được giác ngộ cách mạng đã trở thành những trí thức tiến bộ ủng hộ họ hoặc trực tiếp tham gia phong trào dân chủ như các thầy Hoàng Minh Giám, Bùi Kỳ, Phan Anh, Phan Mỹ, Phạm Huy Thông...

Những năm của phong trào Mặt trận Dân chủ, trong hàng loạt các hoạt động của trí thức, học sinh, sinh viên Hà Nội như đưa dân nguyện, đón Godart, kỷ niệm ngày 1-5, hội chợ ủng hộ Trung Quốc kháng Nhật, vận động cho các ứng cử viên của Mặt trận vào Hội đồng dân biểu Hà Nội, đưa đám tang thầy Phan Thanh, tham gia truyền bá quốc ngữ... đều có vai trò nòng cốt, tích cực của thầy trò trường Thăng Long.

Tắm mình trong phong trào yêu nước sôi nổi đó, nhiều học sinh của Trường đã trở thành những chiến-

sĩ cách mạng ngay từ những năm 1937, 1938 như Trần Hải Kế, Lê Quang Đạo, Trần Quang Huy...

Câu hỏi 917: “Khu latinh” của Hà Nội xưa ở đâu? Tại sao lại có tên gọi đó?

Trả lời: Thời Pháp thuộc ở Hà Nội có trường học lớn, điển hình là những trường như: Trường tư thực Thăng Long; Trường tư thực Gia Long; Trường nữ sinh học Đồng Khánh. Phong trào học tập của học sinh trong khu vực ba trường này rất sôi nổi. Học sinh trọ học tập trung rất đông ở các phố: Hàng Da, Hà Trung, Ngõ Trăm, Phùng Hưng, Hàng Bông, Hàng Trống, Hàng Điếu, Cửa Nam, Nguyễn Trãi, Phạm Phú Thứ. Thời ấy, học sinh Hà Nội gọi khu vực các phố này là Quartier Latin (khu Latinh), lấy tên một khu sinh viên đại học nổi tiếng của Paris.

Câu hỏi 918: Định hướng Duy Tân (đổi mới) đầu thế kỷ XX được mở đầu và gắn bó với sự nghiệp của thầy giáo nào?

Trả lời: Đó là thầy Lương Văn Can (1854 - 1927), quê ở Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội ngày nay.

20 tuổi đỗ cử nhân, nhưng chàng trai trí thức Hán học Lương Văn Can lại không chọn con đường làm quan hay học tiếp lấy Tiến sĩ, mà gắn bó với sự nghiệp trồng người - dạy học ở Hà Nội.

Bằng thực tiễn nhiều năm dạy Hán học, trong bối cảnh đất nước đã mất độc lập tự do, chính thầy đã ý

thức sâu sắc được đòi hỏi của việc canh tân việc giáo dục, đào tạo. Cùng với các đồng chí của mình, thầy đã khởi xướng phong trào Duy Tân - với Trường Đông Kinh nghĩa thực tại Hà Nội vào tháng 3-1907

Lo sợ trước sức tập hợp mạnh mẽ, hấp dẫn của Trường - của xu hướng đổi mới giáo dục, thực dân Pháp đã đóng cửa Trường vào tháng 12-1907. Năm 1914, cùng với hơn 100 người bị bắt sau vụ ném tạc đạn ở khách sạn Hà Nội, thầy bị thực dân Pháp kết án 10 năm lưu đày ở Phnom Pênh, Campuchia.

Bảy năm sau thầy mới được trở về Hà Nội và lại tiếp tục sự nghiệp đào tạo ở ngôi trường Ôn Như - mang tên hiệu của thầy.

Câu hỏi 919: Có 4 trường đại học cùng được thành lập một năm ở Hà Nội, đánh dấu mốc phát triển mới của ngành giáo dục bậc đại học Việt Nam. Đó là 4 trường nào? Vào năm nào?

Trả lời: Năm 1956, theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thành lập 4 trường Đại học là:

1. Đại học Tổng hợp Hà Nội.
2. Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Đại học Bách khoa Hà Nội.
4. Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

(Hai trường Đại học Tổng hợp và Sư phạm ra đời trên cơ sở hai trường Đại học Sư phạm Văn khoa và

Đại học Sư phạm Khoa học được thành lập từ sau ngày Thủ đô Hà Nội được giải phóng)

Câu hỏi 920: Hà Nội hiện có bao nhiêu trường đại học cao đẳng? Đó là những trường nào?

Trả lời: Theo thống kê, năm học 1999-2000 Hà Nội có 48 trường đại học và cao đẳng:

TT	Tên trường đại học, cao đẳng	Địa điểm
I. ĐẠI HỌC		
1	ĐH An ninh nhân dân	Km9, đường Nguyễn Trãi
2	ĐH Bách khoa Hà Nội	1, Đại Cồ Việt
3	ĐH Cảnh sát nhân dân	Cổ Nhuế, Từ Liêm
4	ĐH Phòng cháy chữa cháy	Thanh Xuân Bắc
5	ĐH Công đoàn Việt Nam	169, Tây Sơn
6	ĐH dân lập Đông Đô	20A, Tôn Thất Tùng
7	ĐH dân lập Phương Đông	50, Vũ Trọng Phụng
8	ĐH dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội	1B, Cầm Hội, Lò Đúc
9	ĐH dân lập Thăng Long	Phường Khương Trung, Thanh Xuân
10	ĐH Dược Hà Nội	13-15, Lê Thánh Tông
11	ĐH Giao thông vận tải	Láng Thượng, Đống Đa

12	ĐH Khoa học tự nhiên thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	334, đường Nguyễn Trãi
13	ĐH Khoa học xã hội và nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	336, đường Nguyễn Trãi
14	ĐH Kiến trúc Hà Nội	Km10, đường Nguyễn Trãi
15	ĐH Kinh tế quốc dân	Phố Vọng, đường Giải Phóng
16	ĐH Luật Hà Nội	6, Nguyễn Chí Thanh
17	ĐH Mỏ - Địa chất Hà Nội	Đống Ngạc - Từ Liêm
18	ĐH Mỹ thuật Hà Nội	42, Yên Kiêu
19	ĐH Mỹ thuật công nghiệp Hà Nội	360, Đê La Thành
20	ĐH Ngoại ngữ Hà Nội	Km9, đường Nguyễn Trãi
21	ĐH Ngoại thương	Láng Thượng, Đống Đa
22	ĐH Nông nghiệp Hà Nội I	Châu Quỳ, Gia Lâm
23	ĐH Sân khấu điện ảnh	Mai Dịch, Cầu Giấy
24	ĐH Sư phạm Hà Nội	Km8, đường Xuân Thủy
25	ĐH Sư phạm ngoại ngữ Hà Nội	Đường Thăng Long
26	ĐH Tài chính - Kế toán Hà Nội	Xã Đống Ngạc, Từ Liêm
27	ĐH Thủy lợi Hà Nội	175, Tây Sơn
28	ĐH Thương mại	Mai Dịch, Cầu Giấy
29	ĐH Văn hóa Hà Nội	418, Đê La Thành

30	ĐH Xây dựng	55, đường Giải Phóng
31	ĐH Y Hà Nội	1, Tôn Thất Tùng
32	Học viện Kỹ thuật quân sự	Nghĩa Đô
33	Học viện Ngân hàng	12, đường Chùa Bộc
34	Viện đại học Mở Hà Nội	Nhà B101, đường Tạ Quang Bửu
35	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông	Đường Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Tân
36	Nhạc viện Hà Nội	Đường Hào Nam
37	Học viện Quan hệ quốc tế	69, Láng Thượng, Đống Đa
38	Phân viện Báo chí và tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	36, đường Xuân Thủy
39	Học viện hậu cần	Ngọc Thị, Gia Lâm
II. CAO ĐẲNG		
40	CD Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp I	456, Minh Khai
41	CD Công nghiệp Hà Nội	Xã Minh Khai, Từ Liêm
42	CD Giao thông vận tải	Km9, đường Nguyễn Trãi
43	CD Lao động - xã hội	Trung Hòa, Cầu Giấy
44	CD Nghệ thuật Hà Nội	7, Hai Bà Trưng

45	CĐ Sư phạm Hà Nội	Quan Hoa, Cầu Giấy
46	CĐ Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I	Đường Hoàng Quốc Việt
47	CĐ Văn hóa nghệ thuật quân đội	8, Nguyễn Chí Thanh
48	CĐ Sư phạm nhạc họa Trung ương	Km9, đường Nguyễn Trãi

Câu hỏi 921: Học sinh Hà Nội tham gia thi toán quốc tế từ năm nào?

Trả lời: Tháng 7-1974, lần đầu tiên nước ta cử học sinh tham dự kỳ thi toán quốc tế. Trong cuộc độ tài với 140 học sinh của 18 nước tại Cộng hoà dân chủ Đức, lễ công bố ngày 15-7 cho biết 4/5 học sinh của Việt Nam đã đoạt giải, trong đó có một giải nhất của Hoàng Lê Minh - học sinh Hà Nội.

Câu hỏi 922: “Trường của cháu đây là trường Mầm non”. Hà Nội có bao nhiêu trường lớp mẫu giáo mang tên như vậy?

Trả lời: Hàng chục năm qua khúc hát đó đã trở thành quen thuộc, niềm vui thích và tự hào của nhiều lớp tuổi mẫu giáo của Thủ đô, của cả nước. Ở Hà Nội đến năm 1999 có 314 trường lớp mẫu giáo, trong đó có tới 99 trường lớp mẫu giáo mang tên “Mầm non”.

Câu hỏi 923: Phó Hà Nội mang tên ông, giảng đường trang trọng nhất của trường Đại học Y khoa mang tên ông. Đó là người nào?

Trả lời: Đó là người trai gốc Huế, sinh năm 1900 trong một gia đình quý tộc.

Sau khi tu nghiệp bác sĩ nội trú và làm việc 10 năm tại Pháp, ông trở về nước vào năm 1931, được mời làm việc tại Nhà thương Bảo hộ (Bệnh viện Việt Đức ngày nay), gắn bó với Hà Nội từ ấy.

Ông là người Việt Nam đầu tiên được cầm dao mổ khi không phải chỉ ở bệnh viện này mà cả Đông Dương cũng chỉ có hai bác sĩ người Pháp đạt tới trình độ đó.

Ông là người đầu tiên được Pháp phong hàm Giáo sư ngày 11-12-1943.

Nguồn gốc quý tộc, nhiều tài năng, được chính nước Pháp đào tạo, được chính quyền Pháp, đồng nghiệp Pháp nể trọng. Thế nhưng... trái tim và trí lực của ông dành toàn bộ cho nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, cho xây dựng và phát triển ngành y tế Việt Nam mới. Ông là Hiệu trưởng đầu tiên và dắt dẫn trường Đại học Y khoa Hà Nội, một trung tâm đào tạo y học hiện đại sớm và lớn nhất cả nước đi qua suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Đó là Giáo sư Hồ Đắc Di (1900-1984).

Câu hỏi 924: Chủ tịch đầu tiên của Hội Toán học Việt Nam là ai?

Trả lời: Đó là Giáo sư Lê Văn Thiêm (1918-1991). Quê ông ở Đức Thọ, Hà Tĩnh, nhưng cả cuộc đời và sự nghiệp của ông gắn với giáo dục và đào tạo toán học ở Hà Nội. Không những thế, tên tuổi Giáo sư Lê Văn Thiêm còn gắn với rất nhiều chữ ĐẦU TIÊN:

- Người Việt Nam đầu tiên thi đỗ vào Trường Sư phạm hàng đầu của Pháp (École Normale Supérieure de Paris) năm 1941.

- Người Việt Nam đầu tiên nhận học vị Tiến sĩ quốc gia (học vị cao nhất của Pháp) năm 1948.

- Người Việt Nam đầu tiên thành giáo sư toán học ở một trường Đại học châu Âu (Zurich, Thụy Sĩ), năm 1949.

- Viện trưởng đầu tiên của Viện Toán học Việt Nam.

- Tổng biên tập đầu tiên của hai tờ báo Toán học Việt Nam.

- Người được Nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh đợt đầu tiên và Huân chương Lao động hạng Nhất.

XI. VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

Câu hỏi 925: Không có từ “Thăng Long”, nhưng là áng văn đầu tiên, bắt hủ khắc họa cô đọng vị thế trung tâm, điều kiện tự nhiên - xã hội của vùng đất kinh đô. Đó là áng văn gì?

Trả lời: Đó là *Chiếu dời đô* (Thiên đô chiếu) do chính vị vua sáng nghiệp vương triều Lý viết (Thủ bút) vào năm 1010.

Không có từ *Thăng Long* trong bài *Chiếu* - vì lúc đó chưa dời đô, chưa đặt tên cho Kinh đô.

Nội dung bài chiếu chỉ có 214 từ (chữ Hán), nhưng đã trở thành:

- Một mẫu mực cho việc trù liệu, xây dựng và phát triển Kinh đô. Việc dời đô không chỉ là ý muốn chủ quan của riêng một đấng tối cao nào, phải thống nhất giữa *trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân*, phải có quan hệ chặt chẽ giữa nghiệp lớn - đòi hỏi của đương đại với sự phát triển bền vững *vận nước lâu dài*.

- Khắc họa cô đọng vị thế địa - chính trị, văn hoá của vùng Kinh đô ở vào *nơi trung tâm trời đất, được*

cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng cái ngôi Nam - Bắc - Tây - Đông, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi... xem khắp đất Việt ta chỉ có nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước. Đó là một tuyên ngôn địa - chính trị, địa chiến lược của vùng đất Kinh đô.

- *Chiếu dời đô* thể hiện sự mãn cảm sâu sắc của trí lực, tình cảm và trách nhiệm của Lý Thái Tổ trước vận mệnh của vương triều, của đất nước, chuẩn bị trực tiếp cho bước phát triển huy hoàng của lịch sử dân tộc. *Chiếu dời đô* trở thành bất hủ bởi tinh thần và mẫu mực của bản sắc văn hoá Việt Nam - như biểu hiện cụ thể của tinh thần dân chủ, khi người lãnh đạo cao nhất quốc gia thời quân chủ kết thúc bài chiếu quan trọng đó bằng việc hỏi ý kiến quần thần: *Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi ấy để định chỗ ở, ý các khanh thấy thế nào?*

Câu hỏi 926: Hịch tướng sĩ có viết về Thăng Long không?

Trả lời: *Hịch tướng sĩ* đầu không có một lần nhắc đến một địa danh, một tên tuổi cụ thể nào của Kinh thành, nhưng nếu đặt áng văn hùng hồn, thống thiết ấy trong bối cảnh của Đại Việt, Thăng Long nửa cuối thế kỷ XIII thì cũng thấy đấy chính là cảnh thực của Thăng Long lúc đó.

- Những năm 1261, 1266, 1268, 1271, 1278 những sứ thần của đế quốc Nguyên Mông, những tên Đạt Lỗ

hoa xích như Nạp Thích Đình, Hốt Lung Hải Nha, Diệp Thúc Nghê, Sài Thung sang Thăng Long, ý thế nước lớn, hạch sách các quan triều đình, bỏ cả quy tắc ngoại giao... cảnh *sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡn cú điệu mà xỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ...* là tả thực cảnh Thăng Long.

Không ít người tự mắt mình trông thấy cảnh ấy ở Thăng Long, khi hoạ xâm lăng đã hiện hành, vẫn có những tướng sĩ ham *săn bắn, mê hát...* mà quên việc huấn luyện binh sĩ.

Cùng với những giá trị văn chương, cổ vũ tinh thần yêu nước, *Hịch tướng sĩ* còn được coi là bài học rèn luyện tư tưởng xưa nay chưa từng có.

Câu hỏi 927: Đuổi cá sấu trên đoạn sông Hồng ở Thăng Long bằng tiếng mẹ đẻ (Nôm) là ai vậy?

Trả lời: Người đó là Nguyễn Thuyên, đồ Thái học sinh vào đời Trần Thái Tông, làm tới chức Hình bộ Thượng thư. Ông là người hay chữ Nôm, có công đầu trong việc dùng luật thơ Đường vào thơ Nôm.

Sử cũ chép: “Tháng Tám, mùa thu. Có cá sấu đến sông Phú Lương (tức đoạn sông Hồng ở Hà Nội ngày nay). Nhà vua sai Hình bộ Thượng thư là Nguyễn Thuyên làm văn tế đuổi cá thả xuống sông, cá sấu tự nhiên bỏ đi. Nhà vua thấy việc đó giống như Hàn Dũ (một văn hào đời Đường, năm Nguyên Hoà thứ 14 (819) làm Thứ sử Triều Châu, cũng dùng bài văn tế và

đê, lợn vút sông đuổi cá sấu) bèn cho Nguyễn Thuyên được đổi sang họ Hàn”. Vì thế, ông còn được gọi là Hàn Thuyên.

Câu hỏi 928: Trong di sản thơ văn của Nguyễn Trãi có những bài văn nào viết về Thăng Long?

Trả lời: Với Nguyễn Trãi, Thăng Long - Đông Đô là điểm xuất phát để đến với Lam Sơn, là mục tiêu đi tới của ông, của toàn dân tộc suốt 10 năm chiến đấu gian lao, oanh liệt (1417-1427).

Ông là người kiến thiết thần tình cho chiến dịch giải phóng “Đông Đô đất cũ về ta”. 15 năm cuối đời *lấp lánh sao Khuê*, Ước Trãi sống ở Đông Đô.

Những La Thành, Thăng Long..., Yên Thái, Thụy Chương, Nghi Tàm, Hà Tân, Hàng Đào - Đường Nhân, Tả Nhất, Tây Hồ, Thịnh Quang, Hoàng Mai, Quang Liệt với những nét lịch sử, ngành nghề, đặc sản... được chép trong *Dư địa chí* của ông...

Sau góc thành Nam lều một gian, trong thơ ông còn thấp thoáng ngôi nhà:

*“Nho nhỏ hiên song nhà thâm thấp,
Dinh quan - nhà ẩn giống vô cùng”.*

Đó là nơi nhà thơ Ước Trãi:

*“Buông câu, thông thả long sang bức,
Độc sách thư nhàn bóng lá dâu.
Song trưa lặng sạch không trần lụy,
Một tấm lòng thanh vượt chín tầng”...*

Câu hỏi 929: Vũ khúc Bình Ngô phá trận - kỷ niệm cuộc kháng chiến chống Minh đã ra đời như thế nào?

Trả lời: Để hồi tưởng, ngợi ca cuộc kháng chiến trường kỳ, gian lao chống giặc Minh (1417-1427) với những tên tuổi Lê Lợi, Lê Lai... và những chiến công Chi Lăng, Xương Giang oanh liệt... Vua Lê đã cho đặt điệu múa *Bình Ngô phá trận*. Vào mùa xuân 21 năm sau ngày giải phóng Đông Quan, trong ngày tết Nguyên đán năm 1449, lần đầu tiên vũ khúc này đã ra mắt ở Thăng Long. Trong đám triều đình có người xem cảm động đến phát khóc.

Câu hỏi 930: Hội thơ đầu tiên của Đại Việt được lập ở Thăng Long tên là gì? Có bao nhiêu hội viên?

Trả lời: Đó là *Tao Đàn nhị thập bát tú* - Hội thơ gồm 28 hội viên do chính Hoàng đế - nhà thơ Lê Thánh Tông làm *nguyên súy*, thành lập vào mùa đông năm 1495, tại Thăng Long.

28 người được chọn vào *Tao Đàn* ứng với 28 chòm sao - theo quan niệm của thiên văn học cổ trung đại phương Đông - biểu hiện của văn chương.

Theo chính sử, 28 thành viên *Tao Đàn* là Đỗ Nhuận, Thân Nhân Trung, Ngô Luận, Ngô Hoán, Nguyễn Xung Xác, Lưu Hưng Hiếu, Nguyễn Quang Bật, Nguyễn Đức Huấn, Vũ Dương, Ngô Thần, Ngô Văn Cảnh, Phạm Chí Khiêm, Lưu Thư Ngạn, Nguyễn Nhân Bị, Nguyễn Tông Miệt, Ngô Quyền, Nguyễn

Bảo Khuê, Bùi Phổ, Dương Trục Nguyên, Chu Hoán, Phạm Cẩn Trục, Nguyễn Xích Tốn, Đỗ Thuận Thứ, Phạm Như Huệ, Lưu Địch, Đàm Thận Huy, Phạm Đạo Phú, Chu Huân.

Có sách chép Nguyễn Trục, Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên, Lê Tuấn Ngạn, Phạm Phúc Chiêu, Sái Thuận. Có thể có sự bổ sung, thay đổi thành viên trong hội, còn có thể do đời sau thêm vào.

Có một số hội viên là người Thăng Long như Đỗ Nhuận, Đàm Thận Huy...

Câu hỏi 931: Trên vách của một ngôi nhà ở phường Vườn tỏi (phường Toán Viên, gần Hồ Tây) cũng có thơ đề! Chuyện ấy có từ bao giờ, ai đề thơ vậy?

Trả lời: Câu trên là dịch từ một bài thơ chữ Hán *Đề Toán Viên phường sở cư bích thượng* trong tập *Lã Đường di tập* của Sái (Thái) Thuận nửa cuối thế kỷ XV.

Sái Thuận (1441 - ?) người làng Liễu Tâm huyện Siêu Loại (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).

Từ một người lính trong đội dạy voi của nhà vua, chàng trai thông minh và có chí ấy đã thi đỗ Tiến sĩ từ năm 35 tuổi (năm 1475) - dưới triều Hồng Đức. Trong Tao Đàn Nhị thập bát tú của Thăng Long, ông làm sái phu (giúp việc “quét dọn” như dọn vườn văn ngày sau) rồi được trao chức Phó nguyên suý (phó cho Nguyên suý Tao Đàn Lê Thánh Tông). *Lã Đường*

di tập gồm 264 bài - chừng vài phần mười trong sáng tác của ông. Bài thơ trên ông viết khi ông đã ở Tràng An mười năm. Ngôi nhà của ông có:

*“Sớm theo cửa Bắc chuông cùng dậy,
Chiều đợi Hồ Tây chim rú về”.*

Gợi thi hứng cho tâm hồn ông.

Câu hỏi 932: Bài phú Nôm đầu tiên viết về Thăng Long ra đời từ thế kỷ nào? Ai là tác giả?

Trả lời: Như chính tên gọi *Phụng Thành xuân sắc phú* (bài phú về cảnh sắc xuân của Thành Phượng) là bài phú Nôm đầu tiên viết về Thăng Long. Tác giả là Nguyễn Giản Thanh (1481-?) người làng Me, Hương Mặc (Tứ Sơn, Bắc Ninh)

Xuất thân từ một gia đình trí thức Nho học, cha là Tiến sĩ Nguyễn Giản Liêm, lại được trực tiếp học thầy - Tiến sĩ Đàm Thuận Huy (1463-1528), Nguyễn Giản Thanh đỗ Tiến sĩ Đệ nhất giáp (Trạng Nguyên).

Phụng Thành xuân sắc phú vốn là đề thi ra cho những người dự kỳ thi Đình năm 1508. Điều lý thú là, chính với bài phú Nôm này đưa Nguyễn Giản Thanh lên hàng đầu thành giai thoại “Trạng Me (gọi theo tên làng của Trạng) đề trạng Ngọt” tức Hứa Tam Tỉnh - người làng Ngọt - Như Nguyệt).

Bài phú còn để lại cho đời một cảnh sắc của Kinh thành Thăng Long với:

*“ ... chợ hòe dầm ấm, phố ngọc tản vân,
Trai lanh lẹn đá cầu vén áo,
Gái éo le rủ yếm đôi quần,
Khách Tràng An cuỡi ngựa xem hoa, rợp đường từ
mạch,*

*Chàng công tử ngựa xe trương tán, rạng mực
thanh tân...”*

***Câu hỏi 933: Một văn phái (dòng văn học)
nhưng tất cả các thành viên đều là cha con, anh em
trong cùng một dòng họ. Đó là văn phái nào?***

Trả lời: Một hiện tượng độc nhất vô nhị ở Việt Nam cho đến thế kỷ XVIII - XIX, đó là một tập hợp thơ văn lớn gồm 36 quyển của 15 tác giả trong cùng một dòng họ Ngô Thì ở Tả Thanh Oai (Thanh Trì) mang tên *Ngô gia văn phái*.

Sưu tập bao gồm các thể loại văn học đương thời từ thơ, phú, truyện, ký, cho đến các công trình khảo cứu sử học, triết học... phản ánh thời kỳ Lê - Trịnh, Tây Sơn, đầu Nguyễn - trên dưới một thế kỷ đầy biến động ở Việt Nam.

Có thể kể đến những tác phẩm tiêu biểu như:

Việt sử tiên án, Anh ngôn thi tập, Quan Lan thi tập, Nhị Thanh động tập... của Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780).

Bang giao hảo thoại, Kim Mã hành dư, Hàn các anh hoa... của Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803).

Hoàng Lê Nhất thống chí của các tác giả họ Ngô Thì...

Câu hỏi 934: Có một người từng đào hầm thấp đèn dưới đất đọc sách... đã làm rung lên khúc ngâm chinh phụ ở đời. Người đó là ai?

Trả lời: Đó là Đặng Trần Côn - ngụ cư ở làng Mọc, huyện Thanh Trì (nay thuộc quận Thanh Xuân). Năm sinh và mất của ông nay chưa rõ, nhưng sống vào cuối thời Lê - Trịnh (thế kỷ XVIII).

Chuyện đào hầm, thấp đèn đọc sách ban đêm của ông trở thành truyền thuyết về tính ham học. Còn khúc *Chinh phụ ngâm* từ đương thời đã được nhiều người tán thưởng, chọn để diễn âm, trong đó có bản diễn Nôm được lưu hành rộng rãi nhất là của Đoàn Thị Điểm (có người cho là của Phan Huy Ích). Nguyên án - Phạm Đình Hổ còn chép trong *Tang thương ngẫu lục*, lời thán phục của họ Ngô Phong Ngô Thì Sĩ - một đại bút của thế kỷ XVIII “Văn này đánh đổ cả lão Ngô”.

Câu hỏi 935: Thiên ký sự đột xuất mà có giá trị lâu dài - Thượng kinh ký sự đã ra đời như thế nào?

Trả lời: Rồi bỏ chuyện học hành, kiếm cung, binh nghiệp... để về quê mẹ ở Hương Sơn, học nghề thuốc chữa bệnh cho mẹ, cho dân..., Lê Hữu Trác tưởng đã yên thân ở vùng núi rừng Tĩnh Diệm. Nhưng danh tiếng về người thầy thuốc giỏi tài, nhân đức đã vượt cao hơn cả ngàn Thiên Nhẫn, toả rộng hơn nhiều lần lưu vực Ngàn Phố, Lam giang.

Thăng Long năm 1781, cả cha con chúa Trịnh Sâm ốm đau mà Ngự y chúa chữa chẳng khỏi. Lê Hữu Trác bị triệu vào kinh để làm việc đó.

Hai cha con chúa Trịnh chết, nhưng còn mãi với đời là *Thượng kinh ký sự*.

Thượng kinh ký sự kể chuyện lên Kinh đô - bắt đầu từ buổi rời Hương Sơn - cho đến ngày trở lại. Những điều mắt thấy tai nghe của một thầy thuốc - một nhà văn - nho sĩ ở ẩn về quang cảnh Kinh thành Thăng Long năm 1782 - tự nó đã là những tư liệu lịch sử có giá trị. Mặt khác, những đoạn văn, những tình tiết đặc sắc, những bài thơ vịnh phong cảnh, nhân tình... gửi gắm tâm trạng của ông.

Thượng kinh ký sự - “ký sự” đầu tiên về Thăng Long tác phẩm không thể bỏ qua của Hải Thượng Lãn Ông.

Câu hỏi 936: Tình cảm của thi hào Nguyễn Du (1766-1820) với Thăng Long được gửi gắm vào những bài thơ nào?

Trả lời: Thăng Long - nơi Nguyễn Du cất tiếng chào đời, nơi nuôi dưỡng, giữ gìn những kỷ niệm thuở thiếu thời của thi sĩ.

Sau này chìm nổi trên đường đời ở nhiều miền đất nước, người và cảnh Thăng Long vẫn nức nở gọi ông về.

Không chỉ là giai thoại về tình cảm của cậu Chiêu Bầy - Nguyễn Du với cô bạn dìu dắt chờ dò ngang

trên sông Nhị đã hoá thành tiếng gọi đồ mỗi mỗi còn vọng về, day dứt: “Ai ơi... chèo chống tôi sang...”, mà trong di cảo thơ văn của ông - ít nhất có thể nhắc đến *Mộng đắc thái liên* và *Long Thành cầm giả ca*.

Mộng đắc thái liên - Mơ được hái sen ở Hồ Tây. Hẳn là thời trai trẻ, Nguyễn Du đã lên Hồ Tây không chỉ một lần, nên trong giấc mơ ở Huế, cảnh đó hiện lên thật sinh động.

Long Thành cầm giả ca - bài ca người gảy đàn cầm ở Long Thành, là ký ức không phai về thuở nhà thơ *dầu xanh trẻ tuổi* trong một đêm ở Giám hồ thời Tây Sơn được nghe tiếng đàn cầm trác tuyệt:

*Khoan như rừng thông hơi gió thoảng,
Trong như tiếng hạc khoảng âm u,
Mạnh như sét đánh bia dờ,
Buồn như Trang Tích ồm hồ Việt âm.
(Hoãn như sơ phong độ tùng lâm,
Thanh như song hạc minh tại âm,
Liệt như Tiến phúc bi dầu đoàn tích lịch,
Suy như Trang Tích bệnh trung vi Việt ngâm).*

Ở Huế, xa Long Thành hai mươi năm, nhưng hình ảnh đó nhuộm nửa mái đầu hoa râm của thi sĩ. Ngoài hai bài trên, thi hào Nguyễn Du còn hai bài thơ chữ Hán với giọng điệu hoài cổ về Thăng Long thời Lê.

Nguyễn Du đem lại cho văn học Thăng Long kiệt tác và chính Thăng Long đã hình thành nên thiên tài

Nguyễn Du, làm cho những giá trị thi văn của ông vượt lên tầm cả nước.

Câu hỏi 937: Đầu thế kỷ XIX, Hồ Tây từng nổi sóng công kích trong hai tác phẩm nào?

Trả lời: Đó là cuộc bút chiến mà Hồ Tây là tên chung cho hai bài phú - hai nhà thơ cùng đất Thăng Long: Nguyễn Huy Lượng với *Tụng Tây Hồ phú* và Phạm Thái với *Chiến tụng Tây Hồ phú*.

Nguyễn Huy Lượng (? - 1808) xuất thân trong một gia đình uy vọng, hiển đạt, của một làng quê nổi tiếng học hành, khoa bảng (làng Sủi, Phú Thị, Gia Lâm), đậu cử nhân, từng làm quan triều Lê - Trịnh, sau hợp tác với triều đình Tây Sơn làm Hữu Thị lang bộ Hộ

Tụng Tây Hồ phú viết vào mùa hè năm 1801 nhân dịp Quang Toản ra làm lễ tế trời đất ở Hồ Tây, chuẩn bị chuyển đô từ Phú Xuân ra Thăng Long. Sự khởi sắc của thời đại vua Quang Trung, lai lịch, hình thế, thắng cảnh... của Tây Hồ được hoá thân, ca ngợi qua 86 liên - độc vận “Hồ”.

Phạm Thái (1777 - 1813), con một cận thần nhà Lê, làng Yên Thị (cùng huyện Gia Lâm với Nguyễn Huy Lượng). Muốn nối chí cha, chống lại Tây Sơn, nhưng chưa có điều kiện thực hiện, lại gặp mối tình lãng mạn, nhưng tuyệt vọng, bất hạnh với Quỳnh Như. Sau khi người yêu mất, Phạm Thái đi lang thang đây đó bầu bạn với rượu chè, danh lam thắng cảnh.

Chiếu tụng Tây Hồ phú, như tác giả viết “góp một chút trò cười với đời” họa lại đủ vắn của “*Tụng Tây Hồ phú*”, được viết vào năm 1802.

Câu hỏi 938: Một áng văn thông thiết - tiếng khóc của người anh hùng về một Thăng Long anh hùng trong giờ thất thủ cuối thế kỷ XIX! Đó là tác phẩm nào, của ai?

Trả lời: Đó là *Trần tình biểu* của Tổng đốc Hoàng Diệu (1828 - 1882).

8 giờ ngày 25-4-1882, thực dân Pháp nổ súng tấn công thành. Dọc bờ sông, trên đường tiến vào thành, người Hà Nội tự tay châm lửa đốt nhà mình để tạo bức tường lửa chặn giặc.

Hoàng Diệu dẫu đang ốm vẫn dẫn đầu tướng sĩ lên mặt thành chiến đấu và khích lệ quân dân. Cuộc chiến đến 11 giờ trưa, thì nào ngờ:

*“Nội công phải những bao giờ,
Thấy kho thuốc cháy, ngọn cờ ngã theo”.*

Quân Pháp dốc lực lượng phá vỡ cửa Tây, cửa Bắc, ồ ạt tràn vào thành.

Hoàng Diệu quay về dinh, mặc triều phục chỉnh tề, vào hành cung Bắc vọng mà khóc. Ông thảo tờ biểu gửi vua Tự Đức.

Tờ biểu - lời cuối cùng của anh hùng - người đứng đầu thành Hà Nội, đã phản ánh đầy đủ sinh lực của Thăng Long trong thời điểm bi tráng nhất. *Trần tình biểu* - không chỉ nhìn rõ tâm địa của kẻ thù, “*làm sao*

tin được lòng giặc”, thấy rõ vị trí của Hà Nội cái cuống họng của Bắc Kỳ... mà hơn cả là tấm lòng trung trinh lẫm liệt, ngời sáng một mình thế với Long Thành, nguyện theo Nguyễn Tri Phương... của anh hùng Hoàng Diệu.

Câu hỏi 939: Là nhà thơ và chỉ là vợ quan, đã phê đơn thay chồng. Bà là ai?

Trả lời: Bà là nhà thơ (tên tuổi còn chưa thật chính xác, có tài liệu chép là Nguyễn Thị Hình) quê ở làng Nghi Tàm bên bờ Hồ Tây, sống vào khoảng đầu thế kỷ XIX.

Người đời vẫn thường gọi bà Bà Huyện Thanh Quan.

Gần 200 năm qua, các thế hệ Việt Nam - vừa rung động, đồng cảm với những câu thơ trác tuyệt của Bà về Thăng Long: *Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo, Nền cũ lâu đài bóng tịch dương*, về Đèo Ngang: *Nhớ nước đau lòng con quốc quốc, thương nhà mỏi miệng cái gia gia...* vừa truyền tụng không phải một lần bà đã phê vào đơn ở huyện đường khi chồng bà đi vắng. Chẳng hạn:

- Có một ông mới đỗ cống sinh, đệ đơn xin được mổ trâu khao làng. Bà phê:

*Người ta thì chẳng được trâu,
Ừ thì ông cống làm trâu thì làm.*

Hoặc phê vào đơn của người phụ nữ bị chồng bỏ đã lâu muốn xin đi lấy chồng, bà viết:

*Phó cho con Nguyễn Thị Đào,
Nước trong leo lẻo cấm sào đợi ai,
Chữ rằng “Xuân bất tái lai”.*

Câu hỏi 940: *Tám gương hy sinh của Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu và các chiến sĩ trong cuộc chiến đấu bảo vệ thành Hà Nội năm 1873, năm 1882 được ghi tạc trong lòng người núi Nùng, sông Nhị qua các tác phẩm thơ ca nào?*

Trả lời: Nguyễn Tri Phương, linh hồn cuộc chiến đấu chống Pháp ở thành Thăng Long lần thứ nhất và Hoàng Diệu, Tổng đốc Hà Nội - người đã chết với thành Thăng Long năm 1882, từ rất sớm đã được người Thăng Long - Hà Nội ca ngợi, dựng tượng đài đó chính là *Hà Thành chính khí ca*, *Hà Thành thất thủ ca* - những sáng tác còn chưa rõ tên tác giả (có người cho là của Nguyễn Văn Giai (Ba Giai)).

Câu hỏi 941: *Nhà văn Hà Nội đầu tiên viết truyện ngắn hiện đại bằng chữ quốc ngữ là ai?*

Trả lời: Trước *Sống chết mặc bay* (năm 1919) và sau *Bực mình* (1914) của Phạm Duy Tốn, có một nhà văn quê ở làng Nhân Mục (làng Mọc, nay thuộc quận Thanh Xuân) góp những *Câu chuyện gia đình*, *Chuyện ông Lý Chấm* đều viết bằng chữ quốc ngữ, đăng trong tạp chí *Nam Phong*, năm 1918.

Cùng với Phạm Duy Tốn, ông trở thành nhà văn đầu tiên viết truyện ngắn bằng chữ quốc ngữ, đánh dấu bước chuyển mình đầu tiên của văn xuôi tự sự

Việt Nam sang nền văn học hiện đại. Nhà văn đó là Nguyễn Bá Học (1857 - 1921).

Câu hỏi 942: *Được coi là mở đầu cho tiểu thuyết lãng mạn của văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX được xuất bản tại Hà Nội là tiểu thuyết gì, do ai viết?*

Trả lời: Năm 1922, khi còn đang học ở Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, anh sinh viên Hoàng Ngọc Phách đã vui đầu vào viết truyện. Đó là truyện tình bi thảm của chàng Đạm Thuỷ, nàng Tố Tâm - một tình yêu khoắc áo thị thành giữa thời buổi cũ mới còn tranh tối, tranh sáng.

Rồi cái chết của người con gái sau ngày cưới cậu tú B, người mà nàng không yêu... đã không chỉ làm đau khổ, say mê... buồn bã bao nhiêu người đương thời, mà còn đưa cả tiểu thuyết mang tên nàng Tố Tâm thành một tác phẩm mở đầu cho tiểu thuyết lãng mạn của văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Câu hỏi 943: *Tự lực văn đoàn xuất hiện trên văn đàn Hà Nội vào những năm nào?*

Trả lời: Là nhóm văn học do Nhất Linh đứng đầu, xuất hiện trên văn đàn Hà Nội năm 1932, chính thức tuyên bố thành lập đầu năm 1933 và hoạt động mạnh đến năm 1940.

Tự lực văn đoàn bao gồm nhiều nhà văn, nhà thơ như Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, các họa sĩ như Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân..., trong đó có nhiều tác giả người Hà Nội như Tú Mỡ, Thế Lữ...

Câu hỏi 944: “Ba chàng họ Vũ” nổi tiếng văn đàn Hà Thành giữa những năm 30, đầu những năm 40 của thế kỷ XX là những ai?

Trả lời: Theo tuổi tác đó là:

- Vũ Đình Chí (1901 - 1986).
- Vũ Trọng Phụng (1911 - 1939).
- Vũ Bằng (1914 - 1983).

Bà nhà văn cùng họ Vũ này mỗi người một quê:

Tam lang Vũ Đình Chí, quê Bắc Ninh.

Vũ Trọng Phụng, gốc Hưng Yên.

Vũ Bằng, gốc Hải Dương.

Nhưng đều viết về Hà Nội, đều thành danh từ Hà Nội.

Câu hỏi 945: Một tác phẩm mà Vũ Trọng Phụng coi là “hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác trước nay chưa từng có”, đó là tác phẩm gì, của ai?

Trả lời: Đó là tác phẩm *Tắt đèn*, in năm 1939 của nhà văn Ngô Tất Tố (1894 - 1954).

Chuyện của vùng quê ông - làng Lỗ Hà (huyện Đông Anh) với những chị Dậu, cái Tý, Nghị Quế..., qua ngòi bút của ông đã trở thành điển hình cho những khổ đau, ngọt ngào của người nông dân mọi miền quê đất nước trước năm 1945.

Tắt đèn - tác phẩm được coi là tiêu biểu nhất của sự nghiệp văn học của Ngô Tất Tố - cũng là một trong những thành công xuất sắc nhất của trào lưu văn học hiện thực phê phán Việt Nam.

Câu hỏi 946: Người Hà Nội mang Tiếng sáo Thiên Thai, Cây đàn muôn điệu tấu lên khúc mở đầu Thơ Mới là ai?

Trả lời: Cùng với Nhớ rừng, Tiếng sáo Thiên Thai, Cây đàn muôn điệu là những bài thơ nổi tiếng của người con trai quê Phù Đồng, Gia Lâm là Nguyễn Thứ Lễ, tức Thế Lữ (1907-1989).

Trước năm 1945, Thế Lữ đã sớm có mặt trong Tự lực văn đoàn, và bằng những bài thơ của mình, ông được ghi nhận như một trong những người mở đầu cho phong trào Thơ Mới.

Sau năm 1945, trên những nẻo đường kháng chiến, ông cũng là người góp phần mở đầu trong việc hình thành, phát triển của ngành sân khấu kháng chiến với tư cách vừa là diễn viên, đạo diễn, phụ trách đoàn kịch Chiến Thắng. Ông từng làm Chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Nghệ sĩ Nhân dân là danh hiệu Nhà nước phong tặng Thế Lữ từ đợt đầu tiên.

Câu hỏi 947: Hà Nội 36 phố phường là của ai?

Trả lời: Hà Nội 36 phố phường vừa là lời dân gian phổ biến, quen thuộc vừa thành tên một tập tùy bút sáng giá, gửi gắm tình cảm của người viết với Hà Thành là của Thạch Lam (1910 - 1942).

Thạch Lam tên thật là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân, em ruột của nhà văn Nhất Linh - Nguyễn Tường Tam (1905 - 1963), Nguyễn Tường Long - Hoàng Đạo (1906 - 1948).

Câu hỏi 948: Đến và mang thành tựu cho Thơ Mới (1932 - 1935) lại bằng Ngày xưa là ai vậy?

Trả lời: Đó là Nguyễn Nhược Pháp (1914 - 1938) - tác giả bài thơ *Em đi chùa Hương*. Ông quê ở làng Phụng Vũ (Phụng Dục), huyện Thường Tín, Hà Tây, con trai học giả Nguyễn Văn Vĩnh, nhưng ông gần với Hà Nội từ những ngày đi học Trường Albert Sarraut, Trường Cao Đẳng... và cũng mất ở Hà Nội năm 24 tuổi.

Ngày xưa là tên tập thơ của ông, được đánh giá là một thành tựu của phong trào Thơ Mới.

**Câu hỏi 949: Nhà tôi hai bốn (24) Cột Cờ,
Ai quen thì tới, ai lơ thì thôi.**

Có ai lơ đi tác giả và văn chương của ông không?

Trả lời: Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định ngày 27-3-1987 về việc bảo tồn toàn bộ căn phòng này, và đã trân trọng gắn biển: “Phòng lưu niệm nhà thơ Xuân Diệu (1916-1985)”.

50 năm trước ngày gắn biển, chàng trai gốc gác: *Cha Đàng Ngoài, mẹ ở Đàng Trong; Hai phía Đèo Ngang: một mối tơ hồng*, đã được chính Hà Nội “phát hiện” và trân trọng “một tâm hồn đắm thắm và dễ cảm xúc”, “một tâm sự nồng nàn kín đáo, một linh hồn rạng rỡ và say mê, đắm thắm hiện ra ở trong những điệu thơ êm dịu và ái ân, thiết tha và bông bột”. “Trên ngôi nhà nghệ thuật, trên ngôi nhà thi sĩ ta thấy lòng ta mến yêu một linh hồn mở rộng, một tấm lòng

chào đón, một con người ân ái đa tình. Người ấy chắc hẳn không cần phải quá đợi chờ, van xin và lễ nào cõi đời còn mãi mãi lạnh lùng vô tư khi đã nghe tiếng đàn si mê của Xuân Diệu” (Thế Lữ).

Câu hỏi 950: Người cùng “Sống mãi với Thủ đô” như tác phẩm của mình là ai?

Trả lời: *Sống mãi với Thủ đô* là một trong những tác phẩm ca ngợi cuộc kháng chiến anh dũng của người Hà Nội năm 1946 của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng (1912 - 1960).

“Ông sinh tại làng Dục Tú, huyện Đông Anh. Sau khi học và làm nhà Đoan ở Hải Phòng, ông về Hà Nội.

Ông không chỉ trực tiếp thể hiện tình yêu nước của mình, trên những chặng đường đi kháng chiến chống Pháp, mà còn kết tinh qua hàng loạt các tiểu thuyết, kịch lịch sử như *Đêm hội Long Trì*, *An Tư công chúa*, *Kỷ sự Cao Lạng*, *Bốn năm sau*, *Lũy hoa*,...

Câu hỏi 951: Gánh xiếc đầu tiên của Hà Nội gắn liền với tên tuổi của ai?

Trả lời: Đó là gánh xiếc Tạ Duy Hiển (1888-1966). Ngày 5-12-1922, đoàn xiếc Việt Nam với đủ các tiết mục người, thú đã trang trọng ra mắt công chúng Hà Nội tại rạp hát chợ Hàng Da. Thực ra từ trước đó, tiền thân của đoàn xiếc Việt Nam là gánh xiếc riêng của gia đình Tạ Duy Hiển đã ra đời - gánh xiếc đầu tiên của miền Bắc.

Suốt từ đấy, từ đoàn xiếc Tạ Duy Hiến đã kích thích sự ra đời của nhiều đoàn xiếc trong cả nước.

Hoà bình lập lại năm 1954, ông trở thành trưởng đoàn xiếc nhân dân Trung ương. Dưới sự dìu dắt của ông, nhiều nghệ sĩ xiếc đã trưởng thành.

Với nghệ thuật xiếc, ông mãi mãi là nghệ sĩ nhân dân và với cái tên *xiếc Tạ Duy Hiến*.

Câu hỏi 952: “Lò” đầu tiên cho sự ra đời mỹ thuật hiện đại Việt Nam tại Hà Nội là cơ sở nào?

Trả lời: Đó là sự ra đời của Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (sau đổi tên là Trường Cao đẳng Mỹ thuật và Mỹ nghệ thực hành) vào năm 1925.

Với hai đời hiệu trưởng: Họa sĩ Victo Tardier (1925 - 1936), nhà điêu khắc Jongchère (1936 - 1945), các giáo viên phân lớn là người Pháp (từ khoá 5 trở đi có thêm một số thầy, trợ giáo Việt Nam: Nam Sơn, Nguyễn Phan Chánh, Tô Ngọc Vân...). Qua 20 năm (1925 - 1945), Trường đã đào tạo được 13 khoá trọn vẹn và 4 khoá còn dở dang cho 187 sinh viên Việt - Miên - Lào trong đó có 145 hội hoạ, 12 điêu khắc...

Chính những lớp sinh viên của Trường đã tạo ra lớp họa sĩ, điêu khắc mới. Từ nguồn này, Mỹ thuật Việt Nam có sự khởi sắc thông qua việc triển lãm nghệ thuật ở trong và ngoài nước: Paris năm 1931, Roma năm 1932, Milan và *Naples* năm 1936, *San Fransco* năm 1937.

Câu hỏi 953: Câu truyền tụng trong giới họa sĩ Hà Thành và cả Việt Nam những năm 20 của thế kỷ: “Nhất Trí, nhì Lân, tam Vân, tứ Cẩn” nhắc đến những ai?

Trả lời: Năm 1925, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương tuyển khoá chính thức đầu tiên. Jongchère - một trong những quản đốc trường tuyên bố: “chỉ đào tạo cho Đông Dương những người thợ mỹ nghệ chứ không phải để thành nghệ sĩ”. Nhưng Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương vẫn thực sự trở thành mốc mở đầu cho Mỹ thuật mới Việt Nam. Trong những năm đó, câu truyền miệng trên trong giới họa sĩ là để nhắc tới 4 học sinh và là 4 họa sĩ trẻ tài danh của đất Hà Thành: Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Tường Lân, Tô Ngọc Vân và Trần Văn Cẩn.

Câu hỏi 954: Ở Thủ đô có người đẹp dịu dàng bên hoa huệ, hoa sen và có cả hình ảnh người thiếu nữ tuốt gươm về phía quân thù... Người tạo nên những hình tượng đó là ai?

Trả lời: Thiếu nữ bên hoa huệ của Trần Văn Cẩn, Thiếu nữ bên hoa sen là tranh nổi tiếng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 của họa sĩ Tô Ngọc Vân.

Người thiếu nữ dứt khoát vung gươm về phía trước mà vẫn thanh thoát, trong bức tranh *Hà Nội vùng đứng lên* cũng sáng tác của Tô Ngọc Vân trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến.

Tô Ngọc Vân sinh ngày 15-12-1906 ở Hưng Yên. Ông tốt nghiệp Trường Cao đẳng Mỹ thuật Công nghiệp Đông Dương khoá II (1926-1931) rồi dạy tại trường. Cùng với những danh họa Nguyễn Phan Chánh, Nguyễn Gia Trí, Trần Văn Cẩn..., tranh của Tô Ngọc Vân đã sớm có mặt trong các cuộc triển lãm nghệ thuật trong, ngoài nước như đấu xảo tại Paris năm 1931, Roma năm 1932, và *Naples* năm 1936, Bowen năm 1935. Tên tuổi của ông quen thuộc với thế giới hội họa. Ông là người có công đầu trong việc sử dụng sơn dầu vẽ tranh Việt Nam.

Ông là người vinh dự cùng với một số nghệ sĩ được vẽ *Bác Hồ* ngay sau những ngày cách mạng thành công, tiêu biểu là bức tranh *Bác Hồ ở Phủ Chủ tịch*.

Rời Hà Nội, tham gia vào cuộc kháng chiến chống Pháp, ông đã để lại trên chặng đường gian lao, oanh liệt ấy những bức *Xương quân giới*, *Nữ cứu thương*, *Dừng chân bên đống*, *Hai chiến sĩ*,...

Họa sĩ, chiến sĩ Tô Ngọc Vân đã hi sinh trên đường tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, tháng 6-1954. Ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1966.

Câu hỏi 955: “Phố Phái” là gì?

Trả lời: Đó là một danh hiệu trù mến mà giới hội họa gọi (rồi trở thành quen với mọi người) họa sĩ Bùi Xuân Phái (1921 - 1988).

Từ bức tranh đầu tiên vẽ phố Hàng Phèn (đã tham gia triển lãm tại Pháp) cho đến cuối đời những mái ngói, tường rêu, ô cửa... của những phố: Hàng Bè, Hàng Giấy, Hàng Mã, và những di tích, thắng cảnh Ô Quan Chưởng, Văn Miếu, Hồ Tây đã sáng lên từ giá vẽ của ông. Hơn 40 năm lao động nghệ thuật, bảo tàng tranh phố cổ Hà Nội là một di sản, một dấu ấn độc đáo của Bùi Xuân Phái.

Câu hỏi 956: Người đẹp bước ra từ ... tranh là tình tiết trong truyện nào của Thăng Long xưa?

Trả lời: Cổ tích Việt Nam từng quen với cô tám bước ra từ quả thị. Còn truyện thơ *Bích Câu kỳ ngộ* gắn bó với chùa Ngọc Hồ với Cầu Đông sương sớm, với chàng học trò Tú Uyên ở xóm Bích Câu, Thăng Long... lại có nàng Giáng Kiều bước ra từ tranh Tố nữ.

Câu hỏi 957: Huyền thoại Việt Nam gắn liền với Hà Nội đầu tiên được đưa lên sân khấu nước ngoài là huyền thoại nào?

Trả lời: Là huyền thoại - An Dương Vương - Mỵ Châu - Trọng Thủy.

200 diễn viên Nhật của đoàn Takarazuka đã nhập cuộc. Vở do nữ nhà thơ - nhà tiểu thuyết Mori biên kịch và M. H. Utsu đạo diễn.

Tháng 1-1943 vở ca kịch operette đã trình diễn ở Tokyo.

Câu hỏi 958: Những thiên tình sử nào gắn với người, cảnh Thăng Long?

Trả lời: Mảnh đất vùng Thăng Long gắn với truyền thuyết - những thiên tình sử sau:

- Trọng Thủy - Mỵ Châu.
- Chử Đồng Tử - Tiên Dung.
- Hương Miệt hành (hay Chiếc giày thơm).
- Nàng Túy Tiêu.
- Hà Ô Lôi.
- Bích Câu kỳ ngộ.

...

Câu hỏi 959: Trạng Quỳnh đến Thăng Long qua những mẩu chuyện nào?

Trả lời: Việc tìm hiểu quê hương, nguồn gốc của Trạng Quỳnh đã, đang và sẽ còn tiếp tục được đặt ra.

Nhưng truyện Trạng Quỳnh - một liên hoàn các truyện, như một tuyệt tác của trí tuệ gian gian Việt Nam phác hoạ thần thái, sinh động, hiện thực của xã hội Việt Nam thời Lê - Trịnh thì rõ ràng là ngữ văn dân gian Hà Nội cổ.

Có không ít truyện trong liên hoàn đó gắn với Thăng Long, từ chuyện Trạng bắt sứ Tàu phải qua cống vào thành, đến những chúa, những vua, quan có tên địa chỉ cụ thể: như chuyện cho chúa ăn mầm đá, chuyện cất nghĩa chữ Đại Phong, chuyện tiên sư thằng... “Bảo Thái”, v.v.

Câu hỏi 960: Bốn nhân vật hèn nhất trong sự kiện Pháp tấn công Thành Hà Nội cuối thế kỷ XIX đã được dân gian đặt cho “danh hiệu” gì?

Trả lời: Bốn nhân vật đó là: Đề đốc Lê Văn Trinh, Tuần phủ Hoàng Hữu Xứng, Án sát Tôn Thất Bá, Bồi chánh Phạm Văn Tuyển, được dân gian Hà Nội phác họa rất rõ ràng trong *Hà Thành chính khí ca*. Điều bi hài là ở chỗ khi giặc Pháp tấn công Thăng Long nhiều chiến đã hi sinh cả tính mạng mình để bảo vệ như cha con Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu thì những kẻ mũ cao áo dài, như bốn người kẻ trên lại khiếp nhược đầu hàng, hoặc ngấm ngấm làm gián điệp cho giặc. Qua cách nhìn dân gian, Án sát Tôn Thất Bá: *Bán rẻ một toà Thăng Long*; Đề đốc Lê Văn Trinh *vội vàng chạy ngay khi thấy giặc*. Nhân dân Hà Nội gọi thẳng họ là những kẻ *úy tử tham sinh*. Thế nhưng, chính bọn này sau đó lại mị dân bằng “tuyệt thực” nhưng “*đã toan tịch cốc mấy lần lại thôi*”. Người Hà Nội gọi đó là “*tứ bất tử*” - muốn tự tử mà vẫn sống nhăn răng.

Câu hỏi 961: Viên quan Nguyễn Hữu Độ đầu hàng Pháp được bổ làm Tuần phủ Hà Nội, rồi leo lên Kinh lược sứ Bắc Kỳ, đã được dân gian tặng cho bức đại tự treo giữa nhà - đọc như thế nào mà thành câu chửi Bối Tây?

Trả lời: Ấy là vào dịp Độ thăng quan, có người tặng Độ bức hoành phi với 4 chữ Hán: *Đại điểm quân thân*. *Đại điểm* - Điểm to, ý nói Độ là bậc đại thân lớn

nhất, to nhất trong đám quần thần. Như thế là ca tụng, đề cao hết ý. Độ thích lắm, ai đến cũng khoe.

Thế nhưng, còn cách đọc, giải thích khác đại là lớn, điểm thêm một dấu chấm thành khuyến là chó. Còn *quần thần* giản dị là bầy tôi, đọc lái đi là bồi Tây.

Như thế Đại điểm quần thần là giống chó bồi Tây!

Lối chơi chữ thông minh, sâu sắc dân gian của Hà Nội trở thành vũ khí đánh đòn cho lũ đầu hàng, làm tay sai cho giặc Pháp (có người cho là tặng bức hoành phi này cho Nguyễn Văn Tâm - Thủ tướng bù nhìn thời kháng chiến chống Pháp).

Câu hỏi 962: Cô Me Tây Tư Hồng do có quan hệ kinh doanh với chính quyền cai trị Pháp ở Hà Nội đã trở nên giàu có và được triều đình Huế tặng phẩm hàm. Cụ Tam nguyên Yên Đổ đã có đôi câu đối chữ xéo mụ ta như thế nào?

Trả lời: Tư Hồng - tên thực là Trần Thị Lan, quê ở gần làng nhà thơ Nguyễn Khuyến. Tên Tư Hồng là ghép tên của hai đời chồng, lần thứ nhất một Hoa kiều ở Hải Phòng, tên là Hồng - dân quen gọi cô là thím Hồng. Lần thứ hai, lên Hà Nội lấy một quan tư người Pháp.

Do dựa thế Tây, Tư Hồng trúng vụ bao thầu phá Thành Hà Nội, trở nên giàu có. Rồi nhân miễn Thừa Thiên bão lụt, Tư Hồng đầu tư độc quyền bán gạo cho vùng lụt không xong, đã khôn ranh chuyển số gạo đầu cơ thành gạo phát chẩn. Với việc “từ thiện” này, triều

đình Huế phong cho Tư Hồng phẩm hàm ngang với hàng án sát tỉnh - *Tứ Phẩm*, còn bố mẹ đẻ của Tư Hồng, cũng được trao hàm Hàn lâm Thị độc.

Tất cả chuyện ấy sao qua được tai mắt nhân dân. Chuyện kể rằng, ngày Tư Hồng mở tiệc khao nhận được danh giá trên, cụ Tam nguyên Yên Đổ đã cho người sang mừng 3 chữ “Chi chi dã” dùng để viết Đại tự và đôi câu đối Nôm *Có tàn, có tán, có nhang án thờ vua, danh giá lẫy lừng hăm sáu tỉnh; Nào biển, nào cờ, nào sắc phong cho cụ, chị em hồ để mấy lăm người.*

Lúc đó trong đám tiệc từng ai cũng xúm lại, khen ngợi, chúc tụng. Có người hiểu hoặc có người không hiểu, nhưng rồi... cũng vỡ ra.

Nguyên chi chi dã chẳng có nghĩa gì, nhưng đọc lại sẽ thành câu chửi *cha cha dĩ*.

Còn câu đối Nôm, thực ra là từ một câu tục ngữ *Làm dĩ có tàn, có tán, có nhang án thờ vua* từng được phổ biến ở dân gian.

Câu hỏi 963: Nhà nhiếp ảnh - tác giả những bức ảnh lịch sử về Hà Nội mùa thu năm 1945, mùa đông năm 1946 là ai?

Trả lời: Những sự kiện của đất nước của những năm 1930-1946, đặc biệt là vào *thuở ban đầu dân quốc* ấy, của những ngày Hà Nội vùng đứng lên sẽ không được ghi lại sinh động, sâu sắc, kịp thời cho đương thời, và mai sau... nếu như vắng người nghệ sĩ - chiến sĩ Nguyễn Bá Khoản (1917-1993).

Rời làng quê Liễu Viên, Thường Tín, Hà Tây từ năm chưa đầy 20 tuổi ông đã dấn thân vào con đường cách mạng, làm phóng viên cho các báo *Tin tức, Bọn Dân...*

Suốt đời tham gia cách mạng, với tư cách là người nghệ sĩ, chiến sĩ, ông đã đi khắp các vùng từ vòng quanh Đông Dương (1939), Nam Bộ (1945), Việt Bắc... là người tham gia, là nhân chứng trực tiếp của nhiều sự kiện vĩ đại hào hùng, bi tráng của dân tộc.

Trong di sản đồ sộ với hàng vạn tấm ảnh của ông, sáng mãi những tấm ảnh: *Hà Nội mít tinh 17-8-1945, Hà Nội đánh chiếm phủ Khâm sai, Lễ Tuyên ngôn độc lập, Người chiến sĩ Thủ đô ôm bom ba càng - quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh...*

Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996 là sự đánh giá của Đảng, Nhà nước ta về tâm huyết và tài năng của cuộc đời chiến sĩ, nghệ sĩ nhiếp ảnh của ông.

Câu hỏi 964: Người Hà Nội xem truyền hình từ bao giờ?

Trả lời: Ngày 1-5-1968, sau khi tiếp khách quốc tế xong, Bác Hồ gọi nhà quay phim Phạm Thế Hùng lại gần, tặng một bông hoa và hỏi: “Bao giờ các chú cho nhân dân ta được xem truyền hình?”.

Bác hỏi vì từ ngày 4-1-1968, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thanh Nghị đã có quyết định thành lập ngành vô tuyến truyền hình. Bác hỏi để nhắc nhở, đôn đốc.

Với nỗ lực khắc phục mọi khó khăn, thiếu thốn của hoàn cảnh chiến tranh... 19 giờ ngày 7-9-1970, buổi phát sóng đầu tiên của Đài truyền hình Trung ương đã thực hiện thành công.

Câu hỏi 965: *Người Hà Nội xem tivi màu từ năm nào?*

Trả lời: 16 giờ 30 ngày 7-7-1980, lần đầu tiên tại Trung tâm truyền hình Giảng Võ đã nhận được hình ảnh màu chương trình hàng ngày của truyền hình Mátxcova. Đó là kết quả của gần nửa năm xây dựng Đài vệ tinh mặt đất Hoa Sen.

Câu hỏi 966: *Sự kiện nào được coi là mở đầu cho nền kịch nói dân tộc?*

Trả lời: Đó là việc lần đầu tiên trên sân khấu Hà Nội công diễn vở kịch nói “chén thuốc độc” của Vũ Đình Long, ngày 23-10-1921.

Câu hỏi 967: *Hội khỏe Phù Đổng lần đầu tiên được diễn ra ở đâu?*

Trả lời: Đại hội thể dục thể thao cả nước, lớn nhất đầu tiên của học sinh Việt Nam mang tên Hội khỏe Phù Đổng - được khai mạc trọng thể tại Hà Nội - quê hương của Thánh Gióng, vào hôm trước của kỷ niệm ngày giải phóng Thủ đô ngày 9-10-1983.

Câu hỏi 968: *Trái tim nào đã ngân lên câu thơ về Thăng Long - Hà Nội nói dùm bao tấm lòng người Việt:*

*Từ thuở mang gươm đi mở cõi,
Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long?*

Trả lời: Đó là câu thơ của người con làng Tân Định, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Tam Ngãi - Huỳnh Văn Nghệ (1914-1977).

Trước khi trở thành Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam và Thứ trưởng Bộ Lâm Nghiệp, Huỳnh Văn Nghệ đã trải qua những năm tháng tuổi trẻ chiến đấu chống thực dân Pháp ở chiến trường Đông Nam Bộ những năm 1945 - 1954 (Phó Tư lệnh).

Chính những năm tháng gian khổ, hào hùng ấy, với tình cảm yêu nước của một người chiến sĩ - câu thơ trên đã ra đời như chính tình cảm nhớ nhung - tin tưởng, như lời tự động viên, khích lệ của Huỳnh Văn Nghệ đã nhanh chóng trở thành tâm đắc chung của đông đảo mọi người.

Câu hỏi 969: *Tác giả sáng tác bài hát Tiến quân ca trong lòng Hà Nội là ai?*

Trả lời: Đó là Văn Cao (1923 - 1995), gốc gác ở một làng quê Nam Định, sinh tại Hải Phòng để rồi trở thành một Văn Cao ở Hà Nội.

Cũng như nhiều bậc tài danh cùng thế hệ, Văn Cao đã tự khẳng định mình, tự đào tạo mình trong khi nhập thân vào hiện thực sôi động của đất nước, cách mạng, thấm nhận ngàn xưa tinh hoa của đất Thăng Long.

Xuất lộ tài năng từ những ca khúc *Thiên Thai, Trương Chi, Cung đàn xưa...* rồi Văn Cao đến với cách mạng. Khí thế hùng hục của cao trào cách mạng, chính những ngọn lửa tím sẫm, bập bùng trong những hốc mắt của những bóng người đói khổ bên Hồ

Gươm... làm ngân lên trong tâm hồn ông những nét nhạc đầu tiên của Tiến quân ca như Văn Cao hồi tưởng. Và năm 1945, khúc nhạc hùng tráng đó đã góp phần đốt cháy thêm ngọn lửa sục sôi của những ngày tiền khởi nghĩa và Cách mạng tháng Tám. Quốc hội khoá I nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã chọn Tiến quân ca làm Quốc ca Việt Nam cho đến ngày nay.

Câu hỏi 970: Bài ca nào có nhiều địa danh Hà Nội nhất?

Trả lời: Đó là bài *Người Hà Nội* của Nguyễn Đình Thi, sáng tác cuối năm 1946 đầu năm 1947.

Hãy hát lên, nghe âm vang, “đây Hồ Gươm, Hồng Hà, Hồ Tây... Đây Thăng Long, đây Đông Đô, đây Hà Nội, Hà Nội mến yêu...” với bóng Tháp Rùa thân mật, tíu tíu gánh gồng Ô Chợ Dừa, Ô Cầu Dền, rộn ràng Đồng Xuân, Hàng Đào, riu rít Hàng Đường, Hàng Bạc, Hàng Gai...

Nhưng *Người Hà Nội* không chỉ điểm tên những phố phường, thắng cảnh Thủ đô mà hơn cả chính là âm điệu lột tả thần thái của mảnh đất “lắng hồn núi sông ngàn năm, đây Thăng Long, đây Đông Đô, đây Hà Nội”.

Câu hỏi 971: Hiện nay hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, có bao nhiêu báo, tạp chí xuất bản ra đời ở Thủ đô?

Trả lời: Hiện nay, theo thống kê chưa đầy đủ, hiện có các báo và tạp chí sau đây xuất bản ở Hà Nội:

TT	Tên báo - Tạp chí	Địa điểm liên hệ
I. BÁO CHÍ		
1	An ninh Thủ đô	138, Nguyễn Khuyến
2	Bạn đường	177, Thái Hà
3	Báo ảnh Việt Nam	79, Lý Thường Kiệt
4	Công an nhân dân	66, Thợ Nhuộm
5	Công nghiệp	54, Hai Bà Trưng
6	Cựu chiến binh Việt Nam	34, Lý Thường Kiệt
7	Diễn đàn doanh nghiệp	9, Đào Duy Anh
8	Doanh nghiệp	77, Nguyễn Thái Học
9	Đại đoàn kết	66, Bà Triệu
10	Đầu tư	175, Nguyễn Thái Học
11	Gia đình và xã hội	138, Giảng Võ
12	Điện ảnh kịch trường Việt Nam	66, Trần Hưng Đạo
13	Đường sắt Việt Nam	118, Lê Duẩn
14	Giáo dục và thời đại	14, Lê Trực
15	Hà Nội mới	44, Lê Thái Tổ
16	Khoa học và đời sống	70, Trần Hưng Đạo
17	Kinh tế VAC	6, Nguyễn Công Trứ
18	Kinh tế và đô thị	21, Huỳnh Thúc Kháng
19	Lao động	51, Hàng Bó

20	Lao động Thủ đô	1A, Yết Kiêu
21	Lao động xã hội	Nam Thành Công
22	Người Công giáo Việt Nam	59, Trảng Thi
23	Người Hà Nội	19, Hàng Buồm
24	Người Lao động	140, Lý Nam Đế
25	Nhân dân	71, Hàng Trống
26	Nhi đồng	12, Hồ Xuân Hương
27	Nông nghiệp Việt Nam	1A, Ngô Quyền
28	Nông nghiệp ngày nay	13, Thụy Khê
29	Pháp luật	158, Quán Sứ
30	Phụ nữ Thủ đô	72, Quán Sứ
31	Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh	157, Lê Duẩn
32	Quân đội nhân dân	7, Phan Đình Phùng
33	Sinh viên Việt Nam	5, Hòa Mã
34	Sức khỏe và đời sống	138A, Giảng Võ
35	Thể thao Việt Nam	5, Trịnh Hoài Đức
36	Thiếu niên Tiền phong	5, Hòa Mã
37	Thương mại	20, Lý Thường Kiệt
38	Tiền phong	15, Hồ Xuân Hương
39	Văn hóa	124, Nguyễn Du
40	Văn nghệ	17, Trần Quốc Toản

41	Văn nghệ trẻ	17, Trần Quốc Toàn
42	Xây dựng	37, Lê Đại Hành
43	Người cao tuổi	12, Lê Hồng Phong
44	Nhà báo và công luận	14B, Lý Nam Đế
45	Nông dân Việt Nam	Thanh Trì
46	Tuần du lịch	Đào Duy Anh
47	Tuổi trẻ Thủ đô	19, Lý Thường Kiệt
48	Văn hóa	5, Lý Thường Kiệt
49	Thời báo kinh tế tài chính Việt Nam	34, Tuệ Tĩnh
50	Thời báo kinh tế Việt Nam	175, Nguyễn Thái Học

II. TẠP CHÍ

1	Acta mathematicae	Nghĩa Đô
2	Âm nhạc	51, Trần Hưng Đạo
3	Trí thức và công nghệ	54, Hai Bà Trưng
4	Bảo hộ lao động	1, Yên Kiêu
5	Cầu đường	80, Trần Hưng Đạo
6	Con đường xanh	80, Trần Hưng Đạo
7	Con số và sự kiện	2, Hoàng Văn Thụ
8	Công nghiệp	54, Hai Bà Trưng
9	Công tác tư tưởng và văn hóa	49, Phan Đình Phùng
10	Cộng sản	1, Nguyễn Thượng Hiền
11	Dân chủ và pháp luật	25A, Cát Linh

12	Diễn đàn văn nghệ Việt Nam	51, Trần Hưng Đạo
13	Du lịch Việt Nam	30A, Lý Thường Kiệt
14	Dược học	138A, Giảng Võ
15	Đại học và giáo dục chuyên nghiệp	49, Đại Cồ Việt
16	Địa chính	71, Nguyễn Chí Thanh
17	Đối ngoại và công đoàn Việt Nam	54, Giảng Võ
18	Đối ngoại Việt Nam	6, Láng Trung
19	Giao thông vận tải	80, Trần Hưng Đạo
20	Giáo dục mầm non	4, Trịnh Hoài Đức
21	Hàng không Việt Nam	Sân bay Gia Lâm
22	Khoa học và công nghệ nhiệt	161C, Đội Cấn
23	Khoa học và Tổ quốc	53, Nguyễn Du
24	Kiến trúc	23, Đinh Tiên Hoàng
25	Kiến trúc Việt Nam	37, Lê Đại Hành
26	Kinh tế địa chất và nguyên liệu	110, Nguyễn Văn Cừ
27	Kinh tế và dự báo	2, Hoàng Văn Thụ
28	Lao động và công đoàn	175, Giảng Võ
29	Lao động và xã hội	2, Đinh Lễ
30	Lâm nghiệp	67, Ngõ Thì Nhậm
31	Một và cuộc sống	26, Trần Quý Cáp
32	Mỹ thuật thời nay	44B, Hàm Long
33	Ngân hàng	49, Lý Thái Tổ
34	Nghiên cứu châu Âu	77B, Bà Triệu
35	Nghiên cứu giáo dục	101, Trần Hưng Đạo
36	Nguồn sáng	998C, Đề La Thành

37	Người làm báo	59, Lý Thái Tổ
38	Nghiên cứu Hán Nôm	Đặng Tiến Đông
39	Nghiên cứu tôn giáo	27, Trần Xuân Soạn
40	Nghiên cứu Lịch sử	38, Hàng Chuối
41	Nghiên cứu Tâm lý học	27, Trần Xuân Soạn
42	Văn hóa dân gian	27, Trần Xuân Soạn
43	Văn hóa nghệ thuật ăn uống	6, Lê Thánh Tông
44	Ngôn ngữ	20, Lý Thái Tổ
45	Thông tin khoa học xã hội	26, Lý Thường Kiệt
46	Thông tin dược học	15, Lê Thánh Tông
47	Triết học	25, Láng Hạ
48	Văn học	20, Lý Thái Tổ
49	Xã hội học	27, Trần Xuân Soạn
50	Tài chính	8, Phan Huy Chú
51	Lịch sử quân sự	1B, Hoàng Diệu
52	Khảo cổ học	61, Phan Chu Trinh
53	Dân tộc học	27, Trần Xuân Soạn
54	Dân tộc và thời đại	1, Nguyễn Văn Huyền
55	Phát triển giáo dục	106, Trần Hưng Đạo
56	Nhà nước và pháp luật	27, Trần Xuân Soạn
57	Văn hóa nghệ thuật	Đê La Thành
58	Toàn cảnh sự kiện và dư luận	86, Lê Văn Hưu
59	Truyền hình	320, Giảng Võ
60	Tuổi trẻ và hạnh phúc	1, Nguyễn Gia Thiều
61	Văn hóa nghệ thuật công an	100, Yên Kiêu

62	Văn học nước ngoài	9, Nguyễn Đình Chiểu
63	Văn nghệ quân đội	4, Lý Nam Đế
64	Vì trẻ thơ	35, Trần Phú
65	Việt Nam và Đông Nam Á ngày nay	19A, Phan Đình Phùng
66	Việt Nam hương sắc	79, Thọ Nhuộm
67	Xưa và nay	25, Tôn Đức
68	Y học thực hành	138, Giảng Võ
69	Tâm nhìn thế giới	111, Ngọc Khánh
70	Thanh tra	220, Đội Cấn
71	Vòng quanh Đông Nam Á	27, Trần Xuân Soạn

Câu hỏi 972: Xuân Diệu đã viết rõ “Cha Đàng Ngoài (Hà Tĩnh), mẹ Đàng Trong (Bình Định)”, sao vẫn đưa thơ ông vào văn học Thăng Long - Hà Nội?

Trả lời: Đúng là có hẳn một bài thơ như khai lý lịch, rõ ràng cả hai quê nội ngoại, in từ năm 1961 của nhà thơ.

Cũng chính nhà thơ hơn một lần viết rõ: “Nhà tôi 24 Cột Cờ”, “Nhà tôi 24 Điện Biên”. Tên phố đầu đổi thay, Hà Nội chưa bao giờ là “nhà trọ” của nhà thơ Xuân Diệu. Gắn bó với Hà Nội, “Cùng xương thịt với nhân dân tôi, Cùng đổ mồ hôi...” để cảm nhận và sáng tạo hết mình từ những *Thơ thơ*, *Gửi hương cho gió*... cho muôn đời.

Xuân Diệu không phải là trường hợp duy nhất nguyên quán ngoài Hà Nội... từ Trần Quốc Tuấn gốc Tức Mặc, Thiên Trường, Phạm Đình Hổ quê Đan Loan, Hải Dương, Tản Đà mang cả núi lẫn sông xứ Đoài - quê nội vào tên hiệu, đến Văn Cao quê ở Liên Minh, Vụ Bản, Nam Định...

Quê quán không phải là tiêu chí duy nhất để phân biệt, để làm nên văn nhân Thăng Long. Mảnh đất “tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước” đã chưng cất những tinh hoa, phát ngôn cho không chỉ tâm hồn của mỗi vùng, mà của cả non sông, dân tộc.

XII. NGƯỜI THĂNG LONG - HÀ NỘI

Câu hỏi 973: Hình ảnh hoàng đế Lý Công Uẩn không quan liêu, độc đoán đã hiện lên từ Chiếu dời đô như thế nào?

Trả lời: Đó không phải là toàn bộ phẩm chất đã làm nên Lý Công Uẩn (974-1028). đương thời, Chi hậu Đào Cam Mộc đã nhận xét: “Thân vệ - chức vụ của Lý Công Uẩn trước khi lên ngôi - là người thông minh, trung hậu, khoan ái, nhân đức, lòng người đều quý phục”.

Và, ngay trong *Chiếu dời đô* cũng không phải chỉ bộc lộ từng ấy phẩm chất.

Thế hệ hôm nay hơn một lần đọc *Chiếu dời đô* lại phát hiện ra “sự phá cách” của một bài chiếu thông thường: “Trẫm dục nhân thủ địa lợi, dĩ định quyết cư. Khanh đẳng như hà?” (Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định nơi ở. Ý các khanh như thế nào?). Thế là thay vì hạ chiếu để kẻ dưới, bề tôi phải thi hành lại hoá thành những lời hỏi ý kiến cấp dưới, trên cơ sở có phân tích sâu sắc, có định hướng của ông.

Chính cái “thần” - câu văn đắt nhất ấy của bài chiếu cũng là điểm hội tụ làm nên giá trị phẩm chất, nhân cách của hoàng đế Lý Công Uẩn - người sáng lập ra triều Lý, người khai sinh ra Kinh thành Thăng Long.

Câu 974: Người tiêu biểu không chỉ cho thế hệ đầu tiên được sinh thành ở Kinh đô Thăng Long mà còn cho muôn đời “Cầm quân tất thắng, trị nước an dân..” là ai?

Trả lời: Đó là Ngô Tuấn, tự Thường Kiệt, người phường An Xá (sau là Cơ Xá) trên bãi sông Nhị.

Chào đời khi Kinh thành đã bước sang năm thứ 9 của kỷ nguyên dựng xây, phát triển. Định hướng Thăng Long đã chấp ước mơ cho tuổi thơ Ngô Tuấn suốt những năm miệt mài ở trường Bái Ân. ở những bãi rèn cung, tập ngựa, trau dồi binh thư... 22 tuổi, Ngô Tuấn đã vào ngạch thị vệ hầu vua Lý Thái Tông. 10 năm sau, tuổi “tam thập nhi lập” đã là vị quan tài năng đảm trách nhiều việc trong cung, được ban họ vua, lấy tự làm tên, thành Lý Thường Kiệt.

Không chỉ là người chứng kiến từng bước phát triển của Thăng Long - Đại Việt: Mở chợ Tây Nhai, xây cầu Thái Hoà (1035), dựng chùa Diên Hựu (1049), lập Văn Miếu, mở kỳ thi, xây trường Quốc Tử Giám (1070,1075,1076)...; Lý Thường Kiệt còn là người góp phần tích cực đưa đất nước Đại Việt lên đài thịnh trị, vẻ vang nửa cuối thế kỷ XI. Những năm ở tuổi 50, Lý Thường Kiệt hết cầm quân bảo vệ biên cương phía Nam (1069), về Kinh đô làm Phụ quốc

Thái úy đỡ dân vị vua mới 7 tuổi (1072), lại ngược lên phía Bắc “tiên phát chế nhân” tiêu diệt sào huyệt gây tội ác, xây dựng và chỉ huy phòng tuyến chôn vùi tham vọng xâm chiếm của nhà Tống để vang truyền mãi tuyên ngôn “*Nam quốc sơn hà*”... Sau kháng chiến chống Tống, ông vào trấn thủ Thanh Hoá.

Lý Thường Kiệt (1019 - 1105) - tinh hoa thế hệ đầu tiên của Thăng Long, là anh hùng kiệt xuất của dân tộc Việt Nam.

Câu hỏi 975: Người phụ nữ nhiều danh hiệu nhất của Thăng Long từ thời Lý là ai?

Trả lời: Đó là người phụ nữ sinh ra từ hương Thổ Lỗi nay thuộc Phú Thọ, Gia Lâm - Ý Lan phu nhân.

Ngay từ sau buổi đứng dựa vào cây lan ở làng quê mình nhìn xa giá nhà vua Lý đi qua, Bà đã có danh hiệu Ý Lan. Từ danh hiệu này, theo từng bậc thang vị trí của Bà trong hoàng cung mà có tên “Ý Lan phu nhân”, “Ý Lan nguyên phi”...

Còn trong dân gian Bà được tôn vinh làm “Quan Âm nữ” (con gái Phật Bà Quan Âm), là “Bà Tắm”, “Cô Tắm”, là “Bà chúa Sùi”...

Những danh hiệu đó phần lớn từ lúc sinh thời của Bà, và đều gắn với tài năng, đức độ của Bà.

Câu hỏi 976: Một vị quan đứng đầu kinh sư (Đại An phủ sứ) thời Trần được chính sử nêu gương trực, công bằng là ai?

Trả lời: Đó là Đại An phủ sứ Trần Thị Kiến.

Đại An phủ sứ ở kinh sư là chức quan cai trị thành Thăng Long được đặt từ năm 1265 thay thế và nâng cao chức năng của Ty Bình bạc trước đó.

Đảm nhiệm chức vụ này phải là người không chỉ kinh lịch các chức vụ quan ở lộ, phủ mà còn trải qua đủ các kỳ khảo duyệt của triều đình.

Trước khi được bổ nhiệm làm Đại An phủ sứ kiêm chức quan Kiểm pháp (năm 1297), Trần Thì Kiến - một môn khách của Hưng Đạo Vương - được Vương quý trọng, tin tưởng tiến cử, đã kinh qua chức An Phủ Thiên Trường. Sử cũ chép câu chuyện, lúc làm quan, có người đưa biểu ông măm cỗ, ông hỏi “có việc gì mà biểu?”. Người ấy nói “vì ở gần lỵ, sở” nên đem biểu chứ không xin xỏ gì. Nhưng sau vài bữa người đó đem việc đến kêu xin. Trần Thì Kiến móc họng nôn ra.

Bình luận về việc này sử quan Ngô Sĩ Liên viết: “Thì Kiến làm quá như vậy để uốn nắn cái tệ xin xỏ của người bấy giờ...”.

Đức tính cương trực, ghét thói cầu cạnh, hối lộ, xử kiện một cách công bằng, thỏa đáng của người đứng đầu kinh sư được vua Trần Anh Tông quý mến tặng cho chiếc hốt ngà với bài minh:

*Thái Sơn trình cao,
Tượng hốt trình liệt,
Linh trĩ trải giốc,
Vì hốt nan chiết.*

*(Núi Thái Sơn vừa kiên trinh vừa cao,
Hối ngà cứng rắn, sáng ngời,
Ngà voi linh như sừng thần dương,
Dùng làm hối khó sức nào bẻ được).*

**Câu 977: 12 tuổi vào Thái học,
16 tuổi dự thi đình,
24 tuổi làm quan gián,
26 tuổi sang sứ Yên Kinh.**

**Đó là một phần “bản lý lịch tự thuật” của một
vị Kinh sư Đại doãn triều Trần. Người đó là ai?**

Trả lời: Đó là Giới Hiền Nguyễn Trung Ngạn (1289 - 1370). Ông rời làng quê Thổ Hoàng huyện Thiên Thi (Ân Thi, Hưng Yên) về Thăng Long từ rất sớm. Sau khi đỗ Hoàng giáp (1304) lúc 16 tuổi ta, cùng với Mạc Đĩnh Chi, cho đến khi nhận chức Đại doãn của Kinh thành Thăng Long (1341) ở tuổi “tri thiên mệnh”, gần 37 năm, Nguyễn Trung Ngạn đã đảm nhiệm và thành tựu ở nhiều cương vị công tác thực tiễn khác nhau: làm quan gián, đi sứ, tham gia đánh dẹp, làm hình luật, xét xử ngục tụng...

Với đương thời, ông không chỉ được vua Trần khen ngợi, được Tư đồ Trần Nguyên Đán ca ngợi là “kình thiên lực đại đỉnh lương tài” rõ bậc lương tài đỉnh đặc chống trời lúc đương thời, mà còn sống mãi qua *Giới Hiền thi tập*, *Ma nhai ký công bi văn*, qua hương khói lưu truyền của các thế hệ người Thăng Long trong ngôi đền “Thiên hạ linh từ” (ở góc phố Mã Mây - Lương Ngọc Quyến).

Câu hỏi 978: Một thầy thuốc của Thăng Long đã khiến cho vua Trần Anh Tông đổi giận thành vui, khen ngợi “đã giỏi nghề lại nhân đức, cứu giúp cho con đồ (dân) của ta”. Chuyện đó ra sao? Thầy thuốc đó là ai?

Trả lời: Đó là Phạm Công Bân, xuất thân trong một gia đình nối đời làm nghề thuốc ở Thăng Long, giữ chức Phán thái y lệnh (quan thầy thuốc) ở triều Trần Anh Tông (1293 -1314).

Sách *Nam Ông mộng lục* của Hồ Nguyên Trừng kể: “Một hôm có người lật đật đến cầu ông đi cứu người đàn bà bị băng huyết như xối, sắc mặt đã nguy kịch. Ông thu xếp đi ngay. Ra đến cửa thì viên quan hầu của vua Trần đến triệu ông vào cung ngay, thăm mạch cho một quý phi bị sốt”. Giữa một dân thường nguy kịch, với một quý phi, với lệnh của vua, chọn cách nào? Ông trả lời viên quan hầu: “Bệnh của quý phi không khẩn cấp. Nay có người bệnh một sống hai chết, tôi xin đi thăm người này trước. Việc xong, tôi xin vào ngay cung hầu mạch cho đức quý phi”. Quan hầu tức giận: “Nghĩa kẻ làm tôi được phép thế chăng? Ông thích chữa bệnh cho hạng dân hèn không muốn chữa bệnh cho người hoàng gia thì bảo?”. Ông bình tĩnh đáp: “Tôi vẫn biết như vậy là đắc tội với vua nhưng biết làm sao được. Nếu tôi không tới ngay, người đàn bà này sẽ chết, không còn cứu được. Cái mạng của tôi nếu nhờ ơn chúa thượng may được khỏi chết, thì chúa thượng có phạt tội gì tôi cũng cam chịu”.

Người đàn bà được cứu thoát. Ông vào triều xin chịu tội. Anh Tông giận lắm. Nhưng sau khi nghe ông trình bày sự việc đã vui vẻ ngợi khen.

Trong cuộc đời làm thuốc chữa bệnh, Phạm Công Bản thường dốc tài sản để mua thuốc quý, thóc gạo để tiện cứu giúp bệnh nhân.

Gặp kỳ đói kém, dịch bệnh nhiều, ông phải xây thêm nhà để các con bệnh nghèo khó có chỗ ăn ở, điều trị. Con bệnh thương tật, máu mủ bắn thối, tanh thối, ông đều tự tay chăm sóc. Vì vậy, nhà thầy thuốc Phạm Công Bản không lúc nào vắng bệnh nhân.

Câu hỏi 979: Hồng Hà nữ sĩ là ai?

Trả lời: Là tên hiệu của nhà thơ Đoàn Thị Điểm (1705-1748).

Người con gái làng Văn Phạm (Hưng Yên) về Thăng Long không phải để làm con nuôi chúa Trịnh như ý đồ của Thượng thư Lê Anh Tuấn, mà làm dâu Thăng Long. Bà là bạn đời của vị Tiến sĩ - nhà ngoại giao Nguyễn Kiều - người làng Phú Thượng (quận Tây Hồ ngày nay).

Nhà thơ - người con dâu Thăng Long - đợi chồng ba năm đi sứ và mất trên đường đến nơi công sở Nghệ An của chồng... vẫn gần gũi mãi với cuộc đời qua kiệt tác bản dịch nôm *Chinh phụ ngâm*.

Câu hỏi 980: Những “Tràng An tứ hổ”, “Tràng An ngũ tuyệt” là như thế nào?

Trả lời: Ở Thăng Long không ít lần xuất hiện những câu như vậy. Chỉ ở thế kỷ XVIII, hết “Tràng An

tứ hổ” đến “Tràng An ngũ tuyệt” - Đó là những danh hiệu đương thời xưng tụng những người tài giỏi, thông minh nổi tiếng trong học hành thi cử, văn chương ở Thăng Long lúc đó. Chẳng hạn: Nguyễn Tông Quai, Nguyễn Bá Lân, Đoàn Trác Luân, Ngô Tuấn Cảnh được gọi là “Tràng An tứ hổ” (4 vị hổ báo trong học hành, văn chương ở Tràng An); Nguyễn Du, Nguyễn Hành... thuộc về “Tràng An ngũ tuyệt” (5 bậc tuyệt vời tài của Tràng An)...

Lưu ý là:

- Trong cách xếp đó “Tràng An” không phải là tiêu chí về nơi sinh, quê quán, gốc gác: Nguyễn Tông Quai - xứ Nam (làng Phúc Khê, Hưng Nhân, Thái Bình); Nguyễn Bá Lân - xứ Đoài (làng Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội); Đoàn Trác Luân - xứ Đông (làng Văn Phạm, Văn Giang, Hưng Yên). Tràng An - Thăng Long là nơi học hành, hội tụ, giao tiếp, học hỏi, đua tài, là diễn đàn thể hiện của họ.

- “Tràng An tứ hổ”, “Tràng An ngũ tuyệt” cũng còn đồng nghĩa giá trị với “An Nam đại tú tài”, “An Nam ngũ tuyệt”. Như vậy “hổ” hay “tuyệt” trong học hành, văn chương của Thăng Long cũng chính là nhân tài của cả nước.

- Hầu hết những thành viên của “tứ hổ” hay “ngũ tuyệt” từ thuở đó trở thành những nhà thơ, nhà sư phạm, nhà hoạt động văn hoá nổi tiếng.

Câu hỏi 981:

*Một răn du đảng bạc cờ,
Hai răn ong bướm lo bờ nguyệt hoa,
Ba răn thuốc rượu la đà,
Làm người tránh khỏi mới là người ngoan.*

Lời răn con của một người Hà Nội từ thế kỷ XVIII vẫn còn mãi ý nghĩa ấy là của ai?

Trả lời: Là của Bùi Huy Bích (1744-1818) người làng Định Công (sau chuyển sang ở Thịnh Liệt), huyện Thanh Trì, sinh ra trong một dòng họ nổi tiếng văn học từng theo học Bảng nhãn Lê Quý Đôn, đỗ Tiến sĩ năm 1769. Lần lượt trải qua các chức Đốc đồng Nghệ An (1777), rồi Quyền Tham tụng kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu từ năm 1782. Năm 1785, ông cáo bệnh về nhà an dưỡng tại phường Bích Câu. Không ra làm quan với cả triều Tây Sơn và triều Nguyễn Gia Long.

Bùi Huy Bích để lại cho đời nhiều tác phẩm có giá trị từ sáng tác đến các tổng tập thơ văn như *Thái Liên, Tồn Am văn cáo, Hoàng Việt thi tuyển, Hoàng Việt văn tuyển*, v.v.

Ông không chỉ là vị quan thanh liêm, cương trực ở chốn quan trường lập nghiêm ở ngoài đời, làm khuôn mẫu cho người đời, mà còn là người cha chăm lo dạy dỗ con cái trong nhà, trong họ. Bài thơ răn con ở trên là trích từ trong *Bùi thị gia huấn* do ông viết để răn con cháu ở trong nhà, nhưng hẳn đâu phải chỉ cần cho mỗi họ Bùi, cho mỗi thời của ông.

Câu hỏi 982: Người phụ nữ duy nhất của Hà Nội - Việt Nam khắc hoạ thành công nhất trong thơ văn và công lao, hình tượng “áo vải cờ đào” của người anh hùng Quang Trung - Nguyễn Huệ là ai? Bà quê ở đâu?

Trả lời: Hình ảnh, sự nghiệp của Quang Trung - Nguyễn Huệ là nguồn cảm hứng không cạn của các nhà thơ, văn, nghiên cứu hàng trăm năm qua. Nhưng người phụ nữ đầu tiên, duy nhất đã viết, đã dùng hình tượng “áo vải cờ đào” để phác hoạ sự nghiệp, nhân cách của Nguyễn Huệ với tình cảm sâu sắc, đặc biệt xúc động đó là Lê Thị Ngọc Hân, bạn đời của anh hùng Nguyễn Huệ, con gái vua Lê Hiển Tông, mẹ quê ở làng Ninh Hiệp (làng Nành, Gia Lâm).

Mà nay áo vải cờ đào,

Giúp dân dựng nước xiết bao công trình.

(Ai tư văn)

Câu hỏi 983: Sau đại thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, tuy trong quan hệ bang giao với nhà Thanh có nhiều diễn biến gay go, phức tạp, nhưng có một người Thăng Long theo Nguyễn Huệ đã thành công trong việc giải quyết mối quan hệ đó, mà ngoài người đó “thì không ai làm được”. Người đó là ai?

Trả lời: Không phải chỉ sau chiến tranh, Nguyễn Huệ mới phát hiện ra và tin cậy người ấy. Ngày 25-11-1778, khi quân Thanh ô ạt tấn công “quyết tâm diệt hết vạn quân Tây Sơn”, nhưng quân Tây Sơn đã

thực hiện rút lui về Tam Điệp để bảo toàn lực lượng mà không bỏ mất một mũi tên. “Cho chúng ở trọ một đêm rồi lại đuổi chúng đi. Trong thì khích lệ lòng căm thù của quân sĩ, ngoài thì làm tăng lòng kiêu căng của địch”.

Quang Trung nói: “Mới nghe, ta đã đoán đó là kế của Ngô Thì Nhậm”.

Là con Ngô Thì Sĩ một danh sĩ thời Lê, của một làng quê, một dòng họ giàu truyền thống văn chương - khoa bảng (dòng họ Ngô Thì - làng Tả Thanh Quai, Thanh Trì), Ngô Thì Nhậm (1746-1803) trước khi đỗ Tiến sĩ (1785) đã từng làm quan với triều Lê - Trịnh và viết nhiều tác phẩm.

Tài năng và tâm huyết của ông chỉ thực sự được nhân lên, kết quả rực rỡ khi phục vụ hết lòng cho sự nghiệp của thời Quang Trung - Nguyễn Huệ.

Ông là người văn võ song toàn, dưới sự chỉ đạo của ông mọi việc ngoại giao với nhà Thanh đạt đến mức độ mà từ trước thời Tây Sơn chưa từng có.

Câu hỏi 984: “Bà chúa thơ Nôm” là ai?

Trả lời: Đó là danh hiệu cuộc đời dành cho nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương.

Nét tài hoa, sâu sắc của xứ Bắc quê mẹ, xứ Nghệ quê cha tiềm tàng trong người con gái sinh ở phường Khán Xuân, với môi trường văn hoá Thăng Long cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX đã trau, rèn, kết tinh thành tâm hồn, tài năng của bà chúa thơ tiếng Việt.

Hồ Xuân Hương là một hiện tượng độc đáo của văn chương Việt Nam. Trước và sau bà chưa có một nữ thi sĩ nào thành “bà chúa” trong thơ Nôm.

Bức tranh của xã hội đương thời với nhiều hoàn cảnh, nhiều thân phận và của chính Hồ Xuân Hương hiện lên trong thơ Bà thật sinh động, sâu sắc, độc đáo. Và cũng chỉ qua Bà mới phát hiện ra, mới dám nói, dám viết.

Nếu các bà chúa ở trong phủ, trong cung điện, lâu đài, đền miếu... do người khác xây đắp, vẽ tô thì Bà chúa Hồ Xuân Hương ở giữa đời, được sự lưu truyền muôn đời ngày càng rộng rãi... Đó chính là lâu đài, là đánh giá hơn mọi sự vẻ vang khác.

Câu hỏi 985: “Thần”, “Thánh” trên thi đàn Thăng Long thế kỷ XIX là những ai?

Trả lời: Đó là “Thần” Nguyễn Văn Siêu (1795 - 1872) quê ở làng Kim Lũ, huyện Thanh Trì. “Thánh” Cao Bá Quát (1809 - 1854) quê ở làng Phú Thụy huyện Gia Lâm.

Tài văn thơ của hai vị này khiến vua Tự Đức nhà Nguyễn cũng phải thốt lên: “Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán...”.

Nguyễn Văn Siêu thi đỗ làm quan rồi bỏ quan trường, mở lớp dạy học, khảo cứu địa lý lịch sử, sáng tác thơ văn. Ông không chỉ để lại cho đời, cho Hà Nội, cho đất nước những lớp học trò trường thành từ ngôi trường Phương Đình, những công trình trước tác như

Hoàng Việt địa dư chí... mà còn trực tiếp trùng tu đền Ngọc Sơn, xây cầu Thê Húc, Đài Nghiên... viết dòng “Tả thanh thiên” bất hủ trên Tháp Bút - Hồ Gươm...

Cao Bá Quát - một nhà thơ tuyệt luân, cảm hứng và bút lực dồi dào (di cảo của ông còn đến hàng trăm bài thơ) khiến cho người đương thời, bạn bè mỗi dịp thưởng thơ ông “ngồi lặng như ngáy trước đèn” (Nguyễn Văn Lý). Với đất nước, sự nghiệp của Cao Bá Quát không chỉ là những vần thơ chan chứa tình yêu quê hương, tỏa hồn vào những cây đa làng, Hồ Tây, Đền Gióng... Ông còn là người trực tiếp dẫn thân để thực hiện ước vọng:

*Hôm qua xuân đến, rét tan,
Sáng nay hồng tía muôn ngàn khoe tươi.
Việc hoa ước cũng việc đời,
Gió mưa thoát đã rặng ngời núi sông.*

Câu hỏi 986: “Từ thuở còn bào thai, chúng tôi đã dạy con về tình yêu thương giống nòi, chủng tộc”... Sách Việt Nam nghĩa liệt sử ghi câu nói ấy của một phụ nữ Hà Nội. Bà là ai?

Trả lời: Đó là câu nói của bà Lê Thị Lễ (? - 1927), vợ của nhà yêu nước Lương Văn Can, thân mẫu của chiến sĩ Đông Du, một lãnh tụ khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 - Lương Ngọc Quyến.

Bà Lê Thị Lễ là con gái cụ Tú tài Lê Anh Sơn làng Bình Vọng. Sau này về làm vợ Cử nhân Lương Văn Can bà đã gắn bó cả đời với Hà Thành, với sự nghiệp yêu nước của chồng con.

Tiền bố mẹ cho khi về nhà chồng, bà đã mở hiệu Quảng Bình An để buôn bán ở phố Hàng Đào, chu cấp cho chồng mở trường Đông Kinh nghĩa thực. Khi Trường Đông Kinh bị đóng cửa, hai con trai đi theo cụ Phan Bội Châu đi Đông Du, người phụ nữ “chưa bao giờ dám nghĩ đến việc phải bán tài sản của tiên nhân để lại” đã bán cả Quảng Bình An - tài sản hồi môn lớn nhất để cho chồng con đi trọn con đường phụng sự Tổ quốc.

Các con bà, từ trai cả là Lương Trúc Đàm đến các con thứ là Lương Nhị Khanh, Lương Ngọc Quyến... đều là những nhà yêu nước đầu thế kỷ XX.

Câu hỏi 987: Người được dự luận bạn đọc Nam Kỳ năm 1962 bầu làm Tổng thống là ai?

Trả lời: Người ấy là Phan Văn Trường (1873-1933). Ông quê ở làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, đậu kỳ thi Tham tá Thông ngôn phủ Thống sứ Bắc Kỳ, được biệt phái sang Pháp làm việc tại trường Đông Phương Ngữ Paris.

- Năm 1912, đỗ Cử nhân Luật.

- Năm 1922, bảo vệ Tiến sĩ Luật khoa tại Paris.

Từ năm 1912 gặp, ở chung với Phan Châu Trinh. Từ năm 1919 - 1922 đã tạo điều kiện giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc học và viết báo tiếng Pháp.

Năm 1923 ông về nước, ở Hà Nội một thời gian rồi vào Sài Gòn làm chủ nhiệm báo tiếng Pháp (*La Cloche*

Fêlée - Tiếng chuông rè). Ông là một trong những người đầu tiên tìm hiểu chủ nghĩa Mác, đăng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ngay trên tờ *L'Annam*.

Năm 1926, khi báo chí Nam Kỳ trưng cầu ý kiến độc giả “ai sẽ xứng đáng được bầu chọn làm Tổng thống?”. Người nhiều phiếu nhất chính là ông: Nhà luật sư, Tiến sĩ, Nhà báo Phan Văn Trường. Ông mất ngày 22-4-1933 tại Hà Nội.

Câu hỏi 988: Vị Bộ trưởng (là người Hà Nội) đầu tiên đã hi sinh vì nền dân chủ cộng hòa non trẻ là ai, ở đâu, và trong hoàn cảnh nào?

Trả lời: Đó là Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố, người Hà Nội, ông sinh năm 1889 trong một gia đình nhà Nho. Sau khi tốt nghiệp Trường Thông ngôn, làm việc tại Trường Viễn Đông Bác Cổ (EFEO). Ở đây ông đã trở thành một học giả có tên tuổi, được các đồng nghiệp người Pháp nể trọng. Trước khi trở thành một trong những người lập ra Hội truyền bá quốc ngữ, ông đã góp phần tích cực khảo sát, truyền bá những kiến thức lịch sử, văn hoá dân tộc qua các chuyên khảo như: *Chùa Việt Nam, Thành Đại La, Nguồn gốc chữ quốc ngữ*...

Cách mạng tháng Tám thành công, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời làm Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (khoá I) nhất trí bầu ông làm Trưởng ban thường trực. Kháng chiến bùng nổ, ông cùng Chính phủ lên Chiến khu Việt Bắc.

Ông hy sinh trong khi giặc Pháp nhảy dù tấn công lên Việt Bắc ngày 7-10-1947.

Câu hỏi 989: *Người Hà Nội, ở cương vị Bộ trưởng - Trưởng đoàn đàm phán của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Hội nghị Paris về Việt Nam (1968 - 1973) là ai?*

Trả lời: Đó là Xuân Thuỷ (1912-1985). Ông tên thực là Nguyễn Trọng Nhân, quê ở xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm. Từ nhỏ, học ở Hà Nội, tham gia cách mạng từ năm 1932. Trước năm 1945, ông đã bị thực dân Pháp bắt giam nhiều lần.

Sau hội nghị Paris, ông làm Chủ tịch Hội hữu nghị Việt - Xô. Từ năm 1980, làm Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Hoà bình thế giới của Việt Nam.

Vừa hoạt động cách mạng ông vừa sáng tác thơ, văn, là dịch giả nhiều bài thơ chữ Hán, trong đó có những bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu hỏi 990: *Cùng một năm bảo vệ xuất sắc hai bằng Tiến sĩ quốc gia về Luật và Văn chương tại Pháp ở tuổi 22, lập kỷ lục đó là một chàng trai Hà Nội. Người đó là ai?*

Trả lời: Đó là Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Tường (1909-1997) quê ở Cổ Nhuế, Từ Liêm. Sinh tại Hàng Đào trong một gia đình công chức.

Tốt nghiệp các Trường Paul Bert và Albert Sarraux, 17 tuổi Nguyễn Mạnh Tường sang du học ở

Pháp. 5 năm sau (1932), chỉ trong vòng ba tháng, chàng trai Hà Nội 22 tuổi ấy đã bảo vệ xuất sắc luận văn Tiến sĩ Luật học: *"Cá nhân trong xã hội cổ nước Nam - Tổng quát về Luật triều Lê"* và luận văn Tiến sĩ Văn chương *"Luận về giá trị kịch Alfred de Musset"*.

Gắn bó với nghề dạy học ở Trường Bưởi từ năm 1936, rồi tham gia phong trào yêu nước cách mạng, được Chủ tịch Hồ Chí Minh trao nhiều công tác quan trọng: là thành viên chính thức của Chính phủ trong Hội nghị Đà Lạt năm 1946, các diễn đàn Hoà bình thế giới ở Bắc Kinh (1952), Viên (1953)...

Năm 1997, trong số tưởng niệm nhà trí thức Nguyễn Mạnh Tường, người lãnh đạo cao nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Bí thư Đỗ Mười đã trân trọng ghi: "Một trí thức yêu nước đã có cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và góp phần xây dựng nền giáo dục Việt Nam".

Câu hỏi 991: Vào cả hai thời điểm gian lao 60 ngày đêm khỏi lửa của Hà Nội mùa đông 1946, và hào hùng khí thế "chúng ta đem vinh quang sức dân tộc trở về Thủ đô" mùa thu năm 1945, có một người con của Hà Nội đều ở cương vị chỉ huy quân sự. Vị tướng đó là ai?

Trả lời: Đó là Trung tướng Vương Thừa Vũ (1910 - 1980), tên thật là Nguyễn Văn Đồi xuất thân từ một gia đình nghèo ở Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội. Quá trình hoạt động cách mạng, ông đã đảm nhận

nhiều trọng trách: Đại đoàn trưởng “Đại đoàn quân tiên phong” (308); Tư lệnh Quân khu Hữu Ngạn, Quân khu III; Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam... Cuộc đời “một người cộng sản có đạo đức cách mạng”, một vị tướng “trí, dũng, nhân, tín, liêm, trung” đã đưa và gắn bó vị tướng Vương Thừa Vũ với Thủ đô Hà Nội, thành “một người con của Hà Nội xứng đáng với quê hương anh hùng, xứng đáng là một người con ưu tú của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội” (Võ Nguyên Giáp).

Câu hỏi 992: Nói phố Hoàng Văn Thái với phố Vương Thừa Vũ ở quận Thanh Xuân là một phố dài gần 700m mang tên Nguyễn Ngọc Nại. Ông là ai?

Trả lời: Năm 1946, cuộc chiến đấu 60 ngày đêm tiêu hao và giam chân địch ở Hà Nội, tạo điều kiện cho cả nước chuyển sang kháng chiến chống thực dân Pháp là một nhiệm vụ quan trọng. Quân và dân Thủ đô đã làm nên kỳ tích đó.

Nhưng, giữ gìn lực lượng của ta, chuẩn bị những hạt giống tốt để phát triển lực lượng, đảm bảo cho cuộc trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi còn là một nhiệm vụ, một yêu cầu đặc biệt quan trọng.

Thực hiện chủ trương đó, đêm 17-2-1946 các chiến sĩ quyết tử của Trung đoàn Thủ đô được lệnh bí mật rút khỏi Hà Nội, vượt sông Hồng sang vùng tự do Vĩnh Phúc.

Nguyễn Ngọc Nại, quê ở Ngọc Thụy, Gia Lâm, Tiểu đội trưởng liên lạc đội tự vệ Hồng Hà được lệnh

chỉ huy chặn giặc ở bãi Giữa sông Hồng, bảo đảm cho Trung đoàn Thủ đô rút quân an toàn.

Khi cho nổ quả lựu đạn cuối cùng để cản địch, anh và chín đồng đội đã anh dũng hi sinh, góp xương máu làm nên cuộc rút quân thần kỳ của Trung đoàn Thủ đô.

Câu hỏi 993: Chủ tịch thành phố Hà Nội lâu nhất là ai?

Trả lời: Là Bác sĩ Trần Duy Hưng (1912 - 1988). Ông sinh ra và mất tại Hà Nội, tham gia cách mạng từ năm 1945, liên tục đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng: Đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá VII (1946 - 1987), Thứ trưởng Bộ Nội vụ (1947), Thứ trưởng Bộ Y tế (1954)...

Điều đặc biệt trong cuộc đời sự nghiệp của ông là “duyên nợ” gắn bó sâu sắc với Hà Nội. Ngay sau Tổng khởi nghĩa năm 1945, ông đã là Chủ tịch Ủy ban hành chính đầu tiên của Thủ đô.

Tháng 10-1954, Phó Chủ tịch Ủy ban quân chính Hà Nội Trần Duy Hưng cùng đại quân vào tiếp quản Thủ đô. Từ đó cho đến năm 1977, gần một phần tư thế kỷ, bác sĩ Trần Duy Hưng là Chủ tịch Ủy ban hành chính (sau là Ủy ban nhân dân) thành phố Hà Nội.

Câu hỏi 994: “Luồng quốc tướng quân” của thời đại Hồ Chí Minh là một người Hà Nội. Vị tướng đó là ai?

Trả lời: Đó là tướng Nguyễn Sơn (1908-1956). Họ và tên khai sinh là Vũ Nguyên Bác, quê ở làng Kiêu Ky, Gia Lâm.

Sau những năm tháng học ở Hà Nội, năm 1926, ông sang dự lớp huấn luyện của Nguyễn Ái Quốc mở ở Quảng Châu (Trung Quốc). Từ đây, Nguyễn Sơn vào học tiếp Trường quân sự Hoàng Phố, tham gia Vận lý trường chinh, trải qua nhiều công tác trong Bát Lộ quân, là uỷ viên Chính phủ Xô viết công - nông Trung Quốc.

Năm 1945 về nước, Nguyễn Sơn đã kinh qua các công tác Chủ tịch Ủy ban kháng chiến miền Nam, Cục trưởng Cục quân huấn - Bộ Quốc phòng, Tư lệnh kiêm Chính uỷ Liên khu V, Liên khu IV.

Năm 1948, ông được phong quân hàm Thiếu tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam - đợt phong đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Năm 1951, Nguyễn Sơn trở lại Trung Quốc công tác ở Tổng tham mưu Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, tham gia viện Triều chống Mỹ.

Câu hỏi 995: Chàng trai Hà Nội của thời chống Mỹ được sánh với anh hùng La Văn Cầu thời chống Pháp là ai?

Trả lời: Trong kháng chiến chống Pháp, người chiến sĩ anh dũng, quả cảm La Văn Cầu tự chặt đứt cánh tay bị thương của mình tiếp tục xông lên chiến đấu.

Gần 20 năm sau, ngày 24-1-1968 tại mặt trận Khe Sanh - Quảng Trị giữa làn đạn pháo ken dày, một người chiến sĩ vẫn bình tĩnh lựa đường dẫn đầu trung đội công binh đánh thẳng vào sở chỉ huy quân Mỹ.

Tay bị bầm nát vì đại pháo, người chỉ huy vẫn không cho đại đội hay biết. Khi bị tiếp vết thương ở chân, anh dùng hết sức mình tựa vào thành công sự tiếp tục chỉ huy trận đánh.

Người chỉ huy gan dạ dũng cảm như một La Văn Cầu của thời chống Mỹ đó là một chàng trai Hà Nội, một cựu sinh viên Khoa Xây dựng, Trường Đại học Bách khoa - Liệt sĩ Anh hùng lực lượng vũ trang Bùi Ngọc Dương (1943 - 1968).

Câu hỏi 996: *Dấu “một mình trong đêm tối” vẫn gửi trọn “thương nhớ mười hai” về Hà Nội. Người đó là ai?*

Trả lời: *Một mình trong đêm tối* là tên cuốn tiểu thuyết in năm 1973 tại Hà Nội. *Thương nhớ mười hai* bắt đầu viết tháng giêng năm 1960, tiếp tục năm 1965, viết hết năm 1970 - 1971, in lần đầu tại Sài Gòn năm 1972; đó là hai trong hàng chục tác phẩm của Vũ Bằng (1913 - 1984).

Vũ Bằng - một *hiện tượng* không chỉ trong văn chương mà trong chính cuộc đời. Sinh ra và lớn lên ở Hà Nội trong một gia đình họ Vũ gốc Lương Ngọc (Hải Dương), Vũ Bằng sớm bỏ học ở trường Albert Sarrauss, trình làng tập văn châm biếm khi mới 16 tuổi.

Cuối những năm 30 đầu những năm 40, Vũ Bằng là một trong “ba chàng họ Vũ” trên văn đàn Hà Nội (Tam lang Vũ Đình Chí, Vũ Bằng, Vũ Trọng Phụng) với hàng loạt tiểu thuyết, ký sự, truyện ngắn trên

Trung Bắc tân văn, Phổ thông bán nguyệt san, Tiểu thuyết thứ bảy...

Nhưng từ nửa cuối những năm 40 trở đi, Vũ Bằng bí mật hoạt động cách mạng. Do đó, bề ngoài ông bị hiểu nhầm là nhà văn dinh tề (bỏ kháng chiến vào thành), nào là nhà văn Hoàng trong *Đôi mắt* của Nam Cao... đến nhà văn di cư (vào Nam năm 1954) với *40 năm nói láo* (tên cuốn hồi ký của chính Vũ Bằng, in 1969 tại Sài Gòn)...

Mãi đến mùa xuân kỷ niệm 990 năm của Thăng Long, thân phận, danh tiết Vũ Bằng mới được sáng rõ qua *Xác nhận của Bộ Quốc phòng số 67/XN ngày 1-3-2000*: “Sau Hiệp nghị Genève năm 1954, nhà văn Vũ Bằng được chuyển vào Nam công tác. Anh Vũ Bằng vào Sài Gòn tiếp tục hoạt động với tư cách là cơ sở khai thác tin tức phục vụ tình báo cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng”.

Nếu sinh thời, dầu *Một mình trong đêm tối*, cách xa Hà Nội như định mệnh gắn vào cuộc đời, Vũ Bằng vẫn kiên trì với con đường đã chọn, đã dành cho quê, cho Hà Nội trọn *thương nhớ mười hai*, thì hôm nay, mai sau các thế hệ Hà Nội đã và sẽ dành như thế trân trọng, nhớ thương với Vũ Bằng.

Câu hỏi 997: Người không chỉ thăm định “phở Hà Nội”, mà còn tham gia trực tiếp trong thế trận “Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi” là ai?

Trả lời: Đó là người không *Vang bóng một thời* mà sống mãi trong lòng người Việt Nam với tư cách

một văn tài, một pho huyền thoại Nguyễn Tuân (1910-1987). Làng Mọc, xã Nhân Mục, huyện Thanh Trì (nơi từng sinh ra nhiều nhà văn hoá lớn) là quê gốc, Hàng Bạc là nơi sinh của Nguyễn Tuân.

Trước khi đến với những nẻo đường kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thân thánh của dân tộc với những *Tuỳ bút kháng chiến* (1955), *Sông Đà* (1960), *Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi* (1972), Nguyễn Tuân đã nổi danh từ những năm 30 với *Một chuyến đi, Vang bóng một thời*.

Điều kỳ lạ là những thẩm định của Nguyễn Tuân về *Phở Hà Nội* và *Giò lụa, Cốm vòng và Một chén trà sương...* như là những mở đầu mẫu mực dự báo cho việc ra đời một môn văn hoá ẩm thực của Hà Nội vào thời kỳ mới.

Câu hỏi 998: *Mỗi sớm mai, trong tình khôi phảng phất mùi hương hoa của các nẻo đường phố Thủ đô có người nhắc, nhớ tới công việc lặng thầm, kiên nhẫn của chị hằng đêm. Chị là ai?*

Trả lời: Đó là những công nhân quét, thu rác (thuộc Sở Giao thông công chính Hà Nội).

Quét dọn, thu gom rác làm sạch phố phường là một công việc, một nghề đặc thù của đô thị.

Với Hà Nội, từ hơn một thế kỷ nay, hình ảnh những nữ công nhân với chiếc chổi tre, chiếc xe và tiếng leng keng báo giờ thu rác... trở thành quen thuộc, gần gũi không thể thiếu được.

Những ai đã phải một lần chịu cảnh ứ rác rưởi ở phố, ở quanh nhà... xin hãy tưởng tượng thời một ngày nào đó trên đường phố Hà Nội vắng màu áo xanh sọc vàng phản quang, tiếng chổi tre, tiếng leng keng ấy...

Hôm qua, hôm nay và mãi mãi... những người nữ công nhân trầm lặng (vì phải đeo khẩu trang khi lao động) ít được nêu tên nêu tuổi ấy đã làm nên cái sạch thường xuyên, tôn thêm cái đẹp thơm của Thủ đô Hà Nội.

Câu hỏi 999: Hà Nội có bao nhiêu Bà mẹ Việt Nam anh hùng?

Trả lời: Hai cuộc kháng chiến thần thánh chống Pháp và chống Mỹ vì độc lập tự do của nhân dân ta đã giành được thắng lợi vẻ vang. Thắng lợi thật vĩ đại nhưng những hy sinh mất mát cũng vô cùng to lớn, nhất là sự hy sinh của những người mẹ, phụ nữ Việt Nam.

Tính đến tháng 7-2000, toàn thành phố Hà Nội đã có 682 bà mẹ được phong tặng danh hiệu cao quý “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, nhưng gần 80% các bà mẹ đã qua đời (149 mẹ được tặng và 533 mẹ được truy tặng). Trong số này, huyện Đông Anh có 176 mẹ, huyện Gia Lâm có 127 mẹ, huyện Từ Liêm có 188 mẹ, huyện Thanh Trì có 63 mẹ, huyện Sóc Sơn có 59 mẹ, quận Ba Đình có 32 mẹ, quận Hoàn Kiếm có 33 mẹ, quận Hai Bà Trưng có 36 mẹ, quận Đống Đa có 38 mẹ.

Trong số các mẹ được tặng và truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” của Thủ đô Hà Nội, có

một mẹ có năm con hi sinh (mẹ Nguyễn Thị Dương ở nhà số 12 phố Lý Nam Đế, quận Hoàn Kiếm), một mẹ có bốn con hi sinh (mẹ Trần Thị Kiến ở xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì), 50 mẹ có ba con hy sinh, 30 mẹ chỉ có hai con đã hy sinh cả, 581 mẹ có con duy nhất đã hi sinh. Hai mẹ có chồng và hai con hi sinh là mẹ Thái Thị Thịnh ở số nhà 17 phố Trương Hán Siêu, quận Hoàn Kiếm và mẹ Đỗ Thị Dạm ở phường Tân Mai, quận Hai Bà Trưng. Có hai mẹ có chồng, con và bản thân hi sinh là mẹ Ngô Thị Chi (ở thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh) và mẹ Lê Thị Nhân (ở khối 60, quận Đống Đa), bốn mẹ có con và bản thân hi sinh... Tổng số con của các mẹ hi sinh là 831.

Khi được phong tặng, người có tuổi cao nhất là mẹ Lê Thị Nuôi ở thị trấn Gia Lâm (105 tuổi - 1994), người có tuổi thấp nhất là mẹ Nguyễn Kim Loan ở nhà B12, phường Phương Mai, quận Đống Đa (57 tuổi - 1996).

Những “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” của Việt Nam, của Thủ đô thời chống Pháp, chống Mỹ xâm lược và của ngàn năm trước, thời chống Tống, Nguyên, Minh, Thanh đã góp phần làm nên một Việt Nam, một Thăng Long - Hà Nội anh hùng.

Câu hỏi 1000: Cần bao nhiêu câu hỏi về 990 năm rồi 1000 năm Thăng Long - Hà Nội?

Trả lời: Người xưa đứng trước Hồ Gươm từng cất lên câu “Hỏi ai gây dựng nên non nước này?”.

Hôm nay, dẫu chỉ một nhánh lá khô vàng trong chóm heo may lòng cũng rung rung “có phải em là mùa thu Hà Nội?”, dẫu giữa lòng thành phố, đi giữa mọi người mà “lòng như thăm hỏi tôi đang nhớ ai?”.

990 năm rồi 1000 năm, với từng ấy mùa thu, với biết bao cảnh sắc, sự kiện, con người... Một ngàn câu hay hơn một ngàn câu hỏi vẫn chưa đủ trả lời trọn vẹn được những gì thuộc đất kinh kỳ ngàn năm văn vật đang trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nhưng nếu chỉ một câu hỏi thì “Thăng Long - Hà Nội” - mảnh đất thiêng, lắng hồn núi sông ngàn năm, toả sáng suốt dặm dài tháng năm, đất nước đã trọn một lời giải đáp. Với Thăng Long - Hà Nội, tình yêu, sự hiểu biết, gắn bó, tự hào để khám phá, sáng tạo là của cả nước, của mọi người Việt Nam, và của cả những người bạn khắp năm châu.

Bởi thế, bao nhiêu câu hỏi và bấy nhiêu câu trả lời vẫn là tùy ở sự cảm suy và khám phá của các bạn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1994.
2. Nguyễn Quang Ân: *Việt Nam những thay đổi địa danh và địa giới các đơn vị hành chính 1945 - 1997*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1997.
3. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (sơ thảo), Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hà Nội (1926 - 1954)*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, 1989.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Nội (1945 - 1975)*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1995.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ quận Hoàn Kiếm: *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân quận Hoàn Kiếm*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2000.
7. Phan Trọng Báu: *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.
8. Nguyễn Bắc: *Hà Nội từ điển*, Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội, Hà Nội, 1990.

9. Vũ Bằng: *Miếng ngon Hà Nội*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990

10. Vũ Bằng: *Thương nhớ mười hai*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1993

11. Trần Văn Bích (chủ biên): *Văn hoá Thăng Long - Hà Nội: Hội tụ và tỏa sáng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000.

12. Công an thành phố Hà Nội: *Công an Thủ đô những chặng đường lịch sử* (tập II, 1954 - 1975), Công an thành phố Hà Nội, Hà Nội, 1995.

13. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên): *Gương mặt văn học Thăng Long, trung tâm hoạt động văn hoá khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám*, Hà Nội, 1994.

14. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí* (4 tập), Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960 - 1961.

15. Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội: *Ngày này năm xưa*, Nxb. Lao Động. Hà Nội. 1998.

16. Nguyễn Khắc Đạm: *Thành lũy phố phường và con người Hà Nội trong lịch sử*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1999.

17. Lê Quý Đôn *Toàn tập* (tập III), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.

18. Trần Văn Giáp, *Lược truyện các tác gia Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tập I - 1967, tập II - 1972.

19. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1977.

20. Võ Nguyên Giáp, *Chiến đấu trong vòng vây*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.

21. Võ Nguyên Giáp, *Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

22. Lê Mậu Hãn, Nguyễn Văn Thư: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946 - 1960)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

23. Lê Mậu Hãn (chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam* (tập III), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.

24. Lê Mậu Hãn (chủ biên): *Đảng Cộng sản Việt Nam - các Đại hội và Hội nghị Trung ương*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

25. Lê Mậu Hãn: *Các cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

26. Lê Mậu Hãn: *Các Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

27. Đỗ Đức Hiếu (chủ biên): *Từ điển văn học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tập I - 1983, tập II - 1984.

28. Đặng Thái Hoàng: *Kiến trúc Hà Nội thế kỷ XIX - XX*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội, 1985.

29. Phạm Đình Hổ, Nguyễn Ân: *Tang thương ngẫu lục*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960.

30. Phạm Đình Hổ: *Vũ trung tùy bút*, Nxb. Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
31. Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội: *Tìm hiểu di sản văn hoá dân gian Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1994.
32. Hội Văn nghệ Hà Nội: *Ca dao ngạn ngữ Hà Nội*, Hà Nội, tập I - 1971, tập II - 1981.
33. Nguyễn Thừa Hỷ: *Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XVII - XVIII*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1993.
34. Đinh Gia Khánh (chủ biên): *Địa chí văn hoá dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1991.
35. Thạch Lam: *Hà Nội 36 phố phường*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1996.
36. Ngô Cao Lãng: *Lịch triều tạp kỷ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995.
37. Đinh Xuân Lâm (chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.
38. Phan Huy Lê, Vương Hoàng Tuyên, Chu Thiên, Đinh Xuân Lâm: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập III, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1965.
39. Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn: *Khởi nghĩa Lam Sơn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.

40. Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh: *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1983.

41. Phan Huy Lê: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1960.

42. Phan Huy Lê: *Tìm về cội nguồn*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tập I - 1998, tập II - 1999.

43. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư* (4 tập), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967 - 1968.

44. Trần Huy Liệu: *Lịch sử Thủ đô Hà Nội*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960.

45. Nguyễn Thế Long: *Chùa Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1997.

46. Nguyễn Thế Long: *Đình và đền Hà Nội*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1998.

47. Trần Nghĩa, Fr. Gros (đồng chủ biên): *Di sản Hán - Nôm Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.

48. Hữu Ngọc (chủ biên): *Từ điển văn hoá cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1995.

49. Ngô gia văn phái: *Hoàng Lê nhất thống chí*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tập I - 1984, tập II - 1976.

50. Nhiều tác giả: *Danh nhân Hà Nội*, Nxb. Hội văn nghệ, Hà Nội, tập I - 1973, tập II - 1976.

51. Nhiều tác giả: *Vùng ven sông Nhị*, Hà Nội, 1979.

52. Nhiều tác giả: *Hà Nội, Thủ đô nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984.

53. Nhiều tác giả: *Từ điển di tích văn hoá Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1993.

54. Đỗ Văn Ninh: *Quốc Tử Giám trí tuệ Việt*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1999.

55. Nguyễn Vinh Phúc, Trần Huy Bá: *Đường phố Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1979.

56. Nguyễn Vinh Phúc, Trần Lê Văn: *Hà Nội - con đường, dòng sông và lịch sử*, Nxb. Giao thông vận tải, Hà Nội, 1984.

57. Nguyễn Vinh Phúc: *Hà Nội qua những năm tháng*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1994.

58. Giang Quân: *Hà Nội phố phường*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1999.

59. Dương Trung Quốc: *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tập III - 1988, tập IV - 1989.

60. Dương Kinh Quốc: *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858 - 1917)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.

61. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, tập III, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1992.

62. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.

63. Trương Hữu Quýnh (chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam* (tập I), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.

64. Băng Sơn: *Đường vào Hà Nội*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1997.

65. Băng Sơn: *Những nẻo đường Hà Nội*, Nxb. Giao thông vận tải, Hà Nội, 1998.

66. Hà Văn Tấn (chủ biên): *Văn hoá Đông Sơn ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.

67. Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm: *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông ở thế kỷ XIII*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1968.

68. *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981.

69. Thành uỷ Hà Nội: *Cuộc vận động Cách mạng tháng Tám ở Hà Nội*, Hà Nội, 1975.

70. Thành uỷ Hà Nội: *Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở Hà Nội*, Hà Nội, 1980.

71. Thành uỷ Hà Nội: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Thủ đô Hà Nội* (biên niên sự kiện 1945 - 1969).

72. Lê Bá Thảo: *Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lý*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1998.

73. *Thiên uyển tập anh*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990.

74. Doãn Kế Thiện: *Hà Nội cũ*, Hà Nội, 1943.

75. Doãn Kế Thiện: *Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội*, Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1959.

76. Bùi Thiết: *Từ điển Hà Nội địa danh*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1993.

77. Đỗ Thịnh: *Địa chí vùng ven Thăng Long*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2000.

78. Ngô Đức Thọ (chủ biên): *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075 - 1919)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1993.

79. *Thơ văn Lý - Trần*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tập I - 1977, tập II - 1988, tập III - 1978.

80. Thủ đô Hà Nội: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1986.

81. Thủ đô Hà Nội: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1991.

82. Hoàng Đạo Thuý: *Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội*, Hà Nội 1971.

83. Hoàng Đạo Thuý: *Phố phường Hà Nội xưa*, Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội, Hà Nội, 1974.
84. Hoàng Đạo Thuý: *Người và cảnh Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, 1982.
85. Hoàng Đạo Thuý: *Hà Nội thanh lịch*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1996.
86. Lê Thuốc: *Lược sử tên phố Hà Nội*, Hà Nội, 1964.
87. Trần Mạnh Thường (chủ biên): *Đình chùa làng tám nổi tiếng Việt Nam*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1998.
88. Trịnh Cao Tường chủ biên, *Hà Nội thời đại đồ đồng và sắt sớm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
89. Lê Hữu Trác: *Nữ công thắng lãm (bản dịch)*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1971.
90. Lê Hữu Trác: *Ký sự lên kinh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.
91. Lưu Minh Trị - Hoàng Tùng (đồng chủ biên): *Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.
92. Nguyễn Văn Uẩn: *Hà Nội nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb. Hà Nội, 1995.
93. Ủy ban Khoa học xã hội: *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tập I - 1970, tập II - 1985.

94. *Văn bia Văn Miếu*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1993.
95. *Văn hoá ẩm thực Hà Nội*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1999.
96. Văn phòng Quốc hội: *Quốc dân Đại hội Tân Trào*, Hà Nội, 1995.
97. Trần Trung Viên (sưu tập): *Văn đàn bảo giám*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1998.
98. Viện Lịch sử quân sự: *Quang Trung - Nguyễn Huệ với chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa*, Hà Nội, 1992.
99. Viện Lịch sử quân sự: *Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, 2, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994.
100. Viện Lịch sử quân sự: *50 năm quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân Việt Nam, Hà Nội, 1995.
101. Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
102. Viện Sử học: *Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam (từ đầu đến thế kỷ XIX)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979.
103. Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1960.

104. Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán: *Hà Nội nghìn xưa*, Sở Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1975.

105. Lê Trung Vũ: *Lễ hội Thăng Long*, Nxb. Hà Nội, 1998.

106. Bùi Văn Vượng: *Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1998.

107. Lý Tế Xuyên: *Việt điện u linh* (bản dịch), Nxb. Văn học, Hà Nội, 1992.

108. Một số tạp chí: *Nghiên cứu lịch sử*, tạp chí *Hán Nôm*, *Văn hoá dân gian*, tạp chí *Văn học*, tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*...

MỤC LỤC

<i>Lời tác giả</i>	5
VIII- Hà Nội từ sau cách mạng tháng Tám đến nay	9
IX- Ăn mặc, ở, đi lại	97
X- Phố, phường	128
XI- Khéo tay, hay nghề, đất lề Kẻ Chợ	154
XII- Tín ngưỡng, phong tục, lễ hội	178
XIII- Di tích - Danh thắng	232
XIV- Giáo dục - đào tạo	269
XV- Văn học, nghệ thuật	295
XVI- Người Thăng Long - Hà Nội	334
Tài liệu tham khảo	360

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Số 4 - Tống Duy Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại (043): 8252916; 8286766. Fax: (043) 9289143

E-mail: nhaxuatbanhanoi@hn.vnn.vn

PGS.TSKH. NGUYỄN HẢI KẾ

(chủ biên)

1.000

**CÂU HỎI - ĐÁP VỀ
THĂNG LONG - HÀ NỘI
(Tập 2)**

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập: B&B và TRỊNH MINH TUẤN

Bìa: NS ĐỒNG ĐA

Kỹ thuật vi tính: THÙY TRIỀU

Sửa bản in: B&B và TRỊNH MINH TUẤN

In 1.000 cuốn, khổ 13,5 x 20,5cm tại Công ty in Anh Đức.
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 361-2009/CXB/86VHXH-
31/HN. In xong và nộp lưu chiểu quý 2/2009.

1000

CÂU HỎI ĐÁP VỀ

THĂNG LONG

HÀ NỘI



Công ty TNHH sách Phương Nam
940 Đường Ba Tháng Hai, phường 15, quận 11, TP. HCM
ĐT: (08) 38663447 - 39616759 - Fax: (84.8) 38663449
Website: www.phuongnamvh.com

Tổng phát hành tại:
Nhà sách Đồng Đa - 834 Đường Láng - Hà Nội
Tel: 04.37752939 - Fax: 04.37755723
Email: sachdongda@gmail.com

1000 câu hỏi - đáp về Thăng Long - Hà Nội



Giá: 48.000 VNĐ